NĂM THỨ TÁM • #99 • JULY 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

MÙA XUÂN NGHE TIẾNG CHIM

VÕ HỒNG

DI CHÚC VỀ TÂM TỪ BI CỦA LEV TOLSTOI

THIỆN XUÂN INNA MALKHANOVA

THIẾP BẠC MỆNH

TUYÊN ĐỈNH PHẠM XUÂN HY *dịch*

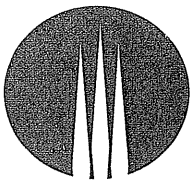

VNCR
VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO
106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần
từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5am đến 7am
Buổi chiều: 12pm đến 4pm

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

LỄ VU LAN ! MÙA BÁO HIẾU ! LỄ VU LAN ! MÙA BÁO HIẾU !

Cuộc cách mạng trong thế giới Video Việt Nam.
Thúy Nga xin trân trọng giới thiệu cuốn Video vĩ đại
Thi Ca, Văn Chương, Âm Nhạc Giao Duyên.

180 PHÚT THIÊNG LIÊNG HƯỚNG VỀ

Mẹ

PARIS BY NIGHT 40

Ai cũng cần
có một bà mẹ

Do đó, ai cũng cần
có bộ ***Video Mẹ***

Một kiệt tác phẩm huy hoàng và cảm động tràn trề nước mắt.
Một video của những người yêu Mẹ, quý Mẹ, nhớ Mẹ
Phỏng vấn đặc biệt **Thiền Sư Thích Nhất Hạnh,**
do **Nhà Văn Nguyễn Ngọc Ngạn.**

Nếu chữ Hy sinh có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng Bà Mẹ Việt Nam tươi (Hồ Dzếnh)

1001 hình ảnh và tư tưởng Mẹ của các nhà văn, thi sĩ :
Thích Nhất Hạnh, Duyên Anh, Bùi Vĩnh Phúc, Đỗ Quí Toàn, Du Tử Lê, Hà Huyền chi, Kiên Giang, Lâm Hảo Dũng, Minh Đức Hoài Trinh, Nhã Ca, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Ngọc Danh, Nguyễn Hữu Nhật, Phạm Long, Phan Ni Tấn, Thái Thủy, Trần Mộng Tú, Vi Khuê, Võ Đại Tôn ...

Mười sáu ca sĩ trứ danh như chim con ríu rít ca ngợi Mẹ Việt Nam:
Khánh Ly, Ái Vân, Hoạ Mi, Như Quỳnh, Hương Lan, Thanh Lan, Mỹ Huyền, Thái Hiền, Thanh Hà, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thái Châu, Nguyễn Hưng, Don Hồ, Thế Sơn, Hoài Nam.

Giá $28 1/Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**
MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave. D' Ivry - 75013 - Paris France - Tel. 01.45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd.- Bankstown - N.S.W. 2200 - Australia - Tel. (02) 796-7227

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ *1 năm / 1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ *1 năm / 1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

ĐÊM HỌP MẶT THẾ-KỶ 21

KỶ-NIỆM TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21 NĂM THỨ 9

KÍNH GỬI QUÍ ĐỘC-GIẢ, THÂN-HỮU, CỘNG TÁC VIÊN TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21

Chúng tôi thân ái mời *Quí Vị Độc-giả, Thân hữu, Cộng tác viên* đến tham dự *ĐÊM HỌP MẶT Thế-Kỷ 21* nhân dịp mừng Tạp-Chí Thế-Kỷ 21 lên 9 tuổi sẽ được tổ-chức vào *TỐI CHỦ NHẬT 12 THÁNG 10, 1997* tại Little Saigon Nam California .

Trong nỗ-lực tạo nhịp cầu đối-thoại giữa người đọc người viết và tạo một *Diễn đàn* toàn cầu đóng góp vào việc phát-huy *Nhân Quyền, Tự Do, Dân Chủ cho nước Việt-Nam* qua các bài viết về chính-trị, văn-hóa, lịch-sử, Tạp-chí Thế-kỷ 21 đã được Quí Vị

SAU CHÍN NĂM MIỆT MÀI GẮN BÓ BẠN ĐỌC NGƯỜI VIẾT THẾ-KỶ 21 ĐÃ HOÀN THÀNH SỐ BÁO MỘT TRĂM

NAY ĐẾN LÚC NGỒI LẠI

CÙNG NHẮM VIỄN TƯỢNG: MỘT VIỆT NAM DÂN CHỦ TỰ DO.

LÊ THỤY VI. LÊ TUẤN. LÊ TUẤN HÙNG. LÊ VĂN HẢO. LƯƠNG NHÚT NƯƠNG. LƯU HY LẠC. LƯU NGUYỄN. LƯU NBABUI.BÀNGVŨ.BANCỐ.BEKYBÍCH HUYỀN. BÍCH XUÂN. BỬUSAO. BRUCE WEIGL. BÙI BẢO TRÚC. BÙI BÍCHHÀ.BÙIDIỄM. BÙI HUỆ THU.BÙI ĐÔNG TRIỀU. BÙI TRỌNG CƯỜNG. BÙI VĂN PHÚ. BÙI XUÂN QUANG. CAM VŨ. CAO DAO. CAO HOÀNG. CAO TIÊU. CAO XUÂN HUY. CAO XUÂN TỬ. CHÂU VĂN. CHU VIỆT. CỔ NGƯ. CUNG TIẾN. D.Đ.H..DANCHI NGUYỄN. DIỄM CHÂU. DƯƠNG KIỀN. DƯƠNG NHƯ NGUYỆN. DƯƠNG THÀNH VŨ. DƯƠNG THU HƯƠNG. DU LI. DU TỬ LÊ. DUY LAM. ĐẶNG HIỂN. ĐẶNG PHÙNG QUÂN. ĐẶNG QUANG KHANG. ĐẠI LỘC. ĐÀM TRUNG PHÁP. ĐÀO TRUNG ĐẠO.ĐINH CƯỜNG. ĐINH PHỤNG TIẾN. ĐINH QUAN ANH THÁI. ĐINH X. QUÂN. ĐỖ KH. ĐỖ LANG. ĐỖ NGỌC YẾN. ĐỖ QUÁN ANH. ĐỖ QUYÊN. ĐỖ TỈNH. ĐỖ THI KÊNH G. ĐỖ THÔNG MINH. ĐỘC THƯ. ĐOÀN XUÂN KIÊN. ĐỊNH NGUYÊN. ERICA JONG. GIANG HỮU TUYÊN. GÚC. HẠNH ĐỨC. HẠO NHIÊN. HÀ DƯƠNG DỰC. HÀ QUÂN. HÀ QUANG XƯƠNG. HÀ SĨ PHU. HÀ THÚC SINH. HÀ TƯỜNG CÁT. HÀ TRUNG. HẢI VÂN. HIẾU. HIẾU ĐỆ. HO. HỒ MINH DŨNG. HỒ ĐẮC VŨ. HỒ ĐÌNH NGHIÊM. HỒ THÀNH ĐỨC. HỒ TRƯỜNG AN. HOÀI VŨ. HOÀNG CẦM. HOÀNG CHIỀU NHÂN. HOÀNG CHÍNH.HOANG HOA KHÔI. HOÀNG KHỞI PHONG. HOÀNG LINH. *HOÀNG MAI ĐẠT. HOÀNG ĐẠO THẾ KIỆT. HOÀNG NHA TRANG. HOÀNG THỊ BÍCH NGA. HOÀNG TIẾN BẢO. HOÀNG TỪ DƯƠNG. HOÀNG XUÂN SƠN. HÒA BANG NGẠCH. HỨA TRÚC. HUỆ THU. HUY PHƯƠNG. HUY TRÂM. HUỲNH HỮU ỦY. HUỲNH HÙNG. HUỲNH LIÊU NGẠN. JO TIEN. JOHN K. WHITMORE. KHÁNH TRƯỜNG. KHOA HỮU. KIỆT TẤN. KÙM. LÂM LỄ TRINH. LẠI MẠNH CƯỜNG. LAN ANH. LE VU. LÊ BI. LÊ HỮ DIỆU. LÊ PHƯỚC HÒA. LÊ TẤT DIỀU. LÊ TAM CA. LÊ TÀI ĐIỂN. LÊ THÀNH NHƠN. LÊ THỊ HUỆ. LÊ THGUYỄN ĐẠT. LƯU VĂN VỊNH. LUÂN HOÁN. LÝ KIẾN TRÚC. LÝ MINH HÀO. LÝ VŨ. MAI KIM NGỌC. MAI THÁI LĨNH. MAI THẢO. MAI TRUNG TÍNH. MARCELIA H. CHOY. MINH HÂN. NATHAN CAPLAN. NGHIÊU DỀ. NGÔ CHÂU VĂN. NGÔ HUY. NGÔ NGUYÊN DŨNG. NGÔ NHÂN DỤNG. NGÔ ĐÌNH HOA. NGÔ ĐÌNH VẬN. NGÔ THẾ VINH. NGÔ VĂN NAM. NGÔ XUÂN ĐỒNG. NGÔ XUÂN TÙNG. NGỌC DŨNG. NGỌC KHÔI. NGƯỜI SIKIEW.* NGU YÊN. NGUYỄN ĐỨC SƠN. NGUYỄN ANH TUẤN. NGUYỄN ANH TUẤN. NGUYỄN BÁ TRẠC. NGUYỄN BÍCH. NGUYỄN CHÍ KHAM. NGUYỄN CHÍ THIỆN. NGUYỄN DIỄU. NGUYỄN HOÀI VÂN. NGUYỄN HOÀNG NAM. NGUYỄN HỘ. NGUYỄN HƯNG QUỐC. NGUYỄN HƯƠNG .NGUYỄN HƯƠNG. NGUYỄN HỮU. NGUYỄN HỮU CHUNG. NGUYỄN HỮU NHẬT. NGUYỄN **HUỲNH MAI.NGUYỄN K. PHONG.NGUYỄN KHANH. NGUYỄN LÊ HỒNGHƯNG NGUYỄN LONG THÀNH NAM.NGUYỄN LƯƠNG HẢO. NGUYỄN MẠNH TRINH. NGUYỄN MINH CẦN. NGUYỄN MỘNG GIÁC.NGUYỄN ĐĂNG** NGỌC. NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG. NGUYỄN ĐẠM THỦY. NGUYỄN ĐẠT. NGUYỄN NAM ANH. NGUYỄN NGỌC HUY. NGUYỄN NGỌC BÍCH. NGUYỄN NGUYÊN THANH. NGUYỄN ĐÌNH HÀ. NGUYỄN ĐÌNH HÒA. NGUYỄN ĐỒNG. NGUYỄN ĐỨC LẬP. NGUYỄN PHAN CẢNH. NGUYỄN PHONG. NGUYỄN SA. NGUYỄN TẤN HƯNG. NGUYỄN TẤT NHIÊN. NGUYỄN THANH GIANG. NGUYỄN THANH THU. NGUYỄN THIỆU NHÂN. NGUYỄN THI BĂNG LINH. NGUYỄN THI CHÂN QUỲNH. NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC.NGUYỄN THỊ HỢP. NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN. NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG. NGUYỄN THỊ THANH BÌNH.NGUYỄN THUYẾT PHONG. NGUYỄN TƯỜNG PHONG. NGUYỄN TRỌNG KHÔI. NGUYỄN TUYỂN. NGUYỄN VĂN BA. NGUYỄN VĂN HÁN. NGUYỄN VĂN SÂM. NGUYỄN VŨ. NGUYỄN XUÂN HOÀNG. NGUYỄN XUÂN NGHĨA. NGUYỄN Ý THUẦN. NGUYỄN LƯƠNG TUYÊN. SOPHIE QUINN JUDGE. STEPHEN BROOKES. STEPHEN DENNY. SUZIE VƯƠNG. TÂM QUYÊN. TÂN ANH. TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG. TẠ THÁI. TẠ TỴ. TAM TRƯƠNG. THẠCH ANH. THANG MA. THANH DIỄM. THANH NGUYỄN. THÀNH TÍN . THÁI BẰNG. THÁI BÌNH. THÁINHẤT TUẤN. NHẤT UYÊN. NHÃ CA.ÔNG TIẾN HƯNG.PAMELA NGUYỄN. PAUL EHRLICH. PHẠM CAO DAO. PHẠM CAO DƯƠNG.PHẠM CHU. PHẠM CÔNG THIỆN. PHẠM DUY. PHẠM HỒNG KHÔI. *PHẠM HUY SÁNH. PHẠM KIM KHÔI. PHẠM NGỌC CHÁNH. PHẠM NGỌC KHÔI. PHẠM PHẬT LÃNG. PHẠM THỊ XUÂN ANH. PHẠM THỊ XUÂN HƯƠNG. PHẠM TRẦN. PHẠM TRỌNG CHÁNH. PHẠM VĂN HẢI. PHẠM VĂN LƯU. PHẠM VIỆT CƯỜNG. PHẠM XUÂN HY. PHẠM XUÂN ĐÀI. PHẠM XUÂN TÍCH. PHẠM PHAN LONG. PHAN LẠC TIẾP. PHAN LANG. PHAN MỸ SƯƠNG. PHAN N. HUYỀN. PHAN NGUYÊN. PHAN NHẬT NAM.*PHAN NHƯ HUYỀN. PHAN QUỐC SƠN. PHAN SINH. PHAN TAI PHU. PHAN VĂN HUẤN. PHAN *YẾN VÂN. PHILLIP HÙNG PEASE. PHỐ THỊ NGỌC NI. PHƯƠNG TRIỀU. PHÙNG NGUYỄN. PHÙNG QUÁN. QUÂN TỬ. QUI PHIET TRAN. QUỲNH GIAO. RICHARD LEDERER. RUTH TALOVICH. SEAN FRENCH. SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH. HÀ. THÁI NGỌC SƠN. THÁI TUẤN. THÁI VIỆT. THẾ GIANG. THẾ UYÊN. THIỆN HỶ. THƯỜNG QUÁN. THỤY KHUÊ. TIỂU LINH. TIỂU UYÊN. TÔ THÙY YÊN. TÔN THẤT THIỆN. TÔN THẤT TIẾT. TƯỜNG LAM. TRẦN CÔNG SUNG. TRẦN DẠ TỪ. TRẦN DIỆU HẰNG. TRẦN DOÃN NHO. TRẦN HỒNG CHÂU. TRẦN KIM ANH. TRẦN LONG HỒ. TRẦN MỘNG TÚ. TRẦN NGỌC. TRẦN NGỌC TUẤN. TRẦN NGỌC TUÂN. TRẦN ĐỨC THẢO. TRẦN PHỤC KHẮC. TRẦN*

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

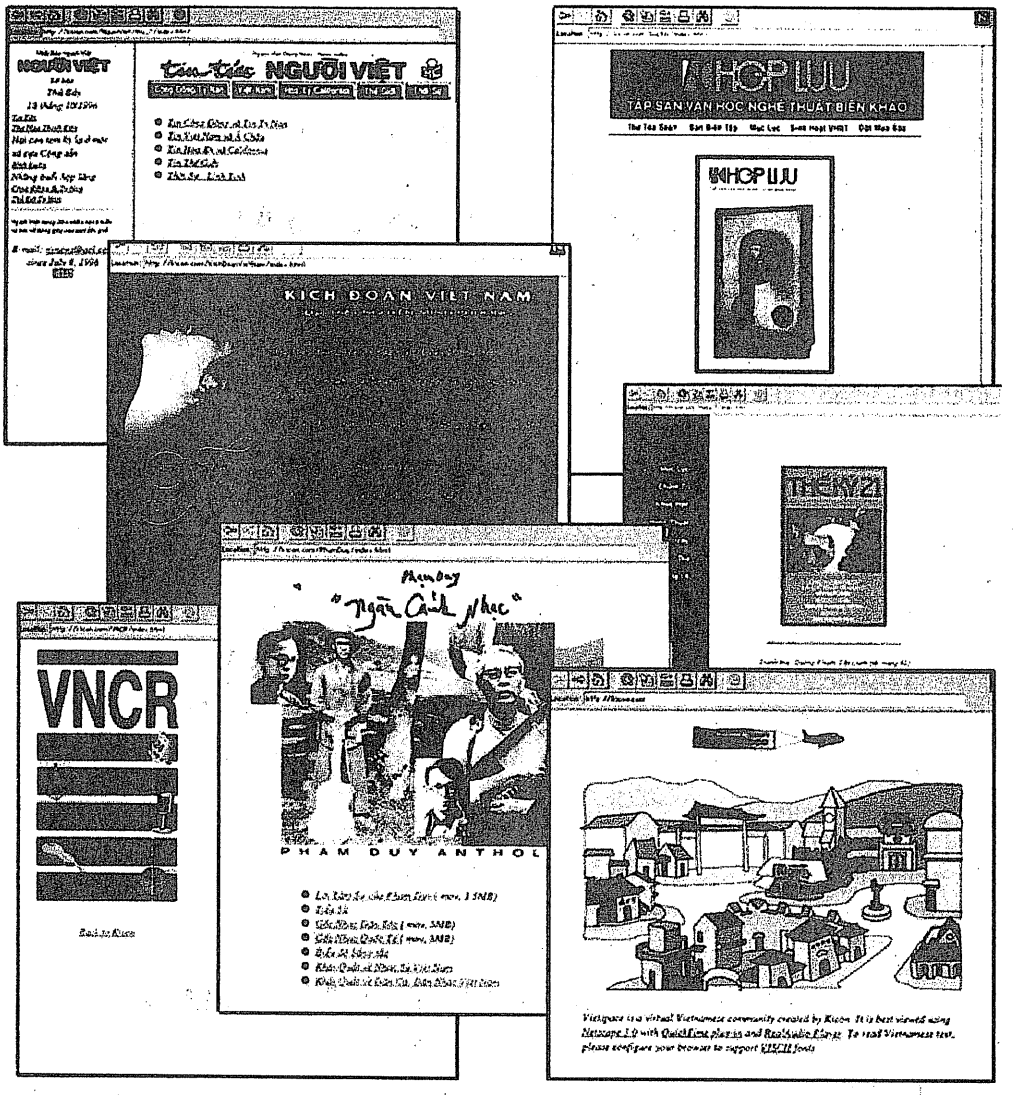

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

◻ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

◻ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

◻ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

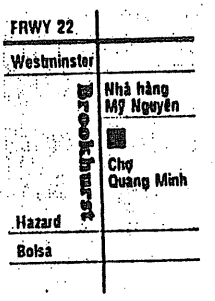

Trong khu Chợ Quang Minh

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

ĐÊM HỌP MẶT THẾ-KỶ 21

KỶ-NIỆM TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21 NĂM THỨ 9

KÍNH GỬI QUÍ ĐỘC-GIẢ, THÂN-HỮU, CỘNG TÁC VIÊN TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21

Chúng tôi thân ái mời *Quí Vị Độc-giả, Thân hữu, Cộng tác viên* đến tham dự *ĐÊM HỌP MẶT Thế-Kỷ 21* nhân dịp mừng Tạp-Chí Thế-Kỷ 21 lên 9 tuổi sẽ được tổ-chức vào *TỐI CHỦ NHẬT 12 THÁNG 10, 1997* tại Little Saigon Nam California .

Trong nỗ-lực tạo nhịp cầu đối-thoại giữa người đọc người viết và tạo một *Diễn đàn* toàn cầu đóng góp vào việc phát-huy *Nhân Quyền, Tự Do, Dân Chủ cho nước Việt-Nam* qua các bài viết về chính-trị, văn-hóa, lịch-sử, Tạp-chí Thế-kỷ 21 đã được Quí Vị trong ngoài nước khuyến khích, cộng-tác và ủng-hộ nhiều mặt. Dịp họp mặt kỷ-niệm này tạo cho chúng tôi cơ hội để tỏ lòng tri-ân sâu xa tất cả Quí Vị. Vì vậy Thế-Kỷ 21 hy vọng sẽ có rất nhiều Quí Vị Độc-Giả, Thân Hữu và Cộng Tác Viên từ khắp nơi về chung vui trong dịp này.

Nhân dịp này, với sự bảo-trợ của Nhật Báo Người Việt, Thế-Kỷ 21 có tổ-chức một buổi Hội-luận qua Internet với đề-tài TRUYỀN THÔNG VÀ DÂN CHỦ theo phương-pháp Video Group Conferencing vào *SÁNG CHỦ NHẬT 5 THÁNG 10 TỪ 8:00-10:00 AM (GIỜ CALIFORNIA)* .

Hội-luận trên Internet, không theo phương-pháp bút đàm, qua chat room hay whiteboard, mà dùng phương-pháp VIDEO GROUP CONFERENCING VỚI THAM DỰ CỦA NHIỀU NGƯỜI, Ở NHIỀU NƠI KHÁC NHAU LÀ MỘT PHƯƠNG-PHÁP RẤT MỚI. Vì vậy Thế-Kỷ 21 xin nhờ đến sự tiếp tay của tất cả Quí Vị đang xử dụng Internet có biết về kỹ-thuật này giúp đỡ cho Ban tổ-chức TIẾN-HÀNH việc nghiên-cứu và thiết-lập 1 đường giây Internet ở mỗi địa-phương có người tham-dự hội-luận. Chúng tôi hy-vọng các chi-tiết về kỹ-thuật sẽ được trao đổi, thông-báo đầy đủ trong tháng 7/97 để kịp thời đi vào trắc-nghiệm TRONG THÁNG 8-9/1997 hầu BẢO ĐẢM CHO BUỔI HỘI-LUẬN ĐƯỢC TIẾN HÀNH SUÔNG SẺ VÀ TỐT ĐẸP. Xin Quí Vị liên-lạc về Anh Hoàng Ngọc Tuệ ở E-Mail : TUE0573@aol.com hoặc Anh Nguyễn Thiện Cơ E-Mail: nvnews@aol.com để phối-hợp.

Ngoài ra trong tháng 8/97 Thế-Kỷ 21 cũng sẽ tổ-chức Lễ Tưởng niệm Nhà Văn Khái Hưng bị Cộng Sản thảm sát năm 1947. Thế-Kỷ rất mong đón nhận được nhiều bài vở của Quí Vị để chúng ta có một số báo đặc biệt phát-hành sau Lễ Tưởng niệm này.

Nếu Quí Vị không nhận kịp thư mời riêng hoặc cần thêm chi-tiết xin Quý Vị liên-lạc về điện-thoại (714)534-9430 hoặc (714) 638-9510 Fax: (714) 638-1944 E-Mail: theky@kicon.com Thân ái chào Quí Vị và hẹn gặp Quí Vị trong Đêm Họp Mặt Thế-Kỷ 21 tối ngày Chủ nhật 12 tháng 10-1997.

Thân ái kính mời
TM TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21:
Đỗ Ngọc Yến. Lê Đình Điểu.
Phạm Phú Minh. Vương Hữu Bột. Hoàng Ngọc Tuệ.

Tranh bìa: Mother's Love của **Suzie Vương**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Ảnh: **Lê Tam Ca, Trần Đại Lộc, Nhật Ngân, Anh Thành, Mai Năng Quân**

MỤC LỤC

Số 99 . Tháng Bảy 1997

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

13 Mười hiểu lầm trong mười năm đổi mới - **Nguyễn Văn Hán**
19 Tuyên ngôn dân quyền cho Việt Nam - **Nhuệ Hồng**
22 Hãy chấm dứt vụ Thiên An Môn bằng công lý - **Sài Linh - Nguyễn Bằng** dịch
57 Ngân hàng lúng túng làm doanh nghiệp trì trệ - **Ngô Nhân Dụng**

KHOA HỌC - KHẢO CỔ

44 Trò chuyện với bác sĩ Đinh Xuân Anh Tuấn - **Thế Kỷ 21**
47 Mưa tuyết không gian - **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**
100 Cuộc khai quật ở Mã Vương Đôi - **Nguyễn Đại Bằng**

ĐỜI SỐNG - VĂN HÓA

24 Di chúc về nếp sống tâm linh của Lev Tolstoi - **Thiện Xuân Inna Malkhanova**
29 Tôi yêu tiếng nước tôi - **Bửu Sao**
52 Sách ở nước Mỹ - **Trần Quán Niệm**

VĂN HỌC

31 Kỷ nguyên, Thời đại, Thế kỷ, Thiên niên kỷ... - **Phụng Nghi**
37 Đánh giá Đêm Giữa Ban Ngày - **Võ Quang**
55 Trần Thị Diệu Tâm và tập truyện Rong Biển - **Từ Nguyên** phỏng vấn
67 Thi sĩ đạo sĩ, thi sĩ tiên tri, thi sĩ chiến sĩ (tiếp theo) - **Đào Mộng Nam**
Nhà văn Võ Hồng trả lời phỏng vấn - Cánh Én

TIẾNG VỌNG

40 Co cãi loanh quanh và bạo hành bằng lời nói - **Trần Thanh Hiệp**
98 Đông Tây bất hợp - **Tôn Thất Phu**

VĂN

33 Đi Tây - **Phạm Xuân Đài**
71 Gió nghiệp - **Hoài Cẩm Lê Văn Hưng**
75 Thiếp bạc mệnh - **Tuyên Đỉnh - Phạm Xuân Hy** dịch
80 Tàn phai - **Quế Chi**
81 Tiếng khóc - **Khuyết Danh Thị Ngh.**
83 Đồng bằng Cửu Long, một chuyến về thăm - **Hướng Dương**
87 Mùa xuân nghe tiếng chim - **Võ Hồng**
91 Tình tan vỡ - **Thanh Trúc**
94 Bạch Ngọc - **Trần Công Sung**

THƠ

51. Barbara, trời mưa trên môi tả ngạn - **Trần Hồng Châu. 54.** Một chút - **Minh Hân**, Đỗ Phủ, Ý nghĩ rời rạc - **Phan Nhật Nam. 60. Lập thể - Cố Ngư. 85.** Không đề cho bướm cái - **Huỳnh Mạnh Tiên. 99.** Trăng - Ngôi nhà cũ - **Cao Thị Nguyệt Lãng**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Tòa soạn - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
61 Sổ tay
104 Vòng chân trời Văn học Nghệ thuật - **Lê Tam Ca**
108 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Hội Đồng Quản Trị:

Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

BÀI HỌC Ở HỒNG KÔNG

Trung Quốc đang xin gia nhập Tổ chức Mậu dịch thế giới (WTO) mà Hồng Kông vẫn là một thành viên từ lâu. WTO là một thứ "câu lạc bộ" giữa các nước đồng ý qui tắc "mậu dịch tự do," họ tự nguyện tuân theo các luật lệ chung nhằm bảo vệ cho hàng hóa, nhân lực, và vốn liếng được lưu động giữa các quốc gia. Hồng Kông là thí dụ điển hình về lợi ích của tự do mậu dịch. Trên một mảnh đất không có chút tài nguyên, sáu triệu con người đã tạo nên Tổng sản lượng quốc nội (GDP) bằng 22% của cả Trung Quốc; với lợi tức đầu người cao hơn dân Canada. Nền hành chánh và tư pháp của Hồng Kông cũng có các viên chức thanh liêm nhất Á châu.

Trước đây 155 năm Hồng Kông đã bị Anh chiếm cũng vì chuyện mậu dịch và cán cân chi phó! Khi người Anh nhập cảng trà, lụa, đồ sứ từ Trung Hoa, hàng trăm triệu lạng bạc chuyển từ Âu sang Á, từ triều Càn Long qua Gia Khánh. Đến thời Đạo Quang, Công ty Đông Ấn đã tìm ra một món hàng bán sang Tàu để thu bạc về, đó là thuốc phiện mà họ độc quyền thu mua từ Ấn Độ.

Khâm Sai Lâm Tắc Từ, Tiến sĩ, Hàn Lâm Thị độc, đã dùng tài văn chương viết thư kêu gọi Nữ Hoàng Victoria ngăn cản các con buôn: "Hoàng thượng vẫn ngăn cấm thần dân của Ngài, không cho họ hút á phiện,.." Nhưng lúc đó ở nước Anh không cấm thuốc phiện, nhiều nhân vật nổi tiếng vẫn hút (như thi sĩ Coleridge.) Thế lực của con buôn mạnh hơn ngòi bút của vị Tổng đốc Lưỡng Quảng. Năm 1839 Lâm Tắc Từ đổ hơn triệu rưỡi ký thuốc phiện xuống biển. Khi Chiến tranh Nha phiến chấm dứt, Hòa ước Nam Kinh 1842 đòi Trung Quốc mở các cửa khẩu cho người ngoại quốc vào buôn bán, và nhượng chủ quyền vĩnh viễn "hòn đảo hoang không một mái nhà" tên là Hương Cảng cho "Nữ hoàng Victoria và các người thừa kế." Năm 1898, dưới áp lực của súng đạn, khu Lãnh Thổ Mới (New Territories) được ký thuê trong thời hạn 99 năm.

Năm 1874 Tổng Đốc Hà Nội Nguyễn Tri Phương cũng phải trả lời Jean Dupuis về yêu sách cho chuyên chở hàng hóa trên sông Hồng, cụ không hề biết đến lý thuyết về mậu dịch tự do. Nguyễn Tri Phương không biết con buôn Đỗ Phổ Nghĩa này đại diện cho một "đạo quân tiền phong của lịch sử," đang đưa nền kinh tế tư bản Âu châu chuyển sang giai đoạn đế quốc, như Lê Nin phân tích sau này. Các nạn nhân của bánh xe lịch sử, như dân tộc ta và láng giềng phương bắc chỉ nhớ một thứ, gọi là nhục mất nước.

Nhà chiến lược Lê Nin đã tìm ra mắt xích yếu nhất của hệ thống tư bản là các thuộc địa, phong trào cộng sản đã nhắm vào đó mà tấn công. Nhưng ông, và các người thừa kế của ông không thấy sức mạnh của hệ thống đó, là mậu dịch tự do. Quyền tư hữu, thủ tục và luật lệ phân minh khi ký hợp đồng, trao đổi tự do trong tinh thần trọng pháp, đó là sức mạnh của thị trường. Thời đại của các con buôn như Jardine và Dupuis đã chấm dứt, bây giờ là thời của NAFTA, EMU, AFTA... Đặng Tiểu Bình và Gorbachev đã nhìn ra sức mạnh của thị trường. Họ thay đổi cơ cấu để sử dụng sức mạnh đó, giống như người tìm ra một nguồn năng lượng mới. Cộng Hòa Nga và Trung Quốc đang xin gia nhập tổ chức WTO.

Cũng giống như khi xin tham dự giải bóng đá Coupe du Monde, người ta phải theo các luật lệ của trò thể thao này; muốn vào Câu lạc bộ WTO cũng phải chịu theo nhiều điều kiện. Các điều kiện cốt chứng tỏ quốc gia xin dự sẽ tôn trọng tính chất tự do trong nền kinh tế, quốc nội cũng như quốc tế. Khi các điều kiện được đưa ra, người đang xin gia nhập sẽ khó chịu. Nhiều người sẽ thấy các điều kiện đó vi phạm quyền hạn của mình. Và nhiều người sẽ cảm thấy bị ép, khó chịu không khác gì khi bị ép ký Hòa ước Nam Kinh.

Những nhà lãnh đạo ở Việt Nam có vẻ chưa được thuyết phục về ích lợi của nền kinh tế tự do. Tập quán của nền kinh tế bao cấp vẫn làm cho ngân hàng tê liệt, nông sản thu mua bị dìm giá quá thấp, giá phân bón lên xuống thất thường, mãi lực của nông dân xuống, và công nghiệp đình đốn. Cuối cùng, phải vỡ lẽ ra rằng sức mạnh kinh tế là do hàng triệu người hăng hái làm ăn sinh lợi, chứ không phải do các viên chức ngồi trong phòng gắn máy lạnh tính toán, nay ra Nghị quyết này, mai làm Công văn khác.

Đây là điều mà người dân Trung Quốc cũng sẽ học được ở Hồng Kông khi họ hướng về tương lai.

VƯƠNG HỮU BỘT

AK-47 Không Nhẹ Và Gọn

"Đoản văn của một người tử trận" của tác giả Trần Mộng Tú trên TK 21 số 98 là một bài văn tuyệt vời. Nhưng tác giả cho rằng khẩu AK-47 "nhẹ và gọn" thì không được chính xác lắm. Bởi vì khẩu AK-47 nặng hơn khẩu M-16 và băng đạn hình trái me chứa 30 viên thì không thể gọn, dễ bị vướng cây hoặc dây rừng nếu di chuyển đường rừng núi.

Đặc tính của khẩu AK-47 như sau:

- Trọng lượng: 3.1 kg
- Chiều dài: 87.6 cm
- Nòng súng: 41.2 cm
- Băng đạn: 30 viên
- Tốc độ bắn: 10 phát/giây
- Tầm đạn: 297 m

AK-47 được viết tắt từ chữ Automatic Kalashnikov chế tạo năm 1947. Hiện nay ngoài Liên Xô còn có các nước như Trung Quốc, Ai Cập cũng sản xuất loại vũ khí này. AK-47 đã trang bị cho quân đội 55 quốc gia. Đặc biệt Mozambique có in hình khẩu AK-47 trên lá cờ của nước mình. Hiện trên thế giới có khoảng gần 70 triệu khẩu AK-47.

Khi hỏi thiếu tướng Klashnikov, cha đẻ khẩu AK-47 nghĩ sao về mặt đạo đức khi chế tạo loại "yêu quái" giết người này, ông trả lời: "Chúng tôi chế tạo vũ khí để bảo vệ tổ quốc mình. Nếu như vũ khí đó không được sử dụng vì lý do chính đáng thì trách nhiệm thuộc về các chính trị gia chứ không phải người chế tạo."

Tôi chỉ xin phép thêm phần tư liệu liên quan đến khẩu AK-47 cho những bạn đọc chưa biết rõ để hiểu thêm khi đọc đoản văn tuyệt tác của văn thi sĩ Trần Mộng Tú.

Nguyễn Văn Cường *(Olsvik - Norway)*

Có Thể Có Lầm Lẫn Chăng?

Tôi đọc bài về Trần Dần của Nhất Uyên trên Thế Kỷ 21 số 97 tháng Năm 1997, có vài thắc mắc và nghi ngờ. Tôi sinh năm 1921, còn Trần Dần sinh năm 1926. Tôi học trường Thành Chung Nam Định và ra trường năm 1940, hẳn là trước Trần Dần cũng bốn, năm năm. Vậy Trần Dần đậu Thành chung Nam Định sớm lắm là năm 1944 hay 1945. Sau đó Trần Dần theo kháng chiến vào khu vào cuối năm 1946 thì tôi nghĩ ông khó mà đỗ Tú tài Pháp, thích thơ Pháp như Nhất Uyên nói. Trần Dần có thể học ở trường nào ở Bắc Việt sau năm 1946 mà đỗ Tú tài Pháp? Tôi gốc gác ở Nam Định, có học ở Hà Nội, tôi biết Trần Dần.

Tôi nghĩ đây có thể có sự lầm lẫn, xin Quý báo và nhất là tác giả Nhất Uyên xem kỹ lại tiểu sử Trần Dần và nói rõ lại, để tránh những hiểu biết không đúng về sau.

Hoàng Văn Hai *(Minneapolis, Mn)*

Tòa soạn xin kính chuyển lời yêu cầu này đến văn hữu Nhất Uyên và quý bạn đọc khác am hiểu vấn đề để nhờ xem lại.

Người Mới Đến Miền Đất Hứa

Tôi là người mới của Miền Đất Hứa, ở xa trung tâm văn hóa nghệ thuật của người Việt nên mãi mới đây may mắn được một người bạn cho mượn mấy chục số báo Thế Kỷ 21. Tuy chỉ 38 số báo (đứt quãng), tôi thấy lời khen của độc giả quả không ngoa.

Thế Kỷ 21 có một tư thế chững chạc, một nội lực thâm hậu, nhất là phong thái tĩnh tại của một hành giả thiền tông. Người điều khiển thật khéo, dung nạp được mọi phía mà không tạo ra mâu thuẫn. Không ai viện cớ để nổi sân si...

Yêu thích nhưng không có khả năng viết lách nên tôi chỉ có mỗi tấm lòng ngưỡng mộ những tài hoa của xứ sở, những người đã đem tâm hồn làm đẹp quê hương. Tôi xin phép gởi lời chúc mừng đến tất cả những cây viết của Thế Kỷ 21.

Trần Công Nhung *(California)*

Chúng tôi xin chúc mừng ông mới đến Miền Đất Hứa và xin cảm tạ những lời quá khen của ông, cũng như những tài liệu bài vở mà ông có được và muốn chia sẻ cùng Tòa soạn. Một phần đã được dùng ngay trong số này. Nếu ông giúp liên lạc được với các tác giả thì rất quý. Mong lại sớm được tin ông. Kính.

Thật Ngắn Nhưng Thật "ác"

...Nhân dịp thư này, tôi cũng xin được bày tỏ sự cảm ơn đến Thế Kỷ 21 và các anh chị trong Tòa soạn đã có những mỹ ý dành cho tôi. Trong cảm quan riêng, tôi cũng xin được bày tỏ sự mến mộ đến tác giả Miêng. Mặc dù ít khi viết, tác giả Miêng đã đến với người đọc với lối viết cũng rất... ít qua những truyện thật ngắn. Và

cũng thật "ác." (Xin hiểu chữ "ác" với nghĩa tốt).

Ngoài ra, tôi cũng gửi đến TK 21 lời than phiền là lúc gần đây, lỗi chính tả, lỗi in ấn trong TK 21 có phần "leo thang." Liệu đây có phải là cố tật không thể chữa? Tôi cũng hiểu là: *Perfection is archieved only on the point of collapse* (C.N. Parkinson). Nhưng mà nếu lỗi chính tả và lỗi in ấn trong một số báo của TK 21 "được" ở vào mức đếm trọn trong một bàn tay lành lặn, thì hẳn chắc đó cũng chưa phải là một tuyệt hảo không thể đạt đến được.

Tin T. Tran *(Sunnyvale, CA)*

Với tất cả sự cố gắng của mình, chúng tôi cũng không mong gì hơn các loại lỗi chỉ nằm trong... một bàn tay (nếu không lành lặn thì càng tốt). Xin hứa sẽ cố gắng thêm nữa, với lòng tin rằng chẳng có tật nào mà không chữa được, nhất là khi có người yêu mến, quan tâm nhắc nhở.

Niềm Vui Trong Tháng

Thế Kỷ 21 số 96 rất được. Nhưng bài "Thêm vài 'mẩu chuyện' về cuộc đời của Hồ Chí Minh," viết về một nhân vật lịch sử với những sự kiện có thật theo giọng ấy gây cảm giác không khách quan, thiếu sức thuyết phục, dù tác giả đã có lời giới hạn mục đích của mình trước. Nhưng đây cũng có thể là do tài văn của một người có thiên hướng mạnh mẽ về chính trị. Chúng tôi chỉ nêu những ý nghĩ chủ quan, không có ý phê phán.

Những trang cố định của TK 21 như Sổ Tay, Sách Báo Trong Tháng... là những mục hay. Chúng tôi cũng thích vẻ hào hoa của Trần Quán Niệm. Nhân đây xin được tò mò một chút: Vương Hữu Bột có phải là tác giả "Dạy Con Nên Người Việt"?

Thế Kỷ 21 được chúng tôi coi là một niềm vui trong tháng.

Quang Nghĩa - Minh Hà *(Staffel Limburg, BRD)*

Biện Minh Cho Kẻ Sĩ

Trong bài Biện Minh Cho Kẻ Sĩ của Nhuệ Hồng (TK 21, #96), tác giả có nhắc đến lời Huỳnh Thúc Kháng cho rằng Nguyễn Hữu Chỉnh và Ngô Thì Nhậm là "nho tiểu nhân," đồng thời phụ họa thêm khi kết án Ngô Thì Nhậm "phản chúa giết cha, gây loạn kiêu binh làm sĩ khí Bắc Hà suy đồi." Thiết nghĩ đây không phải là lời biện minh cho kẻ sĩ mà là sự phê phán thiếu vô tư đối với hai kẻ sĩ Việt Nam.

Nguyễn Hữu Chỉnh là một tướng lãnh có tài nhưng không được trọng dụng. Vì triều đình Bắc Hà đổ nát, ông bỏ vào Nam giúp Nguyễn Huệ dâng kế sách Bắc tiến. Nhưng Nguyễn Huệ cũng không tin dùng ông, sau khi diệt Trịnh thành công lại bỏ ông lại Thăng Long mượn tay người khác giết ông. Khi ông chạy thoát được, Nguyễn Huệ rất ngượng nhưng lựa lời an ủi và lưu ông lại Nghệ An, mục đích dùng ông làm con cờ quấy rối miền Bắc để có cớ diệt nhà Lê. Ở cái thế bị buộc phải làm phản, ông không còn cách nào khác là tìm cách gây ảnh hưởng của riêng mình để đối kháng với Nguyễn Huệ.

Lối cư xử của Nguyễn Hữu Chỉnh cũng rộng lượng hơn những kẻ thù của ông nhiều. Khi bắt được Phan Huy Ích, kẻ đã từng tuyên bố bắt ông bỏ cũi đem về Thăng Long, ông chỉ cười và tha tội vì biết rằng "bọn nhà nho thường hay nói khoác." Khi đã thành Quận công, ông phụ chính cũng chuyên quyền như chúa Trịnh. Bị Nguyễn Đình Giản công khai chỉ trích, ông cũng bỏ qua vì nghĩ rằng 'Đình Giản là người bề tôi khí tiết duy nhất của vua Lê, nếu giết đi sẽ mất lòng thiên hạ." Tóm lại Nguyễn Hữu Chỉnh là một kẻ sĩ tài cao chí lớn, nhưng khi đương đầu với Nguyễn Huệ là người hơn hẳn ông về tài cầm quân cũng như thủ đoạn chính trị, ông không thể chiến thắng.

Trường hợp Ngô Thì Nhậm phức tạp hơn. Thời ông, triều đình Bắc Hà mục nát, vua bù nhìn, chúa hoang dâm. Chính chúa Trịnh Sâm quyết định bỏ trưởng lập thứ vì say mê Đặng Thị Huệ, Ngô Thì Nhậm không liên can. Sau khi lập Trịnh Cán làm Thái tử, chẳng bao lâu Trịnh Sâm chết trong lúc Huy Quận công Hoàng Đình Bảo chưa đủ lông cánh phò Thái tử mới; kiêu binh nổi dậy giết Quận Huy và làm loạn khắp nơi. Tại sao Ngô Thì Nhậm phải chịu trách nhiệm những chuyện này?

Bàn về công nghiệp, Ngô Thì Nhậm còn kém xa Khổng Minh hay Nguyễn Trãi, vì hai người này may mắn gặp minh chủ. Không có Lưu Bị, Khổng Minh chỉ là một ẩn sĩ; không có Lê Lợi, Nguyễn Trãi có thể cũng phải than "sự khứ anh hùng ẩm hận đa" như Đặng Dung. Ngô Thì Nhậm có gặp minh chủ Nguyễn Huệ trong một thời gian ngắn, nhưng cũng đủ cho ông trổ tài. Khi quân Thanh xâm lăng Việt Nam, chính ông là người khuyên Ngô Văn Sở bỏ Thăng Long rút về Tam Điệp, vừa để bảo tồn chủ lực quân vừa làm Tôn Sĩ Nghị kiêu căng mất cảnh giác, tạo cơ hội cho Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh. Sau khi đuổi giặc, chính ông cũng là người tổ chức ngoại giao với vua Càn Long để giảng hòa. Số ông không may vì Nguyễn Huệ mất sớm, khiến ông trở thành tội nhân đối với

triều Nguyễn.

Tóm lại, ba chữ "nho tiểu nhân" không nên dùng để gán cho những kẻ sĩ mưu lược như Nguyễn Hữu Chỉnh và Ngô Thì Nhậm. Cả Khổng Minh lẫn Đào Duy Từ, khi nói "nho tiểu nhân" là chỉ những người học từ chương mà không có tài thực dụng, chỉ thuộc kinh điển nhưng không biết kinh bang tế thế. Quan điểm của kẻ sĩ thực dụng thời xưa về Vua, Minh Chủ, Tri Kỷ, Công Danh, Quốc Gia, Dân Tộc hoàn toàn khác thời nay, không thể đem tiêu chuẩn thời nay để phê phán họ. Còn về những sự trả thù hẹp hòi của triều Nguyễn đối với bầy tôi nhà Tây Sơn, vừa dùng hình phạt dã man vừa dùng sự phê phán thiếu vô tư để bôi lọ tên tuổi, thiết tưởng chúng ta cần xét lại một cách công bằng hơn.

Phạm Ngọc Khôi *(Montreal, Canada)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Phan Nhật Nam, Bửu Sao, Lý Thế Nhiên, Thiện Xuân Malkhanova, Nhuệ Hồng, Tôn Thất Phu, Nguyễn Gia Tiến, Trần Doãn Nho, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Công Nhung, Trần Quán Niệm, Lê Nguyễn, Nguyễn Xuân Quang, Trần Công Sung, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Hoàng Hoa Khôi, Đinh Hữu Tường, Babui, Hướng Dương, Nguyễn Chí Kham, Phạm Ngọc Khôi, Phạm Thành Tính, Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Trung Dũng, Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Văn Luận, Nguyễn Vân Hán, Phụng Nghi, Nguyên Lập, Sương Mai, Minh Hân, Đặng Phú Phong, Hạ Đỏ, Vạn Giả, Võ Doãn Nhẫn, Đỗ Thị Kênh G, Võ Quang.

Tác giả truyện ngắn Những Tiếng Hát Mật Ngọt *(Paris?)*: Do một "tai nạn nghề nghiệp" nho nhỏ, Tòa soạn cảm phiền anh hay chị gửi cho một bản khác của truyện *Những Tiếng Hát Mật Ngọt*, với đầy đủ tên và địa chỉ của tác giả. Xin thông cảm và xin đa tạ.

Lê Nguyễn *(Huntsville, AL)*: Cuối cùng thì thư và thơ của bạn cũng về được tới Tòa soạn, mặc dù cái nơi mà bạn nhờ chuyển thư cũng không gửi đúng địa chỉ của bổn báo. Rất cảm động vì tình cảm của bạn. Nếu không bận lắm thì cho một "chùm" khác đi, như bạn đề nghị trong thư. Thân.

Phan Liên *(Nouméa, Nouvelle Calédonie)*: Xin ông tha lỗi về sự lầm lẫn giữa **m** và **n**, sẽ xin điều chỉnh. Hiện nay chúng tôi chưa có địa chỉ của nhà xuất bản mà ông hỏi, nếu có sẽ tin ông biết sau. Ông có chữ ký độc đáo lắm, nếu lọt vào mắt một "thầy" coi chữ ký thì thế nào ông thầy hoặc bà thầy cũng có ý kiến. Chúc ông vui mạnh luôn.

Võ Đình *(Royal Palm Beach, FL)*: Đã nhận được thư và món quà quý của anh. Vô cùng đa tạ lời lẽ trong thư lẫn món quà. Sẽ dùng trong một vài số tới. Thân.

Đỗ Quang Nghĩa *(Staffel Limburg, BRD)*: Để tiện cho Tòa soạn, bài gửi bằng đĩa xin luôn luôn kèm theo một bản in, và nhớ ghi rõ trên đĩa chương trình được dùng. Đôi khi trong quá trình chuyển đĩa từ chương trình này qua chương trình khác, một số chữ, có khi một số đoạn tự động biến mất, cần đối chiếu với bản in để sửa chữa. Trả lời câu hỏi của bạn trong thư: đúng người đó là tác giả của cuốn đó. Chúc vui và may mắn.

Hồ Minh Dũng *(Atlanta, Georgia)*: Câu nam ai không thất lạc đâu, trái lại, nó tới đã lâu. Hẹn bạn ít lâu nữa, cho những cái lu bu lắng xuống bớt. Ai mà có thể thưởng thức điệu nam ai một cách vội vã được, bạn đồng ý không? Thân.

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới: Mai Liên Kohlmann (Newport Beach CA), Nguyễn Đình Cường (Cerritos CA), Hoàng M Vũ (Los Angeles CA), Cường Minh Trương (Fountain Valley CA), Joseph Luân Nguyễn (Garden Grove CA), Nguyễn Văn Cường (Oklahoma OK), Phan Hồng Diệu (Chicago Il), Ngọc Khôi Hoàng (CANADA), Alikanov K.M (RUSSIA), Hoàng Ngọc Hữu (San Jose CA), Bùi Hồng Sĩ (Garden Grove CA), Phạm Thị Huyên (Sunnyvale CA), Hoàng Đình Phước (Austin TX), Trần Công Nhung (Hawthorne CA), Từ Xuân (Torrington CT), Võ Phạm Băng Diễm (Salem OR), Yến Hoàng (Los Angeles CA), Đỗ Kim Bảng

(Waltham MA), Trịnh Hảo Tâm (Fontana CA), Phùng Mai Trâm (Irvine CA), Lê Như Thường (Canoga Park CA), Thuy Phạm (Oakland CA), Trần Nghĩa (San Diego CA), Phan Thị Trọng Tuyến (FRANCE), Nguyễn Thừa Tín (GERMANY), Trịnh Tấn (Pasadena CA), Nguyễn Văn Vỹ (Richfield MN), Đỗ Linh (Houston TX), Trần Quý Phiệt (Keerville TX), Võ Thị Tiềm (Fremont CA), Lê Ngọc Trâm (Los Angeles CA), Trần Long Kiệt (Garden Grove CA), Nguyễn Văn Công (Austin TX), William Đỗ (Hayward CA), Đỗ Thị Anh (Santa Clara CA), Vanessa Nguyễn (Rosemead CA), Nguyễn Trung Dũng (JAPAN), Nguyễn Nguyên Phương (Denver CO), Thu Đoàn (Plano TX), Trần Ngọc Cường (Austin TX), Lê Bích (Santa Ana CA), Phan Văn Bình (Huntington Beach CA), Võ Long Thành (Milton MA), Huỳnh Tường Bá (Wichita KS), Lê Ngọc Dũng (Anaheim CA), Dương Đình Quế (Los Angeles CA), Lý Bạch Hồng (Los Angeles CA), Trần Thị Thu (AUSTALIA).

Cùng quý độc giả ở Âu châu:

Để tiện việc đặt mua báo cho quý vị, Thế Kỷ 21 có thêm một số đại diện:

- Tại Pháp: Bà Trần Thị Diệu Tâm, điện thoại (01) 45 70 72 35.
- Tại Hòa Lan: Ông Nguyễn Quyết Thắng, điện thoại 0229-231 666.

Ngoài ra, ông Nguyễn Phi Hùng, đại diện tại Đức, có thông báo cách chuyển tiền mua báo vào trương mục của ông trên trang báo này.

Nguyễn Thị Thu Yến (Amsterdam, Hòa Lan): Giá báo tại Hòa Lan cũng bằng với các nước Âu châu khác, là US$76 một năm. Khi chúng tôi nhận được tiền và tên, địa chỉ người mua thì bắt đầu gửi số báo mới nhất. Thường việc chuyển tiền từ nước này qua nước khác khá nhiêu khê và lệ phí tốn kém, nên chúng tôi đặt đại diện ở mỗi nước, người mua báo chỉ cần làm thủ tục và trả số tiền địa phương tương đương cho người đại diện. Trước cô nhiều vị ở Hòa Lan đã than phiền với chúng tôi việc gửi tiền về Tòa soạn ở Mỹ quá rắc rối, vì thế từ nay Thế Kỷ 21 đã có đại diện tại Hòa Lan (xin xem Thông Báo trên trang này).

Phạm Quang Bạch (Paris, Pháp Quốc): Rất nhiều độc giả ở Pháp đã than phiền vì báo tháng Năm mãi đến gần cuối tháng vẫn chưa nhận được. Hỏi bưu điện cuối cùng mới phát giác tới giờ phút đó họ vẫn... chưa gửi, vì có một số nhân viên mới chưa hiểu thể thức, tưởng là người gửi dán thiếu tem! Sau đó họ đã tức tốc gửi ngay. Hy vọng ông nhận được báo tháng Năm vào khoảng thượng tuần tháng Sáu. Chúng tôi rất tiếc về sự trục trặc ngoài ý muốn này, xin ông và quý độc giả thông cảm và tha lỗi.

Phương Thảo (Westminster, CA): Dù ở ngay vùng quận Cam cô vẫn có thể mua dài hạn, mỗi tháng báo về tận nhà, khỏi mất công đi mua.

Danh sách Đại Diện Phát Hành Thế Kỷ 21

Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*, Tel: (408) 225-8429
Đông Hoa Kỳ: *Nguyễn Văn Khanh*, (703) 379-8976
Pháp
1. *Lê Tất Luyện*, (01) 45 83 19 12
2. *Phạm Thu Hương*, (01) 39 84 00 84
3. *Trần Thị Diệu Tâm*, (01) 45 70 72 35

Đức: *Nguyễn Phi Hùng*, 492371-439238
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*, 0229-231666
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*, (514) 445-0529
Western Australia
Bình Anson, (61-9) 448-0637

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN THẾ KỶ 21 TẠI ĐỨC

Về việc đặt mua dài hạn tạp chí Thế Kỷ 21
Giá biểu: (tính cả cước phí đường hàng không)
- 130 DM cho một năm (12 số báo)
- 240 DM cho hai năm (24 số báo)

Cách trả tiền:
- Bằng chi phiếu (Scheck, Verrechnungsscheck)
- Chuyển vào trương mục, đề tên

NGUYỄN PHI HÙNG
Stadsparkasse Dortmund
Bankleitzahl 440 501 99
Konto-Nr 622016893

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu tiên từ Mỹ gửi qua, trong khoảng từ 4 đến 8 tuần kể từ ngày đặt mua. Sau thời hạn này nếu chưa nhận được báo, xin quý vị thông báo cho Văn phòng Đại diện hoặc Tòa soạn biết để kiểm soát lại.
Trân trọng.

MƯỜI HIỂU LẦM TRONG MƯỜI NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN VĂN HÁN

Việt Nam bắt đầu công cuộc đổi mới kể từ Đại hội đảng Cộng sản kỳ Sáu, tháng 12 năm 1986. Thực ra, những dấu hiệu của đổi thay đã có thể thấy từ trước; và những quyết định thực sự có tính cách đổi mới chỉ được ban hành về sau, kể từ thời kỳ 1988-1989 trở đi, và dứt khoát hơn kể từ 1991-1992. Dù sao, nếu có lấy thời điểm 1987 làm bản lề thì cũng không hẳn là sai. Từ đó tới nay, Việt Nam đã trải một thập niên thay đổi, với nhiều kết quả khả quan bất ngờ, và lắm vấn đề nghiêm trọng còn bất ngờ hơn. Việc tổng kết thành quả của 10 năm đổi mới có thể được tiến hành từ nhiều giác độ khác nhau, và trong số báo trước, bài viết của ông Lê Mạnh Hùng (*) đã giúp cho người đọc nhiều dữ kiện căn bản và lượng định chính xác. Bài tiểu luận dưới đây sẽ làm việc tổng kết về các vấn đề trên góc độ trừu tượng hơn, xin được tạm gọi là góc độ "ý niệm."

Bài viết xin được nêu lên một số hiểu lầm của người Việt về những nhu cầu và phương hướng của đổi mới. Đây là những hiểu lầm tiêu biểu của nhiều người, của nhà cầm quyền, dân chúng trong nước, và có thể của cả nhiều người Việt ở ngoài. Với lối nêu vấn đề có vẻ "khiêu khích," người viết đề nghị ta thử nhìn kinh tế Việt Nam từ một giác độ khác, để cùng suy ngẫm về những vấn đề thực ra không chỉ ảnh hưởng đến sự tồn vong của hệ thống chính trị trong nước, mà đến cả sự thịnh suy của đất nước trong thế kỷ tới. Sau khi lược duyệt bối cảnh và mục tiêu của đổi mới, hiểu theo nghĩa rộng, bài viết xin nêu ra 10 điều hiểu lầm...

Bối cảnh tổng quát

Trong khuôn khổ một tiểu luận, người viết xin cô đọng nêu vài yếu tố về bối cảnh của đổi mới.

Từ mấy thế kỷ nay, Việt Nam đã có một nhu cầu khách quan là canh tân đất nước. Vì không canh tân đất nước mới mất chủ quyền và bước vào thế kỷ 20 với hai mục tiêu then chốt là độc lập và canh tân. Hai mục tiêu này gắn liền và có lúc mâu thuẫn với nhau. Ngày nay đất nước không bị ngoại xâm mà chủ quyền thực tế vẫn chưa ở trong tay người Việt, và xứ sở vẫn nghèo nàn lạc hậu. Dân ta coi như mất toi một thế kỷ và biết bao xương máu, cái được duy nhất là rất nhiều đổ vỡ trong nội bộ. Thứ hai, hầu hết những giải pháp chính trị kinh tế hay những ứng dụng của các bộ môn khoa học xã hội và cả văn học nghệ thuật ta đang sử dụng đều là những điều mới, được trắc nghiệm mới khoảng 65-70 năm vừa qua. Nhìn vào chiều dài lịch sử dân tộc, thời "học tập" đó thực ra không dài. Nó tương đương với thời kỳ từ khi Ngô Quyền giành độc lập (939) tới khi nhà Lý dựng nghiệp và mở ra thời tự chủ của nước ta sau ngàn năm Bắc thuộc (1010), hoặc từ khi Quang Trung đại phá quân Thanh (1789) tới khi Pháp tấn công nước ta (1858). Nhưng, vào những thời đó nếu đã có thể đi vòng quanh trái đất, người ta tất phải mất nhiều năăm; thời nay thì chỉ mất một ngày, và còn ngắn hơn, nếu lên xa lộ điện toán. Yếu tố thứ ba là, trong các giải pháp cho việc cứu nước và dựng nước, duy nhất có chủ nghĩa Mác-Lenin đã được áp dụng tới tột cùng và đủ lâu để ta có thể phê phán và tổng kết. Với giải pháp đó, nhà cầm quyền tự hào là đã giải quyết bài toán độc lập, nhưng bài toán canh tân thì chưa. Sau 1975, họ đã có điều kiện áp dụng toàn bộ phương thức "xây dựng chủ nghĩa xã hội" trên một lãnh thổ thống nhất và một xứ sở tương đối thanh bình, thì giải pháp mà họ chọn đã phá sản, làm đất nước suýt bị khủng hoảng giữa thập niên 1980. Mười năm "đổi mới" vừa qua là 10 năm thử nghiệm một giải pháp mang tính chất dung hoà hơn.

Tổng kết về bối cảnh, mục tiêu chính thức của đổi mới được nêu lên là để hiện đại hóa đất nước (qua công nghiệp hoá), làm cho nước giàu dân mạnh, xã hội văn minh, v.v... Mục tiêu

rộng lớn đó dĩ nhiên phải giải quyết những vấn đề trăm năm của một xã hội nông nghiệp lạc hậu trong một thế giới đã công nghiệp hoá trên đại thể. Những vấn đề cổ điển của một xứ lạc hậu thì vẫn còn trong khi những thách thức của một môi trường quốc tế đổi thay rất mạnh từ mươi năm qua cũng đã tác động vào xã hội. Cho nên việc đổi mới không phải là một công trình khách quan dễ dàng và chóng có kết quả. Trong bối cảnh đó, sự phê phán của chúng ta cần được đặt vào một viễn ảnh "lịch sử." Nhà cầm quyền Việt Nam cũng không che dấu tham vọng có kích thước lịch sử đó, chính vì vậy mà trách nhiệm của họ mới càng nặng nề, nhất là khi nước ta chưa ra khỏi thời dọ dẫm mà thời gian đã thu hẹp lại: một khoảng cách thua kém nước người chừng vài ba năm có thể là khoảng cách vĩnh viễn.

Bài viết này muốn khởi đi từ đó, để nêu lên những hiểu lầm trong giai đoạn học bài này.

Hiểu lầm một: Đơn vị thời gian

Trong suốt thời chiến tranh, với hình thái chủ yếu là du kích, người ta không coi ý niệm thời gian là quan trọng trong kinh tế, việc không làm ngày nay hoặc năm nay, năm sau làm cũng được. Nền tảng nông nghiệp với quan niệm "ngày Giời tháng Phật" có thể là yếu tố văn hoá tiềm ẩn và vẫn ảnh hưởng tới lối làm việc thời nay. Suốt năm ngoái, nhiều quyết định bị trì hoãn, nhiều công việc bị đình đọng vì mọi người chờ kết quả của Đại hội Tám. Đại hội chưa đưa ra đường hướng nào rõ rệt thì người ta lại chờ kỳ họp của Quốc hội, các Hội nghị của Trung ương đảng, v.v... Ngày xưa, dân chờ lịch vua ban ngày nay dân chờ nghị quyết của trung ương. Nếu chưa có thì cứ đợi, và sự tạm bợ trở thành thường trực nên cũng hết là tạm bợ. Giữa khi công việc bề bộn, nếu thủ trưởng đi họp, mọi hồ sơ đều tạm để bên, công nhân viên chức cũng cứ cho dân chờ ở đó. Điều hiểu lầm ở đây xuất phát từ nhiều phía. Từ bên ngoài, đơn vị thời gian làm việc của người ta là một giờ. Ở trong nước, nó là một tuần, một tháng... Ở ngoài than phiền thì cứ than phiền, bên trong thì ta đã quen nhịp độ và phong cách làm việc đó. Điều hiểu lầm đầu tiên là thế giới nay đã thay đổi, và nhịp độ quyết định cũng vậy, nếu không đổi mới để cái đồng hồ chỉ tuần thành cái đồng hồ chỉ giờ, thì việc thiên hạ làm trong một tuần ta sẽ mất mấy tháng, hay cả năm.

Hiểu lầm hai: Ý niệm tụt hậu

Khi nói rằng thiên hạ giải quyết vấn đề nhanh mà mình lại chậm, ta hàm ý rằng nếu tiếp tục như vậy, xứ sở sẽ bị tụt hậu. Đây là sự hiểu lầm thứ hai, từ bên ngoài. Ngày nay, dân ta không còn loay hoay với cái đồng hồ "không người lái," người có chức có quyền thời nay đã có đồng hồ Thụy Sĩ. Từ hang Pắc Bó thời xưa, tới địa đạo Củ Chi thời đi vào tiếp thu miền Nam và nay lên xe Mercedes nói chuyện với ASEAN, họ đã thấy mức sống và phẩm chất của cuộc sống (của họ) đã có bước nhảy vọt. Đối với họ, ý niệm tụt hậu là một phi lý. Hiểu lầm sở dĩ xảy ra vì đôi bên không có cùng một cơ sở đối chiếu. Họ lững thững bước ra từ thế kỷ 19, và trên tư thế chiến thắng: ở ngoài này, ta cứ nói chuyện của thế kỷ 21 nhìn về; của Mỹ của Nhật, Đại Hàn hay Đài Loan nhìn xuống. Ở ngoài nóng ruột vì thấy thiên hạ đi nhanh; bên trong chế độ hài lòng với tiến bộ cũng quá nhanh của mình, và không muốn bị ai thôi thúc. Ngày Giời tháng Phật mà. Vả lại, thà chậm mà chắc còn hơn. "Chắc" cho ai lại là một hiểu lầm khác...

Hiểu lầm ba: Kinh tế thời chiến trong hoà bình

Xã hội chủ nghĩa có một ưu điểm khả dĩ giải thích vì sao nó đã thống trị nước ta. Đó là đấu tranh tính. Từ nguyên thủy, từ Marx, nó là một lý luận về đấu tranh hơn là một dự án xây dựng. Trong một môi trường tranh đấu bất kể tổn thất và có khả năng kéo dài, nó có thể thắng các giải pháp khác vì đối thủ nản chí bỏ cuộc khi so sánh lợi ích với tổn thất. Ngoại trừ vài hiện tượng ngắn ngủi, từ những năm 1930 đến 1954, chủ nghĩa đó chưa xuất hiện trọn vẹn trên quy mô lớn. Sau 1954, nó xuất hiện trọn gói tại miền Bắc và bắt đầu sự nghiệp đấu tranh qua đấu tố. Sau khi ngưng đấu tố vì nhu cầu chiến tranh trong Nam, từ cuối thập niên 50 tới 1975, nó xoay qua lối Stalinít Việt hóa. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa áp dụng "chủ nghĩa cộng sản thời chiến" trong việc quản lý, và đây là kinh nghiệm quản lý duy nhất mà chế độ hiện nay đã thu thập được.

Sau 1975, họ đưa kinh nghiệm đó vào "xây dựng chủ nghĩa xã hội" trên cả nước thống nhất, chủ yếu để "cải tạo" miền Nam. Việc chiếm đóng Căm Bốt và sự tẩy chay của thế giới càng củng cố ý chí đấu tranh đó. Giờ đây ý chí đó vẫn chưa nguôi mà thành bệnh tự kỷ ám thị *paranoiac*. Giữa mục tiêu "bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa" và "xây dựng chủ nghĩa xã hội," chuyện bảo vệ vẫn là ưu tiên, dù co cụm thành bảo vệ quyền lãnh đạo. Kinh tế thị

trường vốn cần thiết như vậy vẫn bị coi là cũng có nguy cơ đưa tới "tự do hoá theo kiểu tư sản," là cơ hội cho "tư bản quốc tế" lũng đoạn, làm ta lệ thuộc Tây phương v.v... Các cơ quan bảo vệ vẫn có thể phủ quyết mọi đề nghị cải cách và những đảng viên có khả năng (dù tương đối) về quản lý mà kém thành tích đấu tranh thì cũng ít uy tín và khó thuyết phục về nhu cầu cải cách cho các đảng viên phụ trách an ninh. Có khi còn bị nghi là "chệch hướng tư tưởng," "thân Tây phương," "phục Mỹ." Không thấy ra đấu tranh tính đó, ở ngoài ta thắc mắc vì sao chế độ lại lấy lấm quyết định thất cách về kinh tế. "Thà thất cách mà ổn định thì vẫn hơn"... Hiểu lầm ở đây là chiến đấu tính của quyết định kinh tế.

Hiểu lầm bốn: Đảng quyền trên pháp quyền

Vì quá trình trưởng thành trong chiến tranh, người ta vẫn tiếp tục lý luận thuần Mác-xít, rằng nhà nước là một công cụ thống trị. Từ khi Việt Nam bị mất chủ quyền vào tay thực dân Pháp tới nay, nước ta chưa bao giờ có một nhà nước bình thường và một bộ máy hành chánh đúng nghĩa, mà hiện chỉ có cánh tay nối dài của một đảng đấu tranh thọc sâu vào cơ cấu xã hội. Cơ cấu xã hội đó bị tàn phá bởi chiến tranh và chính trị, nên xã hội dân sinh (hay dân sự - civil society) chưa phục hoạt, quan hệ giữa dân và chính quyền vẫn là quan hệ của kẻ thống trị và người bị trị. Vì không có một guồng máy hành chánh công quyền hoạt động bình thường và độc lập với hệ thống chính trị để phục vụ dân, việc thi hành chánh sách đều không tự nhiên, mà là kết quả của cưỡng chế. Kinh tế thị trường chỉ có thể xây dựng với một hệ thống hành chánh vững chắc, và không thể vận hành trong cưỡng chế. Cơ cấu xã hội xưa cũ, với sự phân quyền mặc nhiên giữa triều đình trung ương và cộng đồng xã thôn đã bị tan rã, hoặc tệ hơn, bị biến thể thành quan hệ giữa đảng lãnh đạo ở trên và các hợp tác xã hay khu vực nhà nước ở dưới, mà cả xã hội vẫn chưa có một nền tảng pháp luật ổn cố để quy định sự vận hành của quan hệ này. Tính đấu tranh của chế độ còn được thể hiện qua tranh luận về đảng quyền và pháp quyền nhà nước, trong đó đảng sợ có thể bị giảm bớt quyền lãnh đạo vì nhà nước.

Thí dụ như từ năm năm nay, người ta nói mãi về "cải cách hành chính để phát triển kinh tế" mà việc cải cách này, vốn là một ưu tiên trong mọi ưu tiên của tiến trình đổi mới kinh tế, đã bị trì hoãn và sẽ còn bị trì hoãn, vì nó phải được tiến hành "dưới sự lãnh đạo của đảng." Hiểu lầm lớn nhất ở đây thuộc về chế độ: chế độ không quan niệm nổi sự hiện hữu của một nền hành chánh biệt lập với đảng cầm quyền, có thể và phải tồn tại dù có thay đổi chính quyền. Người ta giàng số phận của hành chánh công quyền và công chức vào sự sống còn của chế độ nên không có một hệ thống hành chánh vô tư để thi hành luật lệ, chánh sách phục vụ xã

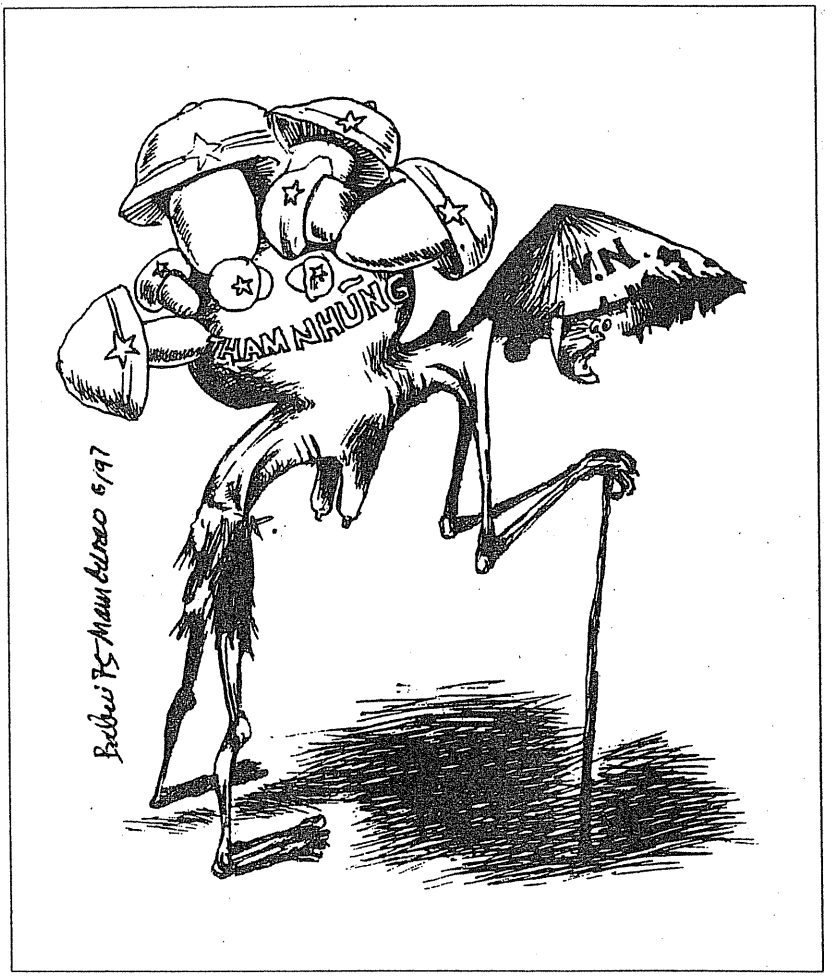

hội dân sinh. Lý do là vì nó bị tê liệt mỗi khi tiếp cận tới vùng thống trị quá rộng của đảng. Đây cũng là nguyên do của nạn tham nhũng lan rộng, vì đảng quyền quá lớn và lại nằm trên, hoặc ngoài, luật pháp.

Hiểu lầm năm: Ai đổi mới ai

Sau khi suýt chết vì giải pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội với tệ quan liêu bao cấp của lối quản lý tập trung kế hoạch, chế độ buộc phải chấm dứt giải pháp duy ý chí, chủ động tiến hành việc cải tạo xã hội, từ quan hệ tới phương thức sản xuất. Và họ gọi việc này là đổi mới. Thực chất của việc đổi mới đó chỉ có nghĩa là chế độ giảm bớt sự can thiệp vào đời sống dân sinh mà thôi. Khi dân đói nay bớt bị cấm thì túa ra làm ăn, sự tự phát đó đã khôi phục sản xuất và kéo kinh tế ra khỏi khủng hoảng. Sau đó, và chỉ sau đó, nhà nước mới chạy theo dân, tìm trong đó những gì đúng sai (có lợi hay có hại cho việc bảo vệ) để quy hoạch, để làm chánh sách, làm luật, và nhàn tản vừa làm vừa sửa, thường thì chậm hơn dân vài năm. Công cuộc đổi mới đã thực sự bung từ dưới lên; trong khi chế độ cố trình bày đổi mới như một chỉnh thể được ban hành từ trên xuống. Sự hiểu lầm đó không chỉ xảy ra cho người ở ngoài nhìn vào, mà cho cả người trong cuộc. Vì nhà nước chậm hoạch định, phản ứng thị trường vô luật pháp mới gây ra lắm tệ đoan, chế độ chẳng thấy sự ù lì của mình mà cứ đổ lỗi cho thị trường hay cho chủ nghĩa cá nhân kiểu tư sản.

Ở nước ta, hai ý niệm quốc gia và nhà nước đã hoà làm một, và sự phân biệt giữa pháp quyền và đảng quyền còn quá mới, cho nên chế độ vẫn tin rằng nhất nhất mọi việc đều phải từ đảng ban xuống cho nhà nước ra tới toàn dân. Thí dụ như từ đổi mới, chế độ đã phải buông cho dân chạy, như để ông thần thoát khỏi cái lọ. Sau đó, như một cái lọ mới vừa tìm thấy, ý niệm "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" được phát minh, với nội dung chưa thống nhất, nhưng đã là một nhãn hiệu an toàn về ý thức hệ. Nay người ta cố nhét ông thần vào cái lọ vừa mới dán nhãn này. Những đôi co về "chệch hướng hay không" chính là tranh luận về nhét cái gì vào lọ, cái gì để ngoài, hầu đảng khỏi mất ảnh hưởng và chế độ khỏi bị "diễn biến hoà bình" làm biến thể. Trong khi đó, dân cứ tiếp tục tự động đổi mới, bị cấm nơi này thì làm nơi khác...

Hiểu lầm sáu: Thông tin một mắt

Người ta sở dĩ vẫn còn loay hoay trong vấn đề đó — cái gì thuộc diện quản lý của dân và của nhà nước — một vấn đề không mới lạ, là vì vẫn chưa ra khỏi lối nhìn phiến diện về kinh tế. Trong kinh tế, hai mặt sản xuất và tiêu thụ phải đi song hành và thế cân đối được phản ảnh qua giá cả. Sau khi lề lối quản lý tập trung kế hoạch bị phá sản, người ta đã phải để dân quyết định một phần của kinh tế, nhưng người có trách nhiệm về quản lý kinh tế vẫn tập trung nhìn vào một vế của bài toán, là cái vế sản xuất, theo đúng kinh tế chính trị học Mác-Lênin. Từ lối nhìn một mắt đó, đi cùng phép tư duy mang tính chất phụ quyền của những ông quan mới, người ta tin rằng nếu nhà nước nắm các cơ sở sản xuất chính yếu thì sẽ giữ được vai trò chỉ đạo cho việc định hướng xã hội chủ nghĩa. Kết hợp với bài học vỡ lòng về tái sản xuất mở rộng trong kinh điển Mác-Lênin, người ta tin rằng các doanh nghiệp nhà nước sẽ chủ động phát triển sản xuất, sẽ công nghiệp hoá để hiện đại hóa đất nước, bất kể tới tình hình của thị trường, của thế giới chung quanh. Vì vậy, doanh nghiệp nhà nước vẫn được bảo vệ mặc dù đa số đang mấp mé phá sản.

Trong khi đó, thế giới đã tiến qua thời kỳ mà dịch vụ là khu vực sản xuất chủ yếu, phân phối là quy tắc của quản trị trong nền kinh tế toàn cầu hóa, và thị trường, hay giá cả, hay thị hiếu của giới tiêu thụ mới là mệnh lệnh. Người ta vẫn chỉ mở một mắt để nhìn vào giá thành sản xuất, và bịt mắt kia nên chưa hiểu gì về thị trường, chưa quan tâm tới giới tiêu thụ. Ngay cả trong địa hạt thông tin, lãnh vực đang trải qua cuộc cách mạng kỹ thuật đời thứ ba nhờ điện toán và viễn thông, chế độ vẫn tiếp tục cho thông tin một nửa, nửa kia vẫn đóng. Cho nên khi cạnh tranh với bên ngoài, ta mới thua liểng xiểng và nợ ngập đầu. Sự hiểu lầm ở đây là một mục tật về kinh tế.

Hiểu lầm bảy: Nhìn vào thay vì nhìn ra

Vì sự lạc hậu trong bài học vỡ lòng về kinh tế, mà lại không chịu mở mắt kia để nhìn toàn cảnh, người ta đã có sách lược phát triển lệch lạc. Điển hình của sự lệch lạc là thay vì nhìn vào thị trường toàn cầu và chọn thế hướng ngoại — khuếch trương xuất cảng — để có ngoại tệ tài trợ công cuộc phát triển, chế độ đã làm điều mà nhiều nước đã làm và đã bỏ từ mấy thập niên trước. Đó là sách lược hướng nội được giới chuyên gia của thập niên 60 gọi là "thay thế nhập cảng" (import substitution). Người ta mua vào những phương tiện để sản xuất ra những hàng hoá cần thiết cho thị trường nội địa hầu khỏi phải nhập cảng. Khi mà kỹ

nghệ nước nhà (chủ yếu là quốc doanh) còn non yếu trong việc sản xuất đó, chế độ lập hàng rào quan thuế hoặc đặt hạn ngạch nhập cảng để bảo vệ hệ thống này. Trong sách lược tai hại đó, ta không trau dồi được khả năng cạnh tranh của kỹ nghệ nội địa (nhờ phải xuất cảng và thi đua với người), không tạo ra một kỷ luật khách quan của quản trị (nhờ phải thi đua với người), không phát huy được tiềm năng của đất nước (xuất cảng vỏn vẹn những gì xuất cảng được mà không cải tiến và không đa phương hoá mặt hàng cho phong phú tinh vi và giàu giá trị hơn), và thu được ít ngoại tệ. Sự hiểu lầm về tụt hậu (số 2) được thấy rõ ở đây: khi xuất cảng tăng được 15-18% một năm và xứ ta đứng hàng thứ ba về xuất cảng gạo, sắp có triển vọng thứ nhất về cà phê... thì còn đòi hỏi gì hơn.

Nhìn vấn đề bằng một mắt, ta chỉ thấy những gì được, mà không thấy những khoản thất thâu, và chưa thấy những cơ hội bị mất. Thất thâu là những triển vọng xuất cảng có giá trị tích lũy cao hơn, là sự cải tiến quản lý nhờ cạnh tranh, là lợi ích cho giới tiêu thụ có hàng tốt và rẻ hơn nên dư tiền dùng vào mục khác... Nhưng, cái khoản "mất" mới đáng kể nhất và bắt đầu rõ ra: vì sách lược thay thế nhập cảng, ta đã trước tiên nhập cảng phương tiện sản xuất, gồm dụng cụ máy móc và kỹ thuật khá tốn kém, rồi lỡ dựng lên các cơ sở này thì phải nhập cảng tiếp cả nguyên nhiên vật liệu để nuôi nhà máy và có việc cho công nhân. Đa số giới đầu tư Đông Nam Á vào xứ ta từ mươi năm qua đều liên doanh với công ty nhà nước và khuyến khích ta đi vào sách lược này để nhập cảng thiết bị của họ, với cái giá lắm khi cao hơn giá quốc tế mà vì nhắm một mắt ta không thấy. Chủ quyền kinh tế bị tuột khỏi tay là như vậy, và Việt Nam sẽ khó hội nhập kịp vào cộng đồng tự do mậu dịch của Đông Nam Á và của thế giới. Từ một năm nay ta mới thấy là bị nhập siêu quá lớn, tới 15% tổng sản lượng, trong khi hệ thống quốc doanh vẫn được bảo vệ trong lối quản lý tệ lậu, không phá sản dây chuyền thì cũng ngập nợ và làm ung thối hệ thống ngân hàng.

Hiểu lầm tám: Nguồn gốc của doanh lợi

Mãi cho tới nay, những người ít thông hiểu nhất về kinh tế (nên bảo thủ nhất trong tầng lớp quan lại cách mạng) vẫn tin rằng lợi nhuận trong kinh doanh là kết quả của bóc lột. Sự hiểu lầm lạc hậu này là nguyên nhân của hai quyết định quan trọng và tai hại cho cả tiến trình đổi mới. Thứ nhất là kìm hãm khu vực tư doanh, để tư nhân không thể qua kinh doanh mở rộng "tiến trình bóc lột," từ các cơ sở nhỏ có tính chất cá thể hay gia đình thành những tập đoàn lớn. Thứ hai là không cho các đảng viên được quyền kinh doanh, vì, theo định nghĩa, đảng viên của một đảng cách mạng ưu tú thì không thể nào tham dự vào tiến trình bóc lột xấu xa đó. Hậu quả của quyết định thứ nhất là thay vì vận dụng sức dân để làm giàu cho cả nước, người ta đã bất công trói tay dân chúng và gây trở ngại cho phát triển. Thất nghiệp cao, sản xuất kém, xuất cảng ít, quản lý tồi có xảy ra cũng vì quyết định này. Quyết định thứ hai lại còn tai hại hơn.

Đảng viên không được phép kinh doanh để kiếm sống cho mình nên chỉ còn một cách sống, là sống bám vào cơ chế đảng hay nhà nước. Các khoản lương (thấp) hay phúc lợi (cao) như nhà ở, tiêu chuẩn bồi dưỡng, hưu bổng, xuất ngoại, v.v... đều tùy vào các cơ chế đó. Vì không làm quan là đói, rời con dấu là có thể không có nhà ở và con cháu mất tương lai nên óc công thần và lối "cố đấm ăn xôi" cùng phương châm "chân ngoài dài hơn chân trong" (chân ngoài kiếm tiền, chân trong giữ bài ngà con dấu) càng nảy sinh. Vì duy ý chí cấm đảng viên kinh doanh cho phù hợp với một lý luận lạc hậu, chế độ khiến các đảng viên kinh doanh với phương tiện của nhà nước trong doanh nghiệp nhà nước, theo lối "cha chung không ai khóc," và "vừa đá bóng vừa thổi còi," họ làm giàu thật nhanh trong khi các cơ sở quốc doanh vẫn lỗ lã triền miên. Hiểu lầm về nguồn gốc của lợi nhuận, một vấn đề có vẻ là trừu tượng, đã dẫn đến những tai họa không trừu tượng chút nào. Người ta chưa thể quan niệm nổi một xã hội trong đó mọi người đều có thể có việc làm hợp với khả năng, kể cả việc kinh doanh theo đúng luật lệ áp dụng đồng đều cho mọi người, bên cạnh là hoạt động đảng phái để thỏa mãn nhu cầu lý tưởng cao xa của một số người ưu tú. Lâu dài hơn, nếu còn coi lợi nhuận là bóc lột thì ta còn tiếp tục tinh thần giành giật một phần bánh nhỏ đi, thay vì nghĩ tới việc làm ra một cái bánh lớn hơn.

Hiểu lầm chín: Sự tồn tại của những ông quan

Người Pháp thường châm biếm dân ta, rằng trong bụng mỗi người Việt lại có một ông quan. Điều đó, vào cuối thế kỷ này vẫn đang có nguy cơ trở thành hiện thực vì sự hiểu lầm mới nói trên. Khi mà thế giới ra sức đề cao mô thức phát triển Đông Á nhuốm mùi Khổng Nho, ta lại có thêm một hiểu lầm nữa, từ phía nhà cầm quyền. Xã hội chủ nghĩa của Việt Nam vốn đã có đặc

tính phong kiến, và trong tiềm thức, nhiều người cộng sản vẫn ôm ấp giấc mơ làm quan, những ông quan cách mạng cần kiệm liêm chính của một xã hội lý tưởng kiểu Mác-xít hoà lẫn tư tưởng Hồ Chí mà đậm nét Khổng Mạnh. Giấc mơ cải tạo thế giới và nhu cầu làm quan nay lại như được cổ võ bởi mô thức "kinh tế thị trường kiểu Khổng" tại các nước Đông Á.

Điều hiểu lầm nằm trong sự kiện lịch sử mà vẫn hiện đại: những ông quan của Đông phương thường có biệt tài sống xa thực tế và ít am hiểu về sinh hoạt kinh tế. Họ có thể đã đọc sách thánh hiền — hoặc thuộc kinh điển Mác Lênin — hơn người thường, nhưng là kẻ có khả năng kinh doanh kém nhất (dù "sĩ" là số một và "công, thương" là hạng bét trong đẳng trật xã hội cũ). Vì vẫn tự mê hoặc trong giấc mơ là "dân chi phụ mẫu," họ vẫn ngồi trong tháp ngà của trung ương để làm chánh sách, bất kể tới thực tế của đời sống. Đây là điều đang xảy ra khi người ta ngồi ở Hà Nội đề ra chánh sách cho doanh trường cả nước mà chính họ chưa một ngày sinh sống thay cạnh tranh trong đó; và nếu có cho họ quản lý một công ty quốc doanh thì sẽ phá sản trong thời gian kỷ lục.

Hiểu lầm mười: Tài nguyên đất nước

Trong khi thế giới nói tới nền kinh tế của kiến thức (knowledge economy), và nhiều người nói tới bước nhảy vọt để dùng điện toán và nhu liệu điện toán làm đầu tàu phát triển (software economics), Việt Nam vẫn muốn đi lại quy trình phát triển cổ điển, từ đất đai lên máy móc thiết bị và hàng hóa. Trong khi thế giới ngày càng quan tâm tới dịch vụ và phân phối như khu vực sẽ tạo ra lợi tức nhiều nhất và phát huy sự hiểu biết về thế giới bên ngoài nhờ điện toán, ta vẫn nhồi sọ nhau với lý luận thủ cựu, học thuyết lạc hậu, lối suy nghĩ rập khuôn và còn muốn khép cửa Internet vì sợ ô nhiễm tư tưởng. Trong khi thiên hạ đã đầu tư vào "hạ tầng cơ sở vô hình," là hệ thống thông tin thị trường và hệ thống tài chánh ngân hàng hiện đại, là nền móng luật lệ minh bạch ổn định và nhất là hệ thống giáo dục và đào tạo thực tiễn, Việt Nam vẫn ôm giấc mơ hiện đại hóa bằng công nghiệp từ trên xuống và từ thành thị ra, bằng các tổng công ty nhà nước và các dự án vĩ đại gây ô nhiễm quanh thành phố, y như 50 năm trước ở các xứ khác.

Tất cả xảy ra vì một sự hiểu lầm về nguồn gốc của sự giàu có: tài nguyên quan trọng nhất trong mọi loại tài nguyên chính là trí tuệ con người, và yếu tố sản xuất quan trọng nhất ngày nay chính là thông tin và kiến thức. Việt Nam cần phát triển sâu xuống dưới, ra khỏi các thành phố và các khu công nghiệp ở vùng phụ cận, để đầu tư vào con người và chất xám, từ cấp trung tiểu học ở thôn quê trở lên, thay vì lại bị nạn đô thị hoá và dị biệt lợi tức giữa nông thôn với thành thị... Sau khi đổi mới, người ta đang làm như cũ mà dở hơn, như Việt Nam thời chiến hay thời thuộc địa...

*

Trong vòng sáu bảy mươi năm qua, Việt Nam bắt đầu học hỏi và thử nghiệm một số giải pháp để đối phó với những vấn đề chưa từng có ở trong nước. Điều không may cho dân tộc là trong tiến trình học tập này, ta sai lầm nhiều hơn các xứ khác. Trong cùng thời gian đó, nhiều nước đã hoàn tất cả hai cuộc cách mạng kỹ nghệ lẫn tín học và đã độc lập rồi lại hiện đại hóa đất nước trong có ba mươi năm. Người Việt Nam có thể là yêu nước nhưng quá kiêu căng trong tinh thần dân tộc nên không muốn công nhận sự thua kém đó. Điều duy nhất có thể xoa dịu mặc cảm thua kém là thành tích đấu tranh võ trang và thủ đoạn chính trị. Thành tích đó đang là một cản trở lớn trong tiến trình học tập để canh tân và đổi mới.

Hậu quả là 10 năm sau đổi mới, Việt Nam đã thay đổi quá nhiều để có thể lui về chế độ quản lý tập trung, nhưng chưa đủ để có thể xây dựng kinh tế thị trường theo đúng nghĩa. Những khủng hoảng về tài chánh, ngân hàng, hối đoái và doanh nghiệp nhà nước có thể sẽ xảy ra trong nay mai, và xoá sạch những thành quả dù sao cũng hạn chế của đổi mới. Mễ Tây Cơ đã bị khủng hoảng như vậy vào cuối năm 1994, và Thái Lan có thể đang bị như vậy. Nhưng, các quốc gia trên có vốn liếng khá dồi dào và cơ chế quản lý trong lãnh vực tư doanh tương đối vững để vượt qua khủng hoảng, nhất là khi được sự yểm trợ của lân bang và các định chế quốc tế. Ta chưa có những điều kiện đó, cho nên dù có được nước ngoài trút tiền vào cấp cứu nhiều khi cũng không biết dùng. Và vì cái bè kinh tế lại gắn với bánh lái chính trị, sóng gió kinh tế sẽ gây chấn động sang chính trị. Sự thất vọng của người dân về đổi mới và thị trường — một ý niệm dù sao còn quá mới — có thể đưa Việt Nam vào những cuộc phiêu lưu mới, có khi những giải pháp điên rồ và tai hại hơn.

Rốt cuộc là sang thế kỷ tới, trong hàng ngũ các xứ có phát triển trong ổn định có thể sẽ không có Việt Nam.

(*) Nhìn lại Việt Nam sau 10 năm đổi mới - Lê Mạnh Hùng, Thế Kỷ 21 số 98, tháng Sáu 1997

TUYÊN NGÔN DÂN QUYỀN CHO VIỆT NAM

NHUỆ HỒNG

1.

Đạo học Đông phương tôn trọng NHÂN PHẨM, đề cao giá trị tôn quý của con người được sánh ngang với Trời Đất trong ba ngôi Thiên - Địa - Nhân.

"Người là cái đức của trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của thần linh, là cái khí tinh túy của ngũ hành," (nước, lửa, đất, sắt, cây) (1).

"Lửa và nước có khí mà không có sinh. Cây cỏ có sinh mà không có biết. Chim muông có biết mà không có nghĩa. Con người có khí, có sinh, có biết lại có nghĩa, nên được coi là quý nhất trong thiên hạ." (2).

Nhờ có tinh thần linh diệu và khí chất tinh tuý, con người linh hơn vạn vật nên hiểu rõ vạn vật, biết điều phải trái và ý thức được trào lưu tiến hóa của lịch sử.

Trời phú cho người cái tính sáng suốt gọi là minh đức hay lương tri, tức là khiếu tri giác mẫn tiệp, có tinh thần độc lập và năng lực tự do để tự cường, tự kiện giúp cho con người tu thân và hành động.

2. Công trình TU THÂN của con người vụ vào việc làm Sáng cái Đức Sáng, đạt tới Chí Thiện để dấn thân trên đường Thân Dân trị nước.

Muốn tu thân, về mặt kiến thức phải học tập để biết đến chỗ cùng cực của vạn vật (cách vật), và hiểu đến chỗ uyên thâm của sự vật (trí tri).

Về mặt tinh thần phải tinh thành cái ý của mình (thành ý), và ngay chính cái tâm của mình (chính tâm). Cách vật trí tri là khoa học, tri thức. Thành ý chính tâm là đạo học, tâm học.

"Từ người lãnh đạo cho đến người dân, ai cũng phải lấy tu thân làm gốc. Gốc loạn mà ngọn trị là chưa có; gốc hậu mà ngọn bạc cũng là chưa có "(3).

3. Muốn thành ý và chính tâm, phải từ bỏ bốn điều, phải "TUYỆT TỨ ": vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.

a. Vô ý là không đem ý riêng vào việc gì, chỉ theo lẽ phải và tuỳ hoàn cảnh mà xét đoán hay hành động.

b. Vô tất là không khẳng định trước rằng điều đó tất phải đúng hay việc đó tất phải thành.

c. Vô cố là không cố chấp, câu nệ hay thành kiến.

d. Vô ngã là không để cái ta chủ quan trở thành độc tôn duy ngã (ý kiến của ta, chủ thuyết của ta, quyền lợi của ta, của phe ta).

Tuyệt tứ là tinh thần khiêm tốn và khách quan khoa học để đạt tới cách vật trí tri và thành ý chính tâm.

Đó cũng là tinh thần cởi mở, bao dung, dân chủ cần thiết cho mọi cuộc đối thoại và hành động theo lẽ phải và sự thực.

4. Theo quan niệm "TRỜI NGƯỜI TƯƠNG HỢP", Trời với người đồng một bản thể. Người dân muốn thế nào là Trời muốn thế ấy:

"Trời thương dân, dân muốn điều gì trời cũng nghe theo" (4). "Trời trông thấy cũng vì dân trông thấy. Trời nghe thấy cũng vì dân nghe thấy. Trời sáng suốt là vì dân sáng suốt. Trời minh định thiện ác là vì dân minh định thiện ác. Trên Trời dưới dân thông đạt với nhau"(5).

Muốn biết Ý TRỜI (mệnh Trời), cứ xem ở LÒNG DÂN. "Mệnh Trời không nhất định cho ai, thiện thì được bất thiện thì mất. Trời không thân riêng với ai, chỉ giúp người có đức".

"Thuận đạo Trời thì còn, trái đạo Trời thì mất" (6). "Lòng dân không nhất định về ai, chỉ quý về ơn huệ. Làm điều thiện không giống nhau, nhưng kết quả là trị. Làm điều ác không giống nhau, nhưng kết quả là loạn".

5. Người lãnh đạo phải trị nước theo ý nguyện của dân. "Phải yêu cái yêu của dân, ghét cái ghét của dân" (7). Cái mà dân yêu là tự do, công bằng, no ấm. Cái mà dân ghét là nghèo đói, bất công, chuyên chế.

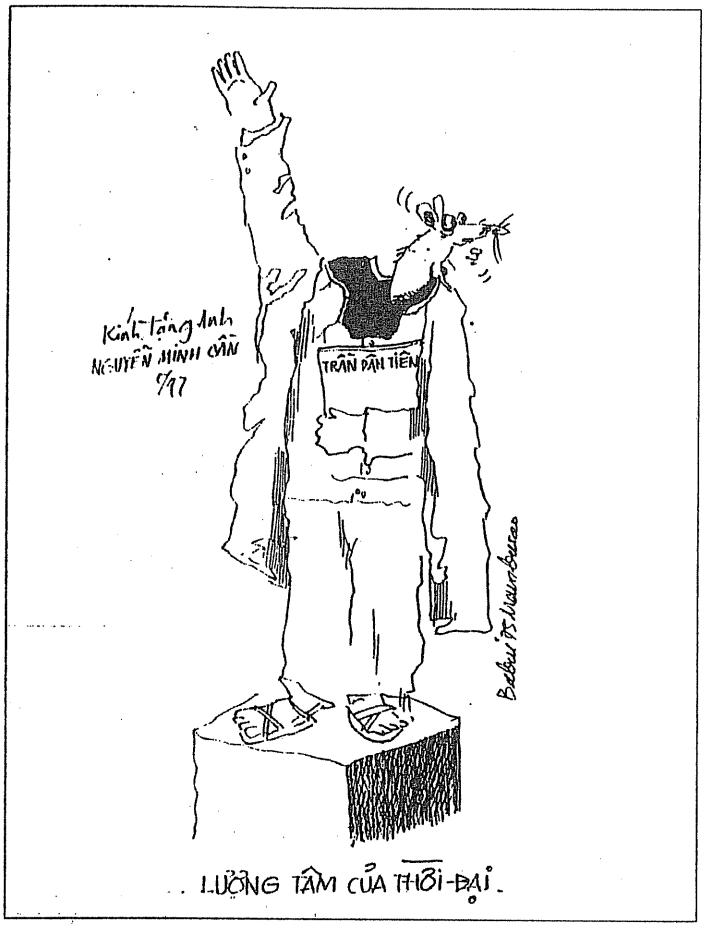

Làm trái lòng dân là trái mệnh trời. Vua Thang đánh vua Kiệt, vua Vũ diệt vua Trụ là để " CỨU DÂN PHẠT TỘI" (8).

Trời sinh ra dân không phải vì vua. Trời lập ra vua là bởi vì dân. Khi vua tàn bạo, người dân có quyền phế bỏ. "Giết vua tàn bạo cũng như giết đứa độc phu. Lấy nhân nghiã mà trị thiên hạ thì yên, lấy tàn bạo mà trị thiên hạ thì nguy. Vua là thuyền, dân là nước. Nước chở thuyền nhưng nước lại đánh đắm thuyền"(9).

"Vua coi dân như tay chân thì dân coi vua như lòng dạ. Vua coi dân như chó ngựa thì dân coi vua như người dưng. Vua coi dân như cỏ rác thì dân coi vua như giặc thù. Người làm hại nhân là tặc, người làm hại nghĩa là tàn. Tàn tặc là kẻ không ra gì. Ta chỉ nghe nói giết tên Trụ chứ không nghe nói giết vua vậy" (10).

6. Trời với dân tương quan mật thiết với nhau như vậy, thì trong khoảng trời đất, dân quý hơn cả. Vì có dân mới có nước, có nước mới có vua. Do đó dân quý nhất, thứ đến là nhà nước và sau cùng mới đến vua.

Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh. Đắc hồ kỳ dân nhi vi thiên tử. LẤY DÂN LÀM TRỌNG, NHÀ NƯỚC LÀ THỨ YẾU VÀ COI NHẸ CHÍNH QUYỀN. AI ĐƯỢC DÂN TíN NHIỆM SẼ ĐƯỢC CỬ LÀM NGUYÊN THỦ QUỐC GIA.

Đây là học thuyết dân chủ rất tiến bộ của Mạnh Tử. Lincoln cũng quan niệm tương tự như vậy khi chủ trương một "Chính phủ của dân, bởi dân và vì dân".

Trong đời sống chính trị hiện đại, xã hội loài người mỗi ngày một tiến gần đến dân chủ. Với chủ trương "ngày ngày đổi mới, càng ngày càng thêm mới" (11), xã tắc phải được hiểu là nhà nước, và quân phải được biến cải thành chính quyền (đa số các vua đời nay chỉ ngồi làm vì mà thôi). Sự thay đổi danh xưng là về hình thức, thực chất các thành phần cấu tạo quốc gia vẫn là Dân, Nhà Nước và Chính Quyền.

Dựa trên những giá trị nhân bản đã được chứng nghiệm như tự do, dân chủ, nhân quyền, pháp trị, chủ trương "lấy Dân làm trọng" đưa ra những đường lối thực tiễn để mưu cầu hạnh phúc cho dân, tạo bình đẳng cơ hội cho dân trau giồi giáo dục, kỹ thuật để tự lực mưu sinh, phát huy văn hóa đạo đức để nâng cao nhân phẩm, gây cho dân ý thức về nghĩa vụ và quyền lợi để tự làm chủ lấy mình (tự do) và làm chủ xã hội (dân chủ).

"Nhà Nước là thứ yếu" vì chỉ là một công cụ để điều hòa quyền lợi và nghĩa vụ của các tầng lớp dân chúng. Do đó không thiết lập tư bản nhà nước hay đế quốc nhà nước để tước đoạt tự do tài sản của dân. Không tổ chức công an mật vụ để trấn áp dân. Không xây dựng quân đội hùng mạnh để đi gây hấn và xâm lấn các quốc gia hiếu hòa lân bang.

Do quan niệm "coi nhẹ Chính Quyền", người dân có quyền truất phế các chính quyền chuyên chế, bất lực hay tham nhũng. Nếu gặp kẻ tham quyền cố vị, người dân có quyền đứng lên lật đổ.

Các bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ (1776) và Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền Pháp (1789) công nhận cho người dân "Quyền Đối Kháng" lật đổ bạo quyền để "giành lại những bảo đảm cho cuộc sống tương lai".

Trong chế độ dân chủ pháp trị, người dân có quyền thay đổi chính phủ trong vòng ôn hòa và hợp pháp bằng cách xử dụng lá phiếu trong các cuộc tổng tuyển cử tự do và công bằng.

7. Có dân chủ mới có tự do, có tự do mới có hạnh phúc. Kinh tế có điều kiện phát triển tốt nhất trong chế độ tự do dân chủ. Phát triển kinh tế cho DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH. Phát huy văn hóa giáo dục cho XÃ HỘI VĂN MINH.

Muốn trị nước phải giáo hóa dân cho dân có ý thức về nghĩa vụ và quyền lợi, cho xã hội có kỷ cương, luật pháp. Muốn thế phải làm cho dân giàu, vì có đủ ăn đủ mặc, dân mới học được tín nghĩa.

Muốn cho dân giàu, nước mạnh và xã hội văn minh phải hội đủ ba điều kiện: đủ ăn, đủ binh, và dân tin nơi chính quyền (12).

Trong ba điều ấy, nếu bất đắc dĩ phải bỏ một điều, thì bỏ việc binh. Còn hai điều mà bất đắc dĩ phải bỏ một, thì bỏ ăn. Bỏ ăn thì chết, nhưng xưa nay người ta ai cũng chết, chứ dân mà không tin thì không sao đứng được (13).

"Thông thường người có hằng sản thì có hằng tâm. Người không có của sẵn thì không có sẵn lòng tốt. Người không có sẵn lòng tốt thì sinh ra phóng đãng, mê muội, gian dối, không điều gì mà không dám làm. Đến khi phạm tội lại lấy hình luật mà trừng trị, thế là chăng lưới đánh lừa dân vậy." (14)

Nhiệm vụ của người trị nước là phải chăm lo cho dân sung túc, rồi lấy văn hóa giáo dục dạy dân tín nghĩa.

"Phải phân chia ruộng đất, chế định tài sản khiến cho người dân khi ngửng lên có đủ phương tiện thờ cha mẹ, khi cúi xuống đủ lực để nuôi sống vợ con. Năm được mùa thì được ấm no, năm mất mùa không đến nỗi chết đói. Được như thế rồi dạy dân làm điều lành, thì dân sẽ hoan hỉ làm điều lành.

Về mặt giáo dục, đặt nhà trường, nhà tự, nhà học, nhà hiệu để dạy dân biết rõ nhân luân, khiến mọi người biết thương yêu nhau, hiểu điều hiếu để, kẻ trung niên không phải lao động quá sức, người cao niên có áo lụa mặc, có thịt ăn, dân chúng không phải đói rét.

Những người già cả không có vợ con/chồng con, những trẻ mồ côi không có cha mẹ là những hạng cùng dân trong thiên hạ phải được ưu tiên giúp đỡ" (15)

8. Quan niệm CÔNG BẰNG XÃ HỘI nói trên được thể hiện trong "Học Thuyết Đại Đồng" của Khổng Tử:

"Muốn thi hành Đại Đạo phải coi thiên hạ là của chung. Tuyển chọn người hiền năng, giảng điều tín nghĩa, dạy điều hòa thuận. Cho nên người dân không có chỉ thân riêng cha mẹ mình, không chỉ thương riêng con mình. Cho người già có chỗ nương thân trọn đời, người trai tráng có việc làm và trẻ thơ được dưỡng dục đến trưởng thành. Chăm sóc người goá phụ, trẻ mồ côi, kẻ tàn phế. Thanh niên có chức phận, phụ nữ có gia đình. Tài sản không hoang phí ngoài ruộng đất, mà hà tất phải tàng trữ làm của riêng tư? Tài lực do thân mình làm ra, mà hà tất chỉ để phục vụ quyền lợi riêng mình? Vì vậy mưu mô quỷ quyệt không thi thố được, trộm cướp phi pháp không lộng hành được. Từ đó cửa ngõ không cần đóng kín. Đó là đời Đại Đồng" (16)

9. Các quốc gia dân chủ Tây Phương đã thiết lập chế độ an sinh xã hội để nuôi dưỡng người già, trẻ thơ, người tàn phế, người thất nghiệp. Tại Hoa Kỳ ngày nay, người già có chỗ nương thân trọn đời, trẻ thơ được dưỡng dục đến trưởng thành, kẻ tàn phế, người thất nghiệp được hưởng trợ cấp. Vậy mà nạn trộm cướp, bạo hành, sát nhân, ma tuý, du đãng vẫn lộng hành.

Người dân có cơm ăn áo mặc, nhưng vẫn thiếu an vui lạc phúc. Lý do là vì nhà nước quá chú trọng về Kinh Tế mà xao lãng Đạo Lý, đặt Quyền Lợi trước Lễ Nghĩa.

Chúng ta kỳ vọng rằng, qua thế kỷ 21, nhân loại sẽ bước vào kỷ nguyên Đại Đồng, khi Khoa Học Tây Phương phối hợp với Đạo Học Đông Phương. Khu vực Á Châu Thái Bình Dương sẽ là nơi thực thi nền tổng hợp Đông Tây, đem lại THÁI HÒA CHO THIÊN HẠ.

GHI CHÚ

(1) Lễ ký
(2) Tuân Tử
(3) Đại Học
(4) Thiên căng vu dân, dân chi sở dục, Thiên tất tòng chi (Thư)
(5) Thiên thị, tự ngã dân thị; Thiên thính, tự ngã dân thính (Thư)
(6) Duy mệnh bất vu thường, đạo thiện tắc đắc, bất thiện tắc thất. Hoàng Thiên vô thân, duy đức thị phụ (Thư)
Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong (Mạnh Tử)
(7) Dân chi sở hiếu, hiếu chi; dân chi sở ố, ố chi (Đại học)
(8) Điếu dân phạt tội (Thư)
(9) Tru bạo quốc chi quân nhược tru độc phu (Tuân Tử)
(10) Mạnh Tử
(11) Nhật nhật tân, hựu nhật tân (Đại Học)
(12) Túc thực, túc binh, dân tín (Luận Ngữ)
(13) Dân vô tín bất lập (Luận Ngữ)
(14) Mạnh Tử (15) Mạnh Tử
(16) Lễ vận

HÃY CHẤM DỨT VỤ THIÊN AN MÔN BẰNG CÔNG LÝ

SÀI LINH

NGUYỄN MINH dịch

LTS: *Cô Sài Linh, một lãnh tụ của phong trào sinh viên biểu tình đòi dân chủ năm 1989 ở Thiên An Môn, sau trốn được qua Hồng Kông, nay là một sinh viên M.B.A. của trường Cao đẳng Kinh Doanh - Harvard Business School. Bài này đăng trên báo The Wall Street Journal ngày 4 tháng Sáu năm 1997, đúng ngày kỷ niệm vụ thảm sát Thiên An Môn.*

Vào dịp kỷ niệm đầu tiên của vụ thảm sát ngày 4 tháng Sáu, sau cái chết của ông Đặng Tiểu Bình, nhiều người trên thế giới kêu gọi Bắc Kinh hãy đổi lại lời kết tội của họ đối với phong trào dân chủ Thiên An Môn. Năm 1989, để biện minh cho vụ thảm sát tàn bạo ngay tại trái tim của Bắc Kinh, chính quyền Trung Quốc tuyên bố rằng họ đã dẹp tan "một cuộc bạo động phản cách mạng." Lời lên án đó — thật sỉ nhục đối với người Trung Hoa khắp mọi nơi — không thể tồn tại nữa.

Gần đây, Hội Đồng Lập Pháp Hồng Kông đã thông qua một quyết nghị kêu gọi Bắc Kinh hãy đảo nghịch lời kết tội này, họ phản ảnh tiếng nói của gia đình những người đã bị sát hại trong thảm kịch đó. Sau cái chết của ông Đặng Tiểu Bình, cái thế lực chính trị muốn ngăn cản các dòi hỏi xét lại vụ Thiên An Môn đang yếu dần. Khi càng ngày càng thấy rõ rằng lời kết tội có ngày sẽ được đảo nghịch, câu hỏi cần nêu ra là nên thi hành như thế nào là tốt nhất.

Những tiền lệ của vụ Thiên An Môn

Lịch sử là ông thầy tốt nhất của chúng ta. Hai mươi mốt năm trước đây, sau cái chết của Mao Chủ tịch, một câu hỏi tương tự cũng được nêu lên liên quan tới lời kết tội đối với "vụ Thiên An Môn Thứ Nhất." Mùa Xuân năm 1976, các công dân và sinh viên qui tụ tại Quảng Trường Thiên An Môn để đòi hỏi chấm dứt Cách Mạng Văn Hóa. Mười năm trước đó, hàng triệu Vệ Binh Đỏ trẻ tuổi đã tuân theo lời kêu gọi của Mao hô hào "làm cách mạng thường trực" để hủy bỏ trật tự cũ. Trong thập niên kế đó, cả chính quyền lẫn Vệ Binh Đỏ thi hành vô số hành động bạo lực và vô luật pháp. Bị kiệt quệ vì tình trạng điên cuồng đó, nhân dân Trung Quốc kéo nhau xuống đường đòi chính phủ sửa đổi.

Ngày 5 tháng Tư, Mao Chủ tịch kết tội phong trào ôn hòa này là một cuộc "bạo động phản cách mạng" và ra lệnh dẹp tan. Các lãnh tụ bị bắt giữ và máu đã đổ, nhưng không có ai bị giết. Năm tháng sau Mao Chủ tịch chết. Người được ông chọn để thừa kế, Hoa Quốc Phong, chỉ muốn tiếp tục những chính sách của Mao, và nhiều lần bác bỏ mọi yêu cầu đảo nghịch lời kết án của vụ xẩy ra ngày 5 tháng Tư và xá tội cho những người bị kết án vì tổ chức cuộc phản kháng.

Nhưng nhờ những nỗ lực chung của những người muốn cải tổ trong đảng và trong quảng đại quần chúng, hai năm sau, lời kết tội đó được đảo nghịch tại phiên họp khoáng đại thứ ba của Đại Hội Đảng Toàn Quốc thứ 11. Đặng Tiểu Bình — đã thay thế Hoa Quốc Phong để giữ chức lãnh tụ tối cao của Trung Quốc— đọc một bài diễn văn nổi tiếng mở màn cho một thời kỳ đổi mới. Ông Đặng nói: "Người ta phải tin rằng đa số dân chúng có khả năng phân biệt giữa cái đúng và cái sai. Một đảng cầm quyền cần phải biết lo lắng khi họ không được nghe tiếng nói của dân chúng, vì chính sự im lặng của dân là điều đáng sợ nhất."

Ngày nay chúng ta tới một khúc rẽ lịch sử tương tự. Năm 1989, thế giới chứng kiến phong trào Thiên An Môn ôn hòa, phong trào nhắm mục đích chận đứng nạn tham nhũng đang gia tăng ở Trung Quốc và cổ động một nền dân chủ hiến định. Gán nhãn hiệu "bạo động phản cách mạng" cho một phong trào như vậy, và từ đó, biện minh cho một vụ tàn sát tàn bạo đối với thường dân vô tội, là sự vi phạm trắng trợn luật pháp và những quyền hiến định của nhân dân Trung Quốc. Lời kết tội "phản cách mạng" đối với phong trào (Thiên An Môn) ngày 4 tháng Sáu cần phải đảo nghịch để giải cứu những người vẫn còn bị mắc kẹt trong hệ thống hình sự của Trung Quốc, ngõ hầu có thể khai mở một thời đại cải tổ mới.

Triệu Tử Dương, chủ tịch Đảng Cộng Sản Trung Quốc năm 1989, từ chối thi hành quyết

định của các trưởng lão trong đảng đòi dùng võ lực để chấm dứt những cuộc biểu tình. Quyết định của ông thật đáng khen và can đảm, và hành động của ông hợp với luật pháp, hiến pháp của Trung Quốc và với nhân tình. Nhưng ông đã bị buộc tội "chia rẽ đảng" và "ủng hộ sự gây rối." Cáo buộc này cũng cần phải được hủy bỏ.

Đa số người ở Trung Quốc và ở ngoại quốc coi vụ thảm sát Thiên An Môn là vi phạm công lý. Tuy nhiên, một số lãnh tụ cao cấp lo ngại rằng việc tái xét bản án ngày 4 tháng Sáu sẽ đưa tới thêm những cuộc phản kháng, bất ổn xã hội, hoặc ngay cả tới sự tái diễn cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Những lo ngại này không chính đáng, như chúng ta đã thấy khi bản án ngày 5 tháng Tư được hủy bỏ. Lúc đó, không hề gây ra rối loạn như người ta lo ngại, Đặng Tiểu Bình đã mở đường cho tiến bộ và cải tổ trong ổn định.

Nhân dân Trung Quốc muốn có ổn định và thịnh vượng, tuy nhiên họ cũng mong có công bằng xã hội, dân chủ và tinh thần pháp trị. Thật sự là chỉ bằng cách cung cấp những phương tiện đối thoại giữa chính phủ và xã hội ngày càng đa dạng của Trung Quốc, chỉ bằng cách chận đứng tham nhũng trắng trợn ngày càng gia tăng, và chỉ bằng cách thi hành cải tổ chính trị, người ta mới có thể đạt tới sự ổn định thực sự. Nếu trông cậy vào sự đàn áp, người ta chỉ tạo sự ổn định giả tạo. Bằng cách đảo nghịch bản án liên quan tới những biến cố ngày 4 tháng Sáu, chính phủ cũng sẽ tạo được bảo đảm tốt nhất cho sự ổn định và thịnh vượng trường kỳ.

Bản án 4 tháng Sáu nên đảo nghịch như thế nào? Tiến trình này cần nên được thi hành theo đúng luật pháp và Hiến Pháp Trung Quốc, thay vì quyết định ở đằng sau những cánh cửa đóng kín như những nghị quyết chính trị vẫn luôn luôn được đưa ra ở Trung Quốc. Đặc biệt là Ủy Ban Thường Vụ của Quốc Hội Nhân Dân hãy nên thành lập một Ủy ban độc lập để nghe điều trần từ tất cả những người liên can tới vụ Thiên An Môn — từ cả hai phía — để tìm ra sự thật. Không có người sinh viên nào hay các lãnh tụ của họ, kể cả tôi, có lý do gì phải sợ sự thật. Sau khi tìm ra sự thật, ủy ban sẽ thảo những quyết nghị để đưa lên Quốc Hội. Một khi vấn đề đã được Quốc Hội giải quyết, tiến trình phục hồi cho các tù nhân chính trị có thể được giao phó cho các giới chức tư pháp.

Năm 1989, khi một số lãnh tụ trong chính phủ, đặc biệt là những người từng bị bức hại trong Cách Mạng Văn Hóa, thấy hàng trăm ngàn người trẻ tuổi tại Quảng Trường Thiên An Môn, họ sợ rằng phong trào dân chủ đó sẽ dẫn tới một cuộc hỗn loạn tương tự như Cách Mạng Văn Hóa. Bởi vì trong định chế quốc gia không có những ngõ thoát nào để tạo ra cuộc đối thoại giữa chính phủ và sinh viên, nhiều lãnh tụ không thể hiểu rằng các sinh viên ở Thiên An Môn đã học theo nguyên tắc bất bạo động của Mohandas Gandhi và Martin Luther King, và đã hành động theo niềm tin đó ngay cả khi họ phải đương đầu với xe tăng và súng đạn. Trong khi hàng triệu người đã bị tra tấn và sát hại trong Cách Mạng Văn Hóa, thì trong những cuộc biểu tình năm 1989, cho tới đêm mùng 4 tháng Sáu không một ai bị thương tổn.

Trung tâm điểm của tấn thảm kịch đó, là ông Đặng Tiểu Bình, đã không nhìn thấy rằng chỉ trong một thế hệ, giới trẻ của Trung Quốc đã tiến hóa từ đầu óc ưa chuộng bạo lực và căm thù như Vệ Binh Đỏ, họ đã đi tới chủ trương bất bạo động và hành động theo luật pháp. Đáng buồn rằng ông Đặng đã không lấy làm hãnh diện về thành quả lớn lao này, trái lại ông đã đàn áp ngay chính những người phải coi là thừa kế của mình.

Vì vậy, tôi thành thật hi vọng rằng tiến trình đảo nghịch lời kết tội sẽ không dẫn tới những vụ tranh chấp quyền lực ở cấp cao. Nó cũng không nên trở thành một cớ để qui trách nhiệm về vụ thảm sát hoàn toàn cho một số cá nhân. Ở điểm này, nếu không có sự tái xét công bằng bởi Quốc Hội và các cơ chế tư pháp, chúng ta không biết thảm kịch đó bao nhiêu phần là do những hành động của các cá nhân vô trách nhiệm, và bao nhiêu là do khuyết điểm của cấu trúc chính trị của Trung Quốc.

Dân chủ theo hiến pháp

Trong việc đảo nghịch bản án 4 tháng Sáu, chính phủ cũng nên tạo một tiến trình chính thức cho việc tham vấn công khai, hai chiều với các nhóm quyền lợi khác nhau của xã hội Trung Quốc. Họ nên cùng nhau khai triển một kế hoạch 10 năm để đạt tới thể chế dân chủ hiến định một cách tiệm tiến và ôn hòa, để cho phép có giới truyền thông độc lập, để chận đứng tham nhũng và để thiết lập thể chế pháp trị. Chỉ bằng cách này người ta mới có thể tránh được một thảm kịch khác giống như vụ thảm sát Thiên An Môn.

Một thế hệ lãnh tụ Trung Quốc mới có một cơ hội lịch sử. Trong tinh thần của bài diễn văn năm 1978 của Đặng Tiểu Bình, tôi kêu gọi cấp lãnh đạo Trung Quốc hãy đảo nghịch lời kết tội đối với vụ Thiên An Môn năm 1989 và đưa Trung Quốc vào con đường cải tổ chính trị và dân chủ hiến định.

DI CHÚC VỀ TÂM TỪ BI CỦA LEV TOLSTOI

THIỆN XUÂN INNA MALKHANOVA

Những con người ưu tú nhất của nhân loại trong thời đại nào cũng đều là những người vị tha, nghĩ đến người khác nhiều hơn là nghĩ về mình. Trong tâm trí họ thường xuyên xao xuyến, bận rộn, day dứt bởi những câu hỏi: phải giúp người khác thế nào đây? phải làm sao để đem lại niềm phúc lạc cho mọi người? làm sao để giải thoát cho loài người khỏi khổ đau, khỏi điều ác, khỏi giận hờn, ghen ghét, căm thù và bạo lực? Những tâm hồn cao thượng nhất của nhân loại đem lòng thương yêu, tâm từ bi của mình trải rộng ra chẳng những đối với con người, mà cả đối với muôn loài, muôn vật, cho đến cỏ cây, đất đá. Những tư tưởng, những tâm hồn, những ý hướng đó gần gũi với đạo pháp của Đức Phật biết bao!

Trong số những người Nga ưu tú nhất thì tôi thấy nổi bật lên đại văn hào, nhà hiền triết, nhà nhân văn, bậc chân nhân Lev (Léon) Tolstoi (1828-1910), người mà gần cuối đời đã đặc biệt quan tâm đến di sản tâm linh của Đức Phật, đã gặp gỡ, đàm thoại với các lạt ma, các nhà sư, và cố gắng truyền đạt những tư tưởng quý báu của Đức Phật vào dân chúng Nga bằng cách dịch những chuyện ngụ ngôn nhỏ trong Kinh Bách Dụ, những truyện cổ tích Phật giáo, viết bài giới thiệu cuộc đời Đức Phật, v.v... đăng lên các báo. Điều đó chứng tỏ rằng giáo lý vĩ đại của Đức Phật với minh triết bao la, rộng lớn, cao thượng đã có ảnh hưởng tốt đẹp đến con người sáng suốt như Tolstoi.

Đáng tiếc là những người Nga chúng tôi không phải bao giờ cũng biết được toàn bộ di sản tâm linh quý báu mà Tolstoi đã để lại! Có một thời gian dài đến trên 73 năm, cái di sản tâm linh đó đã bị đảng cầm quyền hoặc là ra sức xuyên tạc, vu khống, hoặc là cố bằng mọi cách che dấu với nhân dân. Dưới thời Xô-Viết, sinh viên chúng tôi phải học thuộc những lời phê phán, mỉa mai của Lenin đối với những tư tưởng tốt đẹp của Tolstoi, trong lúc đó, rất nhiều bài viết của Tolstoi thì không ai được biết đến vì chúng bị loại bỏ một cách cố ý và độc đoán ra khỏi bộ di cảo đồ sộ của ông gồm trên 90 tập sách dày. Đó là chưa nói đến thảm kịch của các môn đồ Tolstoi đã trở thành nạn nhân của các vụ đàn áp khốc liệt dưới thời cộng sản, dù họ là những người theo thuyết bất bạo lực, rất ôn hòa và không hoạt động chống đối mạnh mẽ. Chỉ sau khi chế độ cộng sản bị sụp đổ, nhiều tài liệu mật đã được công bố cho biết rằng các hội đoàn những người theo Tolstoi bị khủng bố ác liệt, những người theo tư tưởng Tolstoi bị cầm tù, bị tàn sát thê thảm.

Gần đây, tôi được đọc *"Thư gửi những người anh em"* của Lev Tolstoi, bức thư viết 90 năm trước đây mà giờ đây được đọc thì tôi thấy rất xúc động. Có thể coi bức thư này là *lời nhắn nhủ cuối cùng,* là bản di chúc của Tolstoi đối với mọi người, vì nó được viết ra trong ngày mà ông tưởng là ông sẽ chết. Chỉ mới đọc qua lời đề từ ở đầu thư viết rất bóng bẩy và ẩn dụ của nhà văn, tôi đã thấy ngay tất cả nỗi lòng của ông — băn khoăn, xót xa, day dứt — trước sự vô minh của những người đồng loại đang chen lấn nhau, dày xéo lên nhau đến chết để cố tìm, và than ôi, tìm nhầm lẽ sống, trong lúc đó, chính ông là người thấy rõ *"cửa ấy chỉ có thể mở được vào trong mà thôi,"* ý nói chỉ có thể tìm lẽ sống trong nội tâm, phải sống cuộc sống tâm linh, phải sống với lòng yêu thương rộng lớn, phải thực sự điều phục, cải biến cái tâm của mình.

Như tôi đã nói, toàn bộ bức thư đã gây cho tôi ấn tượng thật mạnh và sâu sắc. Vì tôi cảm thấy bức thư đó, xuyên qua làn sương mù dày đặc của năm tháng — 90 năm chứ có phải ít gì đâu! — đã đến với tôi, dường như chỉ dành riêng cho tôi: những tư tưởng của tác giả bức thư sao mà phù hợp, mà đồng điệu với tâm tư, ý tưởng, với sự cảm nhận của tôi về lẽ sống của con người đến thế! Và tôi thấy rằng những tư tưởng đó của Tolstoi cho đến bây giờ vẫn còn

nóng hổi, vẫn còn bức thiết, vẫn còn có "tính thời sự" cả đối với "những người anh em" đang sống trên cái thế giới ngày nay, nơi mà điều ác đã không ít hơn trước, có khi lại còn nhiều hơn. Đây quả là lời nhắn nhủ thiết tha đối với loài người đang đứng trước ngưỡng cửa của thiên niên kỷ thứ ba và thế kỷ 21. Hơn nữa, điều chủ yếu là những tình cảm, những ý tưởng, sự cảm nhận về thế giới của Tolstoi nêu ra trong thư, sao mà trùng hợp với những tư tưởng cao siêu của đạo Phật đến thế!

Mọi người đều đã biết là từ xưa đến nay, cuộc đời trên thế giới này tràn đầy đau khổ, đúng như lời Phật dạy "Đời là biển khổ." Khổ do sự vô minh của con người, do sự hận thù, tham lam, đâm chém, cướp bóc lẫn nhau, do sự dối trá, bịp bợm, do thói ích kỷ... Đặc biệt là đầu thế kỷ 20 này — thời điểm mà nhà đại văn hào Lev Tolstoi viết bức thư — khi ở châu Âu, giới trí thức, sinh viên cấp tiến và công nhân đang say sưa tiếp nhận học thuyết của Marx, là thứ chủ nghĩa kêu gọi hận thù giai cấp, đấu tranh giai cấp, kêu gọi bạo lực (chắc mọi người còn nhớ Marx nói là: bạo lực là bà đỡ của mọi cuộc cách mạng!), họ điên cuồng lao vào "cuộc đấu tranh cuối cùng" (lời trong bài Quốc tế ca) với hy vọng sẽ được giải thoát vĩnh viễn khỏi mọi ách áp bức bóc lột, sẽ xây dựng nên một thế giới đại đồng với hạnh phúc chung bất tận. Cũng trong thời điểm đó, ở nước Nga vừa bùng nổ cuộc nổi dậy quyết liệt của công nhân (năm 1905) và cuộc đàn áp đẫm máu cũng không kém phần quyết liệt của kẻ cầm quyền. Cũng trong thời điểm đó các giới quân phiệt trên thế giới đang từng bước chuẩn bị một cuộc chém giết lẫn nhau khủng khiếp trên quy mô thế giới. Tóm lại, loài người cũng như dân Nga đang trong cơn loạn thần kinh, đang lao vào cuộc xâu xé nhau giữa người với người và đang chuẩn bị cho những cuộc chém giết đẫm máu chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại: cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) và việc thiết lập nền chuyên chính vô sản sau cuộc đảo chính tháng 10 năm 1917 của những người cộng sản bolshevik Nga. Nền chuyên chính đẫm máu này kéo dài hơn 70 năm trời trên một lãnh thổ rộng bằng một phần sáu diện tích địa cầu. Chính nhà hiền triết Lev Tolstoi, với cái tâm từ bi rộng lớn, cái trí tuệ nhạy cảm, đã thấy trước những thảm kịch đó và đã phát ra lời kêu gọi tha thiết này để mong "những người anh em" sớm thoát khỏi vô minh, cùng sống với nhau trong lòng thương yêu nồng thắm, để tìm thấy niềm phúc lạc chính trong lòng thương yêu đó. Tiếc thay, tiếng kêu gọi thống thiết này của ông đã trở thành tiếng kêu giữa bãi sa mạc! Nhưng, như tôi đã nói trên, ngày nay tiếng kêu đó vẫn còn có "tính thời sự" nóng hổi. Chỉ mong sao loài người biết lắng nghe!

Là một Phật tử Nga, tôi rất mong được giới thiệu bức thư của Tolstoi với mọi người, nhất là với anh chị em Phật tử khắp nơi trên thế giới — từ châu Á đến châu Âu, châu Phi, từ châu Mỹ đến châu Úc, để mọi người cùng cảm nhận nỗi đau của Tolstoi trước đau khổ và sự vô minh của con người, cùng cảm nhận niềm khát vọng của Tolstoi muốn thức tỉnh mọi người, muốn làm cho con người tốt hơn, từ bi hơn, nhân đạo hơn, trong sáng hơn, biết sống với lòng yêu thương rộng lớn để giảm thiểu điều ác, giảm thiểu nỗi khổ đau trên trái đất này. Hơn nữa, khi đọc bức thư này của Tolstoi, tôi tin chắc rằng Phật tử chúng ta sẽ càng thấy sâu sắc hơn nữa tầm vóc vĩ đại cùng với giáo lý cao siêu, màu nhiệm của đạo Phật, vì thực ra, những điều Tolstoi nêu ra trong thư cũng chính là những điều đức Phật đã từng nói khoảng 25 thế kỷ trước.

Lev Tolstoi thực sự là niềm tự hào của những ai muốn sống tốt đẹp, xứng đáng với sứ mệnh Con Người viết hoa, muốn sống với niềm phúc lạc của tình thương yêu, tâm từ bi, lòng vị tha. Uy tín của Tolstoi đối với dân Nga và nhân dân thế giới thật lớn. Lòng quý mến nhà đại văn hào đã để lại cho loài người những tác phẩm bất hủ, như *"Chiến tranh và Hòa bình"*, *"Phục Sinh"*, *"Anna Karenina"*..., lòng kính phục nhà văn vĩ đại đã thể hiện rõ rệt trong những đoàn người đông đảo từ khắp nơi trên trái đất và nước Nga kéo nhau đến hành hương tại Yasnaya

* Lịch sử là một chiếc tàu mang những ký ức sống động vào tương lai.
----Stephen Spender

* Loại mực được dùng để viết mọi thứ lịch sử thực ra chỉ là định kiến ở dạng chất lỏng.
---- Mark Twain

* Lịch sử chẳng gì khác hơn là sự miêu tả những tội ác và những bất hạnh.
---- Voltaire

* Một khi lịch sử được kể đúng mức thì cũng chẳng cần đến tiểu thuyết nữa.
---- Walt Whitman

Polyana, nơi bá tước Lev Tolstoi đã chào đời và đã sống phần lớn cuộc đời đầy sáng tạo của mình. Người ta muốn tận mắt nhìn thấy nơi chôn nhau cắt rốn của Tolstoi, muốn mường tượng thấy lại hình bóng của bậc chân nhân Nga trong khu bảo tàng đó, để cảm nhận sâu hơn tư tưởng cao quý của ông, hiểu được phong trào Tolstoi hồi đấu thế kỷ 20, phong trào ấy dựa trên thuyết bất bạo lực, chủ trương đi sâu vào dân chúng để phục vụ con người, quan tâm đến giáo dục, đến đạo đức và lòng bác ái, từ bi mà khi sinh thời, Tolstoi đã từng nêu gương và cổ vũ.

Dưới đây, là toàn bộ bức thư của Lev Tolstoi. Vì bức thư viết rất khó, nên tôi phải nhờ đến ngòi bút dịch thuật của đạo hữu Thiện Mẫn mới mong truyền đạt hết tinh thần của tác giả ra tiếng Việt. Bức thư đã đăng trên tuyển tập nhan đề *"Đạo Pháp"*, do tạp chí *"Buddha"* xuất bản bằng tiếng Nga tại Moskva năm 1996.

NIỀM PHÚC LẠC CỦA LÒNG THƯƠNG YÊU

Thư gửi những người anh em

Thế thì phải làm gì đây khi một người thấy đám đông dân chúng chen lấn nhau, dày xéo lên nhau đến chết, cố lật đổ và ráng sức xô cánh cửa cực kỳ vững chãi với hy vọng mở nó ra ngoài, trong khi đó anh ta biết rằng cửa ấy chỉ có thể mở được vào trong mà thôi?

L.N.Tolstoi

Hỡi những người anh em thương mến, đặc biệt là những anh em ở nước Nga hiện nay đang tranh đấu cho việc tổ chức nhà nước theo kiểu này hay kiểu khác hoàn toàn không cần thiết. Người anh em thương mến ơi, bất kỳ người đó là ai — Sa hoàng, bộ trưởng, công nhân, nông dân — người anh em cần chỉ có độc một điều thôi, một điều duy nhất mà thôi. Điều duy nhất đó là : sống hết cái khoảnh khắc ngắn ngủi, vô định ấy của cuộc đời sao cho đúng với sự mong muốn ở người anh em, khi Đấng Tối Thượng đã phái người anh em xuống sống ở cõi trần này.

Tất cả chúng ta đều biết, và tôi luôn luôn cảm thấy lờ mờ điều đó, và càng sống lâu thì càng thấy rõ hơn, còn bây giờ, từ ngày hôm nay, khi mà lần đầu tiên tôi cảm thấy cái chết đã gần kề, giống như người sống cảm thấy hiển nhiên sự gần gũi của ngày mai. Cái chết không những không đáng sợ, mà đó là sự chuyển tiếp thật tự nhiên và phúc lạc, giống như sự chuyển tiếp đến ngày mai. Bây giờ, sau khi đã cảm thấy như vậy, thì tôi thấy sợ, và điều chính là tôi thấy lạ lùng khi nghĩ đến cuộc đời khủng khiếp đầy hận thù mà hiện nay đại đa số người trong chúng ta đang sống, là những người vốn được sinh ra vì lòng thương yêu và niềm phúc lạc.

Chúng ta là ai, chúng ta là cái gì? Chỉ là những sinh vật yếu đuối, hèn kém, có thể biến mất trong bất cứ giây phút nào, những sinh vật đó từ cõi hư vô nhảy vào cuộc đời tuyệt đẹp, hân hoan với bầu trời lồng lộng, với vừng dương rực rỡ, với rừng núi, đồng cỏ, sông ngòi, chim muông, với niềm phúc lạc của lòng thương yêu cả đối với đồng loại, cả đối với tâm hồn của mình, cả đối với điều thiện và cả đối với mọi loài đang sống... Thế thì sao? Chúng ta, những sinh vật đó, chúng ta không tìm thấy cách gì tốt hơn để trong khoảnh khắc ngắn ngủi, vô định ấy, khoảnh khắc có thể bị đứt đoạn trong mỗi giây phút của cuộc đời để cống hiến cho những việc, như làm hư hỏng đất đai bằng sự xây cất những ngôi nhà mười tầng, những đường rải đá, làm phun khói, phun muội đầy trời, rồi náu mình trong những ngôi nhà ổ chuột ấy, rồi chui xuống lòng đất, khai thác đá, khai thác sắt để xây dựng đường sắt chuyên chở khắp thế giới những con người không ai cần đến và những hàng hóa không cần thiết, và điều chủ yếu là, thay vì cuộc đời hoan hỉ, cuộc đời của lòng thương yêu, thì người ta lại thù hận, sợ sệt, đau khổ, hành hạ nhau, chém giết, giam cầm, hành hình, học giết chóc và giết chóc lẫn nhau.

Tất cả những cái đó thật khủng khiếp làm sao!

Những người làm những điều đó, nói rằng họ làm tất cả những điều đó để giải thoát cho con người khỏi mọi sự xấu xa. Và còn bịp bợm hơn nữa, họ nói rằng họ làm những điều đó để giải thoát cho người khỏi điều ác, rằng động cơ của họ khi làm những điều đó là tình yêu thương đối với con người.

Hỡi những người anh em thương mến, xin các bạn hãy tỉnh ngộ, hãy quay đầu nhìn lại, hãy suy nghĩ về sự yếu đuối của mình, về tính chất phù du của mình, về điều này: trong cái thời hạn ngắn ngủi, vô định ấy của cuộc đời giữa hai cõi vĩnh cửu hay, nói đúng hơn, giữa hai cõi vô thời gian của cuộc đời không biết niềm phúc lạc nào cao hơn lòng thương yêu. Xin các bạn hãy nghĩ lại về điều này: thật là điên rồ biết bao khi không lòng thương yêu. Xin các bạn hãy nghĩ lại về điều này: thật là điên rồ biết bao khi không làm những điều vốn là bản tính của các bạn, mà lại làm những điều các bạn hiện đang làm.

Trong sự vô minh của các bạn, được dư luận xã hội vô tình ủng hộ, các bạn tưởng rằng tất cả những điều các bạn đang làm là điều kiện tất yếu, không tránh được của cuộc sống con người trong thời đại của chúng ta ngày nay;

rằng những điều các bạn đang làm là sự tham gia vào cuộc sống toàn thế giới của nhân loại; rằng các bạn không thể không làm những gì mà tất cả mọi người đã làm và đang làm và cho là cần thiết phải làm. Nhưng, nghĩ như thế là đúng: nếu những gì các bạn làm phù hợp với đòi hỏi của tâm hồn các bạn, nếu những điều đó đem lại niềm phúc lạc cho các bạn và cho những người khác. Thế mà không có điều đó. Cuộc sống của thế giới, của nhân loại, như nó đang diễn tiến hiện nay, với toàn bộ tiến trình của nó, đòi hỏi ở các bạn sự hung ác, sự tham dự vào những việc không có lòng thương yêu đối với một số người anh em này vì những người anh em khác và không đem lại niềm phúc lạc cả cho những người khác và cả cho chính các bạn.

Có người đáp lại rằng: "Nhưng chúng tôi làm việc cho tương lai cơ mà." Nhưng tại sao bây giờ lại phải hy sinh cuộc sống hiện tại của lòng thương yêu vì một cuộc sống tương lai mà các bạn không biết là gì cả?

Lẽ nào không thấy rõ điều đó quả là một sự mê tín lạ lùng và nguy hại hay sao. Tôi biết, tôi biết chắc chắn rằng cuộc sống phải ở trong lòng thương yêu và trong đạo lý của Thượng Đế và trong sự đòi hỏi của trái tim tôi, và nó đem lại niềm phúc lạc cho tôi và cho người khác, thế mà bỗng dưng có những lập luận trừu tượng nào đấy bắt tôi phải từ bỏ niềm phúc lạc hiển nhiên, chắc chắn của tôi, trách nhiệm và đạo lý của tôi... Vì cái gì thế? Chẳng vì cái gì cả. Vì tập tục, thói quen, vì bắt chước.

Cứ để người chiến sĩ đấu tranh cho "tự do" hay "trật tự" cống hiến dù chỉ một phần trăm những cố gắng, những hy sinh mà anh ta đang dành cho cuộc đấu tranh vì mục đích của mình, cống hiến cho việc tăng thêm lòng thương yêu trong lòng mình và trong lòng những người khác, thì anh ta ---- không giống như trong hoạt động đấu tranh, nơi không thấy được những kết quả mà chỉ mong đợi chúng thôi ---- thì lập tức anh ta sẽ thấy được những thành quả hoạt động thương yêu của mình không chỉ đối với mình, mà sẽ thấy cả trong niềm hân hoan vĩ đại của lòng thương yêu lẫn trong những dấu vết mà hoạt động đó nhất định để lại trong lòng những người khác nữa.

Hỡi những người anh em thương mến, xin các bạn hãy hồi tỉnh lại, hãy tự giải thoát mình khỏi quán tính đáng sợ của lầm lạc (lầm lạc tưởng rằng cuộc đấu tranh, cuộc đấu tranh thú vật có thể là đặc tính của con người, mà không nguy hại cho con người); và các bạn sẽ biết được nỗi hân hoan, niềm phúc lạc, tính chất thiêng liêng của đời sống; những thứ đó thì không gì có thể phá hủy được: cả những đòn đả kích của kẻ khác, vì những đả kích đó chỉ làm tăng cường thêm lòng thương yêu mà thôi, cả nỗi khiếp sợ chết chóc, vì đối với lòng thương yêu thì không có chết chóc.

Hỡi những người anh em thương mến, tôi không dám nói: "các bạn hãy tin tôi, hãy tin tôi," xin các bạn chớ tin, mà hãy kiểm nghiệm điều tôi nói, dù chỉ trong một ngày mà thôi. Dù chỉ trong một ngày thôi, khi vẫn còn ở trong những điều kiện mà ngày hôm đó bạn đang sống, hãy đặt cho mình nhiệm vụ là làm bất cứ việc gì trong ngày hôm đó cũng đều lấy lòng thương yêu làm động cơ cho mình. Và tôi biết rằng một khi các bạn đã làm được như thế rồi, thì các bạn sẽ không quay trở lại với sự lầm lạc cũ, đáng sợ, nguy hại kia nữa.

Tôi chỉ xin các bạn một điều này thôi, hỡi những người anh em thương mến: các bạn hãy nghi ngờ điều nói rằng cuộc sống đang diễn ra quanh ta chính là cuộc sống phải có (cuộc sống đó thực ra là sự bóp méo cuộc sống), và các bạn hãy tin rằng lòng thương yêu, chỉ có lòng thương yêu là cao hơn cả: lòng thương yêu chính là sứ mệnh, là bản chất, là niềm phúc lạc của cuộc đời chúng ta. Hãy tin rằng cái khát vọng được phúc lạc đang có trong mỗi trái tim, cái nỗi bực dọc vì không có được điều phải có: niềm phúc lạc. Hãy tin rằng cái tình cảm chính đáng đó phải được đáp ứng và nó dễ dàng được đáp ứng chỉ khi nào người ta không còn lầm tưởng ---- như bây giờ ---- sự bóp méo cuộc sống là cuộc sống thật.

Hỡi những người anh em thương mến, vì niềm

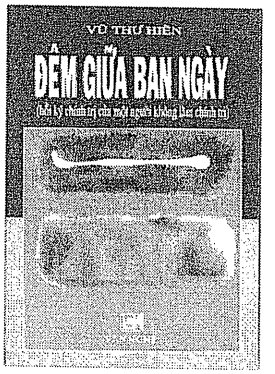

Giá 28 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 5MK cước phí

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

PO BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683.
ĐT (714) 527-5761

phúc lạc của các bạn, các bạn hãy làm điều này: các bạn hãy nghi ngờ cuộc sống bề ngoài mà các bạn coi là hết sức quan trọng; hãy nghi ngờ cuộc sống mà các bạn đang sống. Xin các bạn hiểu rằng tất cả những chế độ xã hội tưởng tượng của hàng triệu và hàng triệu người, đó là chưa kể đến vinh hoa phú quý của cá nhân, v.v... — tất cả những thứ ấy đều là những điều vặt vãnh nhỏ mọn và không đáng kể so với tâm hồn mà các bạn nhận thức được ở mình trong khoảnh khắc ngắn ngủi này của cuộc đời giữa lúc sinh ra và khi chết, và cái tâm hồn đó không ngừng đưa ra cho các bạn những đòi hỏi của nó. Các bạn hãy sống vì cái tâm hồn đó và bằng cái tâm hồn đó, hãy sống bằng thương yêu mà tâm hồn đó kêu gọi các bạn, thì tất cả những phúc lạc kia cho các bạn và cho tất cả mọi người, những phúc lạc mà các bạn chỉ có thể ước mơ được, những phúc lạc càng nhiều gấp bội sẽ đến với các bạn.

Chỉ cần một điều là các bạn hãy tin tưởng vào niềm phúc lạc của lòng thương yêu đang công nhiên vẫy gọi các bạn đến với nó.

Lev Tolstoi (21.8.08)

Tôi đã tưởng là tôi sẽ chết trong ngày hôm đó, khi tôi viết bức thư này. Tôi đã không chết, nhưng lòng tin của tôi vào những điều tôi đã nói ra ở đây vẫn nguyên vẹn như trước, và tôi biết rằng sẽ không thay đổi cho đến khi tôi chết, cái chết dù sao thì chẳng bao lâu nữa cũng phải đến với tôi.

Các bạn thân mến! Tôi vừa giới thiệu với các bạn bức thư của Lev Tolstoi gửi những người anh em. Đó là lời nhắn nhủ thống thiết của ông với loài người trên trái đất hồi đầu thế kỷ 20. Tiếc thay, những lời nhắn nhủ đó đã không được đông đảo loài người cảm nhận. Và hậu quả rõ rệt là trong gần hết thế kỷ, loài người càng đi sâu vào lầm lạc: chém giết lẫn nhau trong những cuộc thế chiến thứ nhất và thứ hai gây nên bởi các thế lực quân phiệt và phát xít, trong những cuộc chiến tranh để giành và giữ thuộc địa do các cường quốc thực dân tiến hành, trong những cuộc cách mạng xã hội vô bổ mà nhân dân chỉ là cái bung xung cho những kẻ thống trị mới lên nắm quyền, trong những cuộc nội chiến triền miên, đẫm máu vì ý thức hệ, vì tôn giáo, vì phe phái, trong những cuộc thử nghiệm tào lao về về việc tổ chức đời sống "xã hội chủ nghĩa" tiến hành trong nhiều nước với nền chuyên chính vô sản, với bạo lực, đàn áp, khủng bố, hành quyết... Hàng trăm triệu sinh mạng đã ngã xuống trên khắp năm châu! Chỉ nói riêng cuộc thử nghiệm "xã hội chủ nghĩa" ở Liên Xô trong hơn bảy mươi năm đã cướp đi 65 triệu sinh mạng! Hay chỉ riêng một cuộc "nhảy vọt" ở Trung Quốc hồi giữa thế kỷ đã làm cho 30 triệu người chết đói! Đó là chưa nói đến hàng chục triệu nạn nhân khác đã ngã xuống trong cải cách ruộng đất, cải tạo trí thức, tư sản, "tam phản," "ngũ phản," cách mạng văn hóa! Đó là chưa nói đến cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng giữa các "cường quốc" và "siêu cường" đã đưa loài người có lúc nằm sát bên lề cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt chính con người! Đó là chưa nói đến nền "văn minh" vật chất với tinh thần hưởng thụ, hưởng lạc đến mức cuồng loạn đã tận diệt một số loài sinh vật và gây nên nguy cơ hủy diệt "mọi loài đang sống" (từ ngữ này của Tolstoi tương đương với từ "chúng sinh," "giới hữu tình" trong đạo Phật), đang đặt con người trước hiểm họa hạt nhân, hiểm họa sinh thái có thể tận diệt mọi người, mọi loài trên hành tinh chúng ta, điều mà chính Tolstoi đã cảnh báo hồi đầu thế kỷ khi ông nói đến việc "làm hư hỏng đất đai"! Những thí dụ khủng khiếp về sự điên rồ như thế còn có thể kể mãi không hết! Điên rồ như thế để làm gì? Chung quy chỉ để làm khổ thêm con người!

Khi giới thiệu bức thư của Lev Tolstoi, tôi chỉ mong sao loài người ở cuối thế kỷ 20 sẽ học được những bài học đầy xương máu và nước mắt của gần mười thập niên qua để sớm tỉnh ngộ, sớm quay đầu nhìn lại, sớm mạnh dạn bước trên con đường tâm linh, sớm đi theo con đường đạo để tu dưỡng cái tâm của mình, để sống với lòng thương yêu rộng lớn muôn loài, muôn vật và đó là điều cần thiết nhất để đem lại niềm phúc lạc lớn lao cho mọi người và mọi loài trên trái đất. Chỉ mong sao con người trong thế kỷ 21 sẽ khôn hơn, bớt lầm lạc hơn, biết tin và làm theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca, của Đức Chúa Ky Tô, của các bậc chân nhân... để cùng sống với nhau trong tình anh em, vì chỉ có lòng thương yêu, tâm từ bi mới cứu được con người, và nói chung, mới cứu được "mọi loài đang sống."

Là một Phật tử, tôi chỉ xin thành tâm nguyện cầu cho đạo Pháp của Đức Phật ngày càng rọi sáng trong tâm nhiều người trên trái đất để mọi chúng sinh đều được hưởng niềm phúc lạc vô tận của tâm từ bi, lòng thương yêu.

Moskva, 16.4.97

Thiện Xuân Inna Malkhanova
Hội Phật giáo Thảo Đường

Ghi chú của Tòa soạn: Tác giả bài này, một người Nga, là một nhà Việt học, giảng dạy tiếng Việt ở Đại học tại Nga. Bà là Hội trưởng Hội Phật giáo Thảo Đường ở Moscow.

TÔI YÊU TIẾNG NƯỚC TÔI

BỬU SAO

Yêu tức là chọn. Chọn đối tượng để cùng chung sống mãi mãi. Và khi đã đặt vấn đề chọn lựa trong môi trường tự do thì yêu là vô điều kiện: đặt tình yêu trong những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội, tức là đã giết mất tình yêu rồi. Mà yêu tức là sáng tạo nữa: sáng tạo những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội thuộc nguồn cảm kích của mỗi người. Cái quý của yêu là ở đó.

Vào năm 1975, khi Việt Nam rơi vào tay cộng sản, nhiều người than rằng: mất nước là mất tất cả! Tôi nói: không! đối với tôi, tôi không mất nước. Tôi chỉ mất một nơi mà tôi đã từng sống, đã từng yêu, vui, buồn. Song tổ quốc Việt Nam ở trong trí óc, ở trong lòng của mỗi một người Việt Nam.

Một hiện tượng kỳ lạ mà mọi người Việt hải ngoại đã ghi nhận trên chính trường quốc tế là hiện tượng Ỷ Lan. Cô Ỷ Lan người gốc nước Anh mà cô yêu nước Việt Nam, nói và viết tiếng Việt Nam còn ngon lành hơn nhiều người Việt hải ngoại nữa. Cô Ỷ Lan chưa bao giờ có dịp về Việt Nam mà cô đã tả cảnh đồng quê nước Việt, diễn đạt được những ý tưởng khúc mắc và tế nhị bằng tiếng Việt; cô đã viết sách bằng Việt ngữ làm cho nhiều người ngoại quốc và cả người Việt Nam yêu nước Việt Nam hơn. Với trí óc, với việc sưu tầm học hỏi về tiếng Việt, về văn hóa Việt Nam, cô đã sáng tạo được lịch sử và và văn hóa Việt trong lòng mình để yêu, để quý nước Việt Nam như là quê hương của mình vậy.

Trái lại khi mình nhận thấy mình cần phải tìm lại quê hương mình ở mãi tận chân trời xa xăm thì cái cảm trạng của *"người bị mất nước"* càng lớn trong lòng mình. Xét cho cùng thì, thật ra, mình chỉ muốn đi tìm lại cái chỗ đứng đúng vị trí của mình trong cái xã hội mà mình đã bị tước mất. Đấy có thể là tâm trạng, là não trạng của một số không ít người trí thức Việt Nam tại hải ngoại.

"Bản đồ nước tôi", tôi đã tìm thấy tại nước người, trong thời gian ở Pháp, riêng qua tám năm sưu tập trong thư viện quốc gia Paris. Thật không ngờ mà những sự mất mát đau đớn nhất của dân tộc Việt Nam đều có vẻ hồi phục lại được tất cả tại Thư Viện Quốc Gia Paris. Những kho tàng văn hóa đã bị đốt phá hay phân tán qua các vụ binh biến từ thời Pháp đô hộ tới thời cộng sản đốt phá đều đã được cất giữ và sắp xếp thành hệ thống mạch lạc tại Pháp, tại Mỹ, tại Thư viện Vatican, dưới tên là "kho Việt Nam" (Fonds Vietnamien) trong các thư viện. Vậy thật đau lòng khi đọc phải một đoạn văn như thế này: *"Văn hóa chúng ta quá kém trong khi văn hóa chính là sợi dây gắn bó của mọi dân tộc. Suốt 'bốn ngàn năm văn hiến' trong đó có gần một ngàn năm độc lập, chúng ta đã không sáng tác được bao nhiêu. Cảm hứng vụn vặt, đam mê chốc lát đã chỉ để lại một số ít ỏi những tác phẩm nhỏ, hoặc họa hiếm lắm là trung bình. Tâm hồn của chúng ta thiếu sự vĩ đại, vì thế chúng ta dễ hài lòng với cái nhỏ của mình và không cảm thấy nhu cầu kết hợp những cái nhỏ lại thành một cái lớn và tư tưởng của ta chỉ là những bản sao mờ nhạt của văn hóa tư tưởng của Trung Hoa, và sau đó của Phương Tây..."* (Nguyễn Gia Kiểng) (1). Thế tại sao có bao nhiêu người trí thức Việt Nam tại ngoại quốc như các ông Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Ngọc Bích, Lương Kim Định, và bao nhiêu người khác mà tôi không thể kể ra hết đã chịu bỏ phí rất nhiều thời giờ và công sức để dịch ra tiếng ngoại quốc *"những tác phẩm nhỏ, họa hiếm lắm là trung bình?"* Tại sao vị chuyên gia nghiên cứu về văn hóa Việt Nam, L.M. Lương Kim Định, đã suốt 40 năm của cuộc đời dí mắt vào bao nhiêu di cảo, nếu đấy chỉ là *"những bản sao mờ nhạt của văn hóa và tư tưởng của Trung Quốc mà các nho gia Việt Nam chỉ sao chép lại?"* Trước kia có lúc tôi cũng đã trót đặt những câu hỏi như thế. Thời ấy tôi chuyên viết bằng tiếng Pháp, suy nghĩ cũng bằng tiếng Pháp, vì cho rằng tiếng Việt không đủ chữ để diễn đạt những tư tưởng phong phú của người Tây phương. Nhưng qua tám năm sưu tầm lịch sử và văn hóa Việt Nam tại Thư Viện Quốc Gia Paris, tôi đã cảm thấy được sự sâu sắc, phong phú, thâm thúy, tế nhị của tiếng nước tôi. Bây giờ tôi lại muốn sử dụng tiếng Việt như một khí

cụ rất hàm súc để diễn đạt tư tưởng của mình. Chỉ vào độ tuổi 60, cách đây không bao lâu, tôi mới thật sự viết tiếng Việt. Nay tôi đã nhận thấy sự nhầm lẫn ngu muội khi để cho các con tôi quên hẳn tiếng mẹ đẻ của chúng, chỉ nói chuyện với chúng bằng tiếng Pháp. Rồi để chứng minh sự sâu sắc và phong phú tiếng Việt cho chính tôi và cho các con, tôi đã dịch những đoạn văn tiếng Việt mà tôi ưa thích ra tiếng Pháp. Bốn câu thơ truyền hịch của Lý Thường Kiệt: *"Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư...,"* những câu phương ngôn lịch sử như: *"Nực cười châu chấu đá xe, tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng,"* rồi bài thơ *"Thăng Long thành hoài cổ"* của bà huyện Thanh Quan, bài *"Hàn nho phong vị phú"* của Nguyễn Công Trứ, tôi đã dịch sang tiếng Pháp cho các con tôi đọc. Những áng văn đó tôi đặt ngang tầm với tác phẩm các văn hào Pháp cùng thế kỷ (2). Trong lĩnh vực kinh tế và chính trị, những nhân vật như Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương, Trần Thủ Độ, nếu khảo sát kỹ qua các dữ kiện kinh tế và chính trị cùng thời, thì ý tưởng và sự việc của các ông này không thua gì ý tưởng của các ông Montaigne, Machiavel vào thời ấy cả. Giáo sư Lương Kim Định đã chứng minh rằng Văn hóa Lạc Việt đã trường tồn và phát triển qua các áng văn hoa-nôm và nhất quyết không phải là những *"bản sao mờ nhạt của văn hóa và tư tưởng của Trung Hoa và Phương Tây."* Việt Nam có một Đạo Nho khác đạo nho Trung Hoa, và điều lạ mà G.S. Lương Kim Định đã minh chứng là đạo Nho phát xuất từ nước Đại Việt, và Trung Hoa đã đến sau để hoàn bị và có lúc làm

cho sa đọa ra nữa. Phật Giáo trước khi đến Trung Hoa cũng đã theo con đường phía Nam từ Srivijaya theo ven biển lên Champa, đến Đại Việt trước đã. Nước Đại Việt, qua các thời đại Đinh Lê Lý Trần đã đóng một vai trò tối quan trọng trong cuộc giao lưu văn hóa giữa các quốc gia Đông Tây vào các thời đó.

Dân Việt Nam có rất nhiều lý do để tự hào về quê hương mình. Dân Việt Nam có rất nhiều lý do để yêu nước. Đối với tôi yêu nước hay không yêu nước, yêu nước nhiều hay ít không phải là thành quả của những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội. Yêu nước hay không yêu nước, yêu nước nhiều hay ít tùy thuộc rất nhiều ở những sự kiện và dữ kiện lịch sử, văn hóa, xã hội mà mỗi người Việt đã phát hiện và sáng tạo lấy cho mình trong quá trình đấu tranh để giành nước, dựng nước hay giữ nước.

Nói đến công cuộc đấu tranh để giành nước, dựng nước và giữ nước, lịch sử thường hay nhắc đến những vị anh hùng như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, và sau này vua Quang Trung. Đọc lại kỹ lịch sử nước Nam tôi nhận thấy rằng dân tộc Việt Nam không bao giờ tôn thờ bạo lực cả. Bạo lực chỉ xuất hiện khi giới cầm quyền không còn là *"Dân chi phụ mẫu."* Bạo lực xuất hiện khi giới cầm quyền không còn xem dân là gốc, mà là guốc, là vật dụng để chuyên quyền, làm bậy. Bạo lực trong lịch sử Việt Nam chỉ là phương tiện, không bao giờ là cứu cánh để được tôn thờ cả. Bản tính người Việt Nam là đôn hậu, bao dung. Trong lịch sử đã có nhiều trường hợp dân dùng đến bạo lực để cưỡng lại cường quyền khi cường quyền dùng bạo lực để trị dân. Có thuyết cho rằng Nguyễn Huệ ở trong trường hợp đó. Xem lại đoạn sử thời Võ Vương nhà Nguyễn tôi hoàn toàn đồng ý như vậy. Vấn đề này không thể trình bày bằng một hàng chữ viết được. Điều tôi muốn nhấn mạnh là khi Nguyễn Huệ đã thu phục được sơn hà rồi thì đã dùng mấy năm còn lại để cầu hiền, học làm chính trị, và phác họa một chương trình khai triển văn hóa. Cũng nên nhớ rằng phần lịch sử liên hệ đến cuộc đời chính trị của vua Quang Trung là do các vị tổng tài quốc sử quán biên soạn dưới sự kiểm soát của các vua quan triều Nguyễn. Cũng nên nhớ rằng trừ các vua nhà Nguyễn ra, các vua nước Đại Việt đều xuất thân từ quần nâu áo vải, nên đều hạ chiếu cầu hiền và đều có các quan ngự sử bên cạnh để thỉnh ý trong việc trị dân. Nhà Nguyễn đã để lại những ấn tượng không tốt đẹp về làng nho Việt Nam, nhất là quan niệm về kẻ sĩ. Khi nói đến kẻ sĩ nhiều ngươi liên tưởng đến các quan triều Nguyễn, một triều đại vốn bị mang tiếng là cầu lụy vua Tàu. Nhưng còn có các kẻ sĩ đầy tiết tháo của thời đại Lý Trần mà lịch sử thường nhắc đến đã từng giúp các triều vua đương đầu với các vua Trung Hoa.

Giới trí thức Việt Nam tại nước ngoài không *"thiếu vắng,"* mà cũng không *"khiếp nhược."* Mỗi người mỗi việc, giới trí thức Việt Nam tại hải ngoại, trong 22 năm qua đã làm rất nhiều cho quê hương, vì đã quảng bá nền văn học Việt Nam trên khắp năm châu. Cuộc di dân vĩ đại từ năm 1975 là một vận hội mới cho quê hương Việt Nam.

(Ghi chú: Bài này được viết ra nhân đọc bài của Anh Nguyễn Gia Kiểng nhan đề "Khi Lịch Sử Chất Vấn" Xây Dựng, số 88, trang 48)

Chú thích

1. Xây Dựng, số 88, trang 48.

2. Bản dịch ra tiếng Pháp của mấy bài này, xin xem Bửu Sao, La Sapèque Vietnamienne. Esquisse d'Une Histoire des Relations Monétaires Internationales sur le Territoire Vietnamien. Thèse de doctorat, Paris, 1992.

KỶ NGUYÊN, THỜI ĐẠI, THẾ KỶ VÀ THIÊN KỶ KHÁC NHAU Ở ĐIỂM NÀO?

PHỤNG NGHI

I

Trong mấy tháng đầu năm 1997, trên một tờ báo và một bản thông tin phát hành tại California, chúng tôi được đọc hai câu viết, nguyên văn như sau:

1. "Thêm một năm mới thì nhân loại lại càng gần với ngưỡng cửa của *kỷ nguyên 21*. Nếu *kỷ nguyên 20* đã được mở đầu bằng máu lửa và chết chóc của cuộc chiến tranh giành độc lập và hai trận chiế gây ra bao nhiêu tang tóc của nhân loại, thì *kỷ nguyên 21* phải được đánh dấu bằng nỗ lực xây dựng hòa bình bảo vệ con người và thiên nhiên."

2. "Chỉ còn ba năm nữa, chúng ta sẽ bước vào một *kỷ nguyên mới*. Một câu hỏi tự nhiên đến với chúng tôi chính là phải làm gì, phải xây dựng gì cho cộng đồng và cho quê hương chúng ta trong *kỷ nguyên mới* này?" (*)

II. Trong câu I-1, có sự đánh đồng giữa hai danh từ *kỷ nguyên và thế kỷ*. Nói cách khác, theo bài báo, hai từ *kỷ nguyên và thế kỷ* là đồng nghĩa.

Theo tinh thần của câu I-2, người đọc hiểu: "Năm 2000 là khởi đầu của một kỷ nguyên mới." Độc giả có thể thắc mắc: "Cái kỷ nguyên mới — khởi đầu từ năm 2000 — là kỷ nguyên gì? Nó sẽ được đặc trưng bằng một sự kiện trọng đại gì? Hoặc giả, người viết chỉ muốn nói là, chúng ta sẽ bước vào một thế kỷ mới hay thiên kỷ mới?"

III. Như vậy là có sự lầm lẫn giữa ba danh từ *kỷ nguyên, thế kỷ*, và *thiên kỷ*.

Để tìm hiểu, chúng ta xin nhờ các từ điển giải thích.

1. Kỷ nguyên

Hán Việt Từ Điển, Đào Duy Anh, Nxb Minh Tân, Paris, 1949.

"Cái tiêu chuẩn để tính năm. Tàu và Ta thường lấy năm mỗi ông vua lên ngôi làm kỷ nguyên, các nước Tây phương lấy năm Gia Tô Giáng Sinh làm kỷ nguyên (l'année d'une nouvelle ère)."

Từ Điển Tiếng Việt, Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam, Nxb Trung Tâm Từ Điển Ngôn Ngữ, Hà Nội, 1992.

"Thời kỳ lịch sử mở đầu bằng một sự kiện trọng đại, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển về sau của xã hội hay một lãnh vực nào đó: *kỷ nguyên độc lập tự do, kỷ nguyên chinh phục vũ trụ.*"

Việt-Pháp-Anh Từ Điển, Thanh Nghị, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn (không ghi năm xuất bản).

"Kỷ nguyên: Pháp, ère; Anh, era."

Từ Điển Anh-Việt, Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1985.

"Era: Thời đại, kỷ nguyên: *Christian era Công Nguyên.*"

The Reader's Digest Great Encyclopedic Dictionary, Nxb Reder's Digest Association, Inc., New York, 1975.

"Era. 1. An extended period of time reckoned from some fixed point in the past and used as the bases of a chronology: *the Christian era.*

2. A period of time characterized by certain events, conditions, influences, etc. occuring or existing throughout it: *the Elizabethan era.*

3. The beginning of a particular period; an epoch: *Air flight marks an era in history" (**).*

Căn cứ theo các định nghĩa nêu trên, ta có thể liệt kê một số kỷ nguyên như sau: *kỷ nguyên hơi nước, kỷ nguyên phi cơ, kỷ nguyên phản lực, kỷ nguyên vô tuyến truyền thanh truyền hình, kỷ nguyên nguyên tử, kỷ nguyên hỏa tiễn, kỷ nguyên chinh phục vũ trụ, kỷ nguyên tin học...*

2. Thế kỷ (Pháp: *siècle*, Anh: *century*):

Là khoảng thời gian 100 năm. Thí dụ, thế kỷ 20 là khoảng thời gian tính từ năm 1901 đến năm 2000; thế kỷ 21 là khoảng thời gian tính từ năm 2001 đến năm 2100.

3. Thiên kỷ (P. *millénaire*, A. *millennium*):

(Cũng nói và viết *thiên niên kỷ* hoặc *thiên*

niên), là khoảng thời gian 1000 năm, tính từ năm 1 sau công nguyên trở đi (hoặc từ năm 1 trước công nguyên trở về trước). Thí dụ: *Nhân loại sắp bước sang thiên kỷ thứ ba (tức từ năm 2001 đến năm 3000) (***).*

4. Thời đại:

Sẽ thiếu sót nếu ta không thêm từ *thời đại* vào nhóm từ nói về thời gian đề cập trong bài này. Thời đại (P.*temps, période, siècle*; A.*time, period, century, age*) là khoảng thời gian dài trong lịch sử phân chia theo những sự kiện có đặc trưng giống nhau: *Thời đại đồ đá, đồ đồng, đồ sắt. Thời đại khoa cử. Thời đại phong kiến. Thời đại tin học.*

IV. Qua các dữ kiện trình bày trên đây, chúng tôi hiểu:

1. Ba danh từ *kỷ nguyên, thế kỷ và thiên kỷ* có nghĩa khác nhau và không thể hoán đổi cho nhau được.

2. Hai danh từ *kỷ nguyên và thời đại*, mặc dầu có một ít khác biệt, nhưng gần tương tự như nhau. Cho nên, trong một số trường hợp, hai từ này được xem như đồng nghĩa. Thí dụ, ta có thể nói *kỷ nguyên tin học* cũng như *thời đại tin học.*

Trên đây là ý kiến chủ quan của chúng tôi, có thể có sai sót. Rất mong được quí độc giả cao minh vui lòng góp ý.

Chú thích:

(*) Chúng tôi xin mạn phép miễn nêu xuất xứ của hai câu văn trên đây. Chữ nghiêng do chúng tôi nhấn mạnh.

(**) Dịch nghĩa "Kỷ nguyên":

1. Một thời đại kéo dài không hạn, định tính từ một điểm cố định trong lịch sử, dùng để làm căn bản cho niên đại học: Kỷ nguyên Công giáo.

2. Một thời kỳ đặc trưng bởi một số sự kiện, tình thế, ảnh hưởng, v.v... nảy sinh hoặc hiện hữu trong suốt thời gian đó: Kỷ nguyên Nữ hoàng Elizabeth I. (Nữ hoàng nước Anh trị vì từ 1558-1603).

3. Khởi điểm của một thời kỳ đặc biệt nào đó, một thời đại: Hàng không đánh dấu một kỷ nguyên trong lịch sử.

(***) Theo các nhà khoa học, thế kỷ hoặc thiên kỷ được tính từ năm 001 hoặc 0001 trở đi. Thí dụ, thế kỷ 21: từ năm 2001 đến năm 2100 và thiên kỷ 3: từ năm 2001 đến năm 3000. Lý do là, con số 0 (số không, tức là zero đứng riêng một mình không phải là con số để đếm. Trong lúc đó, theo tập quán, dân chúng tính, thế kỷ 21: từ năm 2000 đến 2099 và thiên kỷ 3: từ năm 2000 đến năm 2999.

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115

Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ

CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS

ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

ĐI TÂY

PHẠM XUÂN ĐÀI

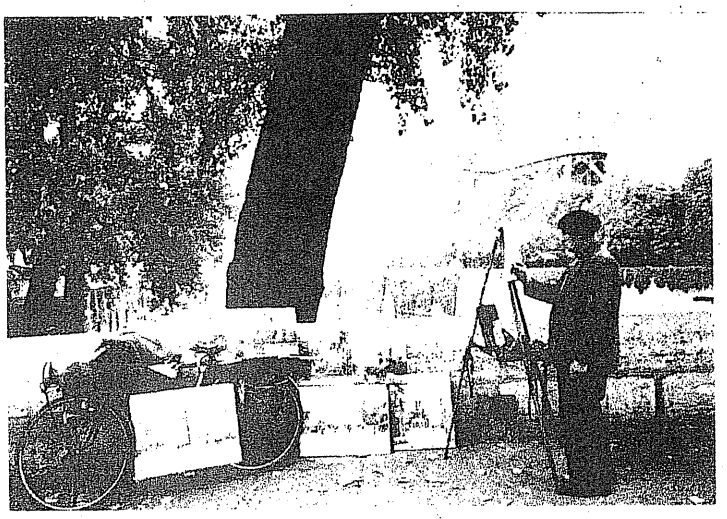

Đúng ra khởi hành từ Hoa Kỳ thì phải gọi là "đi Đông," nhưng nói thế không ổn. Thứ nhất không ai nói "đi Đông" (trừ khi dùng trong nhóm từ "đi Đông đi Tây") mà chỉ nói "đi về hướng Đông." Và chữ Tây ở đây không còn là hướng Tây, mà đã trở thành tên thứ nhì của người Việt Nam đặt cho nước Pháp. Vậy từ bất cứ điểm nào trên trái đất, khi một người Việt nói "đi Tây" thì có nghĩa là đi đến nước Pháp vậy.

Không hẹn, mà cuối cùng Đỗ Ngọc Yến, Trần Đại Lộc và tôi cùng đi Pháp cùng một lúc. Cũng là một cái duyên. Từ niên khóa đầu tiên chúng tôi học chung với nhau, 1957-1958 tại Đệ Tam C trường Petrus Ký, ba chúng tôi đã bắt đầu có những chuyến đi chung: gần thì đạp xe lên Lái Thiêu vào những ngày cuối tuần để la cà thăm những vườn cây ăn trái, xa thì có chuyến đi đầy kỷ niệm lên Đà Lạt đóng trại bên bờ hồ Than Thở vào dịp lễ Phục Sinh năm 1958. Rồi vào giữa thập niên 60 khi hoạt động thanh niên với nhau, chúng tôi đi cùng ra miền Trung, lên cao nguyên, xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long... Sau 1975, mỗi người một cảnh, tưởng duyên nợ thế là chấm dứt, ai ngờ dần dà rồi cũng tề tựu về sống gần nhau, và rồi lại đi chung, và lần này thì... đi Tây.

Đối với người Việt Nam trải nhiều thế hệ, đi Tây là chuyến đi oai hơn hết. Cả đối với chúng tôi ngày nay, dù đang sống tại Mỹ, những ngày chuẩn bị lên đường mỗi khi nói với ai câu: "Tôi sắp đi Pháp" thì tự bản thân câu nói dường như đã có một niềm hãnh diện ngầm. Điều ấy có lẽ chính yếu bắt nguồn từ truyền thống của mấy thế hệ người Việt Nam vẫn nhìn nước Pháp như là một nơi điển hình của văn minh và sang cả, và đến được nước Pháp là đạt được một mơ ước cao xa nhất về học hành cũng như biết được thế nào là sự rực rỡ và giàu mạnh của một quốc gia. Đến thế hệ của tôi tuy nước Pháp đã suy yếu và ảnh hưởng của Pháp tại Việt Nam không còn mạnh, chúng tôi lại có nhiều cơ hội để nhìn rộng ra nhiều nơi khác trên thế giới, thế nhưng dấu vết của truyền thống xưa vẫn không phai mờ. Truyền thống này hiện ra rõ nhất nơi những người lớn tuổi ở miền Bắc mà chúng ta gặp lại sau năm 1975, tất cả hình ảnh về thế giới Tây phương của họ ngưng đọng vào nước Pháp vào năm 1954, hoặc có thể xa hơn, vào 1945, và đông cứng nguyên hình như thế không thay đổi gì nữa. Các chuẩn mực về hàng hóa tiêu dùng, về văn chương, nghệ thuật của lớp có học cũ ở miền Bắc đều là các chuẩn mực thời thuộc địa; các thứ của thế giới xã hội chủ nghĩa thì rõ ràng chưa có một trọng lượng nào để thay thế những giá trị cũ đã ngấm sâu trong lòng họ. Phải nhiều năm sau 1975, những nếp hằn sâu đó mới phai nhạt đi chút ít sau khi họ được biết tình hình văn minh thực sự của thế giới ngày nay. Truyền thống khâm phục nước

Pháp đó tôi nghĩ không phải do sự "nhồi sọ" của người Pháp trong thời kỳ thuộc địa đem lại, mà là do giá trị nhân bản thực sự của nước Pháp về phương diện văn chương, mỹ thuật, tư tưởng, khoa học kỹ thuật... đã một thời rực rỡ ở một đỉnh cao của thế giới. Nói về tuyên truyền nhồi sọ thì ai hơn người Cộng sản, nhưng vì dựa vào cái ảo, cái giả, cái không có thực, nên không đem lại sự tâm phục nào, như là tầng lớp cựu học của nước ta đã tâm phục nước Pháp.

Cả ba chúng tôi đi Âu châu chuyến này vì những lý do riêng, đi chơi chứ không phải "đi công tác" như ngày xưa. Đối với Lộc và tôi, đây là chuyến đi Pháp đầu tiên, và chúng tôi đều có người thân ở đó — điều kiện gần như là tiên quyết để chúng tôi có thể du lịch xa như vậy. Nhưng một khi đi mới biết rằng mình không chỉ có liên hệ gia đình ở đó mà thôi, còn vô số những liên hệ chằng chịt khác do cuộc sống xã hội đem lại mà mình không thể hình dung ra trước được. Tôi có rất ít bạn cũ tại Pháp. Nhiều người Việt ở Pháp đi du học ngày xưa, làm thành một tầng lớp trí thức khoa bảng tại đấy. Lớp bạn học cũ của tôi hầu như không ai du học Pháp, và lớp "xuất ngoại" sau này bằng đường vượt biên, hoặc bảo lãnh, hoặc HO thì phần lớn đổ vào Mỹ và các nước khác. Nhưng do công việc làm báo trong mấy năm qua, tôi có được một số quen biết mới, phần nhiều chỉ biết qua thư từ bài vở chứ chưa gặp lần nào. Đến Pháp, ngoài sự háo hức tự nhiên thấy được kinh đô ánh sáng, tôi còn cái háo hức được gặp nhiều người, "tuy lạ nhưng dường như đã quen từ lâu lắm."

Lần đầu tiên đến đất Pháp, tôi gặp Paris với một nỗi sung sướng trẻ thơ và lãng mạn, dường như ước mơ của một thời trẻ tuổi vẫn còn nguyên đấy, và với chuyến đi này, tôi bắt đầu cuộc hành trình vào niềm mơ ước có từ thời ngồi trên ghế nhà trường của tôi.

Cách đây tám năm, lần đầu tiên tôi đến Hà Nội với nỗi lo sợ mình sẽ bị thất vọng vì gặp một thực tế không đúng như mình mơ ước, nhưng may mắn là ở đất Thăng Long tôi vẫn bắt gặp được cái linh hồn bất diệt của đất ngàn năm văn vật. Lần này tôi đến Paris tự tín hơn, mặc dù lòng vẫn bị ám ảnh bởi một số lời chê bai của một ít người từ Mỹ đi du lịch nước Pháp trở về. Đại khái họ nói: "Ồ Paris, chẳng có gì đáng nói, cũ kỹ, chật hẹp, mắc mỏ..." Nhưng khi tôi đến nơi, Paris đã bày ra trước mắt tôi hơn là những gì tôi tưởng tượng rất nhiều, uy nghi hơn, rực rỡ hơn và cũng thâm trầm hơn. Tôi không chia xẻ chút nào ý kiến của một số người Việt đã nhiễm lối sống tiện nghi ở Mỹ. Paris không phải là nơi để chỉ được đánh giá theo các tiêu chuẩn đời sống tiện nghi vật chất.

Tôi đã sững sờ với kiến trúc của Paris. Đó là vẻ đẹp. Đó là hình ảnh của tư tưởng và tinh thần lớn lao, hoành tráng. Nhìn kiến trúc ấy mình thấy như đứng trước cái thăm thẳm của thời gian và lịch sử con người với các thành tựu to lớn cũng như các nỗi niềm mơ mộng của nó. Trần Hồng Châu đã ví hình thể Paris như một trái xoài, và phân vân không biết miếng nào trên trái xoài đó là ngon nhất. Xa lộ vòng đai đúng đã khoanh chu vi của Paris thành hình một trái xoài, và tôi thấy chỗ nào cũng ngon cả, cái ngon phân bố rất đều mỗi nơi mỗi vẻ, khác với Sài Gòn chỉ tụ ở mấy đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Tự Do. Nhớ lại thời gian gãy chân nằm một chỗ tại trại cải tạo Thanh Cẩm, Thanh Hóa, tôi đã nghiền ngẫm một cách thú vị vô cùng chương Victor Hugo viết về kiến trúc của Paris, tôi nhớ là trong cuốn Notre Dame De Paris. Theo tôi đó là chương hay nhất của cuốn sách, là một bản nhạc trầm hùng nói về từng tảng đá, từng đường cống, từng khối tường làm nên thành phố này, qua nhiều thời đại. Đọc những trang sách ấy tôi đã như thấy Paris một khối sừng sững, chắc nịch, nhuốm một linh hồn bất diệt. Khi đến đây tôi đã cảm thấy ngay vẻ chắc nịch bất diệt ấy, nhưng đồng thời là cái tươi tắn linh động bao trùm đây đó. Đấy là đặc điểm của kiến trúc Paris. Vẻ cao lớn uy nghi một cách lạ lùng của nhà thờ gây sự khiếp phục và cảm giác nhỏ bé của người đứng xem, đã diễn đạt đúng tinh thần muốn mọi người quy phục duy nhất vào một Thượng đế của giáo hội Công giáo thời Trung cổ. Nhưng đền đài cung điện thì nhằm vào sự rực rỡ vàng son của cuộc sống trần thế, trong đó tính đa cảm của những pho tượng nói lên rất nhiều khía cạnh rung động nhân văn trước cuộc sống đa dạng trải nhiều thời đại. Tượng là cái đặc sắc của nước Pháp. Cái ngôn ngữ bằng đá ấy được đặt khắp nơi, nơi vòi phun nước, trên nóc điện Louvre, trên tường Arch de Triomphe, trong sân Versailles... thậm chí cả trong rừng cây. Với nét mặt ấy, với cử chỉ dáng điệu ấy, tượng nói được rất nhiều điều, người đối diện phải biết lắng nghe ra thứ ngôn ngữ vô thanh mà khối đá điêu khắc ấy liên tục phát biểu trong cái thăm thẳm của thời gian.

Hẳn người Pháp hãnh diện với nền kiến trúc cổ của mình. Nhưng họ luôn chứng tỏ rằng họ nhạy cảm với cái mới, và muốn đi tiên phong trong việc xây dựng nên những cái mang tâm hồn và tầm vóc của từng thời đại. Tháp Eiffel là tượng trưng cho thành tựu của thời đại cơ khí.

Khi nó được dựng lên, không ít người đã xỉ vả nó, cho rằng cái khung sắt nhọn ấy chỉ phá vỡ cái quần thể kiến trúc rất mượt mà rất thơ mộng trải nhiều đời thành tựu đã tạo thành Paris. Một đống sắt giữa một Paris đẹp đẽ huy hoàng, thật là vô duyên! Nhưng thời thế đã đổi thay, cái biểu trưng của thời đại phải thở hơi thở của thời đại, và tháp Eiffel là kết tụ hình ảnh và âm thanh sắt thép của biết bao cầu cống, xưởng thợ, công trường... trong thời cực thịnh của nền công nghệ Pháp, và nó đứng đó, đáp ứng cái mà tâm hồn con người mới cần biểu hiện. Cảm nghiệm của con người nghệ sĩ tiền phong đã thắng. Họ đã đúng, cho thời đại của mình và sau mình. Sự sáng tạo của họ không dựa vào cái đã qua rồi, dù cái đó có vàng son rực rỡ, mượt mà đáng yêu bao nhiêu đi nữa. Cũng thế những công trình của hậu bán thế kỷ hai mươi đã đem lại cho Paris những hình ảnh tiền phong mà không chắc người dân Paris nào cũng sẵn sàng chấp nhận ngay. Những ống, những trụ, những gióng sắt chằng chịt giống như một giàn phóng hỏa tiễn của Trung Tâm Pompidou có thể làm cau mày một người vừa đắm mình trong vẻ đẹp vĩnh cữu trong khung cảnh của điện Louvre, nhưng lại làm thỏa mãn tâm tình của đám người trẻ đơn giản quen với những hình dạng kỷ hà trong đời sống khoa học hiện nay. Vâng, rồi thì người ta sẽ đi trong những cái ống giống như cái ống bọc quanh hệ thống thang cuốn của trung tâm này, đó sẽ là những dự kiến không xa lắm! Xe điện ngầm há chẳng là một loại ống thô sơ rồi đấy ư? Cổng La Défense là một hình ảnh tân kỳ khác, tạo nên một vẻ đẹp khác không giống với vẻ đẹp của các đền đài truyền thống, nhưng chắc chắn là không lạc hậu so với các loại hình kiến trúc mới trên thế giới.

Tôi cảm phục hệ thống đường xe điện ngầm của Paris, một công trình vận chuyển tuyệt vời giải quyết hầu như toàn diện bài toán lưu thông rõ ràng là bế tắc của đường sá Paris mà không phải phá vỡ bất cứ công trình nào mà lịch sử nước Pháp đã để lại trên mặt đất.

Học cách đi xe điện ngầm là một điều rất thú ở Paris. Tôi cư ngụ ở một vùng ngoại vi thành phố, mỗi lần nhờ ai chở vào nội thành tốn quá nhiều thì giờ vì đường hẹp xe nhiều. Thế mà xe điện ngầm giải quyết tức thì việc đi lại của khắp Paris và vùng phụ cận một cách dễ dàng, đúng giờ, vừa túi tiền, và nhất là không căng thẳng với trò "lái xe làm xiếc" khi dùng xe hơi trên mặt đất. Khi chiếc xe hơi bắt đầu đi vào một cái bùng binh ngả năm hoặc ngả bảy thì hình như cuộc làm xiếc bắt đầu. Bùng binh thì rộng, có thể dung chứa một lúc nhiều dòng xe, và khi các ngả ào vào thì không còn biết ai ưu tiên, ai phải nhường cho ai, người ta cứ đi theo một giao ước ngầm nào đó, tôi nhích tới trước thì anh nhường cho tôi, anh đảo qua thì tôi chậm lại, người ta cứ lấn lướt nhau một cách hòa nhã, có văn hóa, và rồi xe cộ cứ thế lưu thông, sát cánh nhau mà lưu thông mà không hề cọ quẹt nhau mới là lạ. Ngồi xe đi giữa Paris tim tôi nhiều khi thót lại vì thấy rõ ràng là xe mình không thể tránh chạm vào xe bên cạnh trong một cái thế cùng lướt tới một không gian nhỏ xíu trước mặt, nhưng rồi xe nào cũng an toàn ai đi đường nấy, theo một khả năng nào đấy không hiểu được. Tôi thấy rõ rằng cứ lái xe riết trên đường sá thênh thang của Mỹ con người ta dần dần sẽ không phát triển cái tài xoay xở khéo léo của tay chân tại những nơi đất hẹp xe đông như Paris hay bất cứ đô thị xưa nào. Mà lại xe số tay chứ không phải số tự động. Tay trái cầm vô lăng, tay phải bỏ số lia lịa, hai chân cũng hoạt động đều chi, nhìn người Paris lái xe trong phố đông đúc tôi, mà trước kia ở Việt Nam cũng lái toàn xe số tay, nay thấy mình đã bị thoái hóa, lười nhác, không còn năng động như người ở đây. Thì ra trong thiên nhiên cũng vậy mà trong môi trường nhân tạo cũng vậy, hoàn cảnh nào thì tạo ra con người đó, và con người vẫn là sinh vật có khả năng thích ứng vô tận. Cả chiếc xe cũng có khả năng thích ứng với môi trường rất tài. Ở nước Mỹ rộng rãi chiếc xe dềnh dàng, bề ngang đã bè bè mà đuôi thì dài thậm thượt, một cách vô lý, như là vì không gian lớn thì nó phải lớn theo cho thích hợp một tỉ lệ nào đấy. Quả nhiên ở Paris cũng có qui luật ấy. Ở đây chiếc xe co lại, và rụng đuôi. Nhỏ con và không có đuôi, như những con cút cụt đuôi trong ca dao Việt Nam. Cũng là theo thuyết thích ứng với môi trường sống thôi, riết rồi chiếc xe dính với con người, như một sinh vật, như con ngựa của thời xa xưa vậy. Nó dứt khoát phải cụt đuôi mới chen vào đậu được ở những khoảng trống độ vài sải tay, và nó phải gọn ghẽ tối đa mới có thể làm trò chơi giỡn trên những bùng binh ngả năm ngả bảy được.

Xe điện ngầm là một thế giới khác hẳn. Đây là cõi âm. Chạy ngang chạy dọc toàn dưới lòng đất, thế mới gọi là "ngầm." Nếu âm phủ có đến chín tầng thì xe điện ngầm Paris đã chui xuống đến tầng thứ hai rồi, nghĩa là đã có hai hệ thống địa đạo nằm chồng lên nhau ở trong lòng đất. Và người ta đang đào thêm một tầng dưới hai tầng hiện có để thực hiện thêm một hệ thống thứ ba nữa. Xuống xe điện ngầm là không còn trời xanh mây trắng, nhà cửa, người đi..., nói chung tạm biệt cảnh "trần thế" để chỉ

thấy trong lòng một toa xe lửa sáng đèn lô nhô người. Và toa xe ấy chạy vùn vụt trong một cái ống tối đen, thỉnh thoảng đến một chỗ mở rộng sáng trưng, ấy là ga. Cửa mở, kẻ xuống người lên, rồi lại chạy.

Là cõi âm nhưng không phải âm khí nặng nề. Một cuộc sống tràn trề, năng động, thân thiết đấy. Nội cái việc đấy là nơi hàng ngày một số rất đông người dân Paris gặp gỡ nhau, trông thấy nhau, ngồi gần nhau, hoặc chen chúc nhau thì đã là một cái gì to tát rồi. Môi trường xã hội ấy lặng thinh, đấy không phải là nơi người ta thăm hỏi hay làm quen với nhau, ai cũng vội, có người ngồi vào xe là làm ngay một công việc nào đấy, như xem tờ báo, đọc cuốn sách, học bài, hoặc... ngủ, nhưng dù gì mặc lòng, xe điện ngầm vẫn là nơi con người *hiện diện cho nhau*. Có ở trong nỗi cô đơn của nơi thiếu vắng con người, hoặc hàng ngày vài ba giờ thui thủi một mình lái xe đi làm rồi về nhà như ở Mỹ mới thấy giá trị của việc mỗi ngày được tham dự vào cái đông đúc của đời sống métro. Ở giữa những con người, vui lắm chứ, chỉ cần ở giữa họ thôi, cảm thấy cái hơi của nhau là đủ để nuôi dưỡng sự tròn đầy của tình con người, là cảm thấy yên tâm, để không gây ra các méo mó dị dạng cho đời sống nội tâm do cô đơn. Mỗi buổi sáng lên đường đến sở trong chiếc xe hơi riêng tiện nghi của mình, phải nói đó là mơ ước cao nhất của con người từ khi có xã hội kỹ nghệ, nhất là khi quanh ta có một hệ thống đường sá rộng rãi tiện lợi. Thư thái, sang trọng, chạy bon bon, sáng đến tận nơi làm, chiều về chui vào tận garage của nhà mình mới chịu xuống xe, thật tuyệt vời. Nhưng cứ mãi như thế ngày này qua ngày khác, đến một lúc người ta cảm thấy cô đơn, nhất là khi đường đi phải kéo dài đến một vài tiếng. Ngồi trong cái hộp ấy là chỉ còn một mình, cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài, phải nhờ đến radio, đến băng nhạc để bầu bạn, nhưng như vậy có khi còn tăng cảm giác lẻ loi lên thêm nữa. Một người bạn của tôi sau khi qua thời kỳ say mê chiếc xe mới của mình đã nói: "Đó là chiếc quan tài biết đi." Chắc anh ta hình dung cái chết là rất cô đơn, nên nói như vậy để diễn tả nỗi cô đơn của mình. Dấn mãi vào cô đơn là tự hủy diệt, còn sống giữa đông đúc nhân quần là nhân cái khả năng sống của mình lên gấp bội. Xe điện ngầm là để cứu vãn toàn thể kiến trúc tuyệt đẹp của kinh thành Paris khi nhu cầu vận chuyển trong đô thành lên quá cao, nhưng không ngờ cũng giải luôn bài toán *con người* trong thời đại kỹ nghệ.

Hầm xe điện là một đời sống khác của Paris, mà không có nó đời sống đích thực của Paris như hiện tại sẽ không có được. Nó mới là huyết mạch của lưu thông thành phố, giúp đưa hàng ngày không biết cơ mang nào là người từ nhà đến sở và ngược lại, và bao nhiêu nhu cầu đi lại khác. Nó đã làm biến đổi khuôn khổ tờ nhật báo, bề ngang bây giờ rút lại chỉ còn độ 30 phân để khi giở ra đọc trên phương tiện chuyên chở công cộng người ta không làm phiền đến người ngồi bên cạnh. Khi mới làm quen với cách đi métro, tôi lại đã nhớ đến Nhất Linh với bài học

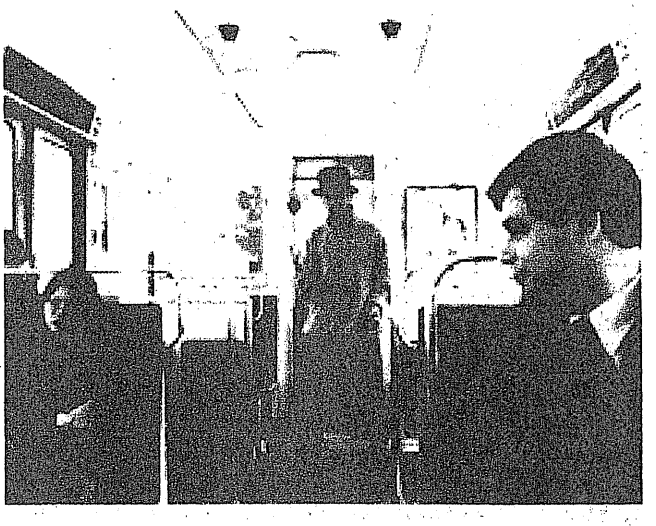

đi métro mà ông đã tả trong Đi Tây. Thời đó chưa có hệ thống RER, tức đường xe nhanh nối liền với các vùng phụ cận của Paris ngày càng đông đúc và hiện chui nằm ở tầng dưới hệ thống métro nội thành cũ, nên Nhất Linh chỉ mách cho rằng một khi đã mua vé độn thổ thì tha hồ đi hết đường này đến đường khác, đi cả ngày cũng được, nhưng hễ chui lên thì mất toi cái vé. Nhất Linh đã nhắc đến cái thú đứng dò tìm đường trên bản đồ dưới hầm métro, có những tên ga ngộ nghĩnh, khi bắt chuyện với một người đẹp bên cạnh mà cô ta khinh khỉnh không trả lời thì chỉ vào "Ga Câm" (hẳn là La Muette) đọc to lên, có khi cô ta sẽ hiểu; hoặc thấy một bà đang mắng chồng như tát nước vào mặt, chỉ vào Gare de Lyon đọc to lên ý nói bà là sư tử Hà Đông... Bây giờ các tên ga cũ vẫn còn nguyên, cách dùng vé vẫn như xưa, nhưng hệ thống rắc rối hơn vì có thêm tầng RER bên dưới, phải nghiên cứu kỹ cách đổi xe trước khi đi. Cách sắp xếp đường đi rất hay, hình như không bao giờ phải thay xe quá ba lần mới đến được một địa điểm, và bản đồ thì được phát không tại chỗ bán vé và được dựng tại tất cả các miệng hầm.

(Còn tiếp)

Đánh giá 'ĐÊM GIỮA BAN NGÀY'

Kinh nghiệm LIÊN XÔ, TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

VÕ QUANG

Cũng như các sách, nhân chứng của các người đã sống trong chế độ CSVN như Hà sĩ phu và Nguyễn văn Trấn trong năm 1996, tập hồi ký "Đêm giữa ban ngày" của Vũ Thư Hiên do nhà xuất bản Văn Nghệ, California (tháng 5,1997) đã gây nhiều chấn động trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại và là một mối lo cho nhiều người quốc nội.

Đây là một tài liệu lịch sử quan trọng, đáng tin vì nó do một người được sống trong thế hệ cộng sản đầu tiên — giới lãnh đạo — cho thấy mặt nhân sự của guồng chính trị tại Hà Nội. Báo chí, đài phát thanh, các cơ quan truyền thông tại Hoa Kỳ, Âu châu, v.v. đã có nhiều bài bình luận về cuốn hồi ký này.

Khác với Nguyễn Văn Trấn, tác giả chú ý đến "vụ án xét lại" và đã viết gần 800 trang để cho người đọc theo dõi việc này. Tác giả bỏ nhiều công, thời gian để kể một cách tỉ mỉ các việc xẩy ra, những gì tác giả đã gặp và cho thấy là việc này hoàn toàn là do một số 'ma đầu' chính trị bịa ra. Nhiều người bình luận thì chú ý đến mặt thật của một số nhân vật như Trần Đức Lương, Trần Quốc Hoàn, vv. còn sống hay chết của guồng máy 'cai trị' của CS, có người thì chú ý đền đời tư của Hồ Chí Minh qua vụ giết cô "Xuân" người được chọn làm hộ lý cho ông ta, có người chú ý và nhớ lại môi trường các trại cải tạo — thế giới "Gulag" Việtnam mà biết bao người đã phải trải qua, v.v.

Nhân cuốn sách Vũ thư Hiên, bài này có ý muốn đưa cái nhận xét một cách rộng lớn hơn và so sánh hoàn cảnh và sự kiện lịch sử đã xẩy ra tại các nước XHCN Liên Xô cũ, cái gì đã và đang xẩy ra tại Trung quốc và so sánh những việc đó với hiện tại VN để rút những bài học cho tương lai.

Cuốn sách của Vũ Thư Hiên

Tác giả kể những chuyện từ khi ông bị bắt đến khi được thả ra và những gì ông phải trải qua trong thời gian này. Vũ Thư Hiên ở vào thời điểm trào lưu phản kháng được ghép là "xét lại," gián điệp cho Liên Xô, v.v. (ở thời điểm đó có những chuyển động chính trị, vụ tố cáo các tội ác của Stalin và chế độ tại Liên Xô, thời điểm tranh chấp Nga-Tàu về vấn đề tôn sùng cá nhân). Ở Hỏa lò, [hiện nay bị phá để làm một khách sạn năm sao nhưng một phần nhỏ được giữ để làm chứng lịch sử— gây hận chống thực dân, nhưng đồng thời cũng giúp nhắc nhở tội ác của chế độ CS], tác giả bỏ rất nhiều thời gian kể cho thấy các cuộc tranh luận với những người hỏi cung ông ta như Huỳnh Ngự hay Hoàng, v.v. những người ép cung ông ta về một vụ án không có, mà chỉ có trong trí óc đa nghi của những lãnh đạo "Ban Tổ chức Trung ương" cố gắng dựng đứng.

Tác giả tả được cho độc giả con mắt của "cảnh giác cách mạng" của một chế độ khinh miệt con người, làm cho con người thành những "robot," chỉ biết nghe mệnh lệnh của đảng. Tác giả đã cho chúng ta thấy mặt sau của một số nhân vật lãnh đạo của chế độ CS từ Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn, v.v. Họ là người nằm trong một chế độ mà cá nhân của họ cũng bị nghiền nát, như trường hợp Nguyễn Lương Bằng không những bỏ không giúp người bạn trong cơn hoạn nạn mà còn nằm trong ban đi đàn áp bạn mình, hay một Hồ Chí Minh cũng phải bó tay, một Trường Trinh ngoảnh mặt, một ông tướng Võ Nguyên Giáp sợ sệt và làm ngơ không giám lên tiếng, v.v. Các nhân vật cao nhất trong lãnh đạo CSVN đã phải lánh mặt trong vụ này. Tác giả đã phác họa được bức tranh thượng tầng của xã hội với các chân dung của các lãnh đạo ít học, nhát gan, tham vọng bá chủ Đông Dương, hay tên lưu manh kiêm bộ trưởng công an. Thành công nhất của cuốn sách là việc kể lại các cuộc hỏi cung, tranh luận tư tưởng với hai nhân vật ép cung ông ta và cho

thấy là cả hai không hẳn là những người xấu mà họ làm nhiệm vụ cho một guồng máy CS mà chính họ cũng là nạn nhân của chế độ họ đang phục vụ. Kể xong về các người công an làm khổ mình tác giả còn kể lại được những người bạn cũng phải lánh mặt vì hoàn cảnh bắt họ phải tránh mặt, hay anh họa sĩ ăn cắp nhật ký của anh để nộp cho ông đại sứ rồi nộp cho công an, rốt cuộc cũng dính vào vụ buôn lậu kim cương.

Ra ngoài tác giả còn nói qua về xã hội thời đó với tem phiếu, với những bút mực tốt khó kiếm, mua nhu yếu phẩm theo tiêu chuẩn, những khó khăn vật chất của "thiên đàng CS" hồi đó. Đây là một bức vẽ chân thật về bối cảnh tâm lý, kinh tế, xã hội mà đảng CS đã áp đặt lên miền Bắc thời đó.

Tác giả cũng cho phép kiểm chứng những gì ta biết về A. Burchet, một nhà báo thân cộng người Úc thời đó hay Madeleine Riffaud một nhà báo thân tả Pháp.

Phương châm "lầm mười còn hơn sót một" làm cho chúng ta rợn tóc gáy về một xã hội mà căm thù được dựng lên làm quốc sách vì "yêu tổ quốc là yêu Xã Hội Chủ Nghĩa." Việc lầm lẫn giữa "yêu tổ quốc và yêu đảng" đã dẫn đến thế giới 'Gulag' Việt Nam. Tác giả đã phải qua nhiều trại và giúp cho ta thấy thế giới đó. Ta không ngạc nhiên về việc VTH kể lại cái xã hội tù trong thời kỳ đó với nhiều nhân vật khác nhau từ nhiều chân trời, nhiều tầng cấp như anh Hà Lan (Marinét) theo Cộng Sản Trung Quốc rồi cũng phải bỏ đi, không may bị dạt vào VN rồi bỏ mạng tại đây, chỉ vì mong muốn một thế giới đại đồng, đến anh bán thuốc phiện Cố Thủ Châu, hay cựu sĩ quan quân đội Quốc gia cũ tự ý ở lại miền bắc như Kiều Duy Vĩnh bị bắt tập trung, các người biệt kích từ miền Nam ra bị bắt, các người biệt kích Tàu được Đài Loan huấn luyện và giạt vào VN, người anh hùng bị kết tội sỉ nhục công an nhân dân chỉ vì ông thấy con gái ông ta mang bầu tâm sự, v.v. Trong cái xã hội Gulag này, tác giả cũng cho thấy một số người chưa mất tình người trong việc cư xử với tù.

Nói tóm lại cuốn sách "Đêm Giữa Ban Ngày" là một bức tranh nói lên một thời kỳ lịch sử Việt Nam với việc đặt "ý thức tổ chức" trên con người, trên tổ quốc. Tuy tác giả không lên án mà chỉ kể lại một cách ung dung, không xúc động, nhưng người đọc tự rút tỉa các bài học cho tương lai.

VTH là một loại A. Koessler tác giả cuốn "Zéro à l'infini" trong hoàn cảnh Việt Nam. Cái gì ông mô tả không khác gì G. Orwell viết trong cuốn sách "1994" về big brother — "Ý thức tổ chức", v.v

Nhìn vào lịch sử

Trong lịch sử cận đại, Liên Xô đã có nhiều kinh nghiệm và dưới thời Stalin ban 'Tổ chức' nắm quyền sống và chết của mọi công dân hay theo cách nói của G. Orwells là "big brother." Suốt trong 30 năm, Stalin là big brother. Dưới thời Stalin đã có những vụ đấu tố đầy đọa các phú nông gọi là Kulak, các vụ án được dựng lên như vụ "vụ án áo choàng trắng — bác sĩ Do Thái" tại Lenigrad, vụ về các thành phần Trotkyst, thành phần chống đảng, thành phần các tướng trong quân đội chống đảng, v.v.

Ngay sau đệ nhị thế chiến, nhất là trong thời kỳ chiến tranh lạnh, Stalin đã thi hành nhiều cuộc khủng bố, bắt bớ các đảng chính trị tại các nước Đông Âu, khủng bố trí thức, v.v. Chính Krushchov cũng đưa quân qua Hungari dẹp chính phủ Nagy, còn các lãnh đạo Liên Xô khác thì xua quân qua Tiệp hay dọa xua quân qua Ba Lan, v.v. Đây là một cách để đảng CS nắm quyền và gây dựng những đảng chư hầu.

Nikita Krushchov trong đại hội đảng năm 1956, đã tố cáo về "tệ sùng bái cá nhân và hậu quả của nó" là trên 20 triệu dân Nga đã thiệt mạng — phần lớn bị bắn và còn lại do nạn đói sau khi có các cuộc thanh trừng do Stalin làm nhân danh đảng CSLX, nhân danh việc xây dựng một xã hội CS công bằng, huynh đệ, quốc tế và không giai cấp. Nhiều tác giả như Solzhenitsyn đã phơi ra những tội ác của ĐCSLX, hệ thống tù tội kiểu Gulag, những áp bức đặt lên dân chúng nhân danh XHCN.

Sau Stalin, trong thời kỳ "xét lại" dưới Krushchov, Brejnev, Kosyghin, ... Liên Xô vẫn cho thực thi các vụ khủng bố — không tàn bạo như thời Stalin — chống các trí thức như Solzhenitsyn, Rostropovitch, v.v. và những người này đã phải đi đầy, bị tước quyền công dân và rời nước. Họ đã phải ra đi vì đã phơi ra những tội ác của ĐCSLX với hệ thống Gulag, với các vụ bắt bớ trái phép trong hệ thống "Dân chủ tập trung" hay nói một cách khác, những hành động lạm quyền phát xít của đảng CS.

Trong thời kỳ "glasnost" — Gorbachev thì có cởi mở hơn và càng ngày còn có nhiều sự

* Bạn ạ, những người tử đạo phải chọn giữa thứ này: bị quên lãng, bị chế nhạo hoặc bị lợi dụng. Còn được hiểu ư? - Chẳng bao giờ.

---- *Albert Camus*

kiện bí mật được đưa ra làm rõ thời gian 'kinh hoàng' của lịch sử Nga trong thời Lenin-Stalin. Việc này đã đi đến việc dân Nga từ bỏ chủ nghĩa CS qua một cuộc trưng cầu dân ý dân chủ.

Dù sao đi nữa, Krushchov và sau này Gorbachov, v.v. đã sám hối và tố cáo chính sách tàn bạo, bất nghĩa, vô nhân đạo của chính quyền núp sau màn "chuyên chính vô sản," độc quyền cai trị và tùy tiện với mạng sống của hàng triệu người. Họ đã từ bỏ XHCN và nay Liên Xô — nước Nga đã từ bỏ chủ thuyết mà chính họ đã xây dựng và đã gây tai họa cho hàng chục triệu gia đình không những tại Nga mà cả trên bao nhiêu nước XHCN khác.

Cuốn hồi ký của Bác sĩ Lí Chí Tuy, bác sĩ riêng của Mao Trạch Đông của nước TQ 'anh em' cũng cho ta thấy mặt trái của Mao Trạch Đông, của chủ nghĩa Mao, với những màn tranh đấu trong nội bộ không thua gì những gì đã xẩy ra tại Liên Xô. LX có vụ đánh Kulak-phú nông thì TQ có vụ Cải cách ruộng đất, có vụ khủng bố, đánh trí thức qua vụ 'Trăm hoa đua nở,'bước nhẩy vọt — nông dân bỏ ruộng làm lò gang thép rồi đi đến chỗ đói, việc 'tứ nhân ban," nhân danh Mao, nắm quyền sống chết của hàng chục triệu công dân TQ qua Cách mạng Văn hóa. Những cuộc tranh chấp nội bộ tại TQ đã mang nhiều thảm họa cho đất nước này và TQ đã lùi hàng chục năm vì trí thức cho đi lao động cải tạo hết. Đây cũng là vì Mao muốn được tiếp tục tôn sùng cá nhân và dựng lên Cách mạng Văn hóa để giữ quyền và đánh các đối thủ chính trị. Việc xây dựng XHCN tại TQ cũng giết mấy chục triệu người, vì lãnh đạo của họ tranh quyền, lợi dụng chiêu bài "thế giới đại đồng công bằng" mà hành hạ họ. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa cũng có đến 30 triệu người phải bỏ mạng vì bị bạc đãi, chết đói hay bị cải tạo.

Sau khi họ Mao chết, từ khi "đổi mới" — xây dựng XHCN theo đặc thù TQ, Đặng Tiểu Bình đã gián tiếp bỏ những khủng bố dã man, bỏ bớt chính trị, bớt tù cải tạo nhưng TQ, khác với Nga, vẫn chưa sám hối, không từ bỏ Mao-ít, chưa từ bỏ XHCN một cách công khai. Họ vẫn cố gắng duy trì hệ thống cai trị cho đảng CS, mà vì vậy không lạ gì đã có vụ Thiên An Môn mà tháng này là kỷ niệm. TQ có cải tiến nhưng những tù cải tạo, những việc bạc đãi trí thức chống đối độc quyền cai trị của ĐCSTQ vẫn còn.

Tại các nước đàn anh có gì thì tại Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa cũng có, dù trong quy mô nhỏ hơn. Tại TQ có những vụ gái tơ dâng cho Mao chủ tịch thì tại VN cũng có tổ chức hộ lý do Ban bảo vệ sức khỏe T.Ư. lo cho các lãnh tụ. Tại TQ có cải cách ruộng đất thì tại VN cũng bắt chước thực thi việc này, dập theo khuôn mẫu do các cố vấn TQ dậy khôn. Tại TQ có "Trăm hoa đua nở" thì tại VN cũng có vụ "Nhân văn Giai phẩm" khủng bố trí thức bắt họ theo đường của đảng đã vạch. Tại TQ có các vụ tranh giành nội bộ thì tại VN cũng có vụ án "xét lại chống đảng." Tại TQ có việc chống diễn tiến hòa bình thì tại VN ta các lãnh đạo cũng hô to khẩu hiệu này.

Điểm khác với các đàn anh LX, TQ trong các cuộc tranh chấp này, là VN không đến nỗi khát máu như các đàn anh. Dựa vào cuốn sách của VTH thì việc này cũng chẳng lạ, các lãnh đạo nhà ta nhát gan hơn, không dám lãnh lấy trách nhiệm, do đó cũng không dám thẳng tay đàn áp và đây là may mắn cho VN ta.

VN và TQ có chỗ khác LX, đó là bảo hoàng hơn vua. Chưa bao giờ các lãnh đạo mở miệng chính thức sám hối và từ bỏ XHCN, vẫn khăng khăng là con đường XHCN là đúng.

Do đó từ khi 'đổi mới' đến nay, ĐCSVN vẫn tiếp tục 'khăng khăng' coi là đảng đúng, gạt bỏ việc cán bộ cao cấp xin mở lại hồ sơ về vụ án "Xét lại chống đảng" (1995). Nhiều người phải đi tù [Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Nguyễn Trung Thành v.v.] hay bị quản thúc tại gia chỉ vì xin xét lại "vụ án" không có này và chỉ vì đòi hỏi ĐCSVN sám hối từ bỏ chủ nghĩa CS mà nước sáng lập đã từ bỏ (Hà Sĩ Phu). Nhưng đảng ta có khá hơn vì đã cho mọi người ra tòa xử, viện cớ (hay là trò cười về tính cách nhà nước pháp quyền của đảng CSVN) dùng tài liệu bí mật quốc gia (thư của Võ Văn Kiệt gởi cho Bộ Chính Trị), hay lạm dụng quyền tự do dân chủ...

Tóm lại, trong lịch sử cận đại, nhất là lịch sử tại các nước XHCN, người ta thấy là độc quyền thì sẽ mang đến bạo quyền và lạm dụng — quyền hạn tuyệt đối sẽ mang đến lạm dụng tuyệt đối. Cái khác là tại các nước XHCN, việc này được ngụy trang khéo léo dưới nhiều chiêu bài như Giải phóng dân tộc, đánh Mỹ cứu nước, thế giới đại đồng không giai cấp, công bằng xã hội, dân chủ tập trung, v.v. Cái gì VTH nói trong hồi ký ông ta thì chúng ta cũng biết rồi, những chuyện kể ra là thêm dẫn chứng cụ thể để đánh giá một chế độ phát xít, lạm quyền và vô dân chủ.

Một điều đáng tiếc là cuốn sách chưa được dịch để cho nhiều đọc giả quốc tế hiểu hơn về chế độ VN. Người đọc mong tác giả viết thêm sách về thế giới tù tội chính trị tại VN, về Gulag VN... để lại cho các thế hệ về sau.

CO CÃI LOANH QUANH VÀ BẠO HÀNH BẰNG LỜI NÓI

TRẦN THANH HIỆP

LTS: *TK21 từ đầu không đăng các dư luận về cuộc tranh chấp trong Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Khi Ls Trần Thanh Hiệp gửi đến bài viết có tính chất tổng kết về việc thỏa hiệp giữa hai bên, chúng tôi đã đăng, với niềm tin rằng cuộc tranh chấp sắp kết thúc. Nhưng ông Sơn Tùng, một trong hai người đang nhận là chủ tịch VBVNHN (người kia là ông Viên Linh) đã yêu cầu được quyền trả lời, và chúng tôi phải tôn trọng, đăng bài của ông Sơn Tùng. Viết trong đó ông bày tỏ các ý kiến bất đồng với Ls Trần Thanh Hiệp. Nhưng bài của ông Sơn Tùng đã tạo nên phản ứng tự nhiên, và chúng tôi lại nhận được hồi âm sau đây.*

Cuộc tranh chấp nội bộ của VBVNHN đáng lẽ không nên diễn ra trên tạp chí TK21.

Chúng tôi xin phép coi đây là bài chót về vấn đề VBVNHN đăng trên tờ báo này, chúng tôi xin quí độc giả tha lỗi đã làm mất nhiều trang báo đáng lẽ phải dành cho các vấn đề chung, quan trọng hơn.

Trong mục Tiếng Vọng của Thế Kỷ 21 số tháng Tư 1997, ông Sơn Tùng đã "đấu tố" Ủy Ban Đặc Cử (UBĐC) Tái Thống Nhất Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại hăm he chôn sống cơ cấu này, nhất là người chủ tịch của nó. Từ nhiều năm nay, trước những bài viết của ông Sơn Tùng, dưới bút hiệu này hay dưới bút hiệu Thợ Hồ, tôi đều có thái độ im lặng. Sự thật tiếng vọng của ông Sơn Tùng cũng chỉ đáng "im lặng" mà thôi. Nhưng tôi buộc lòng phải lên tiếng vì ông Sơn Tùng đã đánh lừa dư luận một cách quá đáng. Tuy nhiên tôi sẽ không thi đua xuống thấp với ông Sơn Tùng Thợ Hồ để dùng vườn hoa Thế Kỷ 21 làm nơi đổ rác. Tôi chỉ làm việc phải làm là thông tin đứng đắn để đính chính mấy điều bị xuyên tạc. Kỳ dư về cách ăn nói, cách ăn ở của tác giả này thì tôi miễn bàn.

Qua bài viết Tiếng Vọng người đọc thấy ngay rằng tác giả của nó đã dùng ngòi bút đưa đẩy nhằm tâng bốc người bênh mình và cao thanh đại ngữ để phỉ báng, mạ lỵ thô bạo người không bênh mình. Cách lập luận thì bừa bãi, phán đoán, phê bình nông cạn biết một không biết hai, coi thường độc giả và bắt độc giả làm con tin phải đọc một tạp văn có dụng đích tri tình lăng nhục tha nhân đáng lẽ không nên phát xuất từ một ngòi bút có cấp bậc lãnh đạo của một hội nhà văn Việt Nam thành viên của một hội nhà văn quốc tế. Riêng cá nhân tôi, tôi coi như rủi ro gặp nạn khi đi làm việc thiện.

Điều tôi muốn lưu ý độc giả là ông Sơn Tùng đã trình bày sai sự thật vì ông hiểu sai cũng có, không đủ sức hiểu các vấn đề cũng có. Đã vậy ông còn che dấu sự thật và tai hại hơn hết là tự cho mình quyền nói hộ người khác. Ông nói hộ ông A.Blokh, Tổng Thư Ký VBQT, nói hộ bà Minh Đức Hoài Trinh, nói hộ cả cá nhân tôi trên cương vị chủ tịch UBĐC! Phải chi ông là Tổng Thư Ký VBQT, phải chi ông đã được đặc cử chủ tịch Ủy ban ấy...

Rất tiếc báo Thế Kỷ 21 không thừa chỗ để tôi tường trình đầy đủ về những vấn đề ông Sơn Tùng đã nêu lên và bình luận (tôi nghĩ có lẽ chẳng cần). Tôi xin dành lại sau này khi tôi đúc kết hoạt động của UBĐC, để chỉ nói ngay bây giờ sơ lược mấy điểm dưới đây:

1. Ông Sơn Tùng trình bày sai về UBĐC vì ông không hiểu rõ về UBĐC. Sai về nhiệm vụ của Ủy ban này mà ông xác quyết rằng chỉ có tính cách "tình cảm" và "ngắn hạn." Thật đáng kinh ngạc! Chính ông đã được thông báo rõ về nhiệm của nó qua hai văn thư (ngày 9-4 và 15-4-96) trong đó ông Tổng Thư Ký VBQT qui định rõ Chủ tịch và Tổng Thư ký VBQT ủy cho tôi ba trách vụ: "Investigations" (đúng ra là điều tra thực hư nhưng tôi đã dịch ra Việt văn thành thâm cứu sự kiện), "arbitrage" (trọng tài) và "Recommandation" (khuyến cáo). Không hiểu ông Sơn Tùng căn cứ vào đâu mà dám phủ nhận vai trò pháp lý của UBĐC và chỉ giới hạn

nó vào vai trò "tình cảm."

Rồi ông còn chỉ trích Ủy ban này chỉ là đồ vô dụng do tôi bày đặt ra một cách phù phiếm trong khi chính ông Tổng Thư Ký VBQT, xác định rằng UBĐC là một cơ cấu quốc tế đã được thành lập bởi VBQT và phục vụ cho VBQT. Mặt khác, ông cũng không hiểu thế nào là một ủy ban đặc cử (ad hoc) nên ông đả kích lung tung quyền hạn cũng như cách phân công trong nội bộ của nó hay trong sự liên hệ của nó đối với VBQT. Ông không biết rằng UBĐC là một cơ cấu được thành lập trên cơ sở lòng tín nhiệm tuyệt đối vào thẩm quyền *chuyên môn* của các thành viên, nhất là người chủ tịch đã được chỉ định. Ai chưa bao giờ sinh hoạt trong một ủy ban đặc cử thì không nên luận bàn bừa bãi về lề lối sinh hoạt của nó trong nội bộ cũng như trong mối tương quan giữa cơ cấu ủy nhiệm và cơ cấu thụ nhiệm. Do đó ông Sơn Tùng đã nói sai về vai trò của "phát ngôn viên" là người chỉ nói lên tiếng nói "chuyên môn" của UB chứ không phải tiếng nói "chính trị," bênh bên này, chống bên kia. Tôi là người có trách nhiệm chính về mặt chuyên môn, đương nhiên tôi phải đưa ra sáng kiến để lấy quyết định chung, ai cũng có quyền có ý kiến riêng và ý kiến ấy được tôn trọng. Vì UBĐC không có ngân quỹ, "ăn cơm nhà vác ngà voi" nên các thành viên không thể di chuyển thường xuyên để họp bàn. Tôi đã phải dùng điện thư để thu thập ý kiến, trên cơ sở một "Nội quy" và một văn thư cơ bản ngày 18 tháng 5 năm 1997. Các điện thư trao đổi giữa các thành viên UBĐC đều mang dấu ấn "mật" vì chỉ để dùng trong nội bộ. Nay bỗng có sự công bố một đoạn trong một mật thư "Mật" của tôi nên tôi cần phải bổ túc nguồn tin "mật" ấy bằng đoạn dưới đây trích trong văn thư 18-06-96 thượng dẫn:

"5. Tôi không thể không lưu ý UB rằng nếu đem sự thật công bố cho dư luận quốc tế cũng như cộng đồng Việt Nam thì không thể tránh khỏi những lời chê trách người Việt Nam thiếu hụt khá nhiều chẳng những về mặt kiến thức sinh hoạt hội đoàn mà còn cả về đạo đức hoạt động văn hóa xã hội. Mặt khác quyền tự do ngôn luận cũng bị lạm dụng để tự đề cao, hạ đối thủ bằng những thủ đoạn đi ngược lại hiến chương VBQT. Tốt hơn hết là thuyết phục cả hai bên tìm một giải pháp ổn thỏa vụ lộn xộn bề ngoài không quá tổn hại cho uy tín bất cứ ai, bề trong sắp xếp lại cho có qui củ nội bộ VBVNHN trên bình diện cơ cấu cũng như trên bình diện đạo đức, tinh thần của những người cầm bút. Đó là cách tốt nhất để tôi khỏi phải đưa cho VBQT một bản phúc trình chắc chắn không thể không làm cho tất cả chúng ta phải hổ thẹn...". Ngày 23-06-96, bà Minh Đức Hoài Trinh gửi thư cho tôi và nói rằng "Tôi rất tán thành chiều hướng hoạt động mà văn hữu đã đưa ra". Sau đó, kèm theo mỗi bản thông báo của UB đều có văn thư "mật" của tôi trong đó tôi nêu lên rõ rệt rằng:"...tôi xin để văn hữu xét xem có điểm nào văn hữu không tán thành hoặc văn hữu có sáng kiến khác tôi... Tôi không thấy bất cứ trở ngại nào trong việc minh xác... Có sự bất đồng ý kiến giữa các thành viên của UB". Bà Minh Đức không hề một lần nào tỏ ra bất đồng ý kiến và Thông báo chỉ được ông Trang Châu phổ biến cho các báo với sự đồng ý của bà MĐHT. Cho đến ngày 04-10-1996, bà MĐHT có gửi cho tôi một điện thư qua ông Trang Châu, trong đó bà nói nếu việc bà đi dự Đại Hội Guadalajara "gây trở ngại cho UBĐC thì kể từ ngày hôm nay tôi không còn là Phát Ngôn Viên của UBĐC do luật sư làm chủ tịch". Tôi đã trả lời bà MĐHT là tôi tôn trọng sự lựa chọn của bà và không thấy trở ngại gì về sự lựa chọn ấy. Vì UBĐC sau đó tạm ngưng hoạt động nên vấn đề Phát Ngôn Viên không đặt ra nữa. Vậy đâu là chuyện "vỡ làm đôi"?

Về thời hạn hoạt động của UB, lúc đầu trong cuộc hội kiến giữa hai chúng tôi, ông TTK A.Blokh và tôi đồng ý lấy Hội Nghị Mễ Tây Cơ làm mốc đánh dấu thời gian tìm giải pháp. Những khó khăn do sự kình địch giữa hai bên Viên Linh và Sơn Tùng đã đưa chúng tôi tới sự thỏa thuận kéo dài thêm thời hạn tìm giải pháp và trong khi chờ đợi, cả hai bên sẽ chỉ là quan sát viên nếu họ tới Guadalajara để tham dự Hội Nghị VBQT.

2. Ông Sơn Tùng trình bày sai và che dấu sự thật về cuộc tranh chấp.

Theo ông Sơn Tùng thì tôi là người đã làm cho cuộc khủng hoảng Văn Bút kéo dài vì tội có đủ tất cả những tật xấu trên thế gian này! Ông Sơn Tùng đã nói sai về những nguyên nhân hiện tại của cuộc tranh đấu và ông đã che dấu sự thật về việc tìm giải pháp chấm dứt cuộc tranh chấp ấy.

Trước hết ông Sơn Tùng đã đánh lừa người đọc khi ông tạo nên cảm tưởng rằng tôi đã làm việc hồ đồ thiên về phía ông Viên Linh, đổi trắng thành đen đổi công thành tội. Nhưng ông không nói rõ được rằng đâu trắng đâu đen, đâu công đâu tội. Ông cố níu lùi cuộc tranh chấp vào thời điểm 25-11-1995 và mấy tháng kế tiếp để bảo vệ chức chủ tịch mà ông đã giành được trong một cuộc họp ở Houston vào tháng 2-1996. Nhưng sau gần 5 tháng hoạt động UBĐC, mà ông không tiếc lời miệt thị, đã chấm dứt

được cuộc tranh chấp theo luật rừng để đưa hai bên vào một tình trạng pháp lý mới: đó là cả hai bên đều tự nguyện "trở lại nguyên trạng trước ngày 25-11-1995" để bầu lại Ban Chấp Hành tái thống nhất Hội. Tự thân nó, sự tự nguyện này đã triệt tiêu những nguyên nhân tranh chấp cũ và đã mang Hội trở về tình trạng khi Đại Hội V được triệu tập, nghĩa là có đủ các bên: Ban Chấp Hành các Trung Tâm thành viên mà các đại biểu sẽ cùng BCH họp thành Đại Hội Đồng.

Nhưng lại nẩy ra những nguyên nhân tranh chấp mới do nơi phe ông Sơn Tùng đòi dẹp bỏ Đại Hội Đồng, chỉ "bầu bằng thư" Ban Chấp Hành mới mà thôi, gạt đi việc sửa đổi Điều lệ và việc thừa nhận các Trung Tâm tân lập. Phe ông Viên Linh bác bỏ nại cớ Điều lệ Hội bị vi phạm nếu bãi bỏ Đại Hội Đồng. Ngoài ra cần phải sửa đổi Điều lệ để dân chủ hóa hơn nữa thể thức bầu Ban Chấp Hành trung ương bằng cách tăng thêm quyền cho các hội viên VBHN.

Về phần UBĐC tôi không thể thỏa mãn yêu cầu của phe ông Sơn Tùng muốn tôi chủ trì cho cuộc bầu bằng thư. Theo tôi, một khi cả hai bên đã thỏa thuận trở lại nguyên trạng trước ngày 25-11-1995 thì cứ việc áp dụng các điều khoản của Bản Điều Lệ Hội mà giải quyết mọi việc. Bởi vậy UBĐC tạm ngưng hoạt động, rút về vị trí quan sát viên quốc tế để cho Ban Chấp Hành thi hành nhiệm vụ của mình. UBĐC không muốn và cũng không có quyền can thiệp vào nội bộ VBVNHN.

Ông Sơn Tùng đổ lỗi cho UBĐC không đưa ra giải pháp để che dấu sự thật là phe ông đã bác bỏ tất cả các giải pháp mà UBĐC đã đề ra:

a. Thành lập phái đoàn thống nhất VBVNHN tham dự Hội Nghị Guadalajara.

b. Hai bên trực tiếp thương lượng để triệu tập Đại Hội Đồng, sửa đổi Điều lệ, thừa nhận các Trung Tâm tân lập và bầu Ban Chấp Hành mới.

c. Nghiên cứu thể thức "bầu bằng thư" để giải quyết các vấn đề mà Đại Hội Đồng phải giải quyết, nếu quả thực các Trung Tâm thành viên không có khả năng tài chính họp ĐHĐ.

Ông Sơn Tùng chỉ đòi được thỏa mãn một điều độc nhất là bầu bằng thư cho liên danh của ông, liên danh độc nhất được ứng cử. Ông không công nhận vai trò xử lý thường vụ của ông Viên Linh. Điều này có nghĩa là ông không trở lại nguyên trạng trước ngày 25.11.1995 mà trở lại nguyên trạng sau ngày 25.11.95, nghĩa là sau cuộc họp Fountain Valley. "Trở lại nguyên trạng trước ngày 25.11.95" là sự cam kết của chính ông Sơn Tùng. Nay ông không thể tùy tiện giải thích rằng nói vậy để đòi bầu cử bằng thư trên cơ sở cuộc họp Fountain Valley tức là ra cửa chính rồi lại lén trở vào bằng cửa sổ. UBĐC không thể bảo chứng cho một hành vi thất ước như vậy, nhưng vì là vấn đề nội bộ của VBVNHN nên UBĐC để các bên giải quyết với nhau. Bằng không, chỉ là trò đầu voi đuôi chuột.

Vậy cuộc tranh chấp còn kéo dài là vì ông Sơn Tùng không có cơ sở pháp lý để áp đặt giải pháp "bầu bằng thư" cho riêng liên danh ông. UBĐC không dính dáng tới tình trạng kéo dài ấy.

3. Ông Sơn Tùng che dấu sự thật về Hội Nghị Guadalajara.

Với ông Sơn Tùng —cũng như các cơ quan "thông tấn" của phe ông, thì VBVNHN chỉ có một phái đoàn đại biểu chính thức tham dự Hội Nghị Văn Bút Quốc Tế họp hồi đầu tháng 11 năm 1996 tại Mễ Tây Cơ và đả kích tôi nói sai là có hai phái đoàn của VBVNHN. Và ông còn nói rằng nếu không có phái đoàn do ông cầm đầu thì đã không có người tranh đấu cho văn nghệ sĩ bị cầm tù ở trong nước.

Nhưng điều tôi nói là điều mà tôi căn cứ vào sự thật, tôi đã biết trước vì đó chính là sự thỏa thuận giữa ông Tổng Thư Ký A. Blokh và tôi, và nhiệm vụ của tôi là thuyết phục hai bên đừng tranh cãi nhau tại chỗ về tư cách đại diện VBVNHN.

Tôi đã nhắn riêng với bà MĐHT vì tôi biết là bà sẽ đi dự Hội Nghị trong phái đoàn Sơn Tùng. Tôi cũng tin cho ông Viên Linh, đồng thời ông Tổng Thư Ký VBQT đã nói rõ cho ông Viên Linh rằng bên ông Viên Linh cũng chỉ được tiếp đón ở Guadalaraja như những quan sát viên.

Về dự án quyết nghị của VBVNHN, do ông Sơn Tùng gửi tới trước thì sẽ được một trung tâm thành viên VBQT đệ trình Đại Hội Đồng các Đại Biểu vì VBVNHN không có đại biểu chính thức. Ngày 30 tháng 10 năm 1996, trước khi lên đường đi Guadalajara bà E. Patterson, thư ký hành chánh của VBQT đã xác nhận bằng văn thư với tôi như sau: "...I also attach the agenda of the Guadalajara Assembly of Delegates and the section of the Resolutions in which there appears the resolution submitted by the Vietnamese Writers Abroad Centre. This was actually submitted by Son Tung, but since it concerned imprisoned writers, it was accepted for circulation to the Centres. When we reach this point on the agenda, Ronald Harnood, as Chairman, will explain that because of the internal dispute within the Vietnamese Writers Abroad Centre, which we hope will

shortly be resolved, the Centre is not officially represented and it is therefore necessary to ask for a proposer and a seconder for this resolution." Và theo biên bản thì Trung Tâm Văn Bút Anh đã đệ trình giúp cho VBVNHN.

Sự có mặt của bà MĐHT cùng với ông Sơn Tùng tại buổi họp của Ủy ban Văn Nghệ Sĩ bị cầm tù đã chuẩn bị một tâm lý thuận lợi thêm cho việc bỏ phiếu tại Đại Hội Đồng các Đại Biểu mà VBVNHN không có mặt. Trước đây tôi cũng đã từng giới thiệu bà MĐHT với Ủy ban VNSBCT như vậy.

Ông Sơn Tùng và ba nhà văn nữ có mặt tại Guadalajara để cứu nguy văn nghệ sĩ bị đàn áp ở trong nước là một điều hay. Nhưng ông Sơn Tùng không nên nói rằng không có ông thì không có ai bênh vực cho các đồng nghiệp ở trong nước! Nói vậy là sai vì nhiều lẽ. Trước hết, đã có sự dự trù là VBVNHN có vì lý do tranh chấp nội bộ mà phải vắng mặt thì nghị quyết của VBVNHN vẫn được bỏ phiếu. Sau nữa, ông Sơn Tùng muốn giữ độc quyền bênh vực VNSBCT vì những người tù thật sự hàng mười năm trở lên như Nguyễn Sỹ Tế, Cung Trầm Tưởng mà tiếng nói ở Đại Hội Đồng Đại Biểu chắc phải mạnh hơn tiếng nói của ông Sơn Tùng đã bị chính ông Sơn Tùng gạt phăng đi. Nhưng điều ông không dám nói rõ ra là ông đã nhờ uy thế bà Minh Đức Hoài Trinh để mật đàm kiểu "dón dén" của Kissinger để vận động với ông Tổng Thư Ký A. Blokh mong kế hoạch "bầu bằng thư" một liên danh độc diễn của ông được thông qua. Ông Sơn Tùng và bà MĐHT đã khoản đãi ông Blokh một bữa ăn trưa và ông Sơn Tùng đã làm một việc mà chưa một chủ tịch VBVNHN nào đã từng làm là bán rẻ sự tự trị của Trung Tâm mình khi đi cầu xin sự thông qua của VBQT cho một vấn đề hoàn toàn nội trị. Dịp này, ông Sơn Tùng cũng cố vớt vát để cho VBVNHN được có mặt trong Đại Hội Đồng các Đại Biểu nhưng câu trả lời của ông TTK là không. Ông Viên Linh biết điều hơn nên chỉ viết thư giới thiệu ông Trần Ngọc như là một quan sát viên và ông Trần Ngọc lại tinh khôn chọn báo giới là môi trường có nhiều điều kiện quan sát hơn là một quan sát viên bình thường.

Tưởng cũng cần nói thêm rằng không phải chỉ ở Guadalajara mới tranh đấu được cho các văn nghệ sĩ. Mấy người được ông Sơn Tùng nêu tên trong nghị quyết thì đều là những người mà trước đó đã được khắp nơi cứu trợ. Chính ở tại Paris, tôi đã vận động để ông Hà Sĩ Phu được Văn Bút Pháp Quốc nhận làm hội viên danh dự. Và khi Hội nghị Guadalajara nhóm họp tôi cũng đã đánh điện thẳng cho Hội Nghị bổ túc nghị quyết của VBVNHN bằng việc cung cấp cho Hội Nghị tin nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự bị công an cộng sản đưa đi làm việc mặc dầu tôi ở Quận Cam chứ không ở Mễ Tây Cơ, không có hân hạnh tham gia phái đoàn VBVNHN. Có người sẽ hỏi: Vậy nếu chỉ là quan sát viên thì sao lại được đeo thẻ danh hiệu 'đại biểu." Ai chưa từng đi họp Hội Nghị VBQT thì chưa biết việc làm thẻ danh hiệu này là chi tiết kỹ thuật do Ban Tổ Chức địa phương lo. Khi nhận được phiếu ghi danh (gửi cho cả hai bên Sơn Tùng và Viên Linh) thì chỉ có phe ông Sơn Tùng ghi tư cách Đại Biểu mà thôi, tuy biết trước là chỉ có tư cách quan sát viên. Tưởng chỉ nên đeo và giữ các thẻ danh hiệu này như một kỷ niệm hơn là tức giận người đã buộc lòng phải tiết lộ sự thật, vì tự trọng.

Kết luận: Bài Tiếng Vọng của ông Sơn Tùng tuy bề ngoài có vẻ gây ít nhiều thiệt hại cho tôi nhưng bề trong thì thật là một thảm họa cho ông Sơn Tùng. Văn phong là người. Nhờ bài viết ấy mà "giờ phút của sự thật" đã điểm, bắt đầu từ Hoa Thịnh Đốn, đất dấy nghiệp của ông Sơn Tùng để mọi người nhận diện ông Sơn Tùng.

Một câu hỏi đến đây cần phải nêu lên: "Liệu cuộc khủng hoảng nội bộ VBVNHN còn kéo dài bao lâu nữa và Ủy Ban Đặc Cử có làm được gì để mau chóng chấm dứt nó hay không?" Câu trả lời tùy thuộc nơi hai bên Viên Linh và Sơn Tùng. UBĐC lúc này chỉ quan sát sự việc mà thôi.

Về phía ông Sơn Tùng, UBĐC nhận thấy bất cứ giải pháp nào dù dung hòa đến mấy (như của ông Trang Châu) cũng bị bác bỏ ngoại trừ giải pháp "bầu bằng thư" cho liên danh độc diễn Sơn Tùng. Hành động tích cực của ông Sơn Tùng là co cãi loanh quanh và bạo hành bằng lời nói.

Phía ông Viên Linh tuy bắt đầu sửa soạn triệu tập Đại Hội Đồng nhưng cũng chưa có những chỉ dấu nào báo trước rằng mọi việc sẽ suông sẻ. UBĐC đặc biệt chú ý xem ông Viên Linh có thực sự tôn trọng Bản Điều lệ 1989-1993 hay không và có vượt quyền một người xử lý thường vụ hay không.

UBĐC có thể ra khỏi vị trí quan sát viên để góp sức một cách hợp lệ — vì UBĐC là một cơ cấu quốc tế, không có thẩm quyền đối với nội trị của VBVNHN - nếu có sự yêu cầu minh thị của các bên hữu quan.

Nếu không có sự yêu cầu đó thì UBĐC vẫn nghe vẫn nhìn vẫn nói, theo tác phong người xưa chỉ bảo: "căng nhi bất tranh, quần nhi bất đảng, hòa nhi bất đồng." Xin ông Sơn Tùng đừng lẫn lộn.

Nhân lễ trao giải thưởng của Hội Nghiên Cứu Y Khoa Pháp

TRÒ CHUYỆN VỚI BÁC SĨ ĐINH XUÂN ANH TUẤN

Ngày 29 tháng Tư vừa qua, Hội Nghiên Cứu Y Khoa tại Pháp (Fondation pour la Recherche Médicale) đã trao giải thưởng đặc biệt hàng năm về Nghiên Cứu Bệnh Lý Lâm Sàng cho bác sĩ Đinh Xuân Anh Tuấn, cùng một số các nhà nghiên cứu khác thuộc nhiều lãnh vực trong Y khoa. Buổi lễ đã được tổ chức tại Thượng Viện Pháp dưới sự chủ tọa của Giáo sư Pierre Joly (thuộc Hàn Lâm Viện Y Khoa Pháp), ông Pierre Valade (Phó Chủ Tịch Thượng Viện) và ông Francois d'Aubert (Bộ trưởng Bộ Nghiên Cứu), và với sự tham dự của bà Bernadette, phu nhân Tổng Thống Pháp Chirac.

Bác sĩ Đinh Xuân Anh Tuấn hiện là Giảng Sư Trường Y Khoa Cochin thuộc Đại học René Descartes và là Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu và Thăm Dò Bệnh Lý thuộc bệnh viện Cochin (Paris).

Thế Kỷ 21 *có một buổi trò chuyện cùng bác sĩ Anh Tuấn sau buổi lễ ấy, nội dung được tóm lược sau đây.*

*

Xin Bác sĩ cho biết một đôi điều về mình.

ĐINH XUÂN ANH TUẤN: Tôi qua Pháp năm 1969, lên 11 tuổi, đã theo học Trung học và Đại học tại Pháp. Tôi tốt nghiệp Đại học Y Khoa Pháp năm 1983. Từ năm 1983 đến 1987 tôi theo học Hậu Đại học để xong ngành chuyên môn. Năm 1988 tôi được tuyển chọn làm nghiên cứu viên hậu đại học (Research Fellow) của Hội Tim Mạch Vương Quốc Anh (British Heart Foundation), làm việc tại nhà thương Papworth thuộc Đại học Cambridge với đề tài nghiên cứu là bệnh lý bệnh cao áp huyết động mạch phổi (pulmonary hypertension). Năm 1991 tôi trở về Pháp, và làm Giảng viên tại Đại học Y khoa Paris cho tới nay.

Giải thưởng Bác sĩ vừa nhận, chỉ gọi tổng quát là Nghiên cứu Bệnh lý Lâm sàng. Bác sĩ có thể nói rõ hơn về đề tài mà bác sĩ nghiên cứu từ mười năm nay.

ĐXAT: Theo chúng tôi đây có lẽ một trong những đề tài sôi động nhất của nền Y học hiện đại, cùng với bệnh HIV và ung thư. Đề tài của chúng tôi nghiêng về máu, tim, và động mạch. Năm 1980 có hai nhà khoa học ở New York là các ông Furchgott và Zawadzki đã khám phá ra rằng mỗi mạch máu có sức đào tạo và tiết ra chất "endothelium-derived relaxing factor," gọi tắt là EDRF và chất này có lẽ là một trong những chất mấu chốt của sự điều hòa máu trong con người. Đây thuộc về bệnh tim mạch.

Từ năm 1980 đến 1987 rất nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm về chất EDRF đó nhưng chưa ai hiểu rõ, chỉ biết nó xuất phát từ các tế bào nội mô mạch máu (endothelium). Năm 1987 một nhóm nghiên cứu khác tại Anh đã phân định rõ chất EDRF đó là chất Nitric Oxide, mà chúng tôi gọi tắt là NO. Đến năm

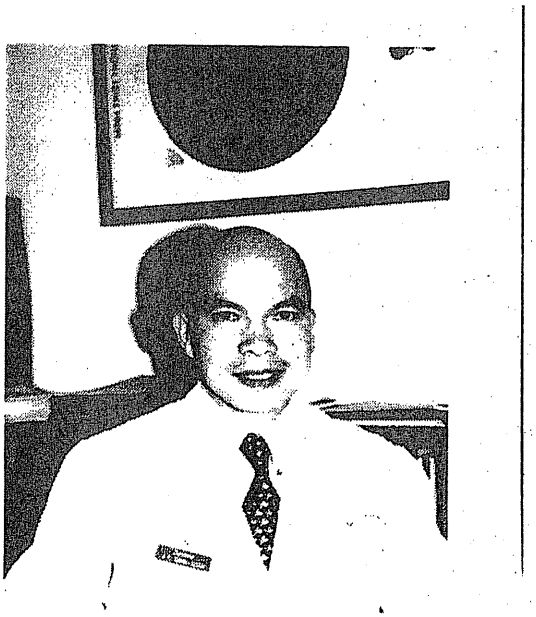

Bác Sĩ Đinh Xuân Anh Tuấn

1988 tại Đại học Cambridge, chúng tôi đã chứng minh chất Nitric Oxide cũng được tiết ra bởi tế bào nội mô mạch máu của phổi con người và có khả năng gây ra sự giãn mạch máu. Cũng chỉ vì thiếu chất NO này mà một số các bệnh nhân đã bị bệnh cao áp huyết động mạch phổi mà cách chữa trị duy nhất vào thời điểm đó (cuối thập niên 80) là ghép tim và phổi (Heart-lung transplantation), một kỹ thuật y khoa mà bệnh viện Papworth thuộc Đại học Cambridge, nơi chúng tôi làm việc, đứng hàng đầu trên thế giới. Tuy nhiên ghép phổi chỉ có thể được xem là một giải pháp sau cùng, vì nó nhiêu khê và tốn kém. Bác sĩ phải giỏi, bệnh nhân phải giàu, và cần nhất là người cho phổi (donors) phải trẻ (để có phổi tốt) bị chết vì tai nạn. Rõ ràng đó không phải là giải pháp thỏa đáng cho tương lai.

Lý do nào Bác sĩ quan tâm đến đề tài trên? Và đã đạt được kết quả cụ thể nào?

ĐXAT: Có thể có ba lý do chính khiến tôi đi vào đề tài này:

Lý do thứ nhất là cơ duyên. Trong quá trình học vấn chúng tôi đã gặp được một số các vị thầy quan tâm về vấn đề này và dìu dắt chúng tôi vào lãnh vực này.

Thứ nhì, đây là đề tài đang sôi bỏng cho nhà nh Y tế cộng đồng các nước tân tiến vào cuối thế kỷ hai mươi đầu thế kỷ 21 sắp đến. Tim Mạch đang là sự quan tâm hàng đầu của các quốc gia.

Sau cùng, lý do thứ ba, đến từ một sự thôi thúc cá nhân. Trong gia đình tôi có một người rất thân đã mất vì tim mạch, đã khiến tôi muốn nghiên cứu về bệnh này. Nghiên cứu khoa học cũng có những đam mê, không sôi nổi như nghệ sĩ, nhưng đầy suy tư và trầm mặc. Người ta có thể ngồi vắt óc hàng năm trời hay cả một phần đời vì một câu hỏi khoa học chưa có lời giải đáp xuôi tai, thuận lý. Dĩ nhiên đam mê nào cũng phải có những động cơ, mà đam mê khoa học đôi khi lại có những động cơ chẳng khoa học tí nào, có thể do một lý do tình cảm hay nằm ẩn sâu trong tiềm thức của từng người.

Được biết năm 1990 tại Hoa Kỳ, giải thưởng đặc biệt quốc tế hằng năm dành cho các nhà nghiên cứu trẻ do Investigator Awards do American College of Angiology tổ chức lần thứ 37 tại Atlanta đã được trao cho bác sĩ. Bác sĩ là người Việt Nam cũng là người Á châu đầu tiên được giải thưởng này trong lịch sử trao giải của Hội, vậy giải thưởng này có liên quan gì đến công trình nghiên cứu vừa nói không?

ĐXAT: Liên quan hoàn toàn. Giải thưởng của American College of Angiology được đặc biệt trao về công trình nghiên cứu đó, và Hội đã công nhận rằng sự khám phá một trong những nguyên nhân gây ra áp huyết cao trong phổi là vì thiếu chất Nitric Oxide. Đó là một bước tiến khá đáng kể trong việc nghiên cứu về phổi.

Từ năm 1990 đến nay là 1997, bác sĩ và các cộng sự viên đã đạt được những đóng góp nào cho ngành Y khoa?

DXAT: Cám ơn anh đã nhắc đến các cộng sự viên. Từ xưa đến giờ, công việc nghiên cứu thường là công việc của nguyên một nhóm người chứ không riêng một cá nhân. Lúc tôi còn ở Cambridge cũng như hiện giờ ở Paris, tôi thực hiện việc nghiên cứu này cùng một nhóm cộng sự viên, mà ta thường gọi là "ê-kíp" của mình. Từ năm 1990 đến 97 chúng tôi vẫn theo đuổi con đường nghiên cứu đó. Những năm 1989 90, người ta đã chứng minh nguyên nhân của căn bịnh là thiếu chất Nitric Oxide, sau đó từ năm 1991 trở đi chúng tôi đã cố gắng tìm cách bù đắp sự thiếu sót đó bằng cách cho bệnh nhân

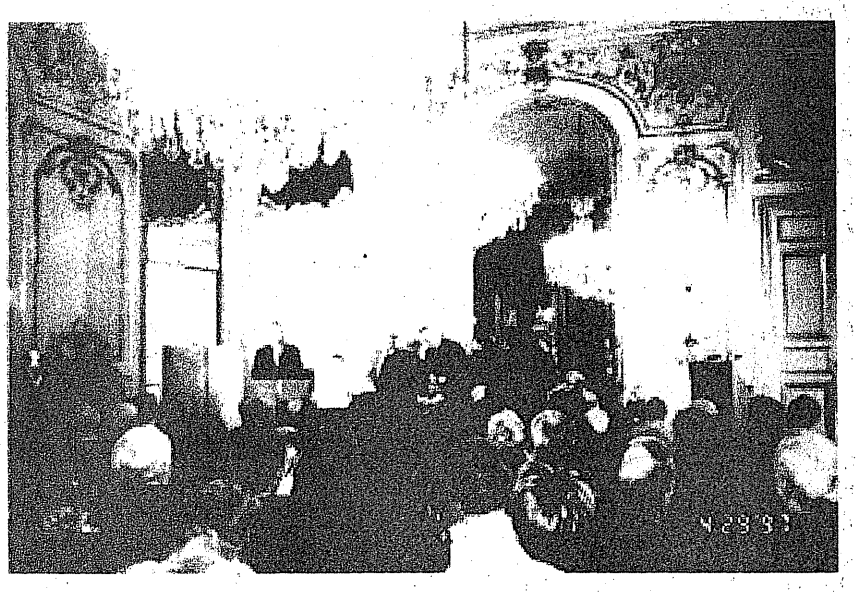

Quang cảnh lễ trao giải thưởng cho bác sĩ Đinh Xuân Anh Tuấn tại trụ sở Thượng Viện Pháp

hít thở chất NO, và từ đó nhận ra chính chất NO là một phương cách chữa trị có hiệu quả và có triển vọng. Chất NO ít công phạt hơn những thuốc cũ trước đây, và đã làm giảm số tử vong hơn 50 phần trăm.

Một người tốt nghiệp y khoa có ba con đường để theo: một là hành nghề chữa bịnh, hai là vào phòng thí nghiệm làm một nhà nghiên cứu, ba là đứng trên bục giảng làm giáo sư. Bác sĩ cùng một lúc đang đảm nhiệm hai vai trò chính là vừa nghiên cứu vừa dạy học, và dĩ nhiên trong khi nghiên cứu thì cũng phải chữa trị lâm sàng. Xin bác sĩ dựa vào kinh nghiệm riêng cho biết mối tương quan giữa ba vai trò trên. Một cách cụ thể, bác sĩ quan niệm thế nào về vai trò của một nhà nghiên cứu y học?

ĐXAT: Thực ra ba vai trò vừa nói có một mối tương quan rất mật thiết. Vai trò của một bác sĩ cho dù nghiên cứu, chữa bịnh hay dạy học đều có một mẫu số chung là người bịnh. Tất cả các bác sĩ, cho dù là giáo sư đại học, chữa bịnh tại phòng mạch, hay nghiên cứu đều phải có mối quan tâm duy nhất là bệnh nhân. Tại sao chọn các đường khác nhau? Cái đó là tùy sở thích của từng người. Một bác sĩ mở phòng mạch là người có nhiều thì giờ và lòng nhân ái để thường xuyên chia sẻ với bịnh nhân, đôi khi bệnh không trầm trọng gì, nhưng người bệnh và gia đình rất lo lắng. Một bác sĩ nghiên cứu là người luôn luôn có đầu óc tìm tòi muốn khám phá ra một cái gì mới, một kẻ bất mãn kinh niên trước bệnh tật và cái chết. Còn bác sĩ dạy học muốn truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm của mình để đào tạo các thế hệ sau. Ba cái đó đôi khi có thể góp lại nơi một người hay một số người. Chúng tôi làm việc ở khuôn viên đại học, chữa những bịnh tương đối khá ngặt nghèo, một số có thể gọi là nan y, đó là cái may cho chúng tôi trong việc tìm tòi, nhưng chúng tôi lại thiếu thì giờ để được tiếp xúc với những bịnh nhân bình thường hàng ngày, với những chứng bệnh thông thường, dễ chữa. Chúng tôi không có thì giờ để ngồi chia sẻ, nói chuyện mưa nắng với bịnh nhân của mình, ở khuôn khổ đại học chúng tôi không có được nguồn vui đó. Có lẽ vì vậy mà ước muốn trở về làm "thầy thuốc ở làng" vẫn còn nơi chúng tôi.

Giả dụ có kết quả một công trình nghiên cứu y học đi ngược lại với truyền thống, với cách chữa trị theo nền y khoa hiện đang được áp dụng thì sẽ có sự mâu thuẫn nào không. Nói cách khác, có sự tương phản giữa vai trò của một nhà nghiên cứu y học với một bác sĩ y khoa đang chữa trị không?

ĐXAT: Mới nhìn qua có thể là có tương phản, nhưng nếu nghĩ sâu thì thấy sự tương phản đó chỉ là mặt ngoài thôi. Mục đích tối hậu của y khoa là người bịnh thì tất cả mọi việc mà chúng ta làm đều nhằm tới người bịnh. Một điều gì đó mới tìm ra có thể gây ra hoang mang, thắc mắc đối với một số những suy nghĩ có thể gọi là bảo thủ, xem những thành tựu đã qua là những gì bất di bất dịch. Đối với ngành nghiên cứu y khoa, điều đó không đúng và sẽ không bao giờ đúng. Y khoa là môn học về sự sống của con người, không thể ngưng đọng một chỗ. Điều ngày hôm qua đúng, ngày mai có thể sai, chỉ có một điều không thay đổi là cái mục đích tối hậu: dùng kiến thức để chữa bệnh cho con người.

Chúng tôi không được quên mục đích tối hậu của Y khoa là người bệnh chứ không phải là cơn bệnh. Khi các nhà khoa học đã có khả năng biến một tế bào đơn sơ thành hàng loạt cả trăm cả ngàn động vật giống nhau (clone), thì người ta sợ rằng ngành Y khoa dần dần đang đóng vai một... "siêu nhân." Ranh giới giữa siêu nhân và vô nhân rất mong manh. Một nền Y khoa máy móc trong đó các bác sĩ suy luận và hành động như những phần mềm vi tính được cập nhật hóa bằng những khám phá y học (mà chúng tôi đang có gắng góp phần vào), là điều chúng tôi không mong muốn. Chúng tôi tin rằng không một khám phá nào, ít ra là trong vòng một thế kỷ tới, sẽ đủ sức cắt nghĩa rốt ráo sự mầu nhiệm của con người và sự sống. Chúng tôi chỉ là những người, bằng những phương tiện của khoa học kỹ thuật, đang trên con đường đi tìm nguyên nhân của *một*, hay nhiều lắm là *một vài* cơn bệnh. Nhưng bên cạnh và bên trên bệnh hoạn vẫn là người bệnh, một thực thể thiêng liêng luôn luôn phải được trân trọng.

Là một người Việt Nam đã lớn lên và được đào tạo ở nước ngoài, bác sĩ có cái nhìn gì về tương lai của đất nước, về sự đóng góp của các nhà khoa học gốc Việt cho đất nước Việt Nam?

ĐXAT: Tôi tin tưởng rằng trong tương lai mươi năm sắp tới sự đóng góp của các nhà khoa học gốc Việt ở nước ngoài sẽ ngày càng gia tăng. Từ sau 1975, giới trẻ Việt Nam di cư bắt đầu đi vào các đại học, tại Pháp, tại Mỹ..., và ngày càng có nhiều những nhân tài trẻ xuất hiện. Tôi nghĩ một số đông vẫn còn nghĩ tới nước Việt Nam, sẽ giúp cho nền khoa học Việt Nam. Ngoài ra tôi cũng tin rằng với sức sống và nhu cầu hiểu biết của lớp trẻ đang sống trong nước, nếu tạo được các điều kiện thuận lợi thì người trẻ ở Việt Nam cũng sẽ đạt được nhiều thành tựu trong khoa học.

MƯA TUYẾT KHÔNG GIAN

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Trong nửa năm qua, rất nhiều tin khoa học đã xuất hiện trên báo chí hàng ngày liên quan đến những khám phá mới trong môn Vũ trụ học và Thiên văn học. Những khám phá đó có vẻ như đang dồn dập trong năm 1997, đó là vì nhờ những dụng cụ thiên văn ngày càng mới và tinh diệu người ta quan sát được những hiện tượng trước đây chưa từng thấy. Mỗi khám phá mới lại làm giới khoa học phấn khởi và sôi nổi tranh luận về những ước đoán, những giả thuyết, rồi cả những lý thuyết mới được xây dựng, hầu như tranh dành ngôi bá chủ với những lý thuyết trước tưởng như đã nắm chắc được chìa khóa mở cánh cửa đầu tiên tìm lời giải đáp cho câu hỏi: Vũ trụ ông là ai?

Thế nhưng trước khi nhìn vào những khám phá này hay những giả thuyết được đề ra, chúng tôi xin nhắc lại cần phải thận trọng để khỏi lạc vào mê lộ. Những hiện tượng nhìn thấy qua các dụng cụ khoa học đều được kiểm chứng trước khi công bố, nhưng cũng cần phải xác định cho chắc bằng nhiều phương pháp khác nhau rồi mới có thể xác quyết là đúng như đã ghi nhận. Sau khi xác nhận hiện tượng, nhiều giả thuyết được đưa ra để xây dựng một lý thuyết, nhưng tất cả đều là những đề nghị có thể đúng có thể sai. Bởi vậy việc đầu tiên sau khi biết các khám phá này, chúng ta cần đặt một nghi vấn để theo đó dùng kiến thức và lý trí của mình mà suy ngẫm.

Nghi vấn không có nghĩa là hoài nghi. Nghi vấn là thận trọng đặt câu hỏi và khoa học cũng chính là môn học đặt các câu hỏi. Người ta chỉ có thể đặt câu hỏi khi có một nền tảng kiến thức cơ bản. Hoài nghi là thẳng tay gạt bỏ phắt những gì không hiểu nổi mà không cần suy xét cho kỹ. Người ta chỉ có thể gạt bỏ những hiện tượng, những giả thuyết sau khi có sự chứng minh đó là giả tạo.

Những khám phá mới nhất

Tôi chỉ xin kể đến những khám phá quan trọng nhất. Hồi tháng 4-97, người ta loan tin tìm thấy một dấu hiệu lạ: Tất cả vũ trụ của chúng ta đang xoay tròn như con quay, khiến các làn sóng điện từ radio trong vũ trụ khi đến Địa cầu xoắn lại như cái đinh ốc.

Vũ trụ xoay tròn thì có gì lạ? Tất cả những vật kính thiên văn nhìn thấy hay "nghe" thấy đều xoay tròn. Trái Đất chúng ta ở đang xoay điều này ai cũng biết, Mặt Trời cũng xoay, các hành tinh khác trong Thái Dương hệ cũng xoay và cả Thái Dương hệ cũng xoay trong giải Ngân Hà của chúng ta. Vậy giải Ngân Hà thì sao? Nó cũng xoay như hàng trăm tỷ các Thiên hà khác mà chúng ta có thể quan sát được trong vũ trụ. Tóm lại xoay là bệnh của Trời.

Thế nhưng bây giờ nếu cả Vũ Trụ cũng xoay, vấn đề thật rắc rối. Vũ Trụ giống như một căn nhà thiêng liêng, tối thượng, tối cao và duy nhất, không thể có cái gì hơn, trong đó mọi vật đang xoay tròn. Nếu vũ trụ cũng xoay thì hỡi ôi...vũ trụ không phải là duy nhất mà còn nhiều vũ trụ khác nữa. Tại sao vậy?

Không cần đi vào những lý luận khoa học phức tạp, việc mà chúng tôi sẽ làm sau, ở đây tạm thời chúng tôi chỉ muốn nói đến một thứ lý luận rất phổ thường dân, dựa theo ý thức thông thường của con người là xét cái bệnh của Trời. Theo cái "bệnh" đó, cái đang xoay đều nằm trong một cái xoay khác lớn hơn như đã kiểm điểm từ Trái Đất cho đến các thiên hà và hiển nhiên cái đang xoay đó chỉ là một trong những cái xoay khác. Vũ trụ mà chúng ta hiện chỉ nhìn thấy một góc, bỗng nhiên mất đi thế độc tôn. Chưa được trả lời câu hỏi xấc xược Vũ Trụ, ông là ai, người ta đã muốn leo lên một nấc để hỏi: Vũ Trụ, cha ông là ai và ông có bao nhiêu... anh em.

Nhưng chúng tôi muốn tạm dừng vấn đề vũ trụ xoay ở đây để lướt qua những khám phá khác.

Cuối tháng 4-97, vũ trụ quan của con người nhận được những tin hắc ám. Những tia gamma do các các dụng cụ hiện đại ghi nhận được cho chúng ta biết ở chính giữa Ngân hà hiền khô của chúng ta có một cái giếng tận diệt, các nhà Thiên văn đã mệnh danh ngay đó là "the Great Annihilator" mà chúng tôi thích dịch là "tên đại sát thủ". Tại sao gọi là sát thủ? Bởi vì nó

đang ngốn, nuốt chửng các vì sao các đám tinh vân xung quanh đó với một tốc độ ghê hồn.

Chưa hết cũng nhờ các máy bắt tia gamma đó người ta bỗng nhận thấy trên đầu giải Ngân Hà của chúng ta có một đám mây "phản vật chất" khổng lồ như cái lọng che trên đầu người. Khám phá này có nghĩa là nếu Ngân hà của ta có thì các thiên hà khác cũng có lọng phản vật chất như vậy, và giữa các giải thiên hà cách nhau hàng chục hàng trăm triệu năm ánh sáng, khoảng cách vũ trụ không phải không phải rỗng không như người ta tưởng.

Giữa tên Đại sát thủ núp ở lỗ rốn Ngân Hà và cái lọng phản vật chất có liên hệ gì, người ta chưa biết, nhưng những hiện tượng này khiến các nhà thiên văn bắt đầu xét lại lý thuyết của họ về sự hình thành các galaxies, tức là các giải thiên hà trong vũ trụ.

Giữa tháng 5-97, các ông NASA (Cơ quan Quản trị Hàng không và Không gian Hoa Kỳ) hí hửng đem khoe những hình ảnh do viễn vọng kính Hubble bay trên quỹ đạo mới chụp được sau khi nó được một phi hành đoàn con thoi "đi bộ" đến nâng cấp bằng cách ráp thêm những dụng cụ tối tân hơn những thứ có từ 2 năm trước. Đó là những hình ảnh rất rõ về hiện tượng sinh và tử của các vì sao.

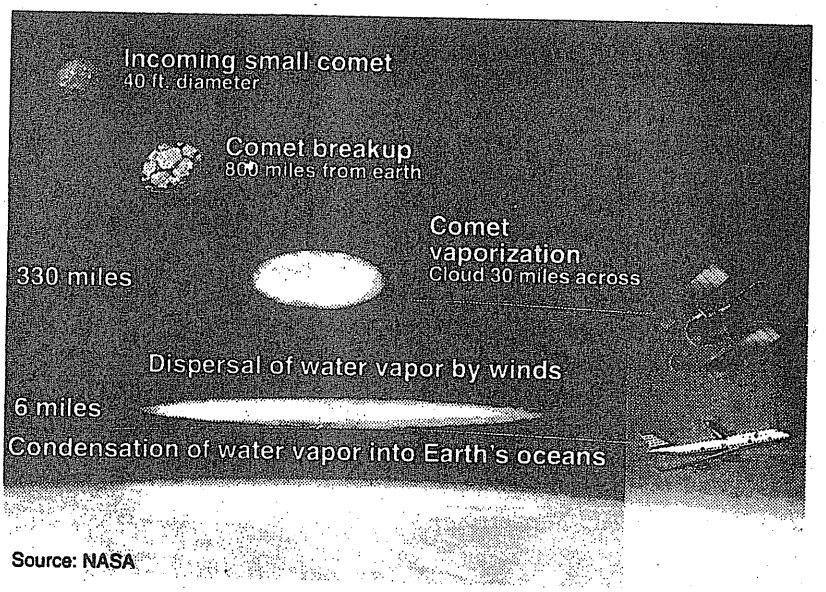

Tiến trình sao chổi nhỏ khi đập vào thượng tầng khí quyển (từ trên xuống dưới):
- Tiểu tuệ tinh hình tròn như trái cầu, đường kính 40 bộ.
- Sao chổi nhỏ bể ra trên cao độ 800 dặm tính từ Trái Đất.
- Trên cao độ 330 dặm, nơi đường bay quỹ đạo của vệ tinh nhân tạo, sao chổi nhỏ biến thành hơi nước, một khối hơi 30 dặm chiều ngang.
- Trên cao độ 6 dặm, đường bay thông thường của các phản lực cơ chở khách, gió trên thượng tầng khí quyển làm khối hơi nước tản rộng.
- Dưới nữa, khối hơi nước gặp lạnh hóa thành nước rớt xuống các đại dương. Phía dưới cùng, mẩu trắng có đường hơi cong là Địa Cầu.

Lúc sinh cũng như lúc chết của các vì sao đều là những cảnh dữ dội trong vũ trụ mà cặp mắt con người chưa bao giờ được nhìn thấy. Đặc biệt Hubble còn chụp được một lỗ đen khổng lồ, lớn gấp 300 triệu lần Mặt Trời của chúng ta, ở một thiên hà cách xa chúng ta 50 triệu năm ánh sáng.

Quan niệm về lỗ đen (black holes) bắt đầu thay đổi. Chúng không còn là những vật hiếm lạ nữa mà quá thường, cũng thường như các con chim đầy rẫy trong rừng và anh chàng Hubble được trao một sứ mạng mới: đi săn lỗ đen. Không phải dùng súng bắn hạ nó như dùng súng bắn chim, mà dùng kính thiên văn truy tìm để chụp hình cho thiên hạ coi chơi.

Câu chuyện lần khân

Trên đây chỉ là một việc lướt qua những gì mới nhất trong Thiên văn học, chúng tôi xin để vào dịp khác sẽ đi vào chi tiết mỗi chuyện...nếu thời sự cho phép, nghĩa là nếu không có những khám phá mới nữa xuất hiện để phải nói đến trong mục này mỗi tháng. Tại sao lại có chuyện lần khân như vậy?

Bạn đọc tha lỗi, đây không phải là chuyện câu giờ mà là chuyện cướp giờ. Tôi chỉ là một ký giả và phàm đã làm cái nghề nhà báo này, bắt buộc phải theo một cái định luật ngược đời với thời gian. Cái gì mới nói trước, cái gì cũ nói sau.

Nếu phải đi sâu vào những chi tiết khoa học trong tất cả những khám phá vừa kể trên, tôi sợ không có cách nào dứt điểm trong một hay hai bài báo.

Thí dụ đi vào vấn đề vũ trụ quay là phải nói đến định luật cơ học của con quay với cái trục của nó, mà cái trục là định hướng trong khi không gian là đẳng hướng. Nếu xa vào vấn đề đa vũ trụ thì còn khổ nữa, viết cả năm cũng không hết. Cũng như lỗ đen và phản vật chất,

những chi tiết như phản vật chất là gì bắt buộc phải phác họa lại đề tài hạt cơ bản trong vật lý hạt với nguyên tử học, trái với âm điện tử là electron mà chúng ta vẫn quen thuộc với cái tên tắt là hạt điện tử, trong khi muốn nói đến lỗ đen phải trình bày từ đầu thuyết tương đối tổng quát của Einstein.

Tất cả bạn đọc ham thích khoa học đều đã biết rõ những chi tiết đó nên không cần phải dài giòng giải thích. Bởi vậy tôi nghĩ trong những bài kế tiếp, mỗi khi có dịp đề cập đến tôi vẫn có thể trở lại những khám phá cũ, mặc dầu nó chỉ mới được công bố vài ba tháng trước đây.

Thế nhưng khi có tham vọng đưa ra chủ đề "Vũ trụ ông là ai", làm sao có thể bỏ qua những lý thuyết về Big Bang, về cơ học lượng tử vi mô và cơ học thiên thể vĩ mô đã có từ hơn nửa thế kỷ trước đây, như vậy chẳng hóa ra vẫn quay về với những chuyện cũ rích hay sao. Khi trình bày một vấn đề, không ai có thể bỏ qua bối cảnh của vấn đề đó. Chúng tôi nghĩ khi trình bày những tiến bộ mới nhất trong khoa hoc vũ trụ, chúng ta vẫn có dịp cần phải nhắc lại những khám phá hay những lý thuyết cũ. Đây chỉ là phương pháp lấy cái mới mà cho cái cũ đi kèm, bởi vậy bạn đọc nếu chưa có dịp biết cái cũ, khi đi vào những cái mới cũng không thấy bị hụt cẳng.

Một đặc điểm trong môn vũ trụ học là nó khởi đầu bằng những câu hỏi mà bất cứ đứa trẻ nào có óc tò mò cũng biết hỏi. Vũ trụ bắt đầu từ bao giờ? Vũ trụ lớn bao nhiêu? Hình dạng như thế nào? Vũ trụ làm bằng cái gì?

Câu hỏi thật dễ dàng ai cũng hỏi được, thế nhưng đó cũng là những câu hỏi mà các nhà vũ trụ học vật lộn với nó trong gần 100 năm nay mà chưa giải đáp được. Chính vì thế môn học vũ trụ cũng hấp dẫn đối với những phó thường dân như chúng ta. Chúng ta không phải là những khoa học gia, nhưng chỉ đặt một câu hỏi là đã "thấu" đến ruột của môn học rồi. So sánh với một vài môn học khác, chẳng hạn như cơ học lượng tử, vật lý hạt, vật lý hạch tâm, phân tử DNA, não lý học, toán học v.v..., chúng ta sẽ thấy khó đặt một câu hỏi nào cho trúng tủ.

Bây giờ bắt đầu đi vào con đường dài với một cái tên sặc tính tán dóc là "Vũ trụ ông là ai?", bước đầu tiên là bước vào chỗ nào? Tôi nói là tán dóc cho vui, chớ thật ra câu hỏi này tự nó cũng như câu trả lời, đều nằm trong phạm trù "phương pháp luận" (methodology).

Bước qua ngưỡng cửa căn nhà

"Vũ trụ ông là ai" là một ngôn ngữ bình dân. Đặt ra chủ đề này là do ước vọng của chúng tôi muốn trình bầy một vấn đề hóc hiểm nhất bằng ngôn ngữ bình dân, không dùng thuật ngữ khoa học, không dùng toán học với những ký hiệu gây nhức đầu hoặc chỉ dùng rất hạn hữu khi không có cách nào khác.

Và câu trả lời cho câu hỏi bước đầu làm gì, cũng là một phương pháp rất bình dân: Muốn lên đường chúng ta cần phải bước qua ngưỡng cửa cái xó nhà của mình trước. Có nghĩa là chúng ta nên nhìn đến khoảng vũ trụ ở ngay gần cái xóm Thái dương hệ của chúng ta trước.

Vào cuối tháng 5, tin tức sốt dẻo khoa học cho chúng ta một khám phá lạ: Mưa tuyết trong vũ trụ. Đó cũng là đề tài bài của tháng này.

Bạn đọc hãy tha thứ về lời khoe "sốt dẻo" chuyện này. Trên thực tế nó đã nguội mất rồi, mặc dù tôi đã cố chạy theo thời gian. Tôi có lệ giao bài cho nhà báo vào đầu tháng vì tôi chỉ có rảnh rỗi vài ngày vào đầu tháng với cái nghề ký giả của tôi. Khi tôi viết bài này là đầu tháng 6, vào lúc bài trước của tôi có lẽ đã tới tay bạn đọc của Thế Kỷ 21 tháng June-97. Tin tức khoa học mới nhất của tôi khi viết bài này chí kỳ là cuối tháng 5.

Ngày 29-5-1997, báo chí phổ thông Mỹ loan tin những bức hình cơ quan NASA mới chụp được đã ủng hộ cho lý thuyết "mưa vũ trụ" (cosmic rain). Tôi mượn dịp này đi bước đầu tiên qua ngưỡng cửa của ngõ nhà...Thái dương hệ.

Thế nào là mưa vũ trụ? Cách đây hơn một chục năm nhà bác học Vật lý Louis A. Frank của Đại học Iowa đưa ra "thuyết sao chổi nhỏ" của ông và lập tức đã gặp ngay một bức tường bài bác trong giới khoa học cho rằng chuyện đó không thể có.

Vào đầu thập niên 80, Frank nghiên cứu cực quang của Địa Cầu bằng cách sử dụng một vệ tinh nhân tạo của cơ quan NASA, có tên là Dynamics Explorer 1. Cực quang là những hào quang người ta thấy hiện ra ở chân trời của Bắc cực và Nam cực Trái Đất. Nghiên cứu cực quang có nghĩa là quan sát những hiện tượng ở trên bầu khí quyển. Trái Đất cũng như một thỏi nam châm (sắt từ) khổng lồ trong khi các đường từ trường vô hình tụ ở hai đầu cực.

Năm 1986, Frank đưa ra giả thuyết cho rằng có những đám mây hơi nước trên thượng tầng khi quyển do các sao chổi nhỏ xíu tạo thành. Không ai tin có chuyện đó.

Vệ tinh thời đó quả có chụp được những vệt mờ giống như các đám mây hơi nước, nhưng các nhà bác học ở nhiều lãnh vực nghiên cứu khác nhau cho rằng đó là do những lỗi trên mặt

kính các dụng cụ chụp hình của vệ tinh tạo ra.

Cuối tháng 5, trong cuộc hội nghị của Liên Hiệp Vật lý Địa cầu Hoa kỳ, nhà bác học Frank đã trình bầy những bức hình mới nhất minh chứng giả thuyết của ông, theo đó mỗi ngày có hàng ngàn quả cầu băng tuyết mỗi cái to bằng một cái nhà oanh tạc Trái Đất, gập bầu khí quyển, chúng tan vỡ thành hơi mà không tác hại gì đến con người và mặt đất.

Những sao chổi nhỏ

Những bức hình nói trên do vệ tinh quỹ đạo Polar chụp được. Vệ tinh này đã được NASA phóng đi từ năm ngoái để nghiên cứu cực quang và các hiện tượng khác. Một trong những bức hình này, chụp vào tháng 9 năm 1997, cho thấy một vệt sáng dài có vẻ là vệt của một sao chổi nhỏ khi nó đụng vào và bể ra ở thượng tầng khí quyển - khoảng từ 5,000 cho đến 15,000 dặm tính từ mặt đất - ở phía trên Đại Tây Dương và Tây Âu.

Một bức hình khác cho thấy một vệt đen mờ trên bầu khí quyển rộng khoảng 20 dặm. Theo sự nhận định của ông Frank, đây là một quả cầu băng tuyết nhỏ từ không gian lao vào và tan vỡ trên khí quyển tạo thành một khoảng mây hơi nước lan rộng, giống như một hòn đá ném tõm xuống mặt nước. Khối hơi này che khuất ánh sáng từ mặt Trái Đất phản chiếu, nên máy ảnh của vệ tinh chỉ ghi được một vệt tối.

Ông Frank ước lương rằng mỗi phút đồng hồ lại có khoảng 20 vật như vậy, mỗi vật nặng từ 20 đến 40 tấn, chạm phải khí quyển và bể tan, đem lại những khối nước rớt xuống mặt Địa Cầu tích lũy từ hàng ngàn triệu năm qua, đã tạo thành những đại dương như ta thấy hiện nay.

Trong một bản tuyên bố trao cho báo chí, ông Frank nói: "Thực tế, đây là một thứ 'mưa vũ trụ' có thể mang theo những chất hữu cơ... như vậy đây là cái nguồn tạo ra sự sống trên địa cầu".

Lý thuyết của Frank nếu là đúng có thể ảnh hưởng mạnh đến sự hiểu biết của khoa học về các nguyên nhân, từ sự sống trên Trái đất cho đến sự tiêu diệt của một số chủng loại, và cũng có thể giải thích tại sao có những mảng đen lốm đốm trên vành của Thổ Tinh.

Thế nhưng vẫn có một số khoa học gia dè dặt, không vội vã kết luận. Họ đặt ra câu hỏi nếu quả thật có đến 10 triệu quả cầu nhỏ băng tuyết rơi vào Trái Đất mỗi năm liên tục như vậy, chúng phải là những sao chổi nhỏ từ ngoài Thái Dương Hệ phóng vào. Những "tiểu tuệ tinh" (sao chổi nhỏ theo Hán-Việt) đó xuất phát từ đâu? Tất nhiên chúng cũng phải đánh cả vào Mặt Trăng. Trên Nguyệt Cầu chúng ta đã đặt máy ghi địa chấn, tại sao những máy này không ghi được những chấn động dù nhỏ khi các chú tiểu...tuệ tinh đụng vào. Hơn nữa các tiểu tuệ tinh không phải chỉ ôm nước đóng băng coi như một quả cầu bằng tuyết, mà còn ôm cả những hạt bụi vật chất hữu cơ và các loại bụi không gian khác. Các nhà khảo cứu đã thận trọng đếm từng mảnh bụi trên thượng tầng khí quyển và họ không hề ghi nhận được những số bụi khá đủ để cho rằng do các sao chổi nhỏ đem lại.

Dù sao các nhà khoa học đều nhìn nhận những bức hình mới chụp được trên thượng tầng khí quyển rất xác thực. Những bức ảnh trên do một máy hình thu được, có tên là Visible Imaging System (Hệ Thống Thâu hình Nhìn thấy), do chính bác học Frank sáng chế. Nó có thể thâu hình 25 lần nhanh hơn và 16 lần rõ hơn máy chụp của vệ tinh Dynamics Explorer 1 năm xưa.

Yvonne Pendleton, nhà nữ thiên văn nổi tiếng tại Trung tâm Khảo cứu NASA/Ames ở Mountain View, Bắc Califronia, chỉ thắc mắc về con số quá lớn các tiểu tuệ tinh do ông Frank đưa ra, nhưng bà cũng nói; "Đây thực sự là một sự khám phá kỳ thú. Chúng ta không thể bỏ qua những dữ kiện mới này. Nó rất đẹp và hiển nhiên là đang có cái gì lạ ở trên đó".

Chúng ta hãy để qua một bên những lời phê phán của các nhà học giả uyên thâm. Ở đây chúng tôi chỉ muốn đưa ra một vài suy nghĩ miên man của một anh phó thường dân chẳng biết trời cao đất dầy ra sao, nhưng lại hay có những giấc mơ hoa của một anh chàng thi sĩ.

Mưa rơi, mưa rơi,.. ôi mưa rơi trong không gian! Nhưng còn ảm đạm hơn, ở trong không gian vũ trụ mà nơi "ấm nhất" cũng khoảng 270 độ dưới 0 độ C, chỉ có băng tuyết chớ làm sao có nước nổi. Vậy là tuyết rơi trong vũ trụ. Nhưng các chú tiểu tuệ tinh vào cỡ một cái nhà làm sao gọi là hạt tuyết rơi được? So với các khoảng cách muôn trùng trong vũ trụ đo bằng hàng triệu hàng tỷ năm ánh sáng (một năm ánh sáng dài 6 ngàn tỷ dặm), một "cái nhà" tiểu tuệ tinh vẫn chưa bằng một con vi khuẩn so với giọt nước mà ta vẫn đo bằng kích thước con người.

Khoảng không vũ trụ té ra không có rỗng không chút nào. Căn nhà "Ông Vũ Trụ" quả còn nhiều điều kỳ lạ óc con người dù hoang tưởng đến đâu cũng không thể tưởng nổi.

TRẦN HỒNG CHÂU

BARBARA,
TRỜI MƯA TRÊN MÔI TẢ NGẠN

quá khứ, hiện tại?
thực, ảo, có, không?
mưa trên đường biên
bụi hồn du tử...

Barbara!
trời mưa trên phố biển
trời mưa trên môi Tả ngạn
trời lặn cùng ta
em vẫn là em
hoa ngàn năm hóa thạch
chìm sâu từng từng ngăn tủ vi mô
thời gian chết đứng
mỗi thế hệ mời ngắt một cành hoa!

ly Pouilly Fuissé từ trời hoan lạc xuống
bẩy hớp hoàng hôn ta say
bẩy chiếc hầu tươi
hầu non tháng bẩy
mình pha lê hôn rong biển nồng
loài nhuyễn thể nào?
hình tượng động tiền thân
nơi đàn bà nhất
trên phẫu hình người con-gái-tiền-sử-hôm-nay

ôm chặt
quá khứ mình em
võng đong đưa
võng đan từng sợi nhục thể hôn mê
quay quay nữa!
cho mệt lả mấy vòng ảo hóa

lữ hành say
tận cùng em
điện đài nghiêng ngửa
tìm thấy lại và đang mất dần
theo gót chân ballerine em
về thung lũng Chevreuse em
xum xuê vườn địa đàng em
cỏ mọc xanh rì
nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu

đêm Paris
một mình một mình
từng giọt lạnh cường toan mưa trên hồn nhỏ
anh nằm nhìn quả cầu lửa
thơ cháy
chẳng còn đường về mê cung em
Barbara! trời mưa trên phố biển?
trời mưa trên môi Tả ngạn?

anh vùng dậy đánh đu với quả cầu lửa
cháy, cháy một cổ-đại-hôm-nay
kim tự tháp yêu mê
cháy, ngàn trượng cây tuổi xanh
lửa, lửa bạt ngàn
rụng ba ngàn thế giới!

hay anh đang đưa em về Ménilmontant trên phố vắng?

SÁCH Ở NƯỚC MỸ

TRẦN QUÁN NIỆM

Loạn sách

15 tháng 4 là ngày định mệnh của toàn thể nước Mỹ: Ngày khai thuế. Như là hẹn gặp với tử thần: bứt rứt, khó chịu, không yên. Ngày ngay đầu năm, khi mẫu thuế lừng lững tới nằm chình ình trong thùng thơ, bạn đã bực mình lắm, vứt xó đâu đó, tạm quên một thời gian, nhưng chạy trời khỏi nắng, 15 tháng 4 tới mau như tên bắn. Đành phải lôi mẫu thuế ra, lục lạo tất cả hồ sơ chi tiêu, và dù muốn dù không cũng phải ngồi điền. Muốn điên cái đầu. Người run lẩy bẩy, tay chân ướt đẫm mồ hôi, ruột sót như bào khi thấy phải đóng thêm một số thuế. Đào đâu ra tiền đây? Lúc đó bạn thù ghét ông sở thuế một cách thậm tệ. Mấy đêm thức đỏ con mắt, vã mồ hôi trán, ghi ghi chép chép, tẩy tẩy xóa xóa, bới óc để tìm xem có khoản nào trừ thuế được không. Rồi cũng phải xong. Bỏ nó vào thùng thơ, thở một cái phào. Tạm thoát nạn. Tối đó phây phẩy ngồi nhâm nhi ly cognac, xem trên TV thấy thiên hạ xếp hàng dài dằng dặc vào lúc nửa đêm để bỏ vào thùng thư mẫu thuế hay trao tay cho nhân viên bưu điện đứng sẵn ngoài đường chờ nhận, mới thấy không cứ gì mình bê trễ mà còn cả triệu người còn tệ hơn mình nữa.

Sáng hôm sau lại thêm một cái sướng nữa là xem báo chí tiết lộ về số lợi tức năm qua của ông, bà Tổng Thống Clinton, ông, bà Phó Thống Tống Gore. Xứ dân chủ sướng thật. Tha hồ chĩa mũi vào đời tư của hai nhân vật quan trọng nhất nước Mỹ và nhất thế giới.

Năm 1996 bà Hillary Clinton thâu vào số lợi nhuận trên $750,000 do quyển sách *It Takes a Village* mang lại, nâng lợi tức gia đình lên trên một triệu, trong khi số lương chính thức của Tổng Thống Clinton nằm ở con số khiêm nhượng là $200,000. Điều này làm bà Hillary sáng giá hẳn lên. Bà cũng đầu tư trái phiếu được lời $140,000. Tổng cộng lợi tức của hai ông bà là $1,065,101. Họ đóng thuế liên bang $199,791 (18%) và sẽ nhận được số tiền refund là $5,876.

Cuốn sách của bà đề cập tới trách nhiệm mà xã hội cùng chia sẻ trong việc nuôi dưỡng một đứa trẻ nên người hữu dụng. Tuy nhà xuất bản không nêu rõ con số, nhưng người ta phỏng đoán khoảng 400,000 cuốn bìa dầy và 200,000 cuốn bìa mềm được độc giả mua đọc. Nghe hấp dẫn không? Trong khi đó sách của ông chồng, cuốn *Between Hope and History*, ế thiu ế chẩy, nằm ì trên giá sách. Ông Clinton không khai trên mẫu thuế lợi tức thu vào của cuốn sách vì ông tặng tất cả cho từ thiện. *"Chắc để khỏi ai so sánh với sách của bà"*, ông Michael McCurry, bí thư báo chí phủ Tổng Thống, nói lén như thế.

Số tiền bản quyền sách bà Hillary thu được là $742,852. Bà đóng thuế liên bang là $125,000, thuế tiểu bang Arkansa $20,000, dùng một số để chi phí lặt vặt cho cuốn sách, còn $590,000 tặng cho các cơ quan từ thiện. Hoan hô vị đệ nhất phu nhân trước nghĩa cử đầy hy sinh này, khi chúng ta biết ông bà mắc nợ trên 2.25 triệu tiền luật sư cho các vụ kiện mà ông Clinton bị lôi thôi.

Ông Tông tông ra sách. Bà Tông tông ra sách. Mẹ vợ của Tông tông, bà Virginia Kelly cũng ra sách, cuốn *Leading From The Heart*, hồi ký của đời bà, xuất bản cách đây vài năm. Cô cháu bà là Chelsea, con gái rượu của Tông tông, được hưởng số lợi nhuận của cuốn sách trong năm 1996 là $13,101.

Ông bà phó Gore không chịu thua. Cả hai đều ra sách. Bà Gore thâu về $100,316 tiền từ cuốn nhật ký bằng hình *Picture this: A Visual Diary*. Bà tặng số tiền này cho *Hội Săn Sóc Sức Khỏe cho Kẻ Vô Gia Cư, National Health Care for the Homeless Council*. Quyển sách của ông là *Earth in the Balance: Ecology and the Human Spirit*, xuất bản vài năm trước đây, năm 1996 đem về cho ông $19,655.

Thế mới biết hai gia đình của vị chánh và phó của nước Mỹ quả là văn học đầy mình. Biết đâu vài năm nữa công chúa Chelsea cũng ra sách. Và con mèo Stock cũng có thể ra một quyển hồi ký bằng hình không biết chừng.

Sau trên 20 năm tỵ nạn, nền văn học Việt Nam tại hải ngoại gần đây lạm phát nhà văn, nhà thơ và tác phẩm. Không hiểu nó có lây sang xã hội Mỹ hay không, nhưng có điều chắc chắn,

sách Mỹ kiếm bộn bạc hơn hẳn sách Việt.

Mỗi trang hồi ký giá 5,000 đô la

Tất cả bắt đầu bằng một bài báo đăng trên trang nhất của tờ Wall Street Journal, đề cập tới cuốn hồi ký của bà Jessie Lee Brown Foveaux tại Manhattan tiểu bang Kansas.

Bà là ai? Đó là một phụ nữ bình thường, nuôi một đàn con tám đứa, sinh sống bằng nghề thợ giặt và phụ y tá (nurse aid), trước khi về hưu. Điểm đáng nói là bà năm nay đã 98 tuổi, và tập hồi ký được viết cách đây gần 20 năm. Tập hồi ký ghi lại chuyện đời của chính bà, một cuộc đời bình dị của một thôn nữ tại một nông trại hẻo lánh, gian truân cơ cực khi lập gia đình, trầm lặng và khép kín ở tuổi già. Khi thế chiến thứ I bùng nổ, bà làm thợ giặt cho một trại lính, và tại đó một bác sĩ quân y yêu thương bà. Hai người dự định làm đám cưới, nhưng phải hoãn lại khi chàng được chỉ định phục vụ tại các chiến trường ngoại quốc. Gần cuối cuộc chiến, chàng bị bệnh và từ trần. Thất vọng tột độ, nàng dành khâm liệm mối tình đầu trong chiếc áo cưới bằng voan trắng may sẵn để chờ chàng, và tiếp tục cuộc sống tẻ nhạt. Nhà hàng xóm có một thanh niên trở về sau cuộc chiến, ngỏ lời cầu hôn. Nàng nhận lời dù tình yêu chưa nẩy nở trong lòng cô thôn nữ. Nàng thuộc loại mắn đẻ, năm năm đầu cho ra đời bốn đứa con. Chàng cựu chiến binh sanh tật rượu chè be bét. Rồi bốn con nữa chào đời. Gia đình túng quẫn vì quá nhiều miệng ăn, trong khi ông chồng không chịu làm việc, tối ngày say sưa rồi gây sự ẩu đả với mọi người. Nàng lăn xả vào đời, làm việc cực nhọc để nuôi gia đình, đồng thời cố gắng nhẫn nhục trong đời sống lứa đôi không hạnh phúc vì thời đó ly dị là một điều bất đắc dĩ. Nhưng sau cùng nàng cũng phải ly dị ông chồng có máu Lưu Linh, và phấn đấu nuôi đàn con cho đến ngày khôn lớn. Lúc này nàng đã trở thành một bà lão 80 tuổi. Nhân tham dự một lớp học dành cho người già, ông thầy phụ trách đề nghị mọi người viết lại cuộc đời mình. Thế là cụ bà Foveaux nhẩn nha ghi chép lại cuộc sống trong 80 năm qua, dù chưa từng viết văn bao giờ. Tâm sự u uẩn, riêng tư, dấu kín bấy lâu trong nội tâm, nay như cuốn chỉ rối được lần lượt gỡ dần ra từng mối.

Ba mươi bản được chụp lại, chuyền tay cho con cháu cụ và thân hữu đọc. Sau này có một số bạn bè xin thêm, nhưng số bản sao không quá vài trăm bản, trong suốt 18 năm qua. Năm 1994, tập hồi ký lọt vào tay của biên tập viên Clare Ansberry, nhật báo Wall Street Journal, và ngày 7 tháng 3, 1997, bài báo nói về cụ bà Foveaux và tập hồi ký xuất hiện trên trang nhất tờ báo uy tín này.

Thế là giới xuất bản sách lên cơn sốt, hốt hoảng lùng mua cho được tập hồi ký trên, dù rằng nhiều nhà xuất bản chưa có dịp đọc trọn một đoạn văn. Sở dĩ vậy vì trên thị trường văn học Mỹ gần đây, loại hồi ký tự truyện do người già viết trở nên ăn khách, điển hình là tập *Having Our Say: The Delany Sisters' First 100 Years*, hay *On My Own At 107* cũng của chị em nhà Delany do Happer Collins xuất bản. Nhưng lý do quan trọng là vì cái danh mới nổi của cụ bà do tờ Wall Street Journal tạo nên, cũng như việc chương trình "60 phút" trên đài TV rục rịch phỏng vấn cụ. Chủ biên nhà xuất bản Simon & Schuster thú nhận một sự thật:"Bình thường ra, thì sách của cụ khó mà được các nhà xuất bản để mắt tới."

Có đến 20 nhà xuất bản tham dự cuộc đấu giá, chia làm hai đợt. Tiền bản quyền dự trù là 375 ngàn đô, nhưng rồi nhảy vọt tới 750 ngàn, và cuối cùng nhà xuất bản Waner Books mua được với giá trên một triệu đô la. Đổ đồng trên 5,000 đô la cho một trang của tập hồi ký dầy vỏn vẹn 208 trang.

Bẩy chuyên viên phê bình sách lão luyện được nhà xuất bản Simon & Schuster thuê đọc

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố
San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

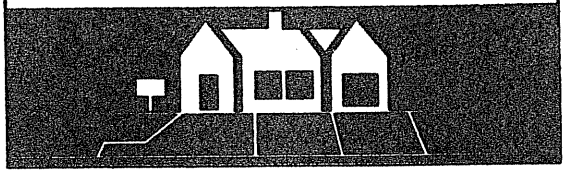

để đánh giá tập hồi ký đều lắc đầu: "Thật khó có thể tưởng tượng câu chuyện lại nhạt nhẽo đến thế." Nhà xuất bản Simon & Schuster tiết lộ: "Nếu muốn ăn khách, tập hồi ký cần được viết lại hoàn toàn." Simon & Schuster bỏ cuộc ở mức $750,000.

Nhưng vị chủ biên của nhà xuất bản Warner Books, người đã quyết định mua tập hồi ký, không đồng ý: "Đây là lối viết rất đơn giản và trong sáng, dễ gây xúc cảm nơi tâm tư người đọc. Chúng tôi sẽ để nguyên bản như thế."

Thế mới biết tại Mỹ, giới truyền thông, TV và báo chí, có ảnh hưởng rất lớn trên quần chúng, vì nếu không nhờ bài viết trên Wall Street Journal, thì chắc chắn cụ có gửi tập bản thảo này cho bất cứ nhà xuất bản nào nó cũng bị bỏ xó, dễ dầu gì có ai ngó ngàng tới. Đồng thời người ta cũng khám phá ra rằng, không phải chỉ những hồi ký của các nhân vật nổi tiếng mới tạo được chú ý, mà ngay cả những mẫu truyện tầm thường nhất của đời sống cũng được độc giả tìm đọc, miễn là thành thực. Điều thứ hai này khiến người ta liên tưởng đến một trường hợp tương tự trong văn giới Việt. Đó là hai tập tiểu thuyết tự truyện của Nguyễn Thị Ngọc Dung *Phượng Vẫn NỞ Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* (đang chờ dịch sang Anh ngữ) nội dung cũng thuật lại một cuộc đời bình thường, hàm chứa dấu ấn thời đại. Cả hai giống nhau ở điểm họ viết để giải tỏa nỗi lòng, không chú trọng đến việc xuất bản, nhưng tình cờ khi tung ra thị trường, sách lại được hoan nghênh nhiệt liệt.

Trong trường hợp cụ bà Foveaux thật hi hữu. Suốt cuộc đời toàn gian truân, cay đắng, không có được một ngày vui trong đời sống gia đình bên ông chồng nghiện rượu, nhưng cụ không ngừng phấn đấu và danh vọng đã đến với cụ ở tuổi gần đất xa trời, dù rất bất ngờ và chẳng mong cầu.

Trong người lại nghĩ đến ta, nhà văn Việt Nam tại hải ngoại mỗi lần ra sách, in đâu khoảng một, hai nghìn quyển, tặng nhiều hơn bán, chỉ mong lấy đủ tiền in, khoảng vài ngàn, là mừng rồi. Và ở trong nước, nhiều nhà văn nổi tiếng in tiểu thuyết mới cũng thấy ghi "in 1000 bản."

MINH HÂN

MỘT CHÚT

Anh có mang về một chút hương xa,
Một chút em thơ, một chút mẹ già?
Một chút dạ lan thơm từ cuối phố,
Một chút sáng nào nắng đẹp như mơ?

Anh có mang về một chút quê hương,
Một chút dòng sông, một chút con đường?
Một chút bạn bè giờ về muôn hướng,
Một chút Sài Gòn tôi vẫn nhớ thương?

PHAN NHẬT NAM

ĐỖ PHỦ

Tuổi già về lều nhỏ
Chân yếu dẫm tuyết băng
Con đói quả mận đắng
Chòm xóm đồng khóc rân.
Lời thơ sâu vết cắt
Lệ nóng động trăm năm
Đêm lầm lũi tát nước
Gàu loáng lạnh màu trăng.

Ý NGHĨ RỜI RẠC

1. Về thơ
Chợt nên hiểu làm thơ hơn đánh vật
Đến cuối cùng kẻ thắng lẫn người thua
Thậm thở dốc kiệt sức trông tội nghiệp
Nhìn ra quanh sân đấu lạnh như tờ.

2. Điểm giống nhau, Mỹ và Việt Nam
Đêm,
Chỗ lạ với bóng Đen hằng cửu
Đêm không cùng
Đêm cắt bứt giây tơ
Người ngồi rũ giữa bốn bề trống trải
Quá nửa đời cứ như trẻ ngu ngơ

3. Về, tuồng như là...
Ừ,
Thì đưa qua cầu
Không mây bay gió nổi
Chẳng cởi áo, cởi nhẫn
Chỉ bày ra đắng cay.

TRẦN THỊ DIỆU TÂM, VÀ TẬP TRUYỆN RONG BIỂN

Cuối tháng ba, Nhà Xuất Bản An Hiên tổ chức buổi ra mắt tập truyện *Rong Biển* của Nhà Văn Trần Thị Diệu Tâm tại Paris Nhân dịp này, Từ Nguyên đã gặp và phỏng vấn tác giả *Rong Biển*. Nguyên văn bài phỏng vấn như sau:

TN:Xin tác giả cho biết ý định khi sáng tác Rong Biển?

TTDT: Tôi muốn ghi lại một đoạn đường bi thảm của lịch sử trong đó, chiến tranh đã làm nát vụn khuôn mặt đẹp đẽ nhất của loài người là tình yêu. Giáo sư Vương Văn Bắc có nói trogn khi nói chuyện hôm ra mắt*Rong Biển* tại Paris, lịch sử là một con đường thánh giá đau htương trước khi là một đề tài thảo luận hào hứng".

TN: Khung cảnh lịch sử và chiến tranh đó có vẻ thích hợp với thời gian cuốn sách ra mắt tại Paris vào tháng tư 1997.

Đáp: *Rong Biển* xuất hiện với độc giả vào tháng Tư năm nay chỉ là một sự tình cờ trùng hợp với thời gian của lịch sử. Nhưng mà, chiến tranh vẫn còn sống động và làm chúng ta run rẩy mỗi khi nhớ đến. Tuy nhiên tháng Tư nầy, tôi thấy hoa uất kim cương (tulipe) nở đầy khắp công viên Paris.

TN: Như vậy thì chiến tranh và tình yêu là hai chủ đề của cuốn sách?

Đáp: Chiến tranh và tình yêu không phải là hai chủ đề của tập truyện. Tập truyện có chủ đề chính là tình yêu. Tình yêu qua chiến tranh, tình yêu qua thù hận, qua lưu lạc, qua nghịch cảnh, qua tuyệt vọng và hy vọng.

Trong thời chiến cũng như thời bình, tình yêu không khác nhau. Tình yêu bao giờ cũng mong cho được biểu lộ một cách vội vàng vì tình yêu chưa bao giò biết nắm chắc trong tay. Tình yêu biến ảo và không ngừng làm đổi mới cuộc sống.

TN: Tác giả có bắt buộc mình vào nhân vật của cuốn truyện, ví dụ như khi nhân vật đó đang yêu? Khi sáng tác, tác giả có phải cho nhân vật phản ảnh trung thực lòng mình?

Đáp: Nếu viết nhiều và có kinh nghiệm, bất cứ nhân vật nào *mình cũng là họ. Đừng bắt nhân vật nói và nghĩ theo mình. Phải suy nghĩ theo tâm lý của nhân vật vì nhân vật của cuốn truyện cũng sống vậy.*

Hỏi: *Lúc mới xa quê hương, ai cũng muốn trở về. Có phải vì vậy mà có Người Về năm 1992 (cũng của Trần Thị Diệu Tâm, Nam Á xuất bản) Nhưng sau khi ở lâu, chấp nhận cuộc sống mới thì đành như một nhánh rong biển* nằm bên bờ cát mịn...

Đáp: Anh nói đúng. Khi mới ra đi, mình chỉ mong mau có ngày trở về. Nhưng sống càng lâu, càng thấy ngày về xa xôi quá! Những từ ngữ đẹp đẽ mang nặng trong lòng dường như đã rơi rụng đâu hết rồi...

Tôi chỉ ao ước vun xới một ý thức đẹp về đời sống cho riêng mình. Nếu một ngày nào trở về Việt Nam, thì như một khách du lịch, với cặp kiếng mát cho khỏi bụi nắng, một vài hộp thuốc trị bệnh đau bụng và tấm thẻ tín dụng (carte de credit). Tôi không thể làm gì hơn thế. Tôi trở thành người khách lạ nước ngoài! Điều này làm tôi đau xót.

Hỏi: *In cùng với Truyện dài Rong Biển là tập truyện ngắn. Tại sao phải thêm bảy truyện ngắn như vậy?*

Đáp: Tôi dự định viết *Rong Biển* dài 300 trang hay hơn thế nữa. Nhưng không có thì giờ. Thời gian tôi phải dành ra phần lớn là để kiếm sống. Tôi không nhàn nhã ung dung ngồi viết được nên chỉ thu gọn trong bảy chương chấm phá. Cũng hơi tiếc. Và vì ngắn nên phải thêm bảy truyện ngắn cho đủ trọng lượng của một cuốn sách, nói theo lời của nhà xuất bản.

Hỏi: *Người viết bao giờ cũng có nhiều chuyện trong đầu. Nếu điều đó đúng thì sau Rong Biển là gì?*

Đáp: Tôi sẽ viết một số truyện ngắn, ảo hóa đời sống thực.

Hỏi: *Khi sách đã ra, nhân vật của cuốn truyện đã được mọi người biết đến, tình cảm của tác giả đối với các nhân vật đó như thế nào?*

Đáp: Tôi vẫn hằng yêu mến các nhân vật của tôi. Đó là những*con người* đẹp và đầy cảm

tính. Có hôm lang thang ở khu vực Opéra của Paris, tôi thấy một người đàn bà mặc áo đen như trong truyện, lặng lẽ che dù dưới cơn mưa. Tôi xúc động bàng hoàng, cố đến gần. Nhưng khi gần đến thì người đàn bà đó đã mất hút vào đám đông.

Nhân vật nào còng sống, tôi sẽ tiếp diễn khuôn mặt họ dưới một cuộc đời khác.

Hỏi: *Lần nầy chị phải lo lấy việc ấn hành Rong Biển. Kinh nghiệm đó như thế nào?*

Đáp: Lo viết, lo in, lo xuất bản rồi lo bán. Đó là một mớ kinh nghiệm xào xáo. Nhưng sống là phải tiếp cận với những điều mình thích hay không thích. Người viết văn không phải là một loại người được miễn trừ một điều khoản nào của xã hội ràng buộc.

Hỏi: *Rong Biển được hoan nghênh tại Paris, đó là một sự kiện. Nếu được (hay bị) hỏi tại sao, tác giả trả lời làm sao?*

Đáp: Anh có hỏi tôi không? Nếu có, tôi xin dành cho độc giả.

Hỏi: *Chị nghĩ như thế nào về những người đang hoạt động văn học tại hải ngoại?*

Đáp: Những người hoạt động trong lĩnh vực văn học tại hải ngoại phải là những người có nhiệt tâm, ở đây, ai cũng phải làm việc vất vả, cực nhọc mới đương đầu nổi với cuộc sống văn minh nầy. Thì giờ thật hiếm cho việc sáng tác. Trong chuyến xe điện hầm 15 phút hay ngồi xe hơi buổi sáng đi làm, đầu tôi phác họa ra một nhân vật, một mẫu truyện. Chớp nhoáng và vội vã. Nhưng không phải vì thế mà nông cạn.

Trường hợp của tôi, muốn viết phải dậy sớm hai tiếng đồng hồ hoặc ngủ trễ hơn hai tiếng. Không thể ngồi lâu trước máy điện toán, tôi đem xấp bản thảo cho trong xắc tay khi rảnh lấy ra ghi ghi, chép chép, sửa sửa vội vã. Vậy mà thành một đam mê không rời. Viết là do một nhu cầu nội tâm thúc đẩy, thiện chí và tự do. Cái đẹp của đời sống và con người là một quyền lực cao cả hướng dẫn người viết đi tìm cội nguồn của hạnh phúc. Chắc chắn dòng văn học đa dạng tại hải ngoại góp phần không nhỏ vào lưu lượng văn học Việt Nam sau này.

Hỏi: *Chị có cảm nhận gì khi sống trong một xứ sở văn minh và tự do?*

Đáp: Khi đặt chân đến Paris cách đây chín năm, điều gây ngạc nhiên và thích thú cho tôi là sách vở và báo chí Pháp. Báo chí đa dạng, đề cập đến rất nhiều mặt của xã hội. Người đàn bà được biểu hiện như một vẻ đẹp cần thiết làm tươi mát cuộc sống. Người ta không ngừng tôn vinh nhan sắc của đàn bà. Trước kia ở Việt Nam, thân thể "nue" của đàn bà như một điều cấm đoán, gây ra một gợi dục xấu thì nay được biến thành một cái đẹp tốt, gây sống động cho cảm giác. Một chuyên viên quảng cáo thời trang Pháp cho biết "Chúng tôi không chỉ chú trọng đến vẻ đẹp của đàn bà mà còn phải chú trọng đến vẻ đẹp và nhân dáng của đàn ông để cho đàn bà nhìn ngắm."

Chính nhờ ở ý niệm tự do và khai phóng giá trị con người nơi đây, tôi mới thấy con người chúng ta thật đáng quý, đáng thương yêu. Vì thế tôi viết văn. Nhưng nếu cứ nhìn ngắm mãi những hình thái bên ngoài của xã hội văn minh này, người ta sẽ cảm thấy mệt mỏi. Con người sẽ tự tử hay tìm đến một tôn giáo. Tôi vẫn hằng mơ về một cõi an tịnh của triết lý Đông phương chúng ta.

Hỏi: *Là một phụ nữ Việt Nam viết văn, Chị thấy có gì trở ngại?*

Đáp: Hôm ra mắt Rong Biển tôi có nói như sau, xin anh cho tôi lặp lại để trả lời câu hỏi. Là phụ nữ Việt Nam khi cầm bút, tôi e dè khi bước vào lãnh vực văn chương chữ nghĩa vốn là nơi nam giới ngự trị. Để mở rộng tầm nhìn và ngòi bút của mình, người đàn bà đã phải tách rời bản tánh khép kín riêng tư, một nữ tính đáng tôn quí để diễn tả tâm cảm trước cuộc sống. Nhưng may mắn thay, trái tim của phụ nữ việt Nam luôn luôn dịu dàng và nhân ái, có thể nói lên những khía cạnh tinh tế và đẹp nhất của tình thương mà đôi lúc nam giới không thể diễn tả được hết...

Hỏi: *Theo Chị thì nhà văn có toàn quyền sinh sát đối với nhân vật của mình hay không?*

Đáp: Câu hỏi của Anh làm tôi nhớ lại một cảm nhgiệm mà tôi muốn tìm. Đó là cảm nghiệm về cái chết. Khi để một nhân vật chết, tôi tưởng tượng để cảm thấy cái chết sẽ ra sao. Nhưng vì mình chưa hề chết lần nào nên tôi không thể tả rõ ràng được. Tôi bất lực để tả về nó cũng như người ta bất lực trước cái chết.

Nhưng sẽ có một lần tôi viết lại chết cho chính mình. Chúng ta đang sống tức là đang đi tìm chết, Một cái chết đẹp nhờ quá trình sống của nó.

Từ Nguyên: *Xin cảm ơn Chị Trần Thị Diệu Tâm.*

NGÂN HÀNG LÚNG TÚNG LÀM DOANH NGHIỆP TRÌ TRỆ

NGÔ NHÂN DỤNG

Ông Cao Sĩ Kiêm là Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tức ngân hàng trung ương, phụ trách giám sát cả hệ thống ngân hàng thương mại trong nước. Với tình trạng các ngân hàng trong nước gần như đình công không cấp tín dụng (trừ các vụ thu mua nông phẩm) sau bao nhiêu vụ tai tiếng vì ngân hàng cho vay hàng ngàn tỷ đồng không thể đòi được, khiến nhiều quan chức ngân hàng bị bắt và bị điều tra, người có tinh thần trách nhiệm thì phải xin từ chức từ cả năm nay rồi. Tại sao ông Cao Sĩ Kiêm vẫn còn ngồi tại chỗ?

Báo trong nước đã kể chuyện các Ngân hàng Vietcombank (VCB) và Incombank (ICB) cho các công ty Tamexco, Minh Phụng, Epco, khách sạn Bàn Cờ, và Công ty Dệt Nam Định, v.v. vay tiền, bất chấp các qui tắc sơ đẳng về tín dụng và vi phạm ngay cả pháp lệnh về ngân hàng ở trong nước. Đã có những án tử hình và cũng có người bị giết (hay tự tử?). Đằng sau các vụ xì căng đan do những cá nhân tham nhũng gây ra, có vấn đề trầm trọng hơn, là cả hệ thống giám sát các ngân hàng bất lực. Và kết quả là hệ thống ngân hàng "lãng công" khiến cho các xí nghiệp sản xuất cũng bị tê liệt theo.

Pháp chế khập khiễng

Hãy nói về pháp chế và hệ thống giám sát các ngân hàng. Điều 25 của Pháp lệnh về ngân hàng qui định các ngân hàng thương mại không được cho ai vay số tiền lớn hơn 10% số vốn điều lệ của chính ngân hàng đó. Tất cả các vụ cho vay gây tai tiếng đều vi phạm qui tắc này. Tại sao? Theo lời của ông Trương Văn Phước, phó giám đốc VCB ở Sài Gòn nói, "bởi 10% vốn của ngân hàng chẳng là bao nhiêu cả." Và ông Phước giải thích, "Hệ thống pháp lý khập khiễng do sự chuyển đổi từ cơ chế bao cấp cũ sang kinh tế thị trường...do đó mà có sự *sáng tạo vận dụng* các văn bản dưới luật để giải quyết...nhưng khi có vụ việc gì đó thì *sự sáng tạo* bị phủ nhận..." (theo báo Thanh Niên) Các "văn bản dưới luật" gồm những "Nghị quyết" của chính phủ và "Công Văn" của ông thống đốc Ngân hàng Nhà nước, tùy tiện cho phép các ngân hàng bỏ qua luật lệ.

Ông Hoàng Văn Toàn, Tổng giám đốc Ngân hàng Phương Nam nêu thí dụ về nỗi khó khăn do giới hạn 10% gây ra: "Một khách hàng đem thế chấp 200 ký vàng để xin vay một số tiền tương đương với 160 ký vàng (đúng qui định về thế chấp) thì (nếu) mức vay (160 ký vàng) đó lại cao hơn 10% vốn điều lệ của ngân hàng, ngân hàng sẽ phải giải quyết như thế nào?"

Nhưng qui định 10% có hợp lý hay không? Đó là một điều kiện rất hợp lý và cần thiết. Các ngân hàng phải "phân tán" rủi ro, không thể đem vốn liếng cả ngân hàng cho năm, ba xí nghiệp vay, rồi nếu họ phá sản thì chịu phá sản theo. Các ngân hàng trên thế giới đều theo các qui định tương tự, nhưng thường họ dựa trên tổng số tài sản của ngân hàng, trong đó có cả tiền ký thác. Ngân hàng ở Việt Nam chưa có tiền ký thác của công chúng vì chưa đủ tín nhiệm.

Vậy tại sao có tình trạng khập khiễng vì qui định 10%? Có lẽ vì ngay từ đầu, khi thành lập các ngân hàng thương mại do nhà nước làm chủ, người ta đã ấn định "vốn điều lệ" không thực tế và không nghiên cứu các hậu quả tương lai. Ai chịu trách nhiệm về tình trạng khập khiễng đó? Trách nhiệm sau cùng hẳn là của Ngân hàng Nhà nước.

Khi luật pháp và thực tế không phù hợp thì cơ quan giám sát các hoạt động ngân hàng phải tìm cách thay đổi. Việc tăng vốn điều lệ không khó, khi nhà nước làm chủ 100% các ngân hàng đó, vậy mà không ai thay đổi. Vì thế mới phải "vận dụng sáng tạo" khiến Ngân hàng Nhà nước đầu tên hành động coi thường luật lệ.

Nhưng khi luồn lách giữa các luật lệ để làm điều trái luật thì người ta sẽ tạo ra các tiền lệ nguy hiểm. Nó khiến luật pháp trở thành vô giá trị, nó giết luôn tinh thần trọng pháp rất cần thiết trong nền kinh tế thị trường.

Một người ngoại quốc đến Sài Gòn tìm

người cộng tác làm các máy điện tử đã bỏ ý định đó chỉ vì kinh nghiệm bất chấp luật lệ ngoài phố. Người đối tác lái xe đưa ông ta đi đã vượt đèn đỏ, và giải thích, "Không thấy cảnh sát, vượt đèn đỏ tí không sao!" Nhà đầu tư ngoại quốc tự hỏi, "Nếu dân một xứ coi chuyện phạm luật là chuyện không có gì đáng kể, như vậy, làm sao tin được là khi mình không có mặt tại chỗ họ sẽ kiểm soát sản phẩm kỹ lưỡng?

Các người cầm đầu những ngân hàng VCB, ICB đã hành động theo lối "vượt đèn đỏ" không biết bao nhiêu lần, mà cơ quan có trách nhiệm kiểm soát họ là Ngân hàng Nhà nước cứ để yên cho đến khi chuyện bé xé ra to. Làm sao người đầu tư đứng đắn tin được một hệ thống như vậy để bỏ vốn làm ăn?

Sản xuất tê liệt

Bây giờ không che dấu được các vụ phạm pháp khổng lồ và trắng trợn, người ta đưa một loạt các tay tham nhũng ra tòa: Tamexco. Công ty Dệt Nam Định, Khách sạn Bàn Cờ, v.v. Một hậu quả là cả hệ thống ngân hàng hầu như ngưng lại, trong nước gọi là "đóng băng." Cuối năm 1996 ông Cao Sĩ Kiêm ra lệnh "chấn chỉnh." Các cuộc hội thảo nối tiếp nhau. Các ngân hàng "lãng công," không dám cho vay nữa. Bốn ngân hàng chính của nhà nước chiếm 80% dịch vụ tín dụng, nay họ ngưng cho vay thì tất cả các xí nghiệp, cũng của nhà nước, tê liệt theo. Hàng triệu công nhân sẽ bị ảnh hưởng dây chuyền, vì một xí nghiệp bớt việc thì các xí nghiệp cung cấp cho họ hay mua sản phẩm của họ cũng phải nghỉ việc theo. Sản xuất công nghiệp của trung ương ở vùng Sài Gòn bị giảm 22% so với năm ngoái, riêng ngành kim loại giảm bớt 30% và ngành điện tử, viễn thông giảm bớt 51%. Ngành sản xuất công nghiệp nói chung trong năm tháng đầu năm chỉ tăng 12,7%, thấp hơn mức kế hoạch dựa trên số tăng năm ngoái là 17%. Xí nghiệp đi gõ cửa vay tiền ở đâu cũng bị từ chối.

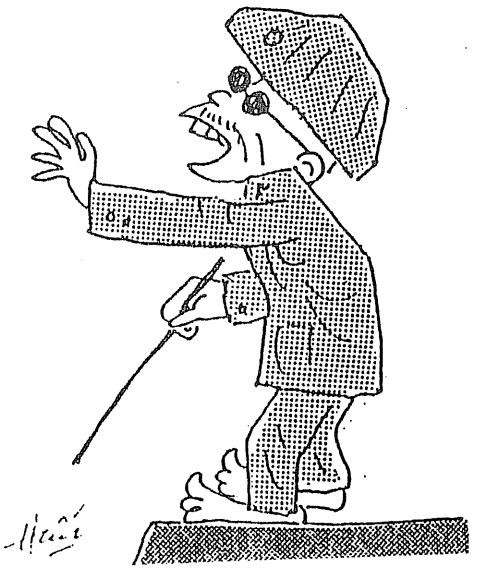

Luật lệ về nhà đất là một nguyên nhân khác của tình trạng tê liệt. Đất là của nhà nước, nhà cửa chỉ được "trao quyền sử dụng." Một giám đốc Ngân hàng Công thương nói "Hơn 95% Doanh nghiệp Nhà nước hiện nay không thể đi công chứng tài sản để (thế chấp khi) đi vay được."

Để thoát khỏi bệnh tê liệt, việc sửa chữa vá víu không có ích lợi gì. Hiện nay có hơn 3,000 văn bản pháp lí về ngân hàng, có khi mâu thuẫn chồng chéo với nhau. Qui định mới cho phép xí nghiệp quốc doanh đi vay nợ khỏi cần thế chấp có thể mở thêm một khe cửa nữa cho tham nhũng và lạm quyền. Chỉ vì chính các thanh tra ngân hàng không làm nhiệm vụ của họ. Tại công ty Epco, riêng năm 1996 đã có 10 phái đoàn ngân hàng đến thanh tra cẩn thận, nhưng không ai tố giác ra hàng ngàn tỷ hàng hóa dùng để thế chấp đã bán mất rồi! Thanh tra ngân hàng có làm việc gì không, ngoài chuyện đòi đút lót? Một giám đốc công ty chế biến thực phẩm của nhà nước ở Sài gòn nói rõ chưa bao giờ vay được vốn vì "chúng tôi không chịu nổi tiêu cực phí 3 đến 5% mà các ngân hàng yêu cầu."

Các chức vụ giám đốc ngân hàng vẫn trao cho người thiếu khả năng nghiệp vụ. Như Ngân hàng Incombank, người giám đốc ở Sài Gòn là Phạm Thanh Châu được ngồi đó vì thuộc ban tổ chức, ông ta không biết gì về ngân hàng nên phó giám đốc Phạm Nhật Hồng mới tha hồ cho vay bất chấp qui định.

Hồi chuông báo động

Tình trạng các ngân hàng Việt Nam đã làm giới tài chánh quốc tế phải báo động.

Trong tuần lễ cuối Tháng Sáu, Cơ quan Thompson BankWatch Inc. ở New York, một công ty chuyên nghiên cứu và xếp hạng mức rủi ro và khả năng trả nợ của các nước, đã hạ thấp điểm xếp hạng về tín nhiệm của cả nước Việt Nam, vì mức rủi ro quá cao. Trong thang điểm A+, A, A-, B+, B, v.v. Thompson đã hạ điểm của Việt Nam từ B-trừ xuống C, thuộc loại "dưới mức có thể đầu tư subinvestment". Khả năng trả các món nợ ngắn hạn dưới hình thức Tín dụng thư (Letter of Credit - LC) giảm xuống hạng LC-4. Lý do của việc xếp hạng mới là mối lo lắng "vì các ngân hàng ở Việt Nam

không có khả năng và thiện chí để trả nợ, vì các món nợ ngắn hạn ngày càng cao, và số dự trữ ngoại tệ đang giảm."

Tháng Ba vừa qua, một ngân hàng thương mại Việt Nam đã không trả được 3 triệu mĩ kim LC đúng hạn, tổng số LC quá hạn các ngân hàng Việt Nam chưa trả đã lên hàng chục triệu mĩ kim. Nhưng đó là những món tiền nhỏ. Điều làm các ngân hàng ngoại quốc lo ngại hiện là có từ 800 triệu đến một tỷ mĩ kim nợ ngắn kỳ sắp đáo hạn mà không biết có trả được không.

Khi ông Giám đốc một ngân hàng Việt Nam tìm cách trấn an, nói rằng ngân hàng ông vẫn có tiền, chậm thanh toán vì nhà nước chưa cho phép, thì các ngân hàng ngoại quốc càng lo ngại. Khi vay nợ hay bảo đảm nợ trên thị trường tài chánh quốc tế thì phải làm đúng các hợp đồng, không thể viện các lý do nội bộ để chậm trả nợ. Cũng giống như một người không thể nói với ngân hàng rằng, 'Tôi có tiền sẵn sàng trả nợ nhưng bà xã tôi chưa cho phép."Nói như vậy thì không còn ai dám cho vay nữa!

Nhưng trước khi các ngân hàng ngoại quốc từ chối Tín dụng thư của các ngân hàng Việt Nam thì chính các ngân hàng trong nước cũng đã rút vào thế thủ rồi. Một xí nghiệp nhà nước thuộc loại lớn chuyên chế biến dừa, muốn nhập cảng máy móc giá chỉ có 3 triệu mĩ kim, đi gõ cửa mà không được một ngân hàng nào chịu đứng ra bảo đảm mua chịu.

Cả hệ thống ngân hàng ở Việt Nam đang tự đặt trong tình trạng ngưng đọng. Các xí nghiệp nợ hàng ngàn tỷ đồng không thể trả ngân hàng, và các xí nghiệp nợ lẫn nhau cũng không thể trả, tất cả trói tay nhau trong tình trạng tê liệt. Theo một báo cáo của giáo sư Ari Kokko soạn cho Tòa Đại sứ Thụy Điển ở Hà Nội thì các món nợ của những doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam đã lên cao đến mức có thể làm cả hệ thống tài chánh rơi vào khủng hoảng. Cho đến cuối năm 1995, tổng số nợ đã lên tới 25 tỷ mĩ kim.

Trong khi đó thì Ngân hàng Nhà nước vẫn chạy trong vòng luẩn quẩn. Khi được báo động về tình trạng vi phạm luật lệ ngân hàng, qua các vụ Incombank và ViêtcomBank cho vay bừa bãi, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra các "Công văn" mới mập mờ và mâu thuẫn.

Đánh bùn sang ao

Để giúp cho các xí nghiệp nhà nước hoạt động trở lại bình thường, ông Cao Sĩ Kiêm đã cho phép các ngân hàng cho một xí nghiệp vay trên số 10% vốn điều lệ, trái với pháp luật về ngân hàng - một chuyên viên ngân hàng quốc tế đang ở Hà Nội kêu lên rằng lệnh cho phép này nghe "kinh hoàng - frightening!"

Công văn số 417 còn cho phép ngân hàng cho vay không cần tài sản thế chấp, chỉ cần "căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh." Đây không phải là một điều gì sai trái. Xưa nay ngân hàng khắp thế giới cho vay vẫn cân nhắc nhiều tiêu chuẩn, từ số vốn, tài sản thế chấp, đến khả năng sinh lời để trả nợ, và xét riêng mức rủi ro cùng mức lời của từng dự án, tùy trường hợp chứ không phải lúc nào cũng cần thế chấp tài sản.

Nội dung công văn 417 không khác Nghị quyết số 49 của chính phủ trước đây, nhưng các ngân hàng cũng không biết phải áp dụng thế nào. Ngân hàng Công thương (trung ương) đã bày tỏ sự bối rối của họ bằng cách 'sao y bản chính" công văn 417, gửi cho các chi nhánh, không một lời giải thích, để cho ai muốn hiểu sao thì hiểu. Tất nhiên các giám đốc chi nhánh cũng không ngu dại, họ tội gì gánh trách nhiệm? Muốn khỏi lo lắng thì họ sẽ ngưng cấp tín dụng là xong.

Nhưng Công văn 417 khác gì các thủ tục "không cần tài sản thế chấp"mà trước đây các ngân hàng đã theo khi cho Epco, Minh Phụng, Công ty dệt Nam Định, v.v . vay hàng ngàn tỷ đồng? Họ đã cho các "thân chủ" đó vay không cần thế chấp, cũng vì tin vào khả năng làm ra tiền để trả nợ của người vay. Nếu có rủi ro thì đó là rủi ro vì sơ xuất (!) trong lúc cứu xét khả năng sinh lợi của thân chủ. Nếu các ông giám đốc xí nghiệp vay tiền về đi đầu cơ địa ốc, thay vì kinh doanh (như Minh Phụng), hay để chia nhau làm tiền thưởng (C.T. Dệt Nam Định) thì đó cũng là do "sơ xuất" của thanh tra ngân hàng.

Điều mới mẻ trong Công văn 417 là các giao kèo vay nợ không còn là chuyện giữa người vay và người cho vay nữa, mà phải được"cấp trên" của các xí nghiệp bảo đảm: "Hiệu quả kinh doanh của doanh nhiệp được xác định khi phương án được các cơ quan chủ quản chấp thuận, chịu trách nhiệm vốn vay sử dụng đúng mục đích và cam kết trả vốn và lãi đúng hạn."

* Một nhà báo hỏi một tỷ phú:
"Đâu là bí quyết thành công của ông?"
"Rất đơn giản. Tôi có lòng tin vững chắc rằng tiền bạc không quan trọng, và chỉ có sự làm việc mới là đáng kể..."
"Và chính vì có lòng tin ấy mà ông trở nên giàu?"
"Không! Chính là từ lúc tôi chia sẻ lòng tin ấy cho tất cả nhân viên của tôi!"

Biện pháp này có tính cách "đánh bùn sang ao," Ngân hàng Nhà nước đã đá trái banh trách nhiệm sang "cấp chủ quản." Nhưng nói về nghiệp vụ thì ai là người có khả năng duyệt xét một dự án kinh doanh? Ngân hàng, hay một cơ quan chủ quản? Thí dụ, Quận Ba ở Sài Gòn chung vốn xây khách sạn Bàn Cờ ở Hà Nội, họ có khả năng duyệt xét hiệu quả kinh doanh của khách sạn hơn, hay các chuyên viên ngân hàng xét cho khách sạn đó vay tiền xây cất có khả năng hơn?

Bao cấp trá hình

Trong thực tế, công văn 417 chuyển trách nhiệm quyết định cho vay từ ngân hàng về cho các cơ quan chủ quản. Chính cơ quan chủ quản quyết định dự án nào đáng cho vay, ngân hàng chỉ còn đóng vai "phát ngân viên," không khác gì chế độ kinh tế bao cấp trước đây.

Công văn 417 tính mở cửa cho các doanh nghiệp nhà nước được tiếp tục vay tiền, nhưng cánh cửa bị các công văn trước đó đóng lại. Ông Cao Sĩ Kiêm đã ra lệnh "cấm các ngân hàng đưa vốn cho các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ." Công văn số 102, tháng Hai năm 1997 lại ra lệnh trong ba tháng phải thu hết số nợ của các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ, nếu cần thì thưa kiện ra tòa. Hầu hết các thân chủ doanh nghiệp nhà nước đều thua lỗ, như vậy thì muốn yên thân, các ngân hàng phải ngưng cho vay.

Những doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Thương mại Sài Gòn, trước đây 80% vốn do tín dụng ngân hàng cung cấp. Nay họ đi gõ cửa ở đâu cũng bị từ chối.

Khi tranh luận về chuyện ngân hàng, người ta vẫn nói đang "làm kinh tế thị trường." Từ năm 1994 các doanh nghiệp đã không được nhà nước cấp ngân sách, chỉ trông vào tín dụng. Trong số 5,800 doanh nghiệp nhà nước, một nửa có vốn (vừa cố định, vừa lưu động) dưới một tỷ đồng, một phần tư dưới 500 triệu đồng, nay không có tín dụng thì kể như đóng cửa. Hậu quả sẽ rất lớn.

Điều đáng chú ý là trong khi các ngân hàng nhà nước tê liệt vì nợ xấu không đòi được thì các ngân hàng ngoại quốc ở Việt Nam số nợ khó đòi chỉ chiếm một phần ngàn (0,1%) tổng số nợ. Vì họ không làm ăn theo lối "tiêu tiền chùa" và "cha chung không ai khóc." Bài học này sẽ buộc những người có trách nhiệm trong đảng Cộng Sản Việt Nam phải xét lại toàn bộ đường lối kinh tế.

Những khó khăn của các ngân hàng rồi sẽ bắt buộc đảng Cộng Sản phải thay đổi quan niệm quản lý nền kinh tế. Không thể bao cấp, dù bao cấp theo lối mới, qua hệ thống phát ngân gọi là ngân hàng. Phải chấm dứt việc che chở các cán bộ quản lý doanh nghiệp và ngân hàng dốt nát về nghiệp vụ. Trên hết, phải tư nhân hóa các xí nghiệp và ngân hàng, từ nay lấy tiêu chuẩn lợi nhuận làm căn bản hoạt động. Các quản đốc phải chịu trách nhiệm về lời lỗ, thay vì chỉ ngồi chờ các công văn và nghị quyết và tìm cách trốn trách nhiệm khi các lệnh trên mù mờ và mâu thuẫn với nhau. Họ phải hành sử như các tư nhân kinh doanh, theo qui luật thị trường. Luật lệ ngân hàng phải dựa trên thủ tục tín dụng của nền kinh tế thị trường, chứ không phải chỉ dùng để thực hiện đường lối bao cấp.

CỔ NGƯ

LẬP THỂ

Hai đường thẳng song song
Không bao giờ gặp gỡ,
Em bên nớ, anh ở đây,
Biết khi nào xum vầy?
Biết khi nào gặp gỡ?

Em là tâm điểm
Anh chạy vòng quanh
Trên đường tròn mong manh
Anh chạy vòng quanh mãi,
Nhưng em ơi, có phải
Tâm điểm giữa vòng tròn

Anh vẽ trái tim hình tam giác,
Mỗi góc nhọn, một ngọn giáo đâm xuyên,
Cạnh thẳng băng cho tình yêu tuột dốc
Xuống mông lung...
Nhưng chỉ cần em thổi bùng ngọn lửa
Tam giác đá
Sẽ hóa
Quả tim say.

Saigon 06.87

NHÀ GIÀU MỸ CÓ ĐÓNG THUẾ?

Hai chính đảng ở Mỹ, và hai ngành Hành pháp và Lập pháp, đã thỏa thuận với nhau các biện pháp chấm dứt nạn khiếm hụt, cân bằng ngân sách trong vòng năm năm.

Vì sao các nhà chính trị Mỹ đã thay đổi, chịu hòa hoãn và cộng tác với nhau dễ dàng? Nguyên do cũng vì Sở thuế Mỹ đang thâu được "quá" nhiều tiền! Trong tháng Tư năm nay (sau khi quí vị ở Mỹ nộp bản khai thuế) một số người Mỹ còn đóng thêm thuế cho chú Sam, ngân sách Mỹ bội thu kỷ lục! Cứ theo đà này thì không lâu số thu sẽ bằng số chi, ngân sách Mỹ sẽ tiến đến cân bằng!

Nội tháng Tư, chính phủ Mỹ thu nhiều hơn chi, thặng dư gần 94 tỷ mỹ kim, tăng 21 tỷ so với tháng Tư năm 1996! Và số thuế thu trong cả tài khóa cũng tăng. Kết quả là số khiếm hụt ngân sách đã giảm xuống rõ rệt: tài khóa 1996 thâm thủng 70 tỷ (trong 16 năm qua chưa bao giờ xuống thấp như vậy) và tài khóa 97 dự trù sẽ xuống chỉ còn thiếu 50 tỷ thôi. Cứ theo đà này thì đến năm 2002, ngân sách sẽ tự nó cân bằng. Các nhà chính trị coi như mất việc, vì một việc chiếm nhiều thời giờ của họ nhất là cãi nhau coi làm cách nào giúp ngân sách cân bằng. Ai cũng nói mình "lo việc nước" giỏi hơn đối thủ; nay thì "việc nước" tự nó lo lấy thân nó rồi.

Nhà nước Huê Kỳ thâu được nhiều thuế cũng dễ hiểu: Kinh tế phát triển đều đặn suốt bảy năm qua, đó là lý do chính. Các công ty phát tài, đóng thuế nhiều hơn, số người đi làm đông hơn (tỷ lệ thất nghiệp thấp kỷ lục 4,8%), cũng đóng thêm thuế lợi tức. Khi quí vị tìm ra việc hay được tăng lương, không phải chỉ có quí vị mừng, Ông Sở Thuế đang đứng chờ để móc túi quí vị cũng mừng hết cỡ! Trong tài khóa 1995, tiền thuế lợi tức do cá nhân đóng tăng 11%, qua năm 1996 tăng 12% nữa. Nhờ có tiền thuế của quí vị mà Ngân khố Mỹ hồi đầu năm dự trù chỉ trả bớt 50 tỷ tiền nợ, tháng Tư đã hoan hỉ trả đứt 65 tỷ. Bớt nợ thì cũng đỡ phải trả tiền lãi.

Nhưng đằng sau số bội thu 94 tỷ trong tháng Tư có một hiện tượng mà "thường dân vô tội" không chú ý. Chúng ta phải đặt câu hỏi: Trong số dân Cờ Hoa, ai đợi đến tháng Tư mới đóng thuế? Chúng ta đều biết người đi làm ở Mỹ đều phải đóng thuế suốt 24 (hay 26, hoặc 52) lần một năm, vào mỗi kỳ lãnh lương. Cầm cái "chếch" là bị trừ nghiến một phần gửi cho chú Sam. Người làm chủ Bi-di-nét thì cũng đều đặn làm tờ khai lợi nhuận và trả thuế trong năm, chú Sam đâu có cho nợ? Vào mùa khai thuế, nhiều người còn đòi lại thuế đã đóng dư năm rồi. Tháng Tư 1997 có 56 triệu người đòi lại tiền, trung bình mỗi người đòi 1.300 Mỹ kim. Vậy ai là những người đóng thuế vào phút chót giữa tháng Tư?

Đó là những người giầu, rất giầu, nghĩa là rất, rất, rất giầu! Họ phải đóng thuế trên những lợi tức đầu tư, bán cổ phần, tiền thưởng, hứa phiếu (options), những lợi nhuận đó đến phút chót mới phải thành thật khai báo. Theo thống kê của Bộ Ngân khố, số thuế đóng thêm trong tháng Tư, thuộc loại "không phải thuế khấu trừ lương bổng của dân ba cọc ba đồng," đã tăng rất nhiều. Năm 1992 khi ông Clinton chưa cầm quyền, chỉ có 57 tỷ $ (mỹ kim). Năm ngoái con số đó tăng lên 89 tỷ $, và năm nay gần 111 tỷ $. Có thể nói số tiền thuế riêng nhà giầu phải đóng đã tăng gấp đôi, gấp ba.

Tất cả các con số trên là tin đáng mừng cho dân Mỹ, vì khi ngân sách cân bằng hơn thì nhà nước khỏi lo vay thêm nợ. Dân đóng thuế sẽ bớt sót ruột vì phải trả tiền lãi của các món nợ chồng chất từ các đời chính phủ cũ. (Có nhà kinh tế nói, hơn nửa thế kỷ trước, chính phủ Mỹ nợ ít cho nên nếu người giầu nhất nước Mỹ lúc đó là John D. Rockefeller có bỏ tiền trả hết các món nợ cho nhà nước, ông ta vẫn còn giầu nhất nước; còn bây giờ người giầu nhất là ông Bill Gates nếu muốn giúp nhà nước, thì cả tài sản ông ta cũng chỉ đủ để trả vài tháng tiền lãi là sạt nghiệp. Lúc giầu nhất, tài sản của Rockefeller có đến một tỷ Mỹ kim, và trong đời ông ta đã tặng 550 triệu cho các hội từ thiện. Còn Bill Gates bây giờ chỉ có chừng 5 tỷ mà thôi!)

Người mừng nhất là Tổng thống Clinton. Ông tha hồ khoe công: Chính ông bắt nhà giầu đóng thêm thuế! Năm 1993 Clinton làm luật tăng thuế người giầu, bị đảng Cộng Hòa kịch liệt đả kích. Họ nói tăng thuế sẽ làm nản lòng người đầu tư không muốn bỏ vốn làm ăn, họ lo

những người đi làm thêm để một gia đình hai tấm "chếch" cũng chán đi làm, thế nào kinh tế cũng suy yếu.

Năm 1993 Clinton tăng "suất thuế biên tế" từ 31% lên 36% cho những người lợi tức hàng năm từ 140 đến 250 ngàn Mỹ kim, nghĩa là mỗi đồng tiền kiếm thêm phải đóng thuế 36 cents. Suất thuế biên tế của người có lợi tức trên 250 ngàn tăng lên 39,6%, kiếm thêm một đồng, nộp chính phủ ngót bốn chục xu. Khi công kích đạo luật tăng thuế của Clinton, nghị sĩ Robert Packwood nói đến hậu quả: "Tôi đánh cá là số khiếm hụt ngân sách sẽ tăng thêm, thất nghiệp sẽ nhiều hơn, và lạm phát sẽ lên nữa." Cả ba lời tiên đoán đó đều trật. Ông Nghị sĩ này mới về hưu, ông ta đã thành thật nhận mình lầm. Nhưng các nhà chính trị đảng Cộng Hòa khác có cách giải thích của họ. Dân biểu Dick Armey nói rằng kinh tế phát triển tốt đẹp mấy năm qua giúp cho nhà nước tăng thâu, không phải vì nhờ Clinton tăng thuế, mà nhờ Quốc hội Cộng Hòa đưa ra các chính sách kinh tế đứng đắn. Nếu như đừng tăng thuế, kinh tế còn khá hơn, và thuế còn thâu nhiều hơn nữa! Sư nói sư phải, vãi nói vãi hay, các nhà chính trị vẫn có tài giải thích để kể công.

Sự thật là kinh tế nước Mỹ tự nó tăng trưởng vì người dân Mỹ được tự do làm ăn buôn bán sau mười năm "cởi trói" bắt đầu từ thời ông Reagan, nhờ đó thị trường năng động hơn, các sáng kiến nảy nở, năng suất nâng cao, các chính trị gia muốn kể công cách nào cũng không thay đổi sự thật đó.

SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ Ở VIỆT NAM

Khi nói đến nền giáo dục trung học ở Việt Nam ngày nay, chúng ta thường nghe nói đến nạn thiếu trường, thiếu giáo sư, tình trạng lương thấp khiến thày cô phải đem trẻ em về nhà dạy thêm lấy tiền, trái với lương tâm chức nghiệp, v.v. Nhưng còn một vấn đề trầm trọng khác, có ảnh hưởng lâu dài mà ít được nhắc tới, đó là tình trạng sách giáo khoa. Sách giáo khoa thiếu sót, trình độ chậm tiến không theo kịp khoa học hiện đại, đó là các căn bệnh lớn. Nhưng đặc biệt là sách giáo khoa về Sử học, chế độ hiện nay vẫn dùng môn Sử như một dụng cụ tuyên truyền của đảng.

Một giáo sư Sử địa người Pháp, giáo sư Philippe Langlet đã đọc những sách dạy sử do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam xuất bản, năm 1992-94, và nêu nhiều nhận xét, cho thấy Bộ Giáo dục vẫn chưa "đổi mới." (Ông Langlet đã dạy tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn trước 1975, nay dạy ở Đại học Paris VII.)
Những nhận xét của giáo sư Langlet đăng trên tập san *xưa và Nay* xuất bản trong tháng Ba và tháng Tư ở Hà Nội. Chúng tôi xin trích đăng một số đoạn, trong đó có nhiều sự kiện sai lầm vì quan điểm sử học lỗi thời của đảng vẫn đè nặng trong đầu các người viết sách.

Cuốn sách giáo khoa Lịch Sử lớp 11, trang 101 viết: *"Từ sau cuộc cách mạng Pháp ... nền văn học tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ..."*
Vì cách mạng 1789 gọi tên là "Cách mạng Tư

sản" nên người viết sách phải gán cho nền văn học sau đó là "văn học tư bản." Ông Langlet hỏi, "Tôi không hiểu ở đây muốn nói cái gì? Nói về Chateaubriand hay Victor Hugo thời trẻ, những người ca ngợi chế độ Trung cổ?"

L.S. lớp 11, trang 66: *"Ở Pháp, ngày 6-2-1934 bọn phát xít Chữ thập lửa gồm 20,000 tên có võ trang đã xông vào trụ sở Quốc hội... Trong khi chính phủ Pháp lúng túng, định nhượng bộ, Đảng Cộng Sản Pháp đã kịp thời huy động công nhân xuống đường, đánh bại lực lượng phát xít."* Ông Langlet cải chính là lúc đó có 30 ngàn người biểu tình, một nửa là cựu chiến binh, vai trò nhóm phát xít không có tính quyết định. Và chỉ đến ngày 12 tháng 2, sáu ngày sau, đảng Cộng Sản Pháp và các nhóm cánh tả mới tổ chức biểu tình!

L.S. lớp 12, tập 2, trang 53: *"Cuộc chiến tranh thế giới,... một bên là các lực lượng dân chủ do Liên xô đứng đầu."* Ông Langlet nhắc nhở một cách nhẹ nhàng là (trong Thế chiến thứ Hai,) "Tôi nghĩ rằng Hoa Kỳ cũng quan trọng ngang với Liên xô, mà Liên xô cũng phải nhận viện trợ quân sự của Mỹ."

Các sai lầm trên bắt nguồn từ lối nhìn lệch lạc, lúc nào cũng phải đề cao công nhân vô sản, coi đảng Cộng Sản là nhất, và Liên xô là nhất. Ngoài các sai lầm vì muốn dùng lịch sử để tuyên truyền như vậy, có những sai lầm thuần túy là do người viết sách giáo khoa thiếu hiểu biết, như các thí dụ sau đây:

Cuốn Lịch Sử lớp 10, trang 71 viết về vua Louis XVI trước thời Cách mạng Pháp như sau: *"Vua Lu-i XVI ... có quyền tối thượng vô hạn."* Giáo sư Langlet nói điều đó sai, vì quyền lực của nhà vua bị giới hạn bởi giới quí tộc và tăng lữ. Không những thế, nhà vua cũng lệ thuộc giới tư sản vì cần vay tiền của họ. Langlet viết, "nhà nước quân chủ rất nghèo!" làm người đọc phải nhớ đến thứ nhà nước hiện nay quyền lực vô hạn, vì nắm độc quyền cả về văn hóa, tư tưởng (tăng lữ), quyền phong chức và ban phẩm hàm (quí tộc), và làm kinh tế độc quyền.

Cuốn Lịch Sử lớp 11, trang 10: *"Động cơ hơi nước dần dần được thay thế bằng máy phát điện."* Ông Langlet nhắc nhở đừng quên còn có động cơ đốt (máy nổ), ông nói đùa, "May mắn ở một đoạn sau tôi đọc thấy ô tô, máy bay."

L.S. lớp 12, tập 1, trang 80: *(Pháp) thiết lập nền Cộng Hòa với chế độ tổng thống."* Người viết sách giáo khoa rõ ràng không biết rằng trong chế độ Đệ tứ Cộng Hòa ở Pháp tổng thống không có quyền bằng quốc hội, dân biểu mới nắm các quyết định chính trị.

L.S. lớp 12, tập 2, trang 75 viết về thời Pháp trở lại Nam Việt năm 1945: *"Có sự hỗ trợ của Anh và Nhật, quân Pháp phá vòng vây xung quanh Sài Gòn."* Langlet nói, "Tôi ngạc nhiên về điều được gọi là sự "giúp đỡ của quân Nhật" đối với quân Pháp." Ai cũng biết cuối năm 1945 quân Nhật đã nộp súng đầu hàng, và họ vốn vẫn chống Pháp.

Những đoạn được ông Langlet phê phán đều về lịch sử nước Pháp. Các câu trích dẫn trên đây chỉ là một phần tư bài của ông. Không biết còn các đoạn khác viết về lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam ra sao!

Giáo sư Langlet nhận xét chung là chương trình dạy sử cho học sinh lớp 10, 11, 12 còn thô sơ đáng ngạc nhiên, "Je suis étonné de la légèreté apparente des programmes d'histoire." Ông cũng lấy làm lạ rằng sách dạy sử cho học sinh Việt Nam mà chú trọng quá nhiều đến các xứ Tây phương, hơn các nước Á đông! (Je m'étonne aussi de la faible place de l'Asie orientale par rapport aux pays occidentaux.)

Tại sao sách dạy sử cho cấp trung học cả nước Việt Nam còn chứa nhiều sai lầm và lạc hậu như vậy? Vì nhà nước giữ độc quyền như các tăng lữ thời Trung cổ.

Nếu như việc soạn sách và xuất bản giáo khoa được tự do, như thời Việt Nam Cộng Hòa, thì các sách sai lầm sẽ bị thị trường đào thải, không giáo sư nào cho học sinh dùng. Mà tại sao tờ báo rất nghiêm túc, đứng đắn của Hội Khoa học Lịch Sử Việt Nam lâu nay không phê phán sách giáo khoa môn Sử dùng trong bậc trung học? Sao phải chờ bài của một nhà giáo người Pháp, tạp chí này mới cho độc giả biết các sai lầm mà ai học qua lịch sử Pháp cũng thấy dễ dàng? Chắc các sử gia trong Hội không muốn đụng chạm, người nước ngoài viết dễ đăng hơn! Nói cho cùng, chính chế độ độc tài tạo ra tình trạng sai lầm trong sách giáo khoa. Học sinh cả nước ta có chịu dốt cũng chỉ vì ách độc tài.

DÃ THÚ TỰ TÀN SÁT

Thế giới sẽ thở nhẹ nhõm khi đám tàn quân Khơ Me Đỏ tan rã, một số được trở về đời sống bình thường hơn trong cộng đồng dân tộc của họ. Mọi người đều muốn quên những kỷ niệm kinh hoàng mà đảng Cộng sản đã làm trên đất Chùa Tháp. Chế độ đó làm nhiều người mất lòng tin nơi khả năng phân biệt thiện ác. Nhưng cho đến phút cuối cùng, đảng cộng sản Khơ Me vẫn còn làm cho thế giới phải kinh hoàng lần nữa, trước cảnh các lãnh tụ tàn sát lẫn nhau, khi Pol Pot cho giết cả gia đình vợ chồng con cái Son Sen, giết rồi còn cho xe cán trên xác chết.

Trong bốn năm cầm quyền ở Nam Vang, chế độ cộng sản đã làm chết 1,7 triệu người, một nửa bị các cán bộ đảng tàn sát, phần còn lại vì lao lực và vì đói khát khi bị tập trung cải tạo và đi kinh tế mới. Tại sao con người có thể đối sử với đồng loại, nhất là đồng bào ruột thịt của mình một cách tàn nhẫn như vậy?

Đức Quốc Xã đã có chương trình diệt chủng đối với người Do Thái, người Gypsy, Quân phiệt Nhật đã tàn sát người Hàn quốc và người Trung Hoa. Các tội ác không thể tha thứ đó bắt nguồn từ óc phân biệt chủng tộc, nhất là do lòng kiêu ngạo về chủng tộc, một tật xấu mà nhiều người bình thường cũng có khi mắc phải. Ông Đổng Kiến Hoa, Vị Hành chánh Chưởng quan mới Hồng Kông có lần nói ông "tự hào là người Trung Hoa." Câu nói vô hại đó, một nhà báo Hồng Kông nhận xét, cho thấy ông không kính trọng những dân tộc khác đang sống ở Hương Cảng. Nhà báo Frank Ching phân tích rằng lời nói đó ngụ ý rằng chủng tộc mình cao hơn giống dân khác, "thứ tình cảm đó không nên được khuyến khích, ở bất cứ nơi nào trên thế giới." Nhắc lại câu nói của Đổng Kiến Hoa để chúng ta ý thức rằng óc phân biệt chủng tộc tiềm tàng khắp nơi, các tội ác về phân biệt chủng tộc có thể xảy ra bất cứ lúc nào và ở đâu. Vì lòng tự kiêu về chủng tộc rất phổ biến.

Nhưng còn bọn Pol Pot Khieu Sanphan và Son Sen, khi họ giết hàng trăm ngàn đồng bào của họ thì thứ tham sân si nào là động cơ gây ra các tội ác đó?

Trong hồi ký Vũ Thư hiên, ông nói đến một thứ bệnh gọi là "Bệnh kiêu ngạo Cộng Sản." Người Quốc xã Đức và Quân phiệt Nhật được kích thích vì lòng tự kiêu chủng tộc. Còn người Cộng Sản mang lòng tự kiêu nhân danh chủ nghĩa của họ. Hãy dịch sang tiếng Khờ Me các câu "Bách chiến bách thắng, Đỉnh cao trí tuệ, Lương tâm của nhân loại," thì hiểu được lòng tự kiêu của Pol Pot và các đồ tể của ông ta.

Những người tự kiêu về chủng tộc khinh thường chủng tộc khác, coi giống dân khác là "chủng loại thấp kém," nhưng họ vẫn thấy mình cũng chỉ là một con người. Kẻ tự kiêu về chủng tộc vẫn còn nhân tính. Lãnh tụ cộng sản không những dạy đảng viên coi thường mọi người ngoài đảng vì họ "chưa giác ngộ"; lòng kiêu ngạo, tự coi mình là chủ nhân của "Sự thật" tuyệt đối khiến họ bất chấp các thứ "đạo đức tư sản," làm người ta mất cả nhân tính. Vũ Thư Hiên viết, "những bản năng thấp hèn được khơi dạy dưới những vỏ bọc hào nhoáng... làm cho lớp quan chức vững tin ở những hành động vô đạo đức, và cứ như thế họ trượt dần xuống dốc phi nhân bản lúc nào không biết..." Vũ Thư Hiên cho rằng các nước cộng sản Liên Xô và Đông Âu tan rã là vì "dân chúng ở những quốc gia này không còn chịu đựng nổi sự mất nhân tính đi đến chỗ cùng cực." (Đêm Giữa Ban Ngày, trang 545)

Các lãnh tụ Khờ Me Đỏ mang giấc mộng thay đổi loài người, bắt dân tộc họ sống theo khuôn khổ mà đảng họ ban cho, họ coi là tuyệt hảo. Họ sẵn sàng hy sinh hàng triệu người, một phần tư dân số Cam Bốt thời đó, để thực hiện giấc mộng điên cuồng của họ, tất cả chỉ vì tấm lòng tự kiêu vô độ.

Cơ chế trong nội bộ đảng làm tăng lòng kiêu ngạo của các lãnh tụ. Như lời một cán bộ quản giáo nói với tù nhân Vũ Thư Hiên "Nghĩ làm chi cho mệt trong khi ở trên đã có Đảng, có Trung Ương nghĩ hộ hết..." Và ông nhắc lời của Phạm Văn Đồng, "Đảng là Trí tuệ, là bó đuốc soi đường, là lương tâm thời đại..." Ý tưởng đó cũng ăn sâu trong đầu óc Pol Pot.

Cảnh tương tàn của các lãnh tụ Khơ Me Đỏ khiến người dân Cam Bốt nghĩ những người gieo nhân ác nay đang bị quả báo. Họ đối xử với dân chúng và đảng viên của họ như với bầy thú vật, cuối cùng đã tự biến họ thành dã thú. Đến giờ phút khốn cùng các dã thú đã ăn thịt lẫn nhau. Chính đảng viên cộng sản Khơ Me đã quay súng bắn lại lãnh tụ vì, cũng như người dân Đông Âu, họ không còn chịu đựng nổi tình trạng mất nhân tính nữa.

ĐỒNG EURO VÀ LÒNG DÂN

Âu châu là nơi khởi đầu hai cuộc Đại chiến

* Nghe trong phòng biên tập tin tức của một đài phát thanh.

Giọng nữ:

"Nè, cắt tinh chưa?"

Tiếng đàn ông trả lời:

"Rồi, nhưng mà coi chừng có tinh trùng đó."

Những câu có vẻ "kinh khủng" đó thực ra chỉ là hỏi *đã cắt tin tức chọn lọc ở các báo* để chuẩn bị phát thanh chưa, và lời nhắc nhở đừng dùng *những tin trùng lặp*. Chỉ có điều được nói một cách ngắn gọn trong khi bận làm việc, và phát âm theo giọng Nam.

* "Đã bốn tuần lễ nay tôi luôn luôn nhắc anh là đừng có mua cái gì cho ngày sinh nhật của tôi cả, thế mà anh vẫn cứ quên mang một món nào đó lại cho tôi."

trong thế kỷ này, cho nên nhiều người muốn có hiệp nhất, theo cách nào đó, để ngăn ngừa chiến tranh trong tương lai.

Năm 1951 sáu nước thành lập Cộng đồng Than và Thép để thử, và năm 1957 họ đủ kinh nghiệm để tạo thành Cộng đồng Kinh tế Âu châu (EEC). Giấc mộng hợp nhất trở thành cụ thể vào năm 1992, khi một thỏa ước được ký kết ở Maastricht, một thành phố ở Hòa Lan, ấn định lịch thống nhất hệ thống tiền tệ (EMU) vào cuối thế kỷ này, lấy đồng euro làm đồng tiền chung.

Thời xưa Tần Thủy Hoàng muốn thống nhất Trung Quốc ông ta đã thống nhất các đơn vị đo lường, thống nhất chữ viết, và cũng thống nhất tiền tệ. Âu châu đã thống nhất đo lường từ thời Napoleon I, không cần thống nhất chữ viết vì đã có Internet, nhưng thống nhất tiền tệ sẽ giúp việc mậu dịch tăng trưởng hơn nhiều.

Nếu 15 nước Âu châu dùng chung đồng tiền mới này thị họ sẽ tiết kiệm được phí tổn về chuyển hoán, tương đương với 0,5% GDP (Tổng sản lượng Quốc nội, tức trị giá tất cả các sản phẩm và dịch vụ tạo ra bên trong các xứ đó.)

Cộng GDP của 15 nước với dân số chung là 372 triệu, chúng ta có con số hơn 7 ngàn tỷ Mỹ kim, hơn cả GDP của Mỹ. Như vậy 0,5% cũng tương đương với 35 tỷ đô la - mỗi người dân trung bình tiết kiệm được gần 100 đô một năm! Nhưng đồng euro hiện nay chưa biết có ra đời đúng hạn, và nếu ra đời thì có đủ mạnh hay không. Một nguyên nhân của mối nghi ngại này là kết quả cuộc bầu cử ở Pháp gần đây.

Trong cuộc họp thượng đỉnh Amsterdam, các nước Đức và Pháp đã đồng ý giữ nguyên các tiêu chuẩn để cho đồng euro ra đời đúng hẹn, như việc giới hạn khiếm hụt ngân sách năm nay dưới 3% GDP, hay công trái dưới 60% GDP, vân vân. Nhưng các điều mà chính phủ tả phái ở Pháp đã hứa hẹn khi tranh cử đều có thể làm ngân sách Pháp khiếm hụt thêm. Thủ tướng Jospin có thể trì hoãn việc thi hành các lời hứa, như việc tuyển thêm 350 ngàn công chức sẽ bắt đầu thi hành từ từ vào cuối năm nay hay đầu năm tới, ông ta sẽ vẫn theo đúng tiêu chuẩn 3% mà vẫn làm đủ lời hứa với cử tri. Nhưng như vậy thì chỉ làm cho đồng euro chưa ra đời đã bị mất giá trị, vì khi các chính phủ khiếm thu quá nhiều thì đồng tiền chung có thể giảm giá. Hiện nay Anh quốc là nước đủ điều kiện nhất theo tiêu chuẩn đồng euro, nhưng chính phủ và dân Anh chưa muốn tham dự.

Một trở ngại khác cho việc thống nhất tiền tệ chính là lòng dân. Người dân Âu châu hầu hết muốn tiến đến hợp nhất, nhưng họ không hiểu được tại sao họ phải hy sinh? Muốn cho đồng euro ra đời, các chính phủ phải cắt bớt các trợ cấp xã hội, giảm trợ cấp cho các nhà nông hay xí nghiệp yếu kém. Hiện nay tỷ lệ thất nghiệp ở Âu châu trung bình là 11%, ở Pháp tới 12,8%, cho nên dân chúng coi vấn đề giải quyết nạn thất nghiệp quan trọng hơn là việc bảo vệ cho đồng euro ra đời đúng hạn kỳ và có giá trị cao.

Ngược lại với đa số dân chúng, các nhà kinh doanh coi hệ thống tiền tệ chung (EMU) là ưu tiên số một. Tại Đức 80% các nhà doanh thương và chính trị gia ủng hộ, trong khi 80% thường dân chống EMU. Liên minh của tổng thống Chirac ở Pháp triệt để ủng hộ EMU và đã bị liên minh tả phái đánh bại.

Chính vì lòng dân như vậy nên các đảng tả phái ở Âu châu đang mạnh. Trong 15 nước thuộc khối Liên hiệp Âu châu, hiện nay chỉ có hai nước do các chính phủ khuynh hữu cầm quyền (Đức và Tây Ban Nha) mà đảng của ông Kohl ở Đức đang lo năm tới sẽ thất cử, sau 14 năm cầm quyền. Hai nước Anh và Pháp lần lượt đổi từ chính phủ hữu khuynh sang tả khuynh trong vòng một tháng.

Điều này cho thấy lòng dân không muốn phải hy sinh, thắt lưng buộc bụng để thỏa mãn các tiêu chuẩn thống nhất tiền tệ, các tiêu chuẩn do những chuyên gia ngồi bàn giấy đặt ra. Nhưng các chính phủ tả khuynh ở Âu châu cũng không thể lật ngược chiều hướng thống nhất, vì sự thật kinh tế không cho phép Âu châu trì hoãn. Sự thật đó là muốn cạnh tranh với Bắc Mỹ (và khối mậu dịch NAFTA), Nhật và Đại Hàn, Trung Quốc, thì Âu châu phải cởi trói cho nền kinh tế giữa các nước, và bên trong mỗi nước. Cởi trói kinh tế đòi hỏi thị trường nhân dụng và tài chánh phải linh động hơn, bắt mọi người cạnh tranh dữ hơn.

Nếu trong vòng sáu tháng đến một năm tới mà tương lai đồng euro chưa sáng sủa thì việc hợp nhất Âu châu sẽ còn mờ mịt. Mà các thỏa thuận vừa qua còn chưa đủ bảo đảm cho đồng euro ra đời đúng hẹn, vì Đức và Pháp chưa xác định phải làm gì để thực hiện yêu cầu của Pháp là tăng nhịp độ phát triển kinh tế và giảm bớt nạn thất nghiệp, như chính phủ Pháp đòi hỏi. Hơn nữa, Pháp và Đức chưa đồng ý với nhau là Ý, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha có tham dự vào đồng euro từ đầu hay không. Mời hai nước đó dự có nghĩa là phải áp dụng các điều khoản của hiệp ước Maastricht một cách linh động hơn, làm giá trị của đồng euro sẽ thấp hơn.

Nhưng khi dân chúng được bày tỏ ý kiến qua

những cuộc bầu cử thì rõ ràng họ coi chuyện giá trị đồng tiền có thấp cũng không sao, chuyện tạo công ăn việc làm mới quan trọng. Các nước Âu châu đều theo thể chế dân chủ, và một qui tắc của dân chủ là người dân thường nghĩ đúng, người dân thường không lầm. Nếu họ bị thiệt thòi vì quyết định của họ, chính họ sẽ chịu trách nhiệm. Mối quan tâm của các chính khách và các nhà doanh nghiệp về EMU, hệ thống tiền tệ chung, chưa thuyết phục được đa số người dân Âu châu. Dân Âu châu có cái may, là khi không đồng ý với chính phủ thì họ được phép nói, và họ có cách lật đổ chính phủ trong hòa bình!

QUYỀN CHỌN LỰA

Dân chỉ có quyền chọn lựa trong thể chế dân chủ tự do. Tính dân chủ của một chế độ có thể nhìn thấy qua số phạm vi sinh hoạt mà người dân được tự do lựa chọn. Hai thước đo chính là việc chọn người vào guồng máy chính trị, và chọn người điều khiển các sinh hoạt kinh tế.

Việc tuyển chọn và bãi miễn người quản lý việc nước là biểu hiện của dân chủ. Không có quyền lựa chọn đó thì khẩu hiệu dân chủ hoàn toàn vô nghĩa. Ở Việt Nam Quốc hội chỉ đóng vai trò làm cảnh vì mọi dự luật đều do chính phủ đưa qua, bàn luận có hình thức rồi biểu quyết. Mà những dự luật của chính phủ cũng chỉ diễn giải các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng Sản. Trung ương bảo gì thì chính phủ làm chuyện đó, rồi đưa Quốc hội thông qua.

Một cơ chế như vậy bảo đảm là mọi quyết định việc nước đều do đảng lựa chọn, đảng làm thay tất cả mọi người. Ví thử trong Quốc hội có một vài đại biểu đối lập, họ cũng không thể làm ngược với ý đảng. Đã bày ra cơ chế an toàn như vậy, mà sao đảng vẫn chưa thấy yên lòng, vẫn còn muốn hạn chế thêm các quyền lựa chọn của người dân?

Cuộc bầu cử Quốc hội ở Việt Nam trong tháng Bảy được qui định ai ứng cử phải được Đảng Cộng Sản chọn trước qua Mặt trận Tổ Quốc. Quyền tự do ứng cử của tất cả mọi người đã bị tước đoạt, mà quyền của mọi người dân khi đi bầu đại biểu cũng bị hạn chế. Luật không hạn chế tuổi già, mà bà Nguyễn Phước Đại không được phép ứng cử vì đã 73 tuổi (trẻ hơn các ông Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh!) Hiến pháp ở Việt Nam ấn định dân có quyền tự do bầu cử, nhưng thứ tự do bầu cử này không khác gì các cô gái có quyền tự do hôn nhân miễn là lấy người do cha mẹ chọn trước.

Nhưng ngay trong một chế độ không có định chế dân chủ hình thức, việc lựa chọn người cai trị vẫn có thể dân chủ. Thí dụ trong chế độ quân chủ ở nước ta ngày xưa, người dân không có quyền chọn vua, chọn thái tử, nhưng việc tuyển chọn quan lại qua các kỳ thi dựa trên các tiêu chẩn khách quan, công khai, ai cũng biết. Và các tiêu chẩn đó có tính chất ổn định chứ không thay đổi tùy theo sở thích của nhà vua. Điều này giúp cho người dân biết các quan cai trị được tuyển chọn cách nào. Những người có tham vọng muốn dự vào việc cai trị sẽ biết phải học những gì để đạt tham vọng đó.

Điều này ở Á Đông không phải là điều mới lạ. Hàn Phi Tử viết rằng "Bậc vua sáng dùng luật lệ, thủ tục để chọn người (làm quan) chứ không theo ý riêng của mình mà tiến cử, dùng pháp luật, thủ tục để đo lường công lao (quan lại) chứ không theo ý riêng mình (mà thăng thưởng)." Giờ đây ở nước ta việc tuyển chọn, thăng thưởng dựa trên "tính đảng". Mà "tính đảng" thì không có các tiêu chuẩn minh bạch và ổn định, có những đảng viên công thần hôm trước, hôm sau trở thành phản đảng. Thiếu các qui tắc minh bạch và ổn định, các đảng viên cũng như người dân đều tùy thuộc vào các lãnh tụ.

Trong đời sống hiện đại, việc tuyển chọn quan lại trong bộ máy hành chánh không quan trọng bằng chọn người quản lý sinh hoạt kinh tế. Những chức vụ tổng giám đốc, giám đốc của các xí nghiệp, các ngân hàng còn ảnh hưởng đến đời sống dân chúng nhiều hơn các quan lại.

Trong nền kinh tế thị trường đích thật, ai tuyển lựa các người điều khiển sinh hoạt kinh tế? Thị trường làm việc chọn lựa. Trong thị trường, những xí nghiệp hay ngân hàng nào đáp ứng nhu cầu người tiêu thụ thì sẽ thành công, qui tắc ở đó là "mỗi đồng tiền đều có giá trị như nhau," không khác gì qui tắc "mỗi người dân một lá phiếu." Trong chế độ hiện nay ở nước ta, đảng giành quyền chọn lựa các người điều khiển về kinh tế, qua các xí nghiệp quốc doanh. Cũng chỉ có đảng quyết định cho xí nghiệp nào thành công, bằng chính sách bao cấp, dù người tiêu thụ đã bác bỏ các xí nghiệp đó bằng cách từ chối mua hàng hóa hay dịch vụ của họ. Tất cả những vụ tham nhũng không lồ từ nam ra bắc đều bắt nguồn từ độc quyền kinh tế này. Chẳng những người dân Việt Nam không có quyền lựa chọn, mà chính các đảng viên cộng sản cũng bị tước mất quyền lựa chọn. Điều đáng kinh ngạc, là tại sao họ cúi đầu chịu như vậy bao nhiêu năm rồi mà không đòi thay đổi!

THI SĨ ĐẠO SĨ, THI SĨ TIÊN TRI, THI SĨ CHIẾN SĨ

ĐÀO MỘNG NAM

(Tiếp theo)

Hẳn vẫn có người thắc mắc là tại sao kẻ sáng tạo tấm bánh đầu tiên không nặn thành một cái lớn gấp đôi mà lại là một cặp? Bởi chỉ những ai từng tới lễ đền thờ nhị Trưng mới rõ được là, sau khi hai bà tự trầm nơi sông Hát, để tưởng nhớ công ơn, dân chúng đã lập đền thờ và hàng năm lễ vật cúng dâng là cặp bánh trôi trinh trắng, nổi chìm nơi chén nước đường trong vắt. Và hình tượng thiêng liêng đó đã biểu trưng cho thánh thể của hai bà, bởi vậy cặp bánh trôi kể từ lúc chào đời, đã có quan hệ hồn tính lẫn thịt xương với bọc trứng Âu Cơ từ ngàn kiếp trước, cùng cháu con dân Việt muôn thuở về sau.

Vậy Hồ Xuân Hương trước khi là nhà thơ của đạo siêu nhiên, đã là nhà thơ của đạo lịch sử giống nòi.

Mỗi lần thắc mắc về cuộc diện tương lai, chúng ta thường hay vấn kế Trạng Trình, vậy hãy thử tìm trong Sấm Kí của Trạng xem, năm nào là năm đất nước Việt Nam và thế giới được hưởng cảnh thái hòa.

Ô hô thế sự tự bình bồng
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông
Hồ ẩn sơn trung Mao tận bạch
Kình cư hải ngoại huyết lưu hồng
Kê minh ngọc thụ thiên khuynh bắc
Ngưu xuất lam điền nhật chính đông
Nhược đãi ưng lai sư tử thượng
Tứ phương thiên hạ thái bình phong.

Nam Bắc hà thời thiết lộ thông.

Đường sắt xe lửa bao giờ nối liền Nam Bắc.

Đường sắt xe lửa không những đã thông thương hai miền Nam Bắc Việt Nam, mà còn thông luôn cả hai miền Nam Bắc Á Châu. Con đường thứ nhất đã chạy suốt từ Việt Nam qua Trung Quốc tới Liên Xô vòng xuống Âu Châu. Con đường thứ hai đang thực hiện, sẽ từ Việt Nam qua Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ, các nước Á Rập và Do Thái để cập bờ Hồng Hải.

Hồ ẩn sơn Trung Mao tận bạch

Hồ Chí Minh ẩn trong núi, Mao Trạch Đông mất sạch trắng tay.

Để thực hiện đúng như di chúc của Hồ Chí Minh là chết xác phải chôn, nhất là để tránh bom Mĩ thả, xác bác các đồng chí đảng đã bí mật đem chôn trong núi — Hồ ẩn sơn trung — còn cái xác để trong lăng là xác giả, nên đèn lúc nào cũng mờ mờ ảo ảo, người coi phải đứng cách xa cả sáu bẩy thước để tránh sự phát giác. Mao tận bạch là Mao mất hết, trắng tay, bởi hình thì biến cố Thiên An Môn, sinh viên đã đem liệng cống. Còn xác trong hòm kính trước sau gì cũng sẽ chung số phận cùng Lê-nin và Sít-ta-lin.

Kình cư hải ngoại huyết lưu hồng

Cá kình ở ngoài biển máu còn lưu dấu đỏ lòm

Cá kình ở ngoài biển là chỉ chung những người da trắng Tây phương đến Việt Nam bằng tầu chiến và đường biển, với âm mưu xâm lược mà tiếng xưa gọi là giặc Tây dương, trong đó có cả Hoa Kì. Bởi kể từ tầu chiến dưới biển nã phát đạn đại bác đầu tiên lên bờ biển Việt Nam không phải là thực dân Pháp thời Thiệu Trị Tự Đức sau này, mà là tên đại úy Mĩ thời chúa Nguyễn xưa kia. Sau khi bắn xong, bị quân ta phản công mạnh mẽ, tên này bỏ chạy, ban đầu hắn tính chạy lên phương Bắc đầu chúa Trịnh, song bị quân ta chặn lại, hắn phải quay đầu chạy xuống Nam Dương. Trong lúc chúa Nguyễn đang dùng đường lối ngoại giao với chính quyền bản xứ để giai giao hắn cho Việt Nam, thì hắn đã ba chân bốn cẳng chạy lẹ về nước. Huyết lưu hồng là máu bọn giặc Tây dương xâm lược ngừng đổ, chỉ còn lại ấn tượng đỏ lòm nơi trang sử Việt Nam.

Kê minh ngọc thụ thiên khuynh bắc

Khi gà gáy, cây ngọc sẽ sụp đổ nơi trời phương bắc

Để hiểu rõ câu này hơn ta phải đọc thêm hai câu nữa ở phần khác trong Sấm Kí:

Mã đề dương cước anh hùng tận

Thân dậu niên lai kiến thái bình

Tới cuối năm ngựa, năm dê thì các anh hùng của các nước xã hội chủ nghĩa sẽ tự tiêu diệt

Tới năm khỉ, năm gà thì cảnh thái bình sẽ xuất hiện.

"Kê" là gà ở bài trên, với "Dậu" là năm con gà ở câu dưới vừa dẫn chứng cùng chung một nghĩa.

Ngưu xuất lam điền nhật chính đông

Trâu ló dạng, mặt trời chiếu trên ruộng xanh lúc sớm mai.

Cái năm con trâu tới, mặt trời rạng đông sẽ chiếu trên đồng lúa xanh tươi. Đó là lời tiên tri năm nay, cảnh thái hòa sẽ về với dân tộc Việt Nam và thế giới.

Nhược đãi ưng lai sư tử thượng

Tứ phương thiên hạ thái bình phong

Ưng là diều hâu, là Mĩ, sư tử là Tầu. Ngày mà Mĩ và Tầu hòa giải không còn gây mâu thuẫn chiến tranh, gió thái bình sẽ thổi khắp bốn phương ở dưới gầm trời.

Bài thơ trên, ngoài giá trị tiên đoán đúng tương lai lịch sử Việt Nam và thế giới, của đấng tiên tri đã thấu thị từ gần trăm năm trước, mà còn là một bài sử thi bi hùng, tráng lệ có một không hai trong cùng thể loại đề tài, của lịch sử văn học Á Đông viết chung một thứ chữ là chữ nho, sử dụng chung một thể thơ là thơ luật thất ngôn bát cú.

Sự tiên tri của Trạng Trình vì hiển thơ, vì có cái nền tảng đạo sống nhân nhiên dẫn tới siêu nhiên, nên đã phổ cập tới muôn lòng, và cuốn Sấm Kí đã trở thành tác phẩm thơ dân gian. Khác với các đấng tiên tri Do Thái Giáo, không hiểu tại sao họ lại chỉ giới hạn ở các nhà nghiên cứu Thánh Kinh.

Tính ước lệ của Thi Ca nhân loại là thở than hiện tại, tiếc thương quá khứ, còn tương lai thì thường không đề cập tới. Song Trạng Trình, với Sấm Kí đã phá tan thông lệ đó, để toàn nói chuyện tương lai dài hàng nửa thiên niên kỉ, của dân tộc của nhân loại thăng trầm. Trong thơ Trạng nếu nói về quá khứ thì không phải là cái quá khứ của riêng mình, mà là quá khứ chung của hàng triệu triệu sinh linh từ bảy tám ngàn năm, tự cái thuở mới có giống nòi.

Thơ Trạng Trình là thơ vũ trụ đạo, một truyền thống thơ chỉ Việt Nam mới có, bởi dẫu ta có để công đọc hết cả vạn bài Đường Thi đi nữa, thì cũng không thể nào tìm thấy một bài, có được cái thần khí vun vút bay cao, ào ào tỏa rộng, ngập cả ba cõi trời đất người như bài thơ trên của Trạng. Nếu sách đạo định nghĩa *vũ trụ* là:

Vãng cổ lai kim vị chi **vũ**

Tứ phương thượng hạ vị chi **trụ**

Xưa đi nay lại gọi là *vũ*

Bốn phương trên dưới gọi là *trụ*

Thì thiết tưởng chỉ một câu cuối bài thơ trên của Trạng:

Tứ phương thiên hạ thái bình phong

Cũng đủ diễn tả được hết cái ý xưa đi nay lại là chữ "thời." Bốn phương đông tây nam bắc và hai hướng đất trời là lục hợp, tức chữ "không" đều nằm trong Kinh Dịch.

Tuy nhiên, ta vẫn thấy cách nói của sách là thuần túy ý niệm, và tuyệt đối khách quan nên bất động cùng chết cứng. Còn cách nói thơ của Trạng là tiếng nói cực kì sinh động, tiếng nói của tâm linh chứng nghiệm, có hồn sống ở trong. Bởi giữa cái bầu rỗng không ấy, Trạng đã nhìn thấy, hay đúng hơn cảm thấy có một sức sống cực kì vi diệu của gió thái bình, tức hơi thở êm đềm của vạn loài cùng vũ trụ, qua lại, vào ra sát na không ngừng nghỉ.

Nhưng thân phận chúng ta là thân phận con người nơi cõi thế gian, không hoàn toàn mình ta làm chủ, mà chịu một phần chi phối của cái công lệ đất trời là "vãng cổ lai kim" đến đi còn mất khôn lường. Do đó nếu đi sâu hơn vào cái kho tàng cả ngàn bài thơ cả nho lẫn nôm của Trạng, chúng ta sẽ giải quyết được vấn nạn này chăng

Một mai một cuốc một cần câu
Thơ thẩn dù ai vui thú nào
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người tới chôn lao xao
Thu ăn măng trúc đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao,
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quí tựa chiêm bao.

Qua bài thơ trên ta thấy Trạng đã đạp xô cái vòng tử sinh thành trụ hoại không vỡ vụn để tiến vào vùng đất yên lành vĩnh cửu gọi là "tĩnh thổ." Nơi quốc gia và thế giới có tứ thời xuân, bốn mùa đều là mùa xuân, mùa xuân bất diệt,

* "A lô! Công ty bảo hiểm? Chồng tôi có mua một bảo hiểm hỏa hoạn và ông ấy vừa qua đời. Quý ông có thể gửi tiền bảo hiểm cho tôi chứ?"

"Thưa ông nhà mất trong một vụ hỏa hoạn phải không ạ?"

"Không. Ông ấy chết vì một trận cảm nặng. Nhưng tôi đã thiêu xác nhà tôi..."

* Tôi sinh vào ngày đầu tháng, cho nên người ta gọi tôi là "Bill."

không đến không đi, chẳng còn chẳng mất, mãi mãi hưởng trọn thái hòa an lạc.

Trạng Trình không những là đạo sĩ, thi sĩ tiên tri mà người còn là chiến sĩ cách mạng, thực thi được tinh thần cách mạng đạo tinh ròng của truyền thống Việt Nam. Bởi sau khi dâng sớ chém đầu những tên nịnh thần, cũng như Chu Văn An, cả hai đều bỏ quan về ở ẩn, không giống quan niệm cách mạng vô đạo khác, về hùa với quần chúng, hô hào quần chúng nhào lên đạp đổ chính quyền, sau đó cá nhân và tập đoàn mình lên thay thế. Hành động cách đó là chưa dứt tuyệt được dạ tham sân mưu bá đồ vương. Phải như Phù Đổng Thiên Vương, Hưng Đạo Đại Vương sau khi công thành thì thân thoái.

Trạng là đạo sĩ của đạo lịch sử thuần túy Việt Nam, không bỏ vào rừng hay lên trên núi, không mưu đồ thành tổ sư, thành giáo chủ ngồi trên bệ, trên ngai phán bảo để hàng ngàn, hàng vạn tín đồ răm rắp nghe theo. Bởi làm vậy quần chúng sẽ dễ trở thành đoàn lũ a dua, phát sinh cuồng tín, mất hết tự tính để làm chủ lấy mình. Trạng thuyết giáo không bằng lí luận mà bằng thi ca, vì lời nói chỉ có giá trị để hiểu chứ không để cảm, và hiểu thì có trăm ngàn cách hiểu khác nhau thành dễ hiểu lầm. Cho nên đức Phật sau 49 năm thuyết pháp, lúc gần viên tịch ngài đã than với các đại đệ tử của ngài rằng:*"Bốn mươi chín năm qua ta có nói gì đâu!"* Đúng, ngài nói mà đệ tử không hiểu thì cũng như không. Và nếu dừng ở đây thì ngài cũng chỉ tốn công, tốn sức mà thôi. Nhưng thực tế không vậy, vì có nhiều kẻ đã hiểu sai, dù vô tình hay hữu ý, thì họ cũng đã tàn sát dòng họ Thích đến tuyệt nòi, làm cỏ năm trăm ngàn tăng ni không còn một cọng.

Có lẽ vì vậy mà các đấng Phật Việt sau này như Huệ Năng Lục Tổ, Tây An Phật Thầy v,v... để tránh vết bánh xe Phật Tổ sa lầy, khi hoằng pháp thường không thuyết lí mà toàn nói kệ, nói thơ.

Đạo tràng của Trạng là một mái lều tranh— mặc dù người đã từng trùng tu hàng trăm chùa chiền mái ngói — có tên là Trung Tân Quán tức Quán Bến Trung dựng ở giữa làng, ở giữa lòng dân, ngày ngày người ngồi đó lặng yên, nhưng dân chúng xa gần, tấc dạ lúc nào cũng náo nức nghĩ về người, cảm mến kính yêu người, hễ có dịp đi qua đi lại là họ ghé vào thăm xin chữ, xin thơ. Nhưng đặc biệt có một lần, hai ông chúa cử sứ giả tới vấn kế người về quốc sách. Do đó, người đã thực hiện được thuyết quân chủ lập hiến, thay thế thuyết quân chủ chuyên chế đầu tiên của nhân loại vào thời vua Lê, có chúa Trịnh ngoài Bắc, chúa Nguyễn trong Nam. Ngày ấy nhà vua giữ uy, nhà chúa nắm quyền, dân ta tránh được cái họa một kẻ độc tôn lãnh đạo, nắm trọn uy quyền sinh sát. Khi người ban kế cho chúa Nguyễn Hoàng— *Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân* — Hoành Sơn một dải vạn đời nương náu, là cốt để chia đôi đất nước, lấy sông Gianh làm lằn mức. Nhờ vậy mà bờ cõi nước Việt đã mở rộng tới mũi Cà Mau, giữ vững được nền độc lập trước họa xâm lăng của người da trắng lâu hơn Trung Hoa và Ấn Độ.

Nói là chia hai (âm dương) nhưng thực ra là chia bốn (tứ tượng) bởi Việt Nam đã chia, thì khối thực dân da trắng cũng phải chia, để mong mỗi phía ảnh hưởng mỗi miền Việt Nam. Cho nên mâu thuẫn cặp đơn (âm dương) đã chuyển thành cặp kép (tứ tượng).

Để giải quyết mâu thuẫn xã hội Tây phương cận đại, Mác quan niệm vô sản và tư bản xung đột thì vô sản sẽ toàn thắng, tư bản sẽ hoàn toàn tiêu diệt. Theo tinh thần cách mạng đạo Việt Nam mà Trạng thực thi, thì mâu thuẫn dừng ở cặp đơn như Mác nghĩ sẽ tương hủy, nghĩa là cả hai cùng tiêu diệt.

Hemingway sống trong lòng nước Mĩ, cũng thấy cái sai của tư bản giống hệt cái sai của cộng sản. Nên qua cuốn Ngư Ông và Biển Cả, tác giả diễn tả cái bi kịch của mâu thuẫn cặp đơn, đã khiến cả hai đối cực cùng hủy diệt, đại ý như sau:

"Thay vì để cá mang thân cá, mình mang thân mình, song vì say mê chiến thắng, ngư ông đã giết con cá lớn, để rồi phải cõng xác nó vào bờ, trải bao gian nguy khổ cực... Cuối cùng khi tới bến, cá lớn chỉ còn lại bộ xương, vì cá con đã rỉa hết thịt tự bao giờ.

Sau khi giết sạch bầy nô lệ để thỏa mãn tánh hiếu sát của mình, đám chủ nô đã phải làm tất cả công việc mà nô lệ làm."

Quá ưu tư lại không tìm ra phương thức để giải quyết vấn đề thành tuyệt vọng, tác giả đã tự kết liễu đời mình bằng viên đạn, mặc dù ông vừa được trao tặng giải Nobel. Song chúng ta cũng có thể hiểu thêm cách nữa là, tác giả đã lấy máu mình viết hậu chuyện Ngư Ông, như La Quán Trung viết hậu Tam Quốc, như Trang Tử cô dương tức âm dương lẻ cặp, vì khi vợ chết Trang Tử đã vỗ chậu ca, tưởng sống một mình là sống khỏe, nhưng không phải vậy, nên đã có lần nằm mơ thấy mình hóa bướm để làm đôi bạn. Ngược lại ngư ông không biết mình hóa cá, tưởng cá chỉ là cá chứ không thể là người, nên đã giết lầm thành tự hủy.

Cách gì thì chúng ta cũng kính trọng Hem-

ingway, vì ông đã hết sức thành thực và can đảm, dám đem sinh mạng mình ra để bảo chứng cho những điều mình nghĩ. Còn La Quán Trung dùng bút mực, xiển dương trò chém giết một cách vô tội vạ, thành con cháu ngày sau bị trời phạt, nên mắc bệnh câm tới cả ba đời.

Để hiểu được cái lí của mâu thuẫn cặp kép (tứ tượng) tương thành, nghĩa là cùng tồn tại, cùng tiến hóa, ta hãy lấy một ví dụ:

Nhất sĩ nhì nông

Nếu dừng ở đây, cặp mâu thuẫn đơn (âm dương) này có cái hơn là sĩ, có cái kém là nông, mầm mống của hận thù giai cấp đấu tranh, chém giết, nhưng nếu chuyển thành cặp kép (tứ tượng):

Nhất sĩ nhì nông
Hết gạo chạy rông
Nhất nông nhì sĩ

Ta thấy ngay là giải được mối hận thù tranh đua hơn kém, từ đường thẳng hàng ngang có hai đầu là đối cực, đã cuộn lại thành vòng tròn liền lạc, khiến các đối cực mâu thuẫn thay vì hủy diệt lại hòa hợp sống chung tiến hóa.

Tới lần phân chia thứ hai, lấy sông Bến Hải làm giới tuyến thì nhờ có nền tảng từ mâu thuẫn cặp kép (tứ tượng) làm bàn đạp, dân ta dễ dàng chuyển sang bát quái để biến hóa vô cùng, khiến đất nước ta lại bình yên vô sự, như chưa hề có một chuyện gì xảy ra.

Bất chiến tự nhiên thành

Lời tiên tri của trạng thực là quá đúng. Song ta cũng phải hiểu thâm ý của trạng là "bất chiến" ở đây không có nghĩa là "bất động" há miệng chờ sung rụng, mà chỉ bất chiến theo kiểu Mĩ, kiểu Nga, kiểu Hồ Chí Minh, kiểu Ngô Đình Diệm mà thôi. Còn toàn dân ta từ Bắc chí Nam, vẫn ngày đêm hăng say đánh giặc, nhưng đánh bằng cách khác, cách đó là cách ứng dụng chiến thuật của đức Thánh Trần:

Dĩ đoản chế trường
Dĩ nhu chế cương
Dĩ tiểu chế đại
Lấy ngắn khống chế dài
Lấy mềm khống chế cứng
Lấy nhỏ khống chế to

Để "dĩ tiểu" mỗi con dân Việt Nam đã tự thâu mình — sống chui, làm chui, đi chui — thành con kiến nhỏ chui vào lỗ tai mấy chú voi khổng lồ Nga Mĩ, lẫn bác Hồ cụ Ngô để nhoi lên tận não bộ, khiến họ phát điên phát cuồng, nhào lên té xuống, phải từ bỏ trò chơi so gươm đọ súng, tranh bá tranh hùng để nhân dân Việt Nam, Hoa Kì, Liên Xô được kết nghĩa hòa thân chung hưởng thái hòa.

(Còn tiếp)

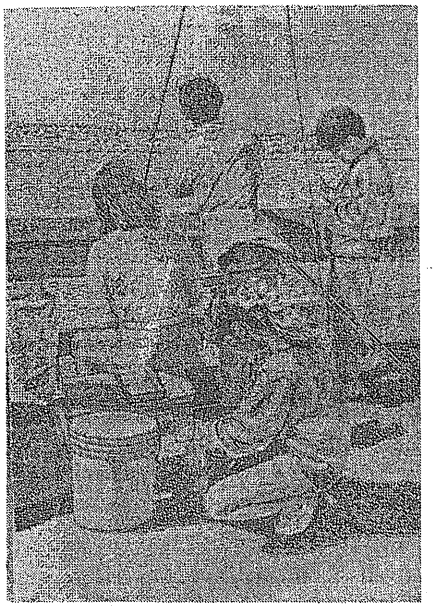

SUZIE VUONG
Gallery

SANTORA ART COMPLEX
207 N. Broadway, Suite #3
Santa Ana, CA 92701

Tel: **(714) 558-8218**
Pager: **(714) 967-7571**
Fax: **(714) 444-1082**
http://kicon.com/art/SuzieVuong

Kính mời Quý vị và các bạn đến xem triển lãm tranh của nữ họa sĩ
SUZIE VUONG
"Nắng Hè"
Tối Thứ Bảy 26 tháng Bảy, 1997
Tiếp tân: từ 7 giờ đến 9 giờ tối
Triển lãm tiếp tục đến ngày 30 tháng 8

Ngày giờ mở cửa:
Thứ Bảy: 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn

BÁN TRANH ORIGINALS &
LIMITED EDITIONS

GIÓ NGHIỆP

HOÀI-CẨM LÊ VĂN HƯNG

(Gửi Cậu Mợ và Anh Chị Em)

"Ông tính sao bây giờ đây, ông? ...Chớ tui thấy..."

Ông Sáu ngước mắt nhìn vợ, và rất nhanh sau cái chớp mắt, tia nhìn của ông chuyển sang hướng khác, có vẻ như lẩn tránh câu hỏi của bà Sáu. Rồi ông cúi đầu trầm ngâm nhìn lên chiếc giường tre ọp ẹp có thằng cu Tèo nằm trên đó. Đứng cạnh chồng, bà Sáu yên lặng sau khi hỏi xong nhưng không che dấu được vẻ bồn chồn lo lắng.

Chợt thằng cu Tèo cựa mình rên hừ hừ. Đã một tháng nay thằng nhỏ biếng ăn, ban đêm hay giật mình la khóc, đến hôm nay nó chỉ còn da bọc xương. Ông bà Sáu đã chạy đủ thầy đủ thuốc mà thằng nhỏ bệnh vẫn hoàn bệnh. Chưa lần nào cu Tèo đau yếu lâu đến như vậy. Nó bẩm chất yếu đuối từ nhỏ. Ông bà Sáu bị hiếm muộn, mãi đến năm bốn mươi lăm tuổi bà Sáu mới mang thai, rồi lại sanh thiếu tháng vì ăn uống kham khổ, thuốc men lại không đủ. Thấy tình trạng èo uột của thằng nhỏ như vậy, nhiều người lo rằng nó sẽ khó nuôi và khuyên ông bà nên đặt một cái tên xấu xí, vì theo họ, "Ông Bà" sẽ chê mà không "bắt" thằng nhỏ. Tên "cu Tèo" bắt nguồn từ đó. Đã sáu tuổi rồi mà Tèo vẫn còn ở nhà không đi học, vì mỗi tháng nó bệnh hết gần mười lăm ngày. Nó bé loắt choắt, tay chân khẳng khiu như một đứa bé bốn tuổi. Bọn trẻ cùng trang lứa ít thích chơi với nó vì vóc dáng nhỏ thó mà lại có vẻ mặt trầm ngâm, yên lặng như một ông cụ non của nó. Có lẽ trong người không được khỏe nên nó làm biếng nói. Suốt ngày nó chỉ lúc thúc bên cạnh ông bà Sáu. Khi thì theo mẹ tỉa mấy lá sâu ở vườn cải đã lên ngồng, lúc thì cùng với cha ra thửa ruộng của gia đình để bón mấy gốc đậu, gốc bắp. Hết ngày này sang ngày khác, sự gắn bó giữa cha mẹ và đứa con duy nhất trong những sinh hoạt trầm lặng ấy của gia đình lại càng chặt chẽ thêm lên. Hơn nữa cu Tèo là một đứa trẻ rất tình cảm và thương yêu cha mẹ. Những khi thấy ai trong làng xóm chết là cu Tèo lộ vẻ tư lự, ít nói trong suốt ngày đó. Một người bà con xa của ông Sáu đi tu từ nhỏ, chú Lành, thường nói:

"Tôi thấy thằng Tèo có căn cơ. Nếu nó muốn tu anh chị nên cho nó vào chùa thì tốt hơn là để nó ở nhà. Đôi khi ở với anh chị nó cứ đau yếu rề rề hoài, nhưng khi vào chùa thì lại khỏe mạnh bình thường. Tôi hồi nhỏ cũng y như nó, anh chị không nhớ sao. Hay là anh chị để tôi gởi gắm nó một thời gian cho Thầy Thiện Hữu ở chùa Vạn Thọ, tôi với Thầy là chỗ huynh đệ."

Bà con trong làng, theo kinh-nghiệm, cũng bảo rằng con nít nào khó nuôi nên "bán" vào cửa Phật thì mới nuôi được. Tuy vậy ông bà Sáu lâu nay vẫn cứ ngần-ngừ mãi chưa quyết.

Ông với tay lên đầu giường thằng Tèo lấy cái gói thuốc có mấy viên thuốc màu trắng mà thầy y tá Bốn ở đầu xóm mới ra toa hồi hổm, rót một chén nước cho Tèo uống trước khi ăn cháo. Thầy y tá căn dặn phải cho thằng nhỏ uống liên tục trong bảy ngày cho đến khi hết thuốc thì mới bớt. *"Hôm nay mới là ngày thứ ba*

—ông Sáu nhìn lên cây cột tre chỗ ông có khắc ba vạch đứng để nhớ những ngày cho Tèo uống thuốc — *còn bốn ngày nữa, lạy Trời cho con của con hết bịnh, hai vợ chồng con xin cúng tạ!"* Một tháng nay, hai vợ chồng già thay phiên nhau săn sóc cho con. Ông Sáu quen ra ruộng có Tèo đi theo, bây giờ chỉ có một mình nên ông cũng thấy văng vẳng. Cứ được một lúc là ông lại chạy về nhà để xem tình hình. Mặc dù về cũng chẳng giúp được gì hơn cho con mà chỉ để xoa đầu hoặc áp lưng bàn tay sần sùi, chai cứng của mình lên má thằng nhỏ để xem nó có bị sốt hay không, thế nhưng không về ông không thấy yên tâm chút nào.

Tuy bà Sáu không nói hết câu nhưng ông hiểu vợ muốn nói gì rồi. *Chắc là phải theo ý chú Lành nó một phen chớ biết làm sao hơn. Thương con thì cha mẹ nào lại muốn xa con, nhưng ở gần thấy nó đau ốm "hà rầm" như vậy mà không làm gì được để giúp thì thật tệ.* Ông nén một hơi thở dài, quay lưng lại phía bà để che giòng nước mắt đang từ từ lăn xuống đôi lưỡng quyền cao, nhăn nheo, rám nắng. Ra khỏi buồng đứng dựa vào gốc cột cạnh bàn thờ Phật và Cửu Huyền Thất Tổ, ông Sáu ngước mắt nhìn lên trang thờ. Lâu nay bận rộn quá nên ông bà chưa kịp sửa soạn bàn thờ cho tươm tất, từ tấm vải đỏ đã bạc màu dùng để che khung hình Phật một mảng ván nhện giăng xuống đầu cây tre ở góc phên. Con nhện đang thong thả làm việc chẳng thèm để ý đến hoàn cảnh rối như tơ vò của gia chủ. Bụi đã phủ một lớp dày trên thẻ nhang và chiếc hộp quẹt bằng nhôm. Ba cái ly bằng nhựa đỏ nằm nghiêng ngả trong chiếc đĩa. Gió từ vườn sau thổi lùa qua tấm phên thưa, mấy miếng tranh che rung lên phần phật làm ông sực tỉnh đứng thẳng lại. *Mình thật bậy quá, chiều nay phải lau dọn lại bàn thờ, ra vườn xem có quày chuối tiêu nào chín tới để đem vào cúng Phật mới được.* Ông vấn vội lại cái khăn trên đầu, vừa bước ra cửa vừa nói vọng vào với bà Sáu:

"Ở nhà bà lo lau bàn thờ, chiều nay ra ruộng đìa tui ra hạ một nải chuối dô cúng."

...

Uống hết thuốc của thầy y tá cho, thằng Tèo khỏe lại từ từ. Nó bắt đầu ăn uống thấy ngon miệng. Bà Sáu bảo chồng:

"Biết dậy mình chạy lại thầy y tá Bốn ngay khi thằng Tèo mới bị bịnh cho xong, mấy ông thầy kia cứ chữa đông chữa tây mà chẳng thấy bớt chút nào... Mà lại còn lấy mắc nữa chớ! Coi dậy mà thẩy mát tay thiệt. Để tui đem mấy hột gà so biếu thẩy tạ ơn nghe ông?"

Ông Sáu chỉ ậm ừ chứ không trả lời vì ông đang nóng ruột chờ chú Lành tới. Nghe Tèo bị bịnh, chú nhắn với thằng Đại xe đò là chú sẽ lên thăm gia đình ông bà hôm nay. Nếu đi chuyến xe sớm nhất ở Bắc Mỹ Thuận thì mau lắm cũng một giờ trưa chú mới tới Bình Chánh nầy được. Khi gặp chú ông bà sẽ nhờ chú thu xếp thì giờ đưa họ lên Sài Gòn ra mắt thầy Trụ trì để thưa chuyện mới xong. Phần cu Tèo, sau khi nghe cha mẹ cho biết là sẽ gửi nó ở chùa một thời gian thì buồn lắm, nhiều khi lén ra đứng ở vườn sau khóc một mình. Với Tèo, cả vũ trụ nầy là tía, là má, là chính nó. Một trong ba yếu tố này mà thiếu đi thì thử hỏi đời sống còn gì là ý nghĩa, vì vậy mà nó cứ mong cho chú Lành đừng tới. Nhưng việc gì đến phải đến. Nghe tiếng xe đò ngừng đầu ngõ, tim của Tèo thắt lại. Từ xa đã thấy một bóng áo vàng đi chậm rãi về phía nhà nó. Thầy Trí Hải, vì đó là pháp danh của chú, có một gương mặt hiền từ, dáng đi khoan thai. Hình như tất cả mọi việc trên đời nầy đều không hề làm thay đổi được cách đi đứng bình tĩnh và vẻ trầm mặc của con người đạo hạnh ấy. Thầy rất thương Tèo, lần nào thầy cũng đem kẹo bánh và kể sự tích đức Phật cho nó nghe. Nhưng hôm nay thằng Tèo lại muốn trốn thầy Trí Hải chứ không chạy ra đón mừng như mọi lần.

Vào đến nhà, thầy vừa lấy khăn lau mồ hôi vừa trả lời những câu thăm hỏi của ông bà Sáu và đưa tay xoa đầu Tèo đang đứng lấp ló sau lưng mẹ. Thầy nghỉ lại qua đêm để bàn tính cho chuyến đi Sài Gòn vào sáng mai. Hôm sau cả nhà dậy sớm. Ông Sáu đem theo một quày chuối, mấy trái đu đủ chín cây để làm lễ vật cúng chùa. Họ đáp xe đò lên Sàigòn rồi đi xe lam qua Tân Định vì chùa Vạn Thọ tọa lạc trong khu xóm lao động của vùng nầy. Suốt trên đường đi ông bà và Tèo ngơ ngác nhìn xung quanh. Ở đây đông đúc quá, nhà cửa to-lớn, đường xá rộng rãi, xe hơi và xe gắn máy chạy nườm nượp, chẳng bù với sự yên tĩnh và vắng vẻ của cái xóm quê nơi ông bà ở. Nhiều lần băng qua đường, bà Sáu la chới với vì cứ sợ xe cộ sắp đụng vào người, *mèn ơi, xe cộ gì mà chạy bạt mạng không kiêng nể ai hết.* Thế nhưng khi vào đến khuôn viên chùa thì cảnh vật khác hẳn. Bầu không khí như lắng đọng lại trong cảnh trang nghiêm, siêu thoát của chốn tu hành. Kế bên cổng Tam Quan có một cây dương có lẽ lâu năm lắm vì gốc to đến ba bốn người ôm và thân thì cao vút. Bên cạnh là miếu Ngũ Hành. Trong chánh điện, sàn lát gạch bông, có ba kệ thờ, chính giữa là pho tượng đức Thích Ca đang ngồi trong tư-thế kiết già, hai bệ thờ bên cạnh để tượng các vị Hộ Pháp thì phải và tượng

những vị Phật khác mà ông bà không biết tên. Trên trần treo phướn, lọng sặc sỡ. Ngoài sân trồng nhiều cây cối và có xây một hồ sen hình bán nguyệt. Chùa nằm bên bờ sông, gió mát buổi trưa từ mặt sông thổi vào lồng lộng. Mùi nhang khói và tiếng kinh kệ xẹn lẫn tiếng chuông mõ làm Tèo thích thú. Nó không còn vẻ lo sợ như khi còn ở nhà nữa, thấy vậy ông bà Sáu cũng yên tâm phần nào.

Vào đến phương trượng, sau khi thi lễ và lời giới thiệu của thầy Trí Hải, ông bà Sáu mới dẫn Tèo đến trình diện và thưa:

"Dạ bạch Thầy... số là chúng con... dà, chẳng dám nào vợ chồng con xin Thầy cho thằng nhỏ nầy... dà.. được ăn mày cửa Phật... dà..."

Thầy Trụ Trì hiền từ khoát tay bảo:

"Thôi được, thí chủ cứ để nó ở đây học hỏi kinh kệ. Thằng bé trông đĩnh ngộ lắm. Đây cũng là duyên lành đó ông bà ạ. Nếu có nhớ nó thì ông bà có thể lên thăm viếng tự nhiên, hoặc có ai đi về vùng ông bà thì chúng tôi sẽ cho nó đi theo."

Trong khi hầu chuyện với với thầy Trụ trì, ông bà nhìn ra sân thấy có mấy chú tiểu nho nhỏ, đầu cạo trọc chỉ chừa một miếng tóc trên mỏ ác, đuôi tóc dài vắt qua vành tai, bà Sáu mỉm cười, *à, thằng nhỏ mình có bạn chơi rồi, cũng tốt!*

Trước khi ra về, cha mẹ và con ôm nhau khóc ràn rụa. Thằng Tèo níu áo cha mẹ, nói qua làn nước mắt:

"Con nhớ tía má lắm, nhớ lên thăm con nghe tía má. Con ở chùa ít lâu rồi cho con về nghe?'

Bà mẹ quê gật đầu và khóc lớn hơn. Cả ông Sáu lẫn thầy Trí Hải phải thúc hối dữ lắm bà mới chịu đi để kịp chuyến xe đò buổi chiều trở về Bình Chánh.

Những ngày đầu tiên thật là đau khổ cho hai vợ chồng già. Trong căn nhà vắng vẻ nhìn đâu ông bà cũng thấy hình ảnh thằng con duy nhất. *Không biết tối nay ngủ nó có biết đắp mền cho ấm không đây, chớ cứ quen như ở nhà có tía má lo cho rồi ngủ quên hất mền xuống đất hết. Tui có để trong tay nải của nó hai bình dầu Nhị Thiên Đường, nó có nhớ lấy ra xức hay là lại bỏ mất đi. Thằng nhỏ ở có một mình trong chùa mỗi khi bịnh hoạn ai lo... Thôi, ông ơi... hay là vài ngày nữa đem nó về... Không có nó chắc tôi chết mất... Hừ... bà nói nghe hay, trong chùa có biết bao nhiêu người đó, khéo lo!...* Tuy nói cứng để vợ yên lòng nhưng ông Sáu không khỏi cảm thấy xót xa trong bụng mỗi khi nghĩ tới con.

Thời gian chậm chạp trôi. Hai người già và thằng nhỏ riết rồi cũng quen đi với hoàn cảnh mới. Bà Sáu cứ trông đến mỗi đầu tháng là lại tay xách nách mang lên thăm con. Lần thì vài trái ổi sẻ, khi thì ít chuối ép khô, trái đu đủ, nải chuối. *Để thằng nhỏ ăn cho đỡ thèm, đỡ nhớ nhà. Kỳ nầy má có đem cho con ít mứt gừng để hồi nào ho hay trúng gió nhai một lát cho nó ấm người lại. Tội nghiệp!*

Có tháng hai người chưa kịp lên thăm thì vào một buổi trưa tự nhiên thấy thằng Tèo bận áo dà, đầu cạo trọc lù lù đi vào nhà làm ông bà Sáu nửa mừng nửa ngạc nhiên. Té ra nó nhớ nhà quá nên xin thầy Trụ Trì cho nó tháp tùng một thầy khác đi lo công việc của chùa về vùng Bình Chánh để thăm nhà. *Trời Phật! Sao cái áo của nó bị rách ở vai vậy, để má khâu lại cho, ngày mai phải ra chợ mua ít vải ka tê để may cho nó thêm cái áo nữa. Cha! thằng nhỏ lúc nầy mập ra đó chớ, nhưng mà hơi đen, con đừng có ra nắng nhiều nghen, sổ mũi ấm đầu không có tía má lo cho đâu.*

Nhưng không phải lúc nào nó cũng xin phép về thăm. Có một lần nó đáp xe đò về nhà mà không cho ai biết, báo hại cả chùa nhốn nháo đi tìm, thầy Trụ Trì phải phái gấp một người đi gấp về gia đình để báo tin. Người nọ vừa đến cửa thì thấy Tèo nhe hàm răng sún ra cười cầu tài. Lần đó về chùa Tèo bị phạt quì hai cây nhang và lạy sám hối về tội thăm nhà mà không xin phép.

Thực ra Tèo không nghịch ngợm hay cứng đầu gì cả. Nó nhớ cha mẹ quá nên về thăm đó thôi, chứ về đến nhà là nó lau dọn bàn thờ, mỗi đêm đều tụng kinh niệm Phật rất chăm chỉ mặc dù không có vị thầy bổn sư ở bên cạnh giám sát. Ban ngày nó lo sửa cái phên cái vách, lên vồng cải, khoai lang phụ với mẹ. Mới gần hai năm mà nó có vẻ xốc vác, cứng cáp hẳn lên chứ không còn đau yếu, bệnh hoạn như xưa. Thế mới biết đi một ngày đàng học một sàng khôn.

Càng ngày Tèo càng có vẻ thích đời sống tu trì. Ông bà Sáu thấy vậy cũng không thúc ép nó hoàn tục. Trong những lúc nói chuyện với người khác, ai cũng bảo ông bà rằng tu là cội phúc nên hai người cũng thấy nguôi ngoai. Vả lại Bình Chánh và Sài Gòn cũng không xa xôi chi cho lắm, khi nào nhớ con thì họ có thể đáp xe đò buổi sáng lên thăm rồi về trong buổi chiều cùng ngày.

...

Tết sắp đến. Ông bà Sáu lo làm bánh mứt, tảo mộ gia tiên từ hai tuần trước nên không đi thăm con đúng kỳ, tuy nhiên ông Sáu đã thưa với mấy thầy trong lần đi thăm trước rồi và có an ủi Tèo để nó đừng buồn. Tèo có năn nỉ tía

má xin với mấy thầy cho nó được về nhà ăn Tết, nhưng thầy Trụ trì bảo nó ra Tết hãy về, vì trong dịp lễ lạc như thế này công việc nhà chùa rất bận rộn, cần có đủ nhân sự để cáng đáng.

Trong đêm giao thừa, dân chúng đi hái lộc và lễ Phật chật cả con đường hẻm dẫn vào chùa. Thỉnh thoảng một tràng pháo nổ chát chúa làm giật mình mấy cô gái âm vang cả vào chánh điện. Mùi khói pháo thơm nồng hơi diêm sinh càng làm tăng thêm nỗi náo nức của mọi người trong đêm tất niên. Xác pháo đỏ cả mặt đất. Bao nhiêu cây cảnh ở sân chùa đều bị vặt sạch, chỉ còn trơ lại những gốc và thân xác xơ.

Các vị sư làm việc không hở tay để cuộc lễ cuối năm được hoàn tất mỹ mãn. Lúc này mà để ý tìm một vị nào đó giữa cái đám đông như nêm cối ấy thì quả thật là không hy vọng. Cuộc lễ kéo dài tới quá nửa đêm, các nhân viên trong chùa mệt đuối. Ai lo về nhà nấy, có người ngủ luôn tại chùa vì nhà xa. Phần các vị sư cũng vậy, tắm rửa xong là mọi người đều lui về hậu liêu nghỉ ngơi để sáng sớm ngày đầu năm mới làm lễ tiếp. Đêm giao thừa trôi qua trong cái không khí lành lạnh của ngày cuối năm. Lác đác đây đó vài tràng pháo chuột rời rạc. Thỉnh thoảng có tiếng lè nhè lẫn trong tiếng bước chân loạng choạng của một người say rượu về từ một cuộc tiệc tàn nào đó. Dọc bờ sông ngoài sân chùa, tiếng những con cá kèo hay cóc nhái nhảy lõm bõm.

Hừng sáng hôm sau, mọi người đã dậy để tụng thời kinh đầu năm, và tất cả lại bận rộn tới mãi xế chiều ngày mồng một. Thầy Trụ Trì, vì tuổi già sức yếu, cảm thấy mệt nên lui về liêu. Ngài cho người đi gọi Tèo để sai vài việc lặt vặt. Suốt ngày hôm qua tới giờ Ngài bận quá nên không thấy mặt Tèo đâu cả. Vị sư già lẩm bẩm, "Thằng nầy chắc lại ham chơi đâu đó rồi, nếu ai có thấy thì bảo nó tới gặp thầy nghe không." Tối hôm đó sau giờ thọ trai, thầy Trụ Trì vẫn không thấy Tèo. Mọi người ngạc nhiên vì họ cũng nhận thấy sự vắng mặt bất thường đó. Giọng ai đó cất lên:

"Bạch Thầy, hay là Tèo lại trốn về nhà ăn Tết mà không xin phép. Con nhớ mấy tuần trước nó có ý xin được ăn Tết ở nhà. Thầy có cần cho người về Bình Chánh xem thử không?"

Ngài cảm thấy lo trong bụng:

"Ờ, phải đó! Cái thằng thiệt! Ngày mai con cho người về nhà nó xem, sự thể ra sao báo cho thầy biết."

Chín giờ sáng hôm sau, một anh Phật tử dẫn chiếc xe gắn máy Suzuki ra cổng Tam Quan, chuẩn bị về Bình Chánh để tìm Tèo thì chợt thấy ông bà Sáu tất tả đi tới mà không thấy Tèo đâu cả. Bà Sáu chưa vào tới đã mếu máo định khóc thì ông Sáu chận lại và thưa:

"Hai vợ chồng con chắc là vì nhớ nó quá nên nằm chiêm bao bậy bạ thôi, nhưng mà má thằng Tèo lo sợ rồi khóc lóc hoài nên tụi con phải lên liền sáng nay cho bả yên tâm. Số là hai đêm liền vợ con nằm mơ thấy Tèo báo rằng nó bị chết trôi rồi, hãy lên lấy xác về chôn!"

Thầy Trụ Trì chột dạ, chỉ anh Phật tử:

"Hai hôm nay tôi và các thầy tìm không thấy cháu, tôi nghĩ là nó lại trốn về nhà như lần trước thôi nên sáng nay nhờ chú nầy về Bình Chánh, may sao ông bà lại lên đây. Thôi, mình cứ thử tìm lại xem sao, tôi cầu xin là sự việc sẽ không xảy ra như vậy."

Mọi người đi ra dọc bờ sông, vạch từng giề lục bình, bươi từng đám rác nổi lêu bêu trong suốt một tiếng đồng hồ nhưng không thấy gì khả nghi. Tuy ai cũng còn lo vì Tèo vắng mặt, nhưng trong lòng mọi người đã lóe lên một chút hi vọng là thằng nhỏ vẫn bình an. Thầy Trụ Trì quay lại mời ông bà Sáu vào trong uống trà để đỡ khát rồi sẽ tiếp tục tìm kiếm thì có tiếng một người la thất thanh, "Thấy rồi!"

Tất cả đổ xô lại hướng có tiếng la. Đó là khu cầu xí của chùa làm theo lối nhà sàn dọc bờ sông. Đến nơi bà Sáu quị xuống như một thân cây chuối bị đốn, mặt không còn giọt máu, còn ông Sáu thì hai tay lạnh ngắt cố đỡ vợ cho khỏi té, môi run run nói không thành lời, mắt mở to thất thần nhìn cảnh tượng trước mặt.

Với mặt úp xuống, xẻo tóc dài bềnh bồng uốn lượn theo con nước trôi, xác của Tèo nửa nổi nửa chìm và bị kẹt giữa hai cây cừ trong một góc tối, phải tinh mắt lắm mới trông thấy được.

Từ ngày chôn cất Tèo xong, cứ chiều chiều, dân trong làng thấy ông bà Sáu thường đứng lặng dưới bụi trúc trước nhà. Những sợi tóc bạc ánh lên trong nắng tạo thành những đường nét phất phơ viền quanh hai mái đầu. Đôi bóng già nua đơn độc đứng kề bên nhau, tựa hồ người này gắng tìm ở người kia một sự nâng đỡ cho gánh nặng của nỗi buồn mất con trong những tháng ngày còn lại của cuộc đời! Ánh nắng vàng úa của ngày tàn làm hai bóng đổ dài và nhập làm một trên mặt đất đầy những lá trúc vàng khô. Mỗi khi có cơn gió thổi qua, những lá trúc lăn quăn níu kéo, đuổi bắt nhau xào xạc. Phải chăng nơi tâm hồn, hai bậc cha mẹ đang đau khổ vì cũng đã cố đuổi bắt theo cái bóng hạnh phúc hư huyễn ngoài tầm tay của họ trong luồng gió Nghiệp!

Issaquah, tháng 4, 1997

THIẾP BẠC MỆNH

Nguyên tác: Dạ Vũ Thu Đăng Lục

Tác giả: TUYÊN ĐỈNH
PHẠM XUÂN HY dịch

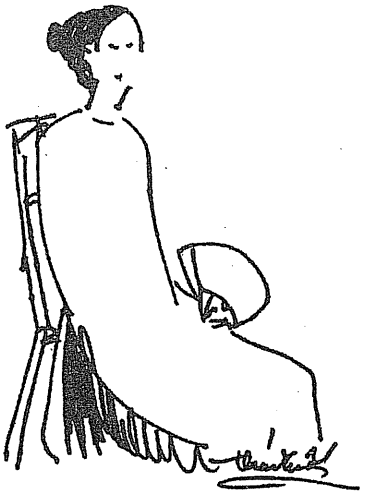

"Thiếp bạc mệnh," đó là tựa đề của một bài thơ của viên Tư Mã Tần Trân, người Dĩnh Thượng, làm để vịnh cuộc đời nàng danh kỹ đất Tần Hoài là Vương Sở Sở.

Sở Sở vốn con nhà gia thế danh vọng, nhưng đã gặp thời suy vi, bị bọn phỉ đồ bất lương dụ dỗ bán vào chốn lầu xanh. Nàng là người có nhan sắc diễm kiều khả ái, chẳng thua gì các bậc tiểu thư khuê tú. Hơn thế nữa, Sở Sở còn giỏi cả văn thơ, hội họa, phong tư phóng khoáng khác phàm, vì thế thanh giá của nàng rất cao, đứng đầu trong hàng kỹ nữ.

Được ít lâu mụ chủ chứa mua nàng về qua đời. Sở Sở càng giữ gìn trân trọng, không dám khinh xuất. Quanh chỗ nàng cư ngụ, liễu rủ ven bờ, cửa che rèm tía. Nàng ở trong, sớm chiều thắp hương, đun nước pha trà, không ra khỏi cửa. Khách đi thuyền, đi ngang qua lầu của Sở Sở, mỗi khi nghe tiếng nàng ngâm vịnh đều buông chèo gác mái ngẩn ngơ.

Có chàng giám sinh ở vùng Tam Hà, tên là Phó Quân, danh Tâm, tự Thu Dã, đang độ thanh xuân tuổi trẻ, văn chương từ phú lưu loát tài hoa, nhân đến Kim Lăng để dự thi hương, nghe danh thơm của Sở Sở, ý muốn đến bái phỏng nàng một lần, nhưng túi rỗng không tiền, thôi không dám đến. Cùng ở chung với Phó có Bạch Phục, con nhà giầu có, nhưng sở học thô thiển, muốn bỏ tiền ra để lấy lòng Phó, nhờ chàng làm bài hộ, nên xúi bẩy Phó cứ đến gặp Sở Sở và nói:

"Huynh cứ đi đi, tiền bạc hết bao nhiêu đã có đệ lo liệu."

Phó nghe vậy, rất lấy làm mừng, bèn cùng đi với Bạch. Hai người thuê thuyền, đi đến cửa kỹ viện, thì thấy Sở Sở mặc chiếc áo hoa màu ngó sen, tóc kết bím buông vai, đứng dựa lan can, tay vân vê bút tìm vần, để làm bài phú "Thủy Tạ Phú" chưa hoàn tất, khổ nỗi không tìm ra tứ.

Phó vào trong nhà, thấy trên tờ giấy hoa tiên của nàng có hai câu thơ bỏ dở:

Đông phong nhu toái tiểu thùy dương
Ảnh lạc hồng kiều thủy thương hương

Bèn thay nàng làm hai câu kế tiếp:

Để sự loan yêu thường bật khởi

Nhượng khai minh kính chiếu hồng trang.

Sở Sở đọc xong thích quá, lòng như mở cờ, xoắn xuýt hỏi lấy hỏi để quê hương tịch quán của Phó.

Bạch vốn cùng Sở Sở biết nhau trước rồi, nên thay Phó trả lời, và giới thiệu với nàng là Phó là người rất hâm mộ danh tiếng của nàng.

Sở Sở ngạc nhiên hỏi Phó:

"Phương Tam Cô ở phía tây Đài Thành có bút hiệu là Thu Hộc Từ Nhân, cũng là một nữ sĩ nổi tiếng. Gần đây vì thủ tiết về sống với cha mẹ. Thiếp cũng đã từng được diện kiến và nghe bà ngâm vịnh, chẳng hay là người thế nào với công tử."

Phó đáp:

"Chính là dì của tiểu sinh."

Sở Sở cung kính vén vạt áo chào Phó và nói:

"Ngưỡng mộ nhã danh của công tử đã lâu, nay mới được diện kiến tôn dung, thỏa lòng khao khát, thật là vạn hạnh! Vạn hạnh!"

Nói xong, cất tiếng oanh vàng bảo người nhà dọn tiệc đãi khách. Rượu ngon, đồ nhắm lập tức bầy ra, đều còn tươi ngon cả. Nàng lại gọi mấy cô gái còn rất trẻ ra hát cho nàng thổi tiêu họa theo, khiến cho Phó như tâm thần phiêu đãng mê cảm, chẳng còn phân biệt là nhân gian hay tiên cảnh nữa.

Tiệc rượu kéo dài mãi tận khuya, Phó mới chịu cáo biệt ra về, lại còn hẹn ngày tái hội.

Hôm sau Phó lại tới. Lần này Sở Sở đón tiếp chàng có vẻ ân cần thiết tha hơn nữa và đưa cho Phó bài thơ "Kim phấn lưu hương cảo" do nàng sáng tác để nhờ Phó nhuận sắc cho. Phó thêm thắt tô điểm lại dăm ba chữ âm điệu của bài thơ đọc lên nghe lanh lảnh như tiếng huyền cầm.

Sở Sở rất lấy làm hứng khởi, lén dặn dò Phó:

"Tối mai, nếu công tử thấy ngoài cửa thủy tạ đèn lồng thì công tử đến một mình, đừng đi với Bạch, thiếp có điều tâm sự muốn được dãi bầy cùng công tử."

Tối hôm sau, Phó thấy treo đèn, bèn đến một mình. Quả nhiên đêm đó, Sở Sở đem trang sức tặng cho Phó, cùng chàng hứa hẹn kết nghĩa đá vàng.

Hơn một tháng, sau khi treo bảng, Bạch đỗ còn Phó bị trượt. Phó lấy làm hổ thẹn không dám gặp Sở Sở. Nàng phải đến tận ngụ sở của Phó, đem hết lời an ủi khuyến khích:

"Cứ như cái tài của chàng thì việc thi cử nhất định sẽ bình bộ thanh vân, không khó khăn gì. Sở dĩ ông xanh kia còn kiềm chế cánh bằng, biết đâu chẳng phải vì muốn hun đúc chàng thành người kỳ vĩ hơn đời. Hà tất chàng phải than vấn thở dài phiền não? Xin hãy bảo trọng sức khỏe, dùi mài sách đèn. Thiếp tin tài mình xét người không sai, mong chàng hiểu rõ."

Sau đó sai tiểu đồng mang vào tặng Phó một cái tráp bằng kim loại, bên trong đựng toàn những dụng cụ văn phòng quí báu như nghiên mực, bút sách, lại còn cả mấy chiếc quạt the do nàng tự vẽ, vài ba cái túi thêu, cộng thêm hai trăm lượng bạc.

Sở Sở nói:

"Gọi là chút đỉnh để giúp chàng đèn sách cùng để tỏ tấm chân tình của thiếp đối với chàng. Xin chàng vui lòng nhận cho."

Phó thấy vậy, bật òa khóc rồi cười vang bảo với Sở Sở:

"Kẻ tu mi nam tử mà sao kiến thức không bằng gấu quần phụ nữ? Từ nay về sau, ta mà còn ủy mị không phấn chấn lên, thì thà chết mất xác giữa dòng trường giang kia!"

Sau đó bầy tiệc cùng Sở Sở khai hoài xướng ẩm cho đến sáng. Bấy giờ, lái đò đến thúc dục, Phó mới chịu từ giã Sở Sở ra về, để lại tặng nàng hai câu thơ rằng:

Tòng kim đăng hỏa bồng môn để
Mỗi ức khanh khanh bất cảm miên.

Sở Sở cũng họa lại:

Mộng hồn khởi vi trường giang cách
Dạ dạ lai thính lang độc thư.

Rồi cùng nhau gạt lệ chia tay. Ai thấy cũng cảm động.

Sau khi Bạch trúng tuyển, đồng bộc xa mã vãng lai tấp nập, dương dương đắc chí, mời các bạn cùng đỗ đến nhà Sở Sở mở tiệc rượu ăn mừng, lại còn muốn lấy nàng làm tiểu thiếp, nhưng Sở Sở khóc mà từ khước.

Bạch cười, hài hước bảo nàng:

"Nàng từng quen biết nhiều người. Sao lại đi yêu cái tên hủ nho dốt nát ấy làm gì. Gã nghèo kiết xác, nàng tính theo gã để mà ăn cám, sống đời cực khổ hay sao?"

Đồng thời ở Đĩnh Thượng lúc đó có người học trò tên là Tần Trân, cũng thi trượt, nghèo khổ khốn đốn không có tiền về quê, gặp ngày mùa đông tháng giá mà vẫn chỉ có một manh áo vá che thân. Ngày trước Tần vốn với Bạch có đôi chút giao tình, biết Bạch đang mở tiệc ăn chơi ở nhà Sở Sở, bèn tìm đến gặp, van vỉ xin Bạch tư trợ, lời lẽ hết sức khẩn thiết bi thương. Nhưng Bạch chẳng những không giúp, lại còn tự tâng bốc mình, nói rằng:

"Bài mình làm có nhiều đoạn tuyệt hảo hoa lệ, thuộc loại bút thần, vậy mà chỉ được đỗ sau thứ ba mươi. Tuy là đỗ, nhưng mình vẫn ức. Cái lão chủ khảo hồ đồ mắt quáng gà, thật chẳng ra cái thá gì!"

Tần nghe nói thế, cảm thấy ngượng ngùng,

hai tai đỏ bừng. Tuy nhiên chàng cũng ráng đưa đẩy mấy câu lấy lòng cho xong chuyện.

Sau đấy ít lâu, Tần lại đến gặp Bạch lần nữa. Lần này thì Bạch nói:

"Tôi với anh đều là khách tha hương cả, dù thương anh cũng chẳng giúp được gì, biết làm sao?"

Rồi cứ sai nhà bếp làm cá bưng lên để Bạch cùng bạn bè đánh chén, mặc cho Tần đói khát không thèm đoái hoài gì cả.

Sở Sở thấy vậy lòng cũng bất bình, nói với Bạch:

"Công tử sao chẳng có lấy chút điểm tình nghĩa với bạn đồng song? Tần Quân nếu không phải là người đồng hương, lại đồng học với công tử thì lẽ nào đến đây mà xin nhờ vả công tử?"

Bạch phát cáu giận dữ mắng Sở Sở:

"Chẳng ngờ cái con ở đợ này, chỉ yêu thích những thằng bần cùng kiết xác. Lạ thật!"

Nói xong dựa người vào thành ghế, mắt lim dim, miệng lẩm bẩm ngâm khẽ "Ngã túy dục miên quân thả khứ," có ý đuổi Tần.

Tần vừa xấu hổ vừa tức giận, bèn phất tay áo đứng dậy ra về.

Nhưng chàng vừa ra đến ngưỡng cửa thì nghe có tiếng một con a hoàn gọi.

"Tần quan nhân! Xin hãy dừng bước."

Sau đó dẫn Tần đến một gian gác nhỏ rất u tĩnh vắng vẻ, bảo với chàng:

"Đây là lầu riêng của cô con đến làm văn thơ, công tử hãy tạm ngồi nghỉ chờ chốc lát, cô con lập tức ra ngay."

Lát sau Tần thấy Sở Sở bưng ra một bình rượu cùng các đồ nhắm mời Tần. Ăn xong nàng lại đun trà nóng ra mời. Rồi đem ra một bộ quần áo bông biếu Tần, bảo Tần thay những đồ cũ rách đi. Nhưng chàng xấu hổ từ khước không dám nhận.

Sở Sở nói:

"Công tử yếu đuối gầy guộc thế này, làm sao mà chịu nổi gió lạnh cơ hàn."

Và cứ một mực khuyên Tần cho bằng được, rồi đi ra.

Lúc bấy giờ còn lại mình Tần. Chàng đứng dậy nhìn qua rèm cửa. Trên trời trăng đã mọc khỏi ngọn cây. Những khách đến kỹ viện uống rượu mua vui đã xuống thuyền ra về, kéo theo tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng cười nói ồn ào tào tạp. Chàng chợt thấy Sở Sở ăn mặc bình thường, tươi cười tiến đến bảo với chàng.

"Bị tục khách quấy rầy phiền nhiễu, khiến cho cao nhân phải chịu lẻ loi, thật là có lỗi!"

Rồi đem hoa quả, trà nước ra mời, ân cần hỏi han tình cảnh của Tần.

Chàng tự giới thiệu với Sở Sở:

"Nhà tôi bần hàn nghèo khó, có trở về cũng chẳng ích gì. Tuy thế, để nắm xương tàn nơi tha hương dị vực này cũng chẳng là điều tôi muốn!"

Sở Sở hỏi:

"Vậy bằng hữu tri âm của công tử có ai không?"

Tần đáp:

"Tại kinh sư tôi có người bạn làm quan tại Khu Mật Viện, cũng là chỗ tâm giao tri kỷ, có thể đến đó nương nhờ kiếm bữa ăn, lại tiện vào thi hương, nhưng đường xá xa xôi cách trở, liệu có thể xin ăn mà đến nơi được không?"

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

Sở Sở nói:

"Điều đó thiếp cũng đã lo liệu cả rồi!"

Rồi rút trong ống tay áo ra hai trăm lạng bạc trao cho Tần bảo:

"Chàng là bậc quý nhân, chốn ô uế này, thật chẳng dám lưu giữ chàng, xin chàng sớm đăng trình, đường mây rộng ắt có ngày chim hồng sải cánh."

Sau đó sai tiểu đồng xách đèn đưa Tần về ngụ sở.

Sang năm sau, vợ Phó qua đời, khiến Phó mất cả chí thú, nhưng lại chính là năm nhà vua mở ân khoa. Sở Sở vội vã viết thơ mời Phó đến Kim Lăng. Tất cả mọi nhu cầu của Phó, phàm cư trú, ẩm thực, dụng phẩm thường ngày, đều do Sở Sở chu cấp thỏa đáng. Nàng lại còn thay Phó để mua chuộc các nơi quan quyền. Quả nhiên kỳ thi đó Phó trúng cử.

Sở Sở bèn mở một bữa đại tiệc cực kỳ thịnh soạn, sơn trân hải vị không thiếu thứ gì để mừng Phó. Lúc tiệc gần tàn, nàng khẽ khẽ ngả người vào lòng Phó thủ thỉ:

"Thiếp luân lạc phong trần, cuối đời hẳn chẳng được may, nên thiếp chưa lấy ai vội, vì chỉ sợ phải làm bé người ta, chứ những kẻ vãng lai chốn này, nào đâu thiếu rể rùa vàng. Nay chàng đã được hiển quý, lại muốn tục huyền, thiếp tuy bỉ lậu, nhưng cũng thạo việc canh cửi, và lâu nay cũng dành dụm ít nhiều, nhất định không để chàng lâm vào cảnh sống với người đẹp mà bốn vách tường không."

Phó đáp:

"Ta là kẻ bất tài, nay nhờ khanh mà có ngày nay, nào dám chẳng tuân theo. Song le, xin khanh hãy chờ đến kỳ thi hội, dù đỗ trượt thế nào, nhất định sẽ hoàn thành ước cũ."

Sở Sở xịu mặt buồn rầu nói:

"Chỉ sợ sau khi đỗ rồi, chàng lại như người họ Thái làm rể thừa tướng họ Ngưu mà thôi, đâu còn trở về tìm lại cố nhân nữa!"

Phó bèn chỉ tay lên trời mà thề, quyết sẽ không phụ nghĩa vong tình, Sở Sở mới lấy lại vui vẻ tươi cười.

Sáng hôm sau, Phó cùng Sở Sở thuê kiệu cáng đến nhà người dì là Tam Cô để báo tin mừng. Bà cũng hết lòng tán thưởng cho hai người thành vợ thành chồng.

Lúc ra về, Tam Cô còn đặt tiệc tiễn biệt hai người ở bến Đào Diệp Độ. Sênh ca, quản huyền, thanh âm đua nhau réo rắt. Người trên bờ đứng coi đều khen là một cặp thần tiên.

Tiệc gần tàn, Sở Sở nâng chén mời Phó, rồi vừa gẩy đàn vừa ca rằng:

"Đào Diệp Độ sắt sắt sinh cô bồ
Thu phong khởi, thủy vinh vu
Lang mãi trạo, thiếp bế lư
Thiếp thân phiêu bạc như bình ngạnh
Lãng đả phong khi, lang bất nhẫn
Giang thiên cao, sơn nguyệt lãnh
Trung hữu thuyền quyên vọng lang hình
Lang hành khứ tự phong trung bồng
Thiếp thân hóa tác sơn đầu thạch
Lang nhược phong hầu bất khẳng qui
Đan phong lâm hạ minh minh khấp

Hát xong nước mắt hai hàng, sụt sùi tấm tức. Phó vội vã ôm chặt nàng vô lòng, vỗ về an ủi:

"Ta sắp sửa cùng nàng chung hưởng phú quí, sao nàng lại ca những lời não nuột như thế?"

Rồi cùng nàng chia tay.

Sang năm sau, Phó quả nhiên đậu tiến sĩ.

Các bạn quen biết Phó đều đem rượu đến chúc mừng Sở Sở. Có người gọi Sở Sở là chị dâu, lại có người gọi nàng là phu nhân, là huyện quân.

Nàng sửa soạn một bữa tiệc thịnh soạn đãi khách rồi khiêm nhường cảm ơn, nói:

"Thiếp có lời xin được giãi bày cùng quí vị, Thiếp vẫn là kẻ thô lậu quê mùa, được Phó quân có lòng chiếu cố thương đến, hứa cho hầu hạ khăn lược. Nếu như còn tiếp tục sinh hoạt cái nghề ca xướng này nữa thì còn mặt mũi nào đối diện với chàng? Vậy kể từ nay, thiếp xin đóng cửa. Ngày gặp hôm nay, cũng là ngày thiếp xin giã từ quí vị."

Nhiều người khen ngợi tán tụng nàng là người hiền thục, biết lẽ ở đời.

Buổi chiều hôm sau, Sở Sở đến thăm Tam Cô. Nàng nói với bà rằng:

"Con với đại lang đã cùng thề ước, điều này thì dì cũng đã biết. Nếu như nửa chừng mà chàng thay lòng đổi dạ, con chỉ còn nước chết thôi!"

Tam Cô nói:

"Cháu ta không phải thứ bạc tình lang đâu, con đừng quá lo. Vả còn có ta làm chứng cơ mà, không đến nỗi phụ con đâu."

Theo tục trong làng ca xướng thì kỹ nữ vào trong nội đường nhà người khác không có quyền ngồi. Nay Sở Sở được Tam Cô chẳng những cho ngồi lại còn giữ lại ăn cơm. Sở Sở hơi ngại, có ý chối từ. Nhưng Tam Cô bảo với nàng:

"Không còn bao lâu nữa, con sẽ trở thành dâu nhà ta, việc chi mà thoái thác."

Rồi lấy một đôi kim thoa bằng ngọc có đầu chim phụng tặng cho Sở Sở, nói:

"Con hãy nhận đôi kim thoa này làm lễ vật đính hôn."

Sở Sở mừng rỡ đến rơi nước mắt, tạ ơn mà nhận, rồi trở về nhà đóng cửa không tiếp khách nữa. Lòng riêng mơ tưởng đến sắc chỉ của vua ban, và thất hương xa chẳng bao lâu sẽ đến tận cửa.

Nhưng nào có ai học đến chữ ngờ. Người ta ở đời thường cứ xa mặt thì cách lòng. Bên ngoài những tin đồn về Phó bỗng nhiên truyền đến tới tấp. Nào là Phó sau khi đỗ đã được bổ làm thái thú tỉnh Hà Nam, đã vinh qui trở về quê quán làm lễ tế mộ phần tổ tiên, sau đó lấy con gái một nhà thế gia đại tộc rồi.

Lúc đầu Sở Sở còn nghi ngờ không tin. Sau tin truyền đến càng xác thực hơn, khiến Sở Sở vô cùng bi phẫn, bèn gởi đứa con gái yêu của nàng là A Sảo cho người ta trông, rồi bán hết nhà cửa lấy một món tiền và nhờ Tam Cô viết cho một lá thơ để nàng mang đến Tam Hà đối chất với Phó.

Sở Sở thuê một chiếc thuyền cùng một con a hoàn và một đứa tiểu đồng ra Bắc. Nhưng mới đến Dương Châu thì nàng ngã bệnh, phải bỏ thuyền lên bờ vào lữ quán nằm dưỡng bệnh. Nàng cho đứa tiểu đồng đi trước để nghe tin tức của Phó.

Khi đứa tiểu đồng về báo tin cho nàng biết là Phó cùng vợ mới cưới đã lên đường đi nhậm chức. Sở Sở nghe tin, tức uất người, miệng thổ máu tươi, khóc không thành tiếng, rồi ngất đi hồi lâu mới tỉnh lại. Nàng muốn đi theo cho kịp Phó ngay nhưng đứa tiểu đồng can nói:

"Đường xa cả ngàn dặm, một mình cô đàn bà con gái yếu đuối làm sao mà có thể theo kịp!"

Nhưng ngay đêm ấy, bao nhiêu tiền bạc, vòng vàng, trang sức của Sở Sở lại bị chính đứa tiểu đồng ăn trộm trốn đi mất. Vì thế, Sở Sở bệnh càng nặng thêm. Nàng đau khổ, chờ đến canh ba, trăng lu đèn mờ, bèn ra sau chuồng ngựa, treo cổ kết liễu cuộc đời. Cũng ngày hôm hôm ấy, có một vị quan từ kinh sư đến Dương Châu. Vị quan này đỗ tiến sĩ và được bổ làm quan Tư Mã coi về đường thủy. Ngày ngày ông ra chợ tìm mua các thứ kỳ trân dị ngoạn, bảo ngọc châu báu, để đền đáp ân nghĩa của Sở Sở. Vị quan này không ai khác hơn là Tần Trân.

Điều bất ngờ là Tần lại trú ngụ cùng một lữ quán với Sở Sở. Buổi sáng hôm ấy thức dậy, Tần nghe tiếng huyên náo ồn ào ở sau hậu viện, nói là có người con gái tự tử ở chuồng ngựa. Tần ra xem, chàng nhận ngay ra đó là Sở Sở, bèn vội vã đem xuống cứu chữa, nhưng trễ mất rồi, hương đã đoạn, hồn đã tan, Sở Sở đã ra người thiên cổ. Tần đau đớn khóc rống lên mà than rằng:

"Ta những mong được đền đáp ơn xưa của nàng. Nào ngờ đến nông nỗi này. Nàng chết đó là lỗi tại ta."

Rồi mua một y phục gấm có thêu hoa, một cỗ quan tài bằng gỗ thơm, chọn một khu đất tốt, và nhờ một vị cao tăng đến tụng kinh lo ma chay chôn cất cho Sở Sở.

Lúc liệm nàng vào áo quan, Tần không cầm được xúc động, lại ôm lấy thây nàng vật vã khóc thống thiết, va đầu cả vào áo quan. Khi mang nàng đi chôn, Tần mặc áo gai, tay cầm gậy trúc đi đưa.

Việc ma chay hoàn tất, chi phí có đến ngàn lượng đều do Tần trả. Sau đó lấy đứa a hoàn của Sở Sở làm tiểu thiếp. Những cổ ngoạn, thư họa do nàng mang theo, Tần trả lại cho A Xảo, và gả chồng cho nó vào một gia đình danh giá giầu có, coi A Xảo như chính con mình vậy, cho của hồi môn rất hậu.

Sau này đi làm quan rồi, khi có dịp trở lại Dương Châu, Tần đến trùng tu lại mộ phần của Sở Sở. Chung quanh mộ trồng những hoa mai, lại dựng một tấm bia đá có khắc hàng chữ:

"Cân quốc tri kỷ bạc mệnh nữ tử Tần Hoài Vương Sở Sở chi mộ."

Rồi vẽ một bức tranh để là: "Cảm cựu đồ," và làm một bài phú là "Thiếp Bạc Mệnh," được người đương thời đua nhau ngâm vịnh, xướng họa.

Có vị quan đồng sự với Tần được nghe câu chuyện trên, lấy làm tức giận, không tiếc lời trách Phó là kẻ quả nghĩa bạc tình.

Riêng Tần chỉ nói:

"Đó là lỗi tại tôi đi đến chậm, chứ có liên quan gì đến Phó quân!"

TÀN PHAI

QUẾ CHI

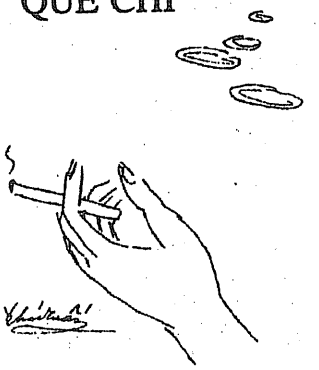

Thời tiết đã vào xuân, cái ám ảnh giá buốt mất xác tự bao giờ. Đầy hai bên đường là màu xanh nõn của những mầm cây vừa nhú, màu ngạo nghễ sinh lực lan tràn trên bờ rào, tường đá của thành phố núi đèo Stuttgart.

Ngày ngày T. đi làm từ sáu giờ sáng, tôi còn nướng được đến hơn bảy giờ và sau đó sửa soạn cho con đi nhà trẻ. Chim Chuyền Chim Chích với con đến vườn trẻ mười lăm phút đi về, dọn phòng, hút bụi, bỏ thịt từ ngăn đá ra để chuẩn bị bữa cơm chiều, dọn dẹp đồ chơi con bừa bãi... Những công việc phần xác (tập một) của mỗi ngày bao giờ cũng xong trước chín giờ, thường là kém mười lăm tôi đã kịp pha cho mình một cà phê điểm tâm và bắt đầu... ngày lại ngày : tôi nhìn tôi trên vách !

Thời gian trôi lạnh lùng qua sáng sáng, trưa trưa, chiều chiều rồi tối tối. Tôi thấy từng giọt đời chắt chiu không giữ nổi trên tay, chảy tràn trề vô lý qua hơi thở, bữa ăn, giấc ngủ và những mộng mị chập chờn. Nước Đức, không dễ gì xin việc trong thời điểm này nhất là những người không nghề như tôi. Không nghề - nghe sao mà chua xót ... "Con vua lấy thằng bán than, nó đem lên ngàn cũng phải đi theo" huống hồ gì được bảo lãnh qua vùng đất hứa thiên đàng này. Một nhân viên quèn như tôi làm gì đủ bản lãnh từ chối !! Chưa kể theo chàng về dinh vì "mười năm tình cũ" chứ không phải gả bán gì.

"Mười năm tình cũ" chứ "hai mươi năm tình sử thì cũng chỉ cần sống đời vợ chồng... năm năm là đủ bảo hòa! (hay tại đời sống tinh thần và tình yêu của chúng tôi nghèo nàn?) Tình cảm không đủ nồng nàn để đốt cháy thời gian rỗng và cuộc sống càng không phải chỉ chờ giờ rước con về, chưa kể cuộc sống cơm áo gạo tiền không đơn giản cho phép mình làm nội trợ suông.

Nhưng làm gì ở xứ mà cả dân tộc thích làm việc và đi du lịch như người ta cần khí trời để thở? Là ngoại quốc lại không nghề chen chân vào đâu với những công việc ít bị miệt khinh? (mặc dù vẻ ngoài ai cũng khoác cho mình bộ mặt tôn trọng nghề nghiệp thấp hèn của kẻ khác). Tuy vậy, tôi cũng đã thử... giả điên (ngôn ngữ phá phách của đám em tôi để giải thích khi cố làm việc gì bất như ý) để vào làm lau chùi, dọn rửa cho bếp ăn của một nhà máy. Với tôi, làm việc là một nhu cầu cho cả..."phần xác lẫn phần hồn" nhưng với loại công việc này, ở xứ người, tôi đã lo ý nghĩa của phần hồn du lịch vô thời hạn! Và dù đã hạ giá khả năng lao động như vậy nhưng cái phần hồn đi du lịch ấy vẫn không để cho tôi yên khi tiếp nhận những đối xử và ngôn từ của đồng nghiệp... lau chùi. Tôi đã bứt ra khỏi cơn xoáy này nhảy vào cơn xoáy khác nhưng không có cơn xoáy Đức mã nào dưới đáy này cho phần hồn tôi một chỗ đứng.

Thời gian gậm nhấm nỗi buồn tôi, tôi nghe những đổ vỡ trong tâm hồn lắng đọng, tôi như thấy quá khứ, hiện tại, tương lai tụ hội về đây cùng thời điểm này chứng kiến vô vọng dòng đời trôi. Tôi thấy hào quang của những giấc mơ quá khứ nổ tung huyền thoại tình, huyền thoại đời, còn cuộc sống là một màn tối vây bủa.

Tôi thấy cỏ xanh và nhựa sống mỗi ngày bên đường, màu xanh mà lại làm úa vàng tôi hơn, mỗi ngày, trên vách.

Stuttgart, Đức quốc

TIẾNG KHÓC

KHUYẾT DANH THỊ NGH.

Người vợ ngồi dậy, trong ánh sáng nhờ nhờ vàng vọt, chị nhìn thấy chồng nằm nghiêng, chân co chân ruỗi, mặt khuất vào bóng tối. Chị lết lại gần lay cánh tay gọi nhỏ trong họng, người chồng trở mình rồi vội nhổm dậy thẳng thốt, giọng ngái ngủ và khô:

"Em lại mất ngủ?"

Người vợ một tay để lên vai chồng hơi lay lay:

"Anh nghe lại cho em xem, vẫn là tiếng khóc những đêm trước, chắc là của một đứa trẻ..."

Người chồng kéo lấy tay vợ giữ trong đôi bàn tay khô cứng của mình. Ngọn đèn hạt đậu ở sau lưng, người chồng chỉ nhìn thấy lờ mờ những nét nhòa trên mặt vợ.

"Em sợ quá, không làm sao chợp mắt được."

Người chồng bỏ tay người vợ ra, nằm xuống, nghiêng người áp tai xuống nền gạch, cảm giác lạnh và gợn gợn những hạt cát trên da thịt. Người vợ lặng lẽ ngồi hai tay ôm gối như thu nhỏ người thêm lại. Chờ không biết trong bao lâu, ngươi vợ lết lại gần, cúi xuống, giọng thều thào:

"Anh nghe thấy rồi à?"

Người chồng chậm chạp ngồi dậy bên vợ, đầu lắc nhẹ:

"Không. Anh không nghe thấy gì, không lẽ anh điếc..."

Người chồng dựa lưng vào tường, giọng lo âu:

"Em thấy người thế nào, hay tại em yếu quá khiến cho hốt hoảng."

Người vợ ngồi im như pho tượng, khuôn mặt thẫn thờ ở trong bóng tối. Lúc sau người vợ chợt nhớ ra:

"Hay chỉ có ở chỗ em nằm?"

Người vợ nhìn quanh định hướng rồi chỉ tay vào viên gạch rạn ở cách chân tường hai viên gạch:

"Em để đầu chỗ này, chính chỗ này, vừa xong..."

Người chồng chậm chạp lê người lại và nằm áp tai vào viên gạch rạn. Người vợ bất động chờ đợi. Lúc sau người chồng ngồi dậy giọng mệt mỏi:

"Không. Chẳng nghe gì cả."

Người vợ bật khóc, tiếng khóc bị giữ lại nghe tấm tức khó chịu:

"Có lẽ anh không nghĩ tới con..."

Người chồng lết tới ngả lưng vào tường, giọng khô buồn:

"Sao em lại nói thế, nó mệnh mỏng biết làm sao?"

Người chồng vớ lấy cái gói thuốc rê từ từ vấn rồi khều cho ngọn đèn sáng hơn để mồi thuốc. Anh nhìn thấy đôi mắt vợ trũng sâu ướt đầm. Anh ngẩng lên thở khói thuốc lên cao. Mấy năm rồi? Hình ảnh đứa con chưa đầy năm được quấn trong một chiếc áo cánh rồi đặt

xuống lòng đất. Bây giờ nếu trở lại khu đất ấy cũng chẳng thế nào tìm được dấu vết. Phận nó mỏng, anh chỉ có thể tự an ủi như thế. Cái chết của người con đầu lòng ở nơi vùng đất mới càng làm cho cuộc sống u tối ảm đạm. Không còn chiến tranh, cũng như nhiều người khác, hai vợ chồng đã bỏ khu xóm lao động ở thành phố để lên vùng kinh tế mới. Vợ anh nói: làm sao sống anh? Nhìn núi ở xa, rừng ở gần, một vùng chưa có người. Anh nói: trời sinh voi sinh cỏ, người khác sống được mình sống được. Những ngày đầu hăm hở qua đi, những trẻ nhỏ chân đất nhem nhuốc gầy còm, những người bệnh tìm lá rừng, rễ cây. Cỏ hoang mọc nhanh hơn rau đậu... Những người tới hôm nào dần dần tản đi. Họ đi đâu, chỉ chính họ mới biết. Hai vợ chồng lần về xóm cũ đã mấy năm rồi mà không có đổi thay, có chăng sự hoang vắng, ngôi nhà cũ chỉ còn mấy bức tường. Con đường lầy lội, những bức tường xám và thỉnh thoảng anh thấy con chó đốm cụt đuôi đã già từ bao nhiêu năm trước lết qua cửa lặng lẽ...

Người chồng nhìn người vợ ngồi.

"Em thấy trong người thế nào... ở nhà một mình em cứ nghĩ quẩn, ở tổ hợp của em hiện không có việc, hay là em tới làm chỗ anh, nhiều người nghỉ vì kham không nổi... Nhưng..."

Người chồng nhìn xuống bàn tay mình, những vết xước, những mảnh da không đều màu, những khoảng da chết... những đường chỉ, người ta nói tới số mệnh chằng chịt nhàu nát. Có người đã chết vì bệnh uốn ván. Người chồng mở ra, nắm lại hai bàn tay khô gầy nhưng một động tác thư giãn.

"Dù chỉ kéo, gỡ những cuộn kẽm gai, nhưng nó đâu dễ dàng với hai bàn tay không và những dụng cụ thô sơ, lại nữa tiền công có được bao nhiêu?"

Người vợ lặng lẽ:

"Có con thì lấy gì nuôi nó..."

Giọng người vợ nhão nát. Người chồng dính đuôi thuốc còn lại lên vách, vặn nhỏ ngọn đèn rồi nằm xuống chiếc chiếu, tiếng động của những tấm giấy lót lạo xạo khô khan.

"Nằm nghỉ đi em mai hai vợ chồng cùng đi, dù sao cũng có công việc... Em mà bệnh nữa thì anh không biết làm sao!"

Người vợ nằm xuống bên, xa trong cuối xóm tiếng chó tru từng hồi.

Buổi sáng vừa mở cửa bước ra, người vợ ngạc nhiên thấy ở trước cửa nhà kế bên một thiếu phụ đang dùng muỗng nghiền cháo trong chiếc chén nhựa. Người vợ nói:

"Chị mới về ở đây?"

Thiếu phụ nhìn lên, mặt không chút cảm xúc:

"Tôi ở lâu rồi nhưng thường đi làm từ sớm nên không gặp chị, hôm nay tôi được nghỉ..."

Người chồng từ trong nhà ra, người vợ hỏi:

"Cháu chị nó khó ở sao mà khóc đêm vậy?"

Thiếu phụ đứng lên, mặt lạnh. Người vợ nghĩ đến tiếng khóc hằng đêm nghe thấy. Thiếu phụ nói:

"Không."

Tiếng nói khô. Người vợ cố gắng tạo một sự liên hệ gần gụi.

"Cháu chị mấy tuổi rồi?"

"Cháu hơn bốn năm." Giọng người thiếu phụ dịu đi - "nhưng tội lắm chị ơi..."

Nói chưa dứt câu người thiếu phụ đã òa khóc và kéo tay người vợ đi vào trong nhà. Trong ánh nắng sớm mai, ngay bên cửa sổ thiếu phụ chỉ cho chị thấy đứa con trai nằm trên chiếc giường nôi đóng bằng tre:

"Nó cứ nằm vậy, không ngồi được, hình như nó không có xương. Bao lâu nay tôi chỉ đợi tiếng con khóc..."

Đứa nhỏ, chân tay cựa quậy yếu ớt, mắt lờ đờ, miệng ú ớ. Người vợ không nói được thành tiếng lặng lẽ nhìn thiếu phụ hàng xóm bón từng chút cháo nhỏ cho con. Hình như người mẹ khóc. Bầu khí khô đặc và câm. Người chồng khóa cửa và hai người bước ra phía đầu ngõ. Ở phía sau họ con ngõ lầy lội, và căn nhà khóa kín. Ở phía trước, bên kia con đường lớn, trên tường người chồng thấy hàng chữ đỏ lớn hàng ngày đập vào mắt anh, đến nỗi không cần nhìn anh cũng đọc được: chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng muôn năm...

Sài Gòn 1979

LỚP VẼ THIẾU NHI

của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ
do họa sĩ HỒ THÀNH ĐỨC phụ trách
KHÓA HÈ 1997
từ thứ Bảy mùng 7 tháng Sáu,
đến thứ Bảy 30 tháng Tám 1997

Mỗi thứ Bảy học từ 9 giờ sáng
đến 12 giờ trưa tại trụ sở Hội VAALA
số 11022 Acacia Parkway, Suite A,
Garden Grove, California

*

Học phí trọn khóa $150.00, và $10.00 học cụ
(giấy, bút, màu...)
Nhận ghi tên từ nay đến ngày khai giảng
ĐT: (714) 537-8352; 638-9510

ĐỒNG BẰNG CỬU LONG, MỘT CHUYẾN VỀ THĂM

HƯỚNG DƯƠNG

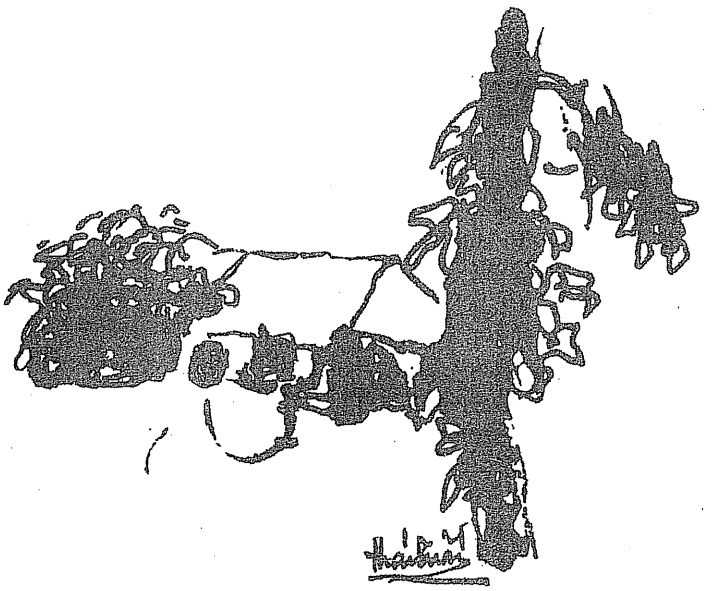

Sau 15 năm, tôi mới có dịp về thăm lại Mỹ Tho, Bến Tre và Vĩnh Long. Ngoài vài ngôi nhà mới xây cất khá đẹp và khang trang của cán bộ hay dân buôn bán, hoặc người có thân nhân ở nước ngoài giúp đỡ, nhìn chung là cái nghèo vẫn còn đeo đẳng đại đa số người dân vùng này. Quốc lộ Bốn đưa tôi từ Sài Gòn về tới ba tỉnh này vẫn không thay đổi, tu bổ rất ít, chưa biết bao giờ mới được mở rộng và "nâng cấp." Dự án quốc gia xây cầu treo Mỹ Thuận bắc ngang qua hai bờ sông Tiền giữa hai tỉnh Mỹ Tho - Vĩnh Long vẫn còn là một mơ ước trên bản vẽ. Có những hình ảnh quen thuộc mà mười mấy năm qua vẫn còn đó. Chẳng hạn như việc bà con nông dân vẫn còn phơi lúa ngay trên con đường quốc lộ, hay việc các cô túi tít chào mời mua trái cây, kẹo bánh trên hai bến phà Rạch Miễu và Mỹ Thuận, hoặc các món ăn hấp dẫn của quê hương tôi vẫn bày ra trước các hàng quán với đầy sức khiêu khích các giác quan của khách...

Bến xe Mỹ Tho ngày nay không còn ở khu Lò Gạch, gần Nhà Máy Nước (khu Giếng Nước) nữa mà đã dời ra ngoài phía ngã ba Trung Lương. Bởi vì người yêu đầu đời của tôi là cháu ngoại của ông chủ lò gạch và cũng là chủ đất của bến xe cũ này nên ngày xưa, mỗi lần về thăm ngoại, tôi thường la cà ở đây nhiều hơn là căn nhà của ngoại tôi ở trên đường Lê Lợi, ngay trước mặt Tòa Án. Nhắc tới nhà ngoại tôi là phải nhắc tới hàng cây me dốt bởi tôi khoái mấy cây me dốt trước nhà ngoại vô cùng. Con đường có lá me bay này cũng là con đường tình của hai đứa tôi một thời đó. Thả bộ từ nhà ngoại ra nhà lồng chợ cũ, tôi có dịp nhìn lại nhà bảo sanh Trần Công (Điều Hòa) - nơi tôi đã chào đời; đi ngang qua tiệm mì Phánh Ký nổi tiếng ngày nào với những con tôm khô và tép mỡ "bá chấy," vô ăn một tô hủ tíu Mỹ Tho chánh gốc mà bùi ngùi...

Chợ Mỹ Tho mới (Bình Hòa) trông sạch sẽ hơn nhưng xem chừng buôn bán không mấy sầm uất như chợ cũ (vì sao nhỉ?). Tôi muốn ăn lại những món ăn, những trái cây quen thuộc của Mỹ Tho mà ở Mỹ không thể nào có, ví dụ như trái mận, trái xơ-ri, xoài cát, thanh long, chuối khô, hay một ly hột é với nước đá bào... Khu mé sông vẫn tấp nập hàng quán nhưng sao

tôi vẫn thấy thiếu vắng không khí vui vẻ, hào hứng của thuở nào. Nhà cậu tôi bên kia Cầu Quay vẫn nhỏ hẹp, vách vẫn dán đầy các tấm lịch có ảnh các nữ tài tử điện ảnh Trung Hoa, mái ngói cũ kỹ dột nát đó đây. Cậu bảo tôi: "Thời này sống lương thiện cũng khó lắm, con ạ!" Vườn hoa Lạc Hồng có trồng thêm cây cảnh, sửa sang chút đỉnh nhưng có vẻ bát nháo, hỗn độn, dù về đêm vẫn còn mấy xe bán mía ghim đốt đèn khí đá. Mỹ Tho hôm nay cũng "lây" vài căn bệnh phổ biến của Sài Gòn như sex (mại dâm, ăn chơi phóng túng...), sì-ke, "trưởng giả học làm sang"..., chủ yếu là do Việt kiều và khách nước ngoài (phần lớn là bọn Tàu Đài Loan, Hong Kong, Singapore và Đại Hàn) tạo ra nhưng không quá "lộng" như Sàigòn. Mỹ Tho cũng đón tiếp khá nhiều thương nhân ngoại quốc, chủ yếu là khai thác và chế biến nông-thủy sản, thực phẩm và nước giải khát. Sân banh bây giờ cũng sắp "trị trường hóa," trong khi bệnh viện và các trường Nguyễn Đình Chiểu, Ngọc Hân... không mấy thay đổi. Tôi chỉ ở lại Mỹ Tho trong một chiều tối ngắn ngủi nhưng tôi cảm thấy Mỹ Tho có rất nhiều việc cần thay đổi cũng như có những cái quý giá cần giữ lại. Dù sao, tôi vẫn nợ Mỹ Tho, nơi mà tôi vẫn có ít nhiều những kỷ niệm khó quên.

Qua phà Rạch Miễu, tôi vào Bến Tre, về thăm lại làng An Hội - Cái Cối, nơi cha tôi đã sinh ra. Trước 1975, tôi chỉ có thể theo cha tôi về tới Châu Thành, ghé tiệm chụp hình của bác Đinh Bá Trung, qua Bình Nguyên II thăm bà nội, uống nước dừa xiêm, ăn tôm rang nước dừa, canh chua cá bông lau..., chỉ ở chơi trong một ngày rồi phải trở lại Mỹ Tho ngay trước khi sẫm tối bởi Bến Tre vốn 'mất an ninh."

Nói tới Bến Tre là phải nhắc tới dừa và các sản phẩm từ dừa, như kẹo và bánh phồng sữa (béo và thơm nức mùi dừa hơn Mỹ Tho). Dừa là một trong những loại cây đa dụng nhất, từ rễ đến ngọn đều có ích cho con người. Đến hôm nay, Bến Tre và Bình Định là hai xứ dừa nổi tiếng nhất nước. Bến Tre đã có nhiều hơn những ngôi nhà mới và đẹp, bộ mặt thành phố đã khang trang và sầm uất hơn so với năm 1979, khi tôi về đây làm công tác nghiên cứu địa lý địa chất cho việc phân vùng kinh tế của Bến Tre. Dạo đó, tôi sợ Bến Tre lắm, sợ nhất là các ông du kích và công an. Cực chẳng đã, tôi phải khăn gói về công tác trong ba tháng ngay tại quê ba tôi chứ trong bụng vẫn... ớn mấy "ông kẹ" Bến Tre. Ngay trên phà Rạch Miễu, bạn có thể thấy Cồn Phụng nổi tiếng với ông đạo Dừa nhưng bạn cũng có thể gặp rắc rối với du kích, công an ngay tại đây chỉ vì chiếc quần tây của bạn có ống hơi "loe" một chút, cũng có khi vì họ "khó chịu" với mái tóc hơi dài một tí của bạn. Có khi họ buồn tình ngoắc bạn lại vẫn dẫn về nhốt mấy bữa chỉ vì họ thấy bạn "kênh" (?) và "khó ưa," hoặc họ nghi bạn định vượt biên chẳng hạn. Vô số cớ để họ nhốt bạn.

Tháng 11/79, tôi và 15 bạn khác từ Sài Gòn về công tác lấy mẫu đất và động thực vật ở ngay tại Bình Đại. Mỗi toán gồm năm người, được phân chia về ở một nhà dân, tự túc cơm nước. Chủ nhà tôi ở là hai vợ chồng già có hai con là "liệt sĩ cách mạng" và ba con theo Cộng Hòa, trong đó có một anh đã qua Mỹ.

Một bữa trưa, khi cả toán vừa xúm lại ăn cơm thì hai bẹ nước đá từ bên ngoài cửa sổ vụt thẳng vào giữa bàn cơm. Chúng tôi hốt hoảng, nhất là ba chị trong toán thì sợ ra mặt. Anh Phương chạy ngay ra ngoài thì bác trai chủ nhà vội nắm tay chận lại, bảo khẽ: "Thôi bỏ đi, cháu đừng rượt theo làm gì, hổng làm gì được tụi nó đâu." Tôi thắc mắc. Chị Xuân khóc thút thít mà kể lại: "Chính thằng công an trưởng Bình Đại đó chứ ai. Nó theo tán tỉnh tui mấy bữa nay, cứ rủ tui đi ăn chè. Tui từ chối. Sáng nay, nó thấy tui đi chợ với anh Phương nên mặt nó hầm hầm, hăm dọa nọ kia. Ai dè, bây nó lại khủng bố kiểu này nữa!"

Anh Phương bảo tôi chạy lên báo cáo với ổng trưởng ban chỉ đạo công tác và thầy trưởng đoàn. Ngay chiều đó, sau buổi họp toàn đoàn, mỗi người trong toán chúng tôi phải nộp tự kiểm và lập tức di chuyển về xã Thừa Đức chứ không được ở lại thị trấn Bình Đại. Xuống ghe, chúng tôi hậm hực trong lòng khi thấy những cái mặt khó ưa của đám công an Bình Đại.

Vừa tới Thừa Đức, chúng tôi lại chứng kiến một thảm kịch rùng rợn: một chiếc ghe chở hơn 100 người vượt biên đã bị công an biên phòng Thừa Đức bắn B40 thẳng vào ghe. Khi chúng tôi tới thì xác và quần áo đầy máu tấp vào bờ, hay trôi bềnh bồng trên mặt biển. Thừa Đức trồng nhiều dưa hấu nhưng thú thật, chúng tôi đã bị ám ảnh bởi thảm kịch vừa thấy nên chẳng còn thấy ngon gì nữa.

Ba ngày sau, chúng tôi đồng loạt lên đường về xã Thạch Phong, huyện Thạch Phú — nơi mà người ta tự hào là cái nôi của phong trào Đồng Khởi. Gia đình mà chúng tôi có dịp sống chung là một "cơ sở cách mạng" trước đây, sống bằng nghề đi đóng đáy, với ba cô con gái đã đến tuổi dậy thì. Ông chủ nhà thường cho chúng tôi ăn tôm cá thoải mái, có lẽ ông hy vọng hai tên con trai này biết đâu sẽ là rể của ông biết chừng! Khổ nỗi, mới 10 ngày thì chúng

tôi lại xuống ghe về lại huyện lỵ Thạnh Phú. Trên đường đi, chúng tôi lại một phen hết hồn: tàu chúng tôi bị công an bắn súng chỉ thiên, buộc cập vào đồn để trình giấy và kiểm tra vì tình nghi là tàu vượt biên. Cho dù ông trưởng đoàn là đảng viên "chính hiệu" vẫn phải khép nép trước thái độ hống hách và những họng súng "thị uy" của những "ông kẹ" địa phương này.

Mãi đến khi "xác minh" với tỉnh xong, họ mới cho phép chúng tôi tiếp tục đi về huyện lỵ Thạnh Phú vào lúc trời gần sáng. Tại đây, tôi thích thú với chuyện đi bắt cò và còng hơn hết. Thằng con trai của ông bí thư xã dẫn chúng tôi ra đồng, nhìn nó lấy sình non trét đầy mình, từ đầu đến chân, chỉ chừa hai con mắt. Xong rồi nó nằm xuống giữa ruộng, chờ bầy cò bay tới. Cò ma, cò lửa..., khá nhiều cò các loại nhưng con cò nào gần tầm tay với nhất, ưng ý nhất là chồm bắt ngay lập tức. Cháo cò không mấy ngon nhưng bắt cò thì quả là thích thú lắm, bạn ạ. Còn bắt còng thì đầy cả thùng thiếc, tha hồ cho các chị nấu cháo còng, bún riêu.

Từ đó cho đến nay, tôi mới trở về thăm lại Bến Tre. Bên Cái Cối - An Hội, mấy lò đường của bà con bên bà nội tôi làm ăn khấm khá nên nhà cửa xây sửa mới và đủ tiện nghi y như dân thành phố. Tuy vậy, tôi vẫn thích về lại Bình Nguyên hơn là dạo loanh quanh chợ Bến Tre. Vừa qua thánh thất Cao đài, tôi đã nhớ lại con đường nhỏ rợp mát bóng dừa ngày xưa... Căn nhà ba gian hai chái giờ trông cũ kỹ, trống vắng, buồn thiu làm sao đó. Hầu hết những người trong nhà này đã chạy ra nước ngoài hay về Sài Gòn, bỏ lại đây hai vợ chồng già vui với bầy khướu, cưỡng, sáo, vành khuyên, họa mi..., một đàn chó Phú Quốc hung hăng, một ao cá bông lau ú na ú nẩn. Nằm trên võng lắc lẻo dưới bóng dừa rợp mát, uống nước dừa xiêm thoải mái, hay ăn cơm với tép bạc rang nước dừa... thì bạn mới thấy tưởng chừng là hạnh phúc, thần tiên! Bến Tre đang có nhiều công trình xây dựng mới nhưng đường sá vẫn như xưa, quang cảnh không khác mấy, vui nhất là người dân đã dễ thở hơn trước. Tôi không còn gặp mấy "ông kẹ" như dạo nào nữa nhưng nỗi ám ảnh ngày xưa vẫn khó có thể nào quên.

Rời Bến Tre, tôi đi về Cái Bè trước khi qua Vĩnh Long. Cái Bè là một quận phát triển khá nhanh của Mỹ Tho ngày nay, với phố chợ san sát, sầm uất hơn, ghe tàu tấp nập buôn bán, dân cư coi bộ khá giả hơn. Con lộ dẫn từ quốc lộ vô huyện lỵ đang mở rộng nhưng cầu sắt vẫn chưa sửa chữa, đường sá ẫn bụi mịt mù. Phía bên xã Đông Hòa Hiệp vẫn không thay đổi gì mấy, trong khi thị trấn Cái Bè đang trù phú rõ rệt. Từ Cái Bè, tôi đi An Hữu - thị trấn nằm sát với bến phà Mỹ Thuận, giáp ranh Vĩnh Long. Gia đình dì Hai tôi làm ăn khấm khá với vựa hột vịt, hột gà và lạp xưởng các loại chờ "xuất khẩu." Mấy người con của dì Hai chẳng còn ham đi Mỹ nữa khi mà trong nhà đã có đủ tiện nghi như người ở nước ngoài. Tôi theo họ vô cù lao Tân Phong, An Thạnh thì mới thấy quê tôi đã đỡ hơn trước nhiều. Các vườn cây ăn trái (chôm chôm, nhãn, mãng cầu, xoài, măng cụt, chanh, chuối...) trĩu nặng, sum suê là hoa lợi đáng kể; trong khi các bãi ốc gạo đã bị nhà nước "quốc hữu hóa" dần, thu hoạch ngày càng suy giảm. Về miệt này, bạn phải hưởng cái thú nằm ghe bầu hay cà dom mà thả hồn theo sông nước Tiền Giang, tha hồ ăn cá tôm và ốc gạo tươi rói, trái cây hái từ cành, cuộc sống không mấy lo lắng, muộn phiền. Mấy người bà con của tôi cứ bảo tôi về

HUỲNH MẠNH TIÊN

KHÔNG ĐỂ CHO BƯỚM CÁI

Anh một mình
bò quanh chân giường lạnh. Lòng bàn tay nóng chạnh sao nhặt nổi nụ hôn rơi.
Cánh hoa môi tơi tả theo đường lăn giấc trở
Em nghiêng bên này
Hương sẩy tỏa bên kia

Anh một mình
bò quanh nương dâu giầy lạ. Chú sâu đo gò lưng đo chiều hạ bão. Bão rơi.
Ừ, bão rơi em ơi. Tương tư cũ ôm hoài niềm đau mới:
Cả đời anh chậm. Hóa bướm. Đực rong chơi
*
Anh
Một mình
Mặc mình
Anh xuân.

đây cưới vợ rồi làm ăn luôn ở đây thì sẽ hết bị stress — có lẽ cũng là một lời khuyên hữu lý!

Hai ngày sau, tôi mới về Vĩnh Long. Bắc Mỹ Thuận vẫn không thay đổi. Hàng quán y như xưa, với lủng lẳng mấy xâu chim, chuột, heo quay trông thật hấp dẫn, chưa kể mùi tôm thịt nướng thơm ngào ngạt, mấy keo dưa chua rất bắt mắt... Tới đây, tôi bảo đảm bao tử bạn sẽ lên tiếng và bạn khó lòng bỏ đi mà không thưởng thức ít nhất một món gì đó. Con gái bán hàng ở đây lanh lắm nhưng không quá đanh đá, chanh chua. Mấy thúng ổi xá lị, xoài tượng, mấy rổ nhãn, măng cụt hay vú sữa cũng không mắc lắm đâu, nếu so với các chợ ở Sài Gòn thì... quá xá rẻ! Ngay như một tô hủ tíu Vĩnh Long với nước sốt "chính hiệu," một dĩa cơm tôm càng thịt nướng đúng nghĩa cũng chỉ bằng 1/10 giá ở Cali. Từ Mỹ Thuận về tới ngã ba Cần Thơ, tôi vẫn thấy quang cảnh không mấy thay đổi, có chăng là đường xá nhỏ hẹp hơn. Khu mé sông, gần dinh Tỉnh Trưởng giờ đây có thêm một tượng đài của mấy con rồng vàng, ngay trước một khách sạn mới xây vài năm, với hai chú lính vệ gác cửa. Gần đó là một vũ trường. Dọc mé sông, một dãy quán nước cho khách ngắm chiều về trên sông. Nhà máy nước gần đó trong tàn tạ làm sao, cho nên hệ thống nước của tỉnh của hom hem y như thế. Chạy qua khu Nhà Làng ngày xưa, nhìn lại Miếu Quốc Công và trường Tống Phước Hiệp rồi trường bán công Nguyễn Thông, cố tìm mấy tiệm mì, quán cơm và xe bán đồ ngọt ngày xưa trước khi vô khu chợ Vĩnh Long. Suốt bốn tháng Tết Mậu Thân (1968), gia đình tôi đã trải qua những giờ phút kinh hoàng ở Vĩnh Long.

Căn nhà của ông nội tôi trên đường Đồng Khánh (nay là đường 3/2) với gốc anh đào thật đẹp giờ đã trở thành Ty Lương Thực Vĩnh Long. Bà cô tôi được nhà nước đổi cho một nhà khác ngay phía sau Ngân Hàng Nông Nghiệp Tỉnh, ở ngã ba Cần Thơ. Vĩnh Long có lẽ là tỉnh chậm phát triển nhất trong ba tỉnh mà tôi ghé qua. Phố xá nhỏ hẹp, cũ kỹ, chẳng có bao nhiêu căn nhà mới, cho dù đây là quê hương của ông Võ Văn Kiệt. Tôi đi Chợ Lách, vô mấy vườn trái cây, khoái nhất là sầu riêng, cóc... và coi bộ người dân ở đây khá hơn. Về Tam Bình, không có gì mới. Xuống Vũng Liêm, qua chợ xã Trung Hiếu cũng chỉ thấy lèo tèo chừng chục căn nhà mới, dù ghe xuồng tấp nập trên sông.

Tôi thật không hiểu vì sao Vĩnh Long không chạy theo sự thay đổi nhanh chóng của cả nước mà dường như còn tập tễnh bò đi những bước ngập ngừng. Có lẽ vì chỉ ở Vĩnh Long có một ngày nên tôi chưa kịp khám phá những sự đổi mới của Vĩnh Long chăng? Hy vọng Vĩnh Long sẽ trở mình và chuyển biến mau hơn, cả về xây dựng cơ sở vật chất, nhất là các khu vực kinh tế, y tế và giáo dục chứ không phải là khai thác du lịch từ hoàn cảnh tự nhiên sẵn có hay buôn bán nông-thủy sản mà thôi.

Trong mười ngày ngắn ngủi, tôi chưa tìm thấy hết và cũng chưa hiểu hết những địa phương này nhưng ở mỗi con người mà tôi có dịp tiếp xúc, tôi tìm được sự chân chất, đôn hậu, cởi mở, bình dân trong nếp sống giản dị và những khó khăn trong đời thường của họ. Họ mơ ước những điều rất đơn giản nhưng bao nhiêu năm vẫn chỉ là mơ ước. Những ước mơ đâu có lớn lao gì? Một chiếc cầu bê-tông thay cho những thân dừa bắc làm cầu khỉ chông chênh. Một ánh đèn điện đủ thấy rõ mặt chữ trên báo khi chiều xuống. Một trạm xá với đủ phương tiện, thuốc men cho người nghèo. Một sân phơi lúa. Một con đường tráng nhựa phẳng phiu hơn. Một căn nhà không dột nát trong mùa mưa bão. Một dòng nước ngọt tinh khiết. Một mái trường với đủ phương tiện tốt nhất cho việc đào tạo những chuyên viên cần thiết của một vùng phù sa màu mỡ... Và còn gì nữa? Việt Nam đã có bao nhiêu bác sĩ, kỹ sư, kiến trúc sư nhỉ; vậy mà sao ở quê tôi vẫn còn những ước mơ đơn giản chưa thành? Ngay như ba tỉnh này cũng đã sản sinh bao nhiêu tên tuổi cho đất nước, ở cả hai phía Quốc Gia - Cộng Sản, vậy mà mảnh đất vẫn không giàu lên và đồng bào của tôi vẫn chỉ biết ước mơ, chờ đợi...

Viết cho những người quê quán ở Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long

Tháng 3/97

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

MÙA XUÂN NGHE TIẾNG CHIM

VÕ HỒNG

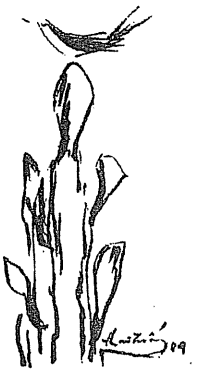

Vào một buổi sáng có nắng rực rỡ, trong vườn tôi chợt vang lên tiếng một con chim lạ. Thời tiết đầu xuân và lúc đó vào chặng tám giờ.

Khu phố tôi ở tương đối yên tĩnh nên tiếng chim không bị pha lẫn vào một thứ tạp âm nào. Nó mạnh, sắc cạnh, lảnh lót. Chỉ gồm bảy tiếng: "Kéc... kéc... kéc... kéc kéc... kéc kéc." Ba tiếng đầu ngắt quãng chậm rãi, trịnh trọng. Bốn tiếng sau thúc mau, nhỏ lần rồi hòa mất vào sự im lặng.

Sau chừng năm bảy phút, chim lại cất lên một tràng bảy tiếng như vậy nữa. Nhưng lần này chim không còn ở vị trí cũ, nó đã di chuyển cách đó khoảng năm sáu thước.

Tôi đi lại cửa sổ, đưa mắt nhìn ra vườn, chăm chú nhìn nơi xuất phát tiếng chim nhưng tuyệt nhiên không thấy nó đứng nơi nào. Tôi đã hy vọng nhìn thấy một con chim thứ hai đứng cạnh đó nữa, vì tiếng "kéc kéc" kia có thể là tiếng gọi của con chim trống. Con chim mái thường chỉ trả lời lại bằng một tiếng nhỏ, ngắn, tương đương với tiếng người "em đây, em đứng đây..." hoặc "em biết rồi, gọi hoài..." Những con cưỡng lượn giữa cây keo mổ trái thường đối thoại với nhau như vậy. Chim trống líu lo từng tràng tiếng hót dài và chim mái hiền thục chỉ trả lời một đôi tiếng nhỏ.

Khu vườn của tôi thật quá nhỏ để được gọi là vườn. Nó chỉ gồm vài cây ổi, mươi cây mãng cầu, một số cây dừa, ô ma, bụi trúc... do vậy mà sự viếng thăm của chim mới gây nhiều xúc động nơi tôi. Không có trái chín vào mùa này, vậy khoảng thời gian im lặng giữa hai tràng tiếng "kéc...kéc" tự nhiên được hiểu là thời gian chim sục sạo tìm sâu. Còn có sinh hoạt nào khác hơn? Và căn cứ theo loại tiếng kêu gióng giả của nó, tôi hình dung thân nó chỉ lớn bằng con chim sâu, bằng nửa quả trứng gà. Sinh ra và lớn lên ở miền nông thôn Phú Yên, tôi chưa bao giờ nghe đồng bào quê tôi nói chim hót mà chỉ nói chim kêu. Khi được đi học, đọc trong cuốn sách tập đọc đầu tiên câu "Chim hót véo von" thấy ngay chim hót diễn tả tâm trạng của chim đúng hơn, hay hơn chim kêu. Đứng trên cành hay bay trên cao, trong nắng vui và giữa gió mát, thả từng tràng líu lo, say mê không dứt... đó là tiếng hát, tiếng hót: họa mi hót, sơn ca hót. Còn khắc khoải những tiếng ngắn rời rạc, gióng giả mới là tiếng kêu: cuốc kêu, bìm bịp kêu... Và khi đã cố gắng phân biệt *hót* và *kêu*, tôi lúng túng không biết tràng tiếng "kéc... kéc..." là tiếng kêu hay tiếng hót. Đa phần, đó là tiếng mô tả niềm vui, nhưng một chút đặc tính gì đó của âm thanh khiến tôi không thể loại bỏ tính chất gọi kêu của nó.

Thật viển vông! Đứng nhìn ra vườn mà phân tích tiếng chim! Và dẫu chăm chú nhìn chỉ một khu cây lá nhỏ mà vẫn không thấy được nó. Chỉ nghe tiếng hót di chuyển; thoạt đầu ở tàng cây dừa nơi ranh rào, sau đó di chuyển về mấy cây mãng cầu dọc bờ tường. Sau một khoảng im lặng hơi lâu, tiếng chim chợt nổi lên, bất ngờ, ở mãi cuối vườn nơi những cây ổi. Rồi chuyển sang cây ô ma. Sang cây khế. Sang mấy giàn nho xum xuê bên khóm Trịnh Phong. Và cuối cùng là một tràng tiếng rất nhỏ nghe văng vẳng ở mãi tận cuối đường. Rồi mất tăm.

Cứ mỗi mùa xuân như vậy, có chừng ba lần con chim trở về với tôi. Nó trở thành quen

thuộc. Năm đầu tôi không mong đợi vì chim trời cá nước, dưới đôi cánh bay, cây lá thiếu chi. Vút một cái đã vượt hàng trăm thước thì con đường nhỏ này, khu vườn nhỏ này đâu có được ghi chú trên hành trình? Không có trái chín đặc biệt quyến rũ, không có cảnh trí đặc biệt gợi nhớ. Thành ra mỗi khi chim bay vút mất tăm là tôi coi như vĩnh viễn giã từ. Bắt chước người xưa mà nói: Thiên tải nhất thì! Ngàn năm một thuở. Vậy mà bất ngờ, sau đó tiếng chim trở lại. Rồi trở lại lần nữa. Trung bình ba bốn lần trong ba tháng mùa xuân.

Nhớ có một kỳ trời động kéo dài, tôi đang bị tiết trời đổi thay mà nhức đầu sổ mũi. Đang nằm trong giường chợt nghe tiếng "kéc... kéc." Cố gắng ngồi dậy như để đáp ứng tiếng kêu, nhưng sợ ra cửa gió lùa, bệnh có thể nặng thêm. Thôi, cứ nằm. Tiếng "kéc... kéc" lại trỗi lên giục giã. Kệ, cứ trì chí. Nhưng sang nhịp "kéc.. kéc" thứ tư thì không cưỡng lại được. Phải trùm khăn đứng dậy núp sau rèm cửa sổ nhìn ra. Vẫn chỉ là khu vườn lá xanh trong gió lao xao, với ánh nắng chảy từ lá này rót sang lá khác.

Một tiếng chim trung thành thủy chung như vậy, nhất định là tôi phải tìm hỏi cho biết tên. Chọn hỏi những người có dính dáng đến nông thôn, càng có

NHÀ VĂN VÕ HỒNG TRẢ LỜI PHỎNG VẤN của tạp chí CÁNH ÉN (Hội Văn Nghệ Phú Khánh số tháng 11-1988)

Là một nhà văn đã bắt đầu cầm bút từ cách đây nửa thế kỷ, xin ông phát biểu vài suy nghĩ tâm đắc nhất về văn học trong yêu cầu đổi mới hiện nay.

Nhà văn Võ Hồng

Nhắc lại một chuyện cũ. Năm 1985, tạp chí Văn nghệ Phú Khánh đặt câu hỏi: "Xin cho những nhận xét về tình hình văn nghệ ở địa phương ta sau mười năm." Tôi ghi những suy nghĩ rồi trao cho anh Tổng biên tập, vừa nói: "Tôi có thể viện cớ là bệnh, là bận để khỏi trả lời. Nhưng lòng tự trọng không cho phép tôi nói dối. Nhưng đưa anh đọc rồi xin anh cho lại. Đừng đăng. Bởi nếu đăng thì tôi bị khó khăn." Sau đây là sao y tờ giấy tôi trả lời:

"... Có một nhược điểm thường gặp nơi văn chương địa phương, cấp nhỏ, cấp thấp... đó là đọc xong thấy tất cả đều tốt, mọi việc đều hay, tiến bộ khả quan, mọi người vừa lòng. Văn chương tròn trịa lý tưởng! Không dám có những suy nghĩ gai góc, không cho có những cảm xúc mới lạ, độc đáo... Mà chỉ được cảm xúc thông thường, bình thường, tầm thường, bằng phẳng, công thức, gần như đã vạch sẵn. Văn chương được bào chế như những món ăn lành mạnh, bởi đã được sát trùng quá kỹ lưỡng. Như kho cá, rim thịt đúng theo sách dạy gia chánh.

Mà đúng ra xã hội đòi hỏi người cầm bút phải nhìn thấy những vấn đề, phát biểu những ý nghĩ, nêu lên những băn khoăn... để người đọc cùng cảm xúc, cùng suy nghĩ. Có vậy xã hội mới tiến lên được. Chớ nếu cứ tròn trịa như bánh xe thì xã hội cứ thế mà lăn tới an toàn, hà tất còn cần đến văn chương làm gì?"

Đó là chuyện cũ. Đã hơn ba mươi năm trôi qua rồi. Bây giờ chắc nói được. Cán bộ chính trị hay nhắc chừng cán bộ văn học: "Văn chương phải phản ảnh thực tại." Chẳng lẽ nói thêm "... mà nhớ lựa thực tại nào... tốt tốt." Phải hiểu ngầm lấy. May mà có ông Goócbachốp. Gần đây xảy ra vụ Phùng Gia Lộc - Đặng Bửu. Có Phùng Gia Lộc mà thiếu Đặng Bửu thì tiếng kêu dân đã vang xa đến vậy?

Thêm một điều. Hỏi "Văn chương có phản ảnh thực tại không" thì chưa đủ. Phải hỏi thêm "Và phản ảnh thực tại mà có văn chương không?" Để ghi lại thực tại, ông thợ chụp hình chỉ cần bấm máy ảnh. Nhưng nhiếp ảnh gia nghệ thuật không ai chỉ làm có vậy. Họ loay hoay tìm mọi cách để thể hiện cho được cái đẹp...

Trong một thời gian dài, chính trị chi phối văn chương quá kỹ. Báo chí nói bây giờ cấp trên đã điều chỉnh lại, nới bớt. Phải lắm. Văn chương không phải là cái xe để chở tư tưởng chính trị, không phải chỉ được nuôi dưỡng bằng tư tưởng chính trị mà đủ. Cả ngay cái thân tứ đại rất vật chất này cũng đâu phải chỉ cần ba loại thức ăn glucit, prôtit, lipit mà thôi? Nó còn cần vitamin nữa, chẳng hạn. Thậm chí còn cần cả cái xác, cái bã vô ích của loài rau cỏ thực vật. Nếu không có thì thầy thuốc nói sẽ sinh táo bón.

Theo ông, đội ngũ sáng tác văn học tỉnh ta có những báo hiệu gì cho thập niên cuối cùng của thế kỷ 20?

(Cười, suy nghĩ) Thôi, xin hẹn một dịp khác.

phong cách quê mùa càng tin tưởng hơn. Nhưng lạ, không ai có một hiểu biết đích xác. Chừng như ai cũng có nghe mà không chú ý lắm. Họ đưa ra tên này... tên này... rồi tự cải chính lấy. Chẳng hạn: "Tiếng con *chim chăn vịt* đó mà... Chiều chiều đến giờ lùa vịt là nó kêu. Ở đồng Gò Dài thiếu gì... Uở, mà con này kêu buổi sáng." Đó, cứ cái kiểu hăng hái mở đầu rồi rụt rè thụt lui như vậy đó. Một anh bạn gốc Huế nói ngoài anh người ta kêu là con *chim lò rèn,* vì tiếng nó giống nhịp đập búa nơi lò rèn. Lại có dịp để suy nghĩ về những cái tên, về những số phận. Con chim sống giữa nông thôn thì lãnh một cái tên bình dân: lò rèn. Thì cũng như con của chính mình, cứ thoải mái đặt tên con Lượm, thằng Chút, con Mót, con Mừng...

Một ông bạn nghe tôi mô tả tiếng chim liền nói: "Người Pháp đặt tên nó là *chim mồ côi* (l'orphelin) vì tiếng kêu buồn khắc khoải gồm bảy âm rời mà họ diễn ra là tiếng kêu than: "Cha, mẹ, anh, chị, chết cả rồi" (père, mère, frères, soeurs, tout est perdu).

Ít khi tôi có được những giây phút thích thú thanh thản như khi nghe câu chuyện. Tưởng tượng một tâm hồn lãng mạn lắng nghe tiếng chim rồi diễn ra lời than thở. Trí óc sử dụng hằng ngày thường hướng đến cái lợi, mấy ai an lạc vô ưu đem trí óc ra nghĩ chuyện vẩn vơ - *Chim mồ côi,* cái tên rất gợi hình gợi cảm, nhưng dường như không thật đúng với con chim của tôi. Tiếng "kéc... kéc" không có giọng bi thương của kẻ mồ côi. Giọng của kẻ thất bại than thân thì giống hơn. Chẳng hạn than: "Tiền, của, danh vọng, tình yêu, tiêu tan mây khói!"

Nhớ có lần được biết tên *hoa lẻ bạn,* nay biết thêm tên *chim mồ côi.* Con người cô đơn cậy hoa mượn chim gánh bớt nỗi sầu, chia sớt lòng buồn. Bình thường lúc nhỏ người ta mê chim, lớn tuổi người ta yêu hoa. Kỷ niệm xa nhất của tôi về chim là hồi bảy, tám tuổi, theo bác tôi đi ra ruộng vào mùa gặt tháng tám. Những người lực điền cầm vòng hái cắt thân lúa soàn soạt. Đến giữa đám lúa, một ông lực điền vừa hươ vòng hái thì chợt phát hiện một cái ổ cò bện quấy quá bằng những thân lúa. Bắt được ba con cò con, thấy tôi đứng trên bờ, ông đem cho một. Tôi đem về nuôi, bón cho ăn những mảnh cá xé nhỏ. Nhưng nuôi được ba ngày thì nó chết. Đào đất chôn, vừa khóc. Nhiều đứa nhỏ không bị rủi ro như tôi, người lớn thường cho một con chim chào mào, một con quành quạch, vừa mổ trái mảnh bát vừa nhảy nhót trong lồng. Chỉ khi tự ý leo bắt ổ chim mới chụp nhằm những con chim con mép mỏ viền vàng, lông lưa thưa và cái bụng lặc lè kéo đi không nổi. Dại đem về nuôi, vài ngày nằm chết. Chừng như đứa bé nhà quê nào cũng ít nhất một lần, cầm xác chim con mà khóc.

Một hôm tôi hỏi một ông công chức hưu trí ở trước nhà —ông hay làm thơ Đường luật — hy vọng gặp một người tri âm:

"Hôm qua bác có để ý nghe tiếng *kéc... kéc* của một con chim lạ hay ghé lại xóm mình?"

Ông ngẩn ngơ, vừa lắc đầu:

"Đâu? Có con chim nào đâu?"

Một bữa sau tôi lại hỏi một anh bạn ở đầu phố Nguyễn Thiện Thuật, nơi mà con chim nhất định đã đậu lại cất tiếng *kéc... kéc* trên bước đường vân du. Nơi này có nhiều cây phi lao và cây xà cừ cổ thụ um tùm. Nhưng anh lại cũng ngơ ngác hỏi lại:

"Có con chim kêu tiếng vậy hả?"

Vậy là tôi cô đơn. Trong việc thưởng thức tiếng chim, không ngờ mà cũng phải Bá Nha - Tử Kỳ nữa!

Câu chuyện về con chim trời chưa thấy rõ hình dung, chưa biết đích danh tính, tưởng như vậy đã đủ rồi. Nào ngờ một hôm một chị bạn xa cách ngót mười năm, chợt bất ngờ ghé thăm. Chị vừa từ một thành phố xa về dự lễ an táng mẹ. Giữa câu chuyện bùi ngùi, giọng chị chợt ngập ngừng:

"Lúc đắp mộ cho mẹ mình xong thì vừa nắng tắt. Buổi chiều nơi nghĩa trang thật buồn. Mọi người đang âm thầm đau xót vì sắp phải từ giã mẹ thì chợt có tiếng con chim kêu *kéc... kéc... kéc... kéc* một tràng dài."

Có lẽ tôi đã giật mình, nhưng phản xạ nhẹ quá bạn tôi chắc không nhận ra và chính tôi cũng chỉ cảm thấy mơ hồ. Tôi hỏi:

"Có thấy con chim không?"

"Không."

"Có biết người ta kêu tên con chim đó là gì không?"

"Không. Không nghe ai kêu."

"Khéo chọn chỗ để trình bày giọng hát," tôi thầm nghĩ. Nhưng rồi chợt nghĩ thêm: "Nhưng còn nơi nào thích hợp hơn để cất giọng mồ côi?"

Một năm sau, ngẫu nhiên mà tôi phải nằm điều trị dài ngày ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Bất ngờ một buổi sáng nghe tiếng *kéc... kéc... kéc* ở một khu rừng cây gần đó. Buổi chạng vạng lại *kéc... kéc... kéc.* Trong cảnh cô đơn và u buồn vì bệnh hoạn, tiếng chim quen thuộc như từ Nha Trang xa cách đi theo tôi để làm bạn, để an ủi mỗi ngày. Tôi lại có dịp để phát hiện một sự thật thô thiển mà cuộc sống vội vã và hời hợt không cho tôi nghĩ tới: Phải tìm đến đồng vắng, rừng xa mới thưởng thức được tiếng chim.

Không phải như hoa đứng im một chỗ đợi bước chân người, chim ngang dọc vẫy vùng, chim gặp người chớ đâu chỉ người tìm lối gặp chim? Chỉ trong ngôi vườn khi tôi còn nhỏ mà tôi đã gặp biết bao nhiêu chim, những vị khách vô tình tự do đến rồi đi. Bầy két ồn ào, ăn khế thả rơi lộp độp. Con cu cườm đậu ở đọt tre cao, gáy chậm chậm, giọng nghiêm và buồn. Con chim chìa vôi ưa đứng nơi thềm giếng, cái đuôi ngúc ngoắc không ngừng. Con bói cá đậu sát bờ sông, im lìm như đang say ngủ. Con chim sâu nho nhỏ nhảy chuyền thoăn thoắt giữa bụi tre, miệng kêu chạch chạch. Bầy dồng dộc treo một dãy ổ đong đưa. Bầy sẻ thường túc trực nơi sân, tiếng cánh vù khi có nong lúa phơi và tiếng ríu rít lào xào khi chạng vạng tối nơi lùm cây mận.

Với đóa hoa nhu mì gần gũi, người mở sách tra chữ mà đặt tên. Còn với chim trời, chỉ nhìn thấy đáng xa xa, lại gần thì bay mất, nên thường dựa trên tiếng kêu mà đặt cho một cái tên quấy quá, lấy có: cồng cộc, bồ chao, chèo bẻo, bìm bịp... Cả đến tên *bắt cô trói cột*. Chỉ với những con chim quý, cưng dưỡng trong lồng mới tầm chương trích cú: hồng yến, hoàng anh...

Mà nghĩ cho cùng, chính nhờ xa cách mà chim tăng vẻ đẹp. Một đàn cò trắng bay trong ráng chiều. Một bầy vịt trời bay về phương Nam. Những cánh hải âu vượt trên sóng nước. Nếu đem đặt gần, nhìn kỹ, e rằng nét mỹ lệ giảm nhiều.

Nhớ có lần tôi dạy học, học trò đem tới lớp một con hải âu. Tôi đặt nó đứng trên bàn, tay vuốt ve cái ức, cái lưng. Màu lông trắng, dáng thon đẹp, nhưng nhìn cái mỏ thô bạo, đôi chân vạm vỡ, tôi không thích. Nó đứng ủ rũ nhìn xuống lớp đông một cách sợ sệt. Vừa lúc đó một học sinh cầm lên một cái thẩu nhỏ đựng đầy nước, trong có bốn, năm con cá rô bơi lội. Hôm nay giờ khoa học, học về lớp Cá. Cái thẩu vừa đặt lên bàn cạnh tôi thì, có thể tưởng tượng được không, nhanh như chớp, con chim hải âu thò cổ tới, xớt một con cá, nuốt gọn. Vừa hùng hục xông tới nữa. Tôi lật đật kéo lui ra xa. Nhìn đôi mắt rực sáng, nét mặt tỉnh táo, cái đầu quay qua quay lại một cách sốt ruột, cái mình rướn tới... nghĩ đến con cá mới nhởn nhơ bơi lội, tôi gọi người học sinh lên trả lại con hải âu.

Hãy nhìn từ xa, dẫu là những con chim. Cảm tạ con chim "kéc... kéc" của tôi, cho đến giờ này vẫn chưa cho gặp mặt. Mồ côi hay thất bại, tôi còn hơn chim nữa. Không chỉ mồ côi cha mẹ, tôi còn mồ côi cả ngôi nhà thơ ấu, khu vườn xanh tươi, bến sông heo hút và những ngõ xóm quanh co. Trong chiến tranh, nhà tôi bị bom đạn tàn rụi, nhớ quê hương, nhớ bà con làng xóm mà không dám về thăm. Nhiều hôm ngồi nhớ, nước mắt âm thầm. Trong trí nhớ, ngôi nhà, khu vườn hiện lên rõ ràng như trải ra trước mắt. Nhưng nếu về thăm thì cảnh còn sót lại trong trí nhớ sẽ vĩnh viễn mất luôn.

Ngày xưa đó, cứ chạng vạng tối, có một con chim đậu ở nóc nhà thả từng tràng tiếng "chóc... chóc... chóc... chóc chóc chóc chóc." Nhanh hơn mà dịu dàng hơn tiếng chim *kéc.. kéc...*" *mồ côi. Chú tôi kêu là con chim đáp muỗi.* Xin các nhà thông thái đừng sửa *đáp* thành *đớp*. Chắc chắn đến tám mươi phần trăm là con chim đó đi tìm muỗi ăn vào giấc hoàng hôn. Nhưng cái hình ảnh *đớp* thô bạo quá cho một con chim và cho tâm hồn trẻ thơ của tôi lúc đó, tôi còn giữ mãi, nguyên vẹn cho đến bây giờ. Bây giờ, thỉnh thoảng có những buổi chiều ngồi nhớ nhà là nhớ hình dáng và tiếng con *chim đáp muỗi.*

Văn Phòng Luật Sư

ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES

27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp đặc biệt đã thắng: 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
* Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
* Luật Di Trú: Bảo lãnh, công hàm
* Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

Bus. Hrs:
Mon - Fri: 9:00 AM - 5:00PM
Saturday: 10 AM - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (714) 570-4986

7777 Center, Ste #470
Huntington Beach, CA 92647
(Gần ngã tư Beach & Edinger
Trong Liberty National Bank)

TÌNH TAN VỠ

THANH TRÚC

Nga cảm thấy lạnh, định quay mình để bước xuống giường tìm cái áo len. Nàng mở mắt ra, chung quanh là một màu trắng xóa của bốn bức tường Bệnh viện. Trước mặc Nga là Sơn.

"Nga, em đã tỉnh. Anh lo quá!"

Sơn nắm lấy tay Nga vuốt nhẹ. Cử chỉ âu yếm quen thuộc kia làm cho Nga bật khóc.

Qua màn lệ, hình ảnh Sơn nhạt nhòe. Nga tưởng chừng như trong một giấc mơ. Từ từ, trí nhớ trở lại...

Sáng qua, như thường lệ, Sơn đến đón Nga nơi đầu ngõ để hai đứa cùng đi đến trường. Nga thấy mặt Sơn không vui, hơi cau có.

"Sao em hay trễ giờ quá vậy? Anh còn nhiều việc phải làm."

Nga cảm thấy một nỗi buồn len nhẹ vì dạo gần đây, Sơn có vẻ thay đổi, không chăm sóc Nga như xưa, thường hay gắt gỏng. Nga tự an ủi, có lẽ Sơn vừa đi làm, vừa đi học nên mệt.

"Xin lỗi anh. Đêm qua, thức học bài hơi khuya, sáng nay em không nghe đồng hồ reo. Anh chờ em có lâu không?"

"Lên xe đi! Anh có hẹn với ông Thầy tám giờ mà bây giờ đã gần tám giờ rồi."

Nga hơi tự ái:

"Nếu trễ giờ thì anh cứ đi đi! Em đi bộ đến trường vậy. Không sao đâu."

Sơn cau có:

"Lên xe đi! Tánh em lúc nào cũng tự ái. Thật bực mình!"

Nga leo lên ngồi phía sau mà lòng thật buồn. Nga cảm giác có một cái gì đó đổi thay trong Sơn. Từ vài tháng nay, Sơn ngày càng gắt gỏng. Hai đứa ít có dịp gặp nhau như trước kia, chỉ trừ giờ Sơn đưa và rước Nga thôi. Sơn viện cớ là công việc nhiều. Nga nghĩ, vì hai đứa hùn tiền mua xe gắn máy, khi cần Nga mới giữ xe. Nếu không chắc là Nga không có dịp gặp Sơn. Sơn và Nga là Sinh viên Đại học kiến trúc, năm thứ ba. Sơn nhờ học giỏi lại khéo tay nên tìm được việc làm trong một văn phòng kiến trúc xây cất. Mỗi ngày Nga đến trường ghi bài cho hai đứa. Khi cần Sơn mới đến trường. Nga ngoài giờ học thì kèm học sinh về môn Anh Văn và vẽ phụ với Sơn.

Tiếng thắng xe làm Nga giật mình. Đã đến trường Nga bước xuống xe.

"Hôm nay, chiều không có 'cua,' anh đến đón em sớm rồi hai đứa mình đi chơi một chút. Lâu quá mình không có dịp gặp nhau."

Sơn cự nự

"Chắc không được. Lúc này chỗ văn phòng anh làm, việc nhiều quá. Nếu ra sớm, em lên Thư Viện học bài. Chiều xong việc anh đến đón."

Thái độ lãnh đạm của Sơn làm cho Nga thấy nhói đau. Nước mắc rưng rưng:

"Anh sao vậy? Em có làm gì cho anh buồn không?"

Sơn không trả lời. Sự im lặng của Sơn làm cho Nga cảm thấy "sự lo âu" có lẽ là "sự thật," Sơn luôn luôn thành thật, không thích nói dối.

"Sơn, có gì cho em biết đi. Em muốn biết sự

thật. Cho em gặp anh chiều nay, em có nhiều chuyện muốn nói với anh."

Nga nhìn Sơn với ánh mắt van nài:

"Thôi được. Chiều nay khoảng bốn giờ anh đến đón."

Nga mỉm cười gượng gạo, nhìn Sơn âu yếm.

"Thôi em đi nhé!"

Sơn phóng nhanh xe đi. Nga đứng nhìn theo lòng cảm thấy hoang mang và một cảm giác lo âu. Nga muốn biết sự thật nhưng lại sợ sự thật.

Từ lâu, Nga nghe đồn phong phanh là Sơn có quen cô con gái của ông Thầy, chỉ độ mười bảy tuổi thôi. Con nhà giàu lại xinh đẹp. Ngoài giờ làm việc ở văn phòng, Sơn còn kèm Toán cho cô con gái nhưng Sơn không cho Nga biết. Nga thì hoàn toàn tin tuyệt đối vào tình yêu của Sơn. Hai đứa quen nhau rồi yêu nhau được gần ba năm. Tình yêu Nga dành cho Sơn thật giản dị, trong sáng như tâm hồn Nga. Nga muốn dành tất cả "cái đẹp" của người con gái cho Sơn trong ngày cưới. Nga đã nhiều lần từ chối sự "đòi hỏi" của Sơn.

Nga lớn lên trong một gia đình có một bề ngoài "bằng yên" và "bình thường," nhưng nào ai hiểu được là Nga rất "thiếu tình thương." Cha Nga là một kiến trúc sư, vắng nhà cả ngày. Mẹ Nga là một người đàn bà ít học, xuất thân từ một gia đình nông dân. Hôn nhân của Ba Mẹ Nga là do "sự bốc đồng" của Ba Nga, muốn chạy trốn cuộc tình tan vỡ, chán ngán con gái thị thành, tưởng rằng tìm được sự bằng yên nơi người con gái quê mùa.

Cuộc sống thành thị đã biến mẹ Nga thành một con người khác, "nửa quê, nửa chợ." Thời gian đầu, sau ngày cưới, mẹ Nga không được chồng thương yêu và rồi Nga ra đời trong "sự thiếu tình thương". Tất cả sự hờn giận, ghen tuông, Mẹ Nga trút cả lên Nga, người ta gọi là "Giận cá chém thớt."

Nga vẫn còn nhớ, lúc còn nhỏ mỗi khi Mẹ giận, ghen thì Nga trở thành "nạn nhân." Mẹ Nga đánh đập thẳng tay và tàn nhẫn trước mặt Ba Nga để "trả thù." Chỉ mới có ba tuổi thôi, mẹ Nga đã lấy nguyên cây củi thật to đập vào đầu, vào mình và chân tay con mình, miệng bà gào thét những lời lỗ mãng, thô tục, để "chửi xéo" Ba Nga.

"Con quỉ kia. Tao biểu mày quì xuống. Thẳng lưng lên không tao đập cho nát xương bây giờ. Tao đâu có muốn mầy ra đời. Có cha như không cha."

Nga quì đã lâu, hai chân run rẩy. Ba vì muốn yên thân, chỉ nhìn Nga buồn bã. Nga có cảm giác như mình là con ghẻ. May mà có bà Nội lúc nào cũng can thiệp và bảo vệ Nga, nhờ vậy mà Nga còn sống sót. Và cũng vì Nga mà Mẹ Nga đâm ra hận thù và hỗn láo với Nội.

Nga lớn lên trong một hoàn cảnh, có cha mà như không, còn mẹ là một hình ảnh ghê rợn. Nga càng lớn hố sâu giữa hai mẹ con càng rộng.

Một hôm, thái độ hỗn láo của Mẹ với Nội, là người người duy nhất mà Nga thương yêu, làm cho Nga không tự chủ được, "cuộc chiến" giữa hai mẹ con bùng nổ.

"Mẹ không được vô phép với Nội."

"Con quỉ cái kia. Mầy là con tao chứ không phải mẹ tao."

"Mẹ không tôn trọng Nội, làm sao làm gương cho con được. Mẹ không xứng đáng làm mẹ."

Chụp cây kéo trên bàn, Mẹ Nga nhảy bổ vào đâm túi bụi. Nga né nhanh, cây kéo xớt ngang qua tét da đầu. Một dòng máu đỏ chảy ướt mặt Nga. Nga đưa tay lên ôm đầu, nhìn mẹ hung hăng như con thú dữ, sững sờ vì bị tấn công bất ngờ.

"Mẹ định giết con sao? Người ta bảo: 'Hùm dữ còn không ăn thịt con mà.'"

"Tao đẻ ra mầy. Tao cho mầy mạng sống, tao có quyền giết mầy. Mày khôn lớn ỷ có ăn học rồi khinh mẹ mầy hả. Con ranh kia."

Vừa nói, Mẹ Nga lăn xả vào Nga đấm đá. Nội chạy vào nắm giữ mẹ, nhưng Mẹ lúc đó như người mất trí, xô nội té ngửa xuống đất. Nga chạy đến ôm Nội, trừng mắt nhìn Mẹ hét lớn:

"Mẹ tiến tới một bước con sẽ không để mẹ yên. Mẹ định giết cả nội sao?'

"Tao giết hết cả nhà. Tù tao chịu. Tao chán cái nhà nầy lắm rồi. Có chồng mà như không. Tao không cần, không sợ gì cả."

Bà hùng hổ tiến tới. Nga xô bà té ngửa. Bà tru tréo vì đầu đập vào cạnh tủ. Tay ôm đầu, gào thét, mắng chửi Nga bằng các danh từ dơ bẩn nhất.

Nga đỡ nội lên giường, xếp ít quần áo sách vở, kêu bác hàng xóm qua canh chừng mẹ Nga. Nga từ giã nội, ra khỏi nhà từ đó.

Trong lúc bơ vơ không nơi nương tựa, Nga gặp được Sơn như một bóng mát, như một dòng suối ngọt. Nga như người chết đuối bám phao. Nga trao cả tình yêu đầu đời và con tim khao khát thương yêu cho Sơn. Sơn cảm xúc trước tình cảnh của Nga, hứa sẽ thương yêu lo lắng cho Nga. Đợi học xong sẽ nên duyên vợ chồng. Lời hứa hẹn, tình thương yêu kia giúp cho Nga tìm lại được niềm tin, ý nghĩa của cuộc sống. Thời gian trôi qua, chỉ còn hai năm là hai đứa sẽ tốt nghiệp.

Chiều hôm đó, Sơn đúng hẹn. Vì còn sớm,

hai đứa đi đến quán kem quen thuộc.

Sơn im lặng, trầm ngâm bên ly cà-phê. Nga vuốt nhẹ tay Sơn.

"Anh có còn thương em không?"

Sơn nhìn Nga, ánh mắt buồn bã.

"Anh cứ thành thật như anh đã hứa lúc đầu. Anh vẫn thường nói, trong quan hệ ta nên thẳng thắn và thành thật với nhau. Em muốn biết sự thật. Em sẵn sàng chịu đựng tất cả."

Sơn cúi mặt một giây:

"Từ lâu anh muốn nói cùng em nhưng thấy hoàn cảnh em bơ vơ nên anh không nỡ. Em tha lỗi cho anh."

Tim Nga nhói đâu. Điều Nga tưởng tượng nay là sự thật. Nga vẫn mong rằng Sơn nói: "Anh vẫn yêu em." Đời Nga, Sơn là "Tình yêu duy nhất và là Tình yêu đầu tiên." Nga quả thật bơ vơ, có gia đình mà như đứa bé mồ côi. Nga tủi thân, nước mắt tuôn trào.

Sơn ôm Nga dỗ dành:

"Anh rất quý em. Anh không muốn dối gạt em. Anh không muốn như Ba em đã dối gạt mẹ em. Anh có thể dối rằng yêu em nhưng cùng lúc yêu người khác. Anh rất thương em, quý em, nhưng..."

Nga cố ngăn dòng lệ. "Yêu người khác" từ miệng Sơn phát ra, chẳng khác nào như mũi tên xuyên thủng quả tim Nga. Nga như chợt tỉnh.

"Thôi, em hiểu rồi. Anh đến với em bằng tình thương hại. Anh lại bị sự ngăn cấm, cản trở của gia đình. Em là đứa con gái bỏ nhà ra đi. Một đứa con gái không ra gì... Bây giờ anh đã gặp và yêu con gái một gia đình danh giá. Em yêu anh bằng tất cả sự chân tình, bằng con tim, bằng khối óc, bằng sự khao khát được thương yêu mà em thiếu từ thuở ấu thơ. Em cần một tình thương chân thật nhưng em không cần một sự thương hại.

Cám ơn anh đã cho em biết sự thật của lòng anh. Thôi anh đi về đi. Vĩnh biệt anh."

Sơn nhìn Nga ái ngại.

"Anh đưa em về?"

Nga gượng mỉm cười:

"Cám ơn anh. Em cần một mình. Em sẽ tập sống một mình. Anh đừng lo."

Sơn áy náy:

"Mai anh đến đón em đi học?"

Nga lắc đầu buồn bã:

"Không. Em sẽ tự lo lấy đời mình. Anh đã chọn con đường anh đi. Nhờ anh em biết được con đường em sẽ đi. Anh đi về đi, mình sẽ không bao giờ gặp nhau nữa để khỏi phiền nhau."

Thế rồi, Nga lững thững đi bộ về nhà trọ. Nga nhìn thấy cảnh vật qua màn lệ. Cả bầu trời như sụp đổ. Sơn là cái phao, là tia hi vọng cuối cùng của Nga. Nga bây giờ như người chết đuối.

Hơn ba năm nay, rời khỏi gia đình, vừa đi làm vừa đi học, cuộc sống tuy có vất vả nhưng luôn luôn bên cạnh Nga có Sơn, vừa là người thương, vừa là người ân. Nay hiểu ra Sơn không yêu Nga như Nga tưởng, Nga thấy không còn lý do gì để sống. Chiều hôm đó, Nga quyết định "từ giã" cõi đời bằng cách uống cả ống thuốc ngủ để tìm "giấc ngủ ngàn thu".

Thì cũng chiều hôm đó, Sơn ghé ngang qua để đưa xe cho Nga đi học và bây giờ thì Nga đang nằm trong một bệnh viện.

"Nga. Anh đây. Anh xin lỗi em. Anh hoàn toàn chịu lỗi."

Hai dòng nước mắt Sơn tuôn chảy.

Nga hiểu Sơn là người đầy lòng nghĩa hiệp, thương người. Có thể vì ý thức trách nhiệm và "lòng nhân," Sơn sẽ "cố" yêu Nga, sẽ không bỏ Nga.

Từ cõi chết đi về cuộc sống, tứ chi Nga rã rời nhưng Nga cảm thấy sáng suốt hơn bao giờ cả. Chiều qua, trước khi đi về nhà, Nga có tạt qua Bưu điện gọi điện thoại cho Cô Nga, là người mà Nga thường hay tâm sự. Nga còn nhớ những điều Cô khuyên.

Nga cầm tay Sơn dịu dàng:

"Cám ơn anh đã cứu em. Em rất hiểu anh. Anh không có lỗi gì cả. Tình yêu là tiếng nói của con tim. Yêu là cho, là mang lại hạnh phúc cho người mình yêu. Nay em không đủ khả năng điều kiện mang lại hạnh phúc cho anh, em xin đi ra khỏi đời anh. Con đường tương lai anh đầy hứa hẹn. Em cám ơn sự thành thật và lòng tốt của anh. Tuy nhiên tình yêu không phải là sự van xin."

Vừa lúc đó, Nội từ cửa bước vào.

"Nga con. Nội lo quá."

Nội khóc nức nở. Nga mếu máo ôm Nội.

"Nội ơi. Nội tha lỗi cho con. Con khổ quá Nội ơi!"

"Tội nghiệp con tôi quá! Nội sẽ ở bên cạnh con và không bao giờ bỏ con đâu. Nội có dành dụm một số tiền mua căn nhà nho nhỏ để bà cháu hủ hỉ. Có nội đây con."

Nga cảm thấy lòng nhẹ nhàng trong vòng tay thương yêu của Nội. Vòng tay này đã từng ấp ủ, che chở Nga lúc còn bé. Nga cảm thấy như mình nhỏ bé lại: "Cuộc sống ta còn bao nhiêu tình thương khác, không chỉ có tình yêu là duy nhất, phải không nội. Nội đừng bỏ con nghe nội."

(Paris-Novembre 1996)

BẠCH NGỌC

TRẦN CÔNG SUNG

Vũ Sinh người Sài Gòn, vì loạn lạc, chạy đến cư ngụ ở thủ đô nước Pháp.

Trong chuyến vượt biển, vợ con chết chìm, Vũ Sinh sống một mình, hầu như không quen thuộc ai, ngẩn ngơ giữa hàng triệu người lạ. Cả tháng không mở miệng nói, cả năm không hé răng cười.

Buổi chiều, sau giờ tan sở và những ngày cuối tuần, nếu trời đẹp, Sinh thường đến giết thời giờ trong một công viên ở gần nhà. Trong góc công viên hẻo lánh, có một cái hồ nhỏ; người ta thả sen và trồng một khóm trúc, mang từ xứ nóng sang, Sinh có cảm tưởng như ngồi ở quê mình.

Sinh ngồi trên chiếc ghế sắt bên bờ hồ, coi như chỗ dành riêng cho y, đọc sách, báo, hay nhìn lá sen trên mặt nước, nhìn những con cá vàng bơi lội, cho đến giờ công viên đóng cửa.

Một buổi chiều, Sinh đến bờ hồ, ngạc nhiên thấy một thiếu nữ đồng hương chiếm chiếc ghế của mình. Y đành ngồi trên một tảng đá bên cạnh, lấy báo ra đọc, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn trộm. Thiếu nữ khoảng trên dưới ba mươi tuổi, tóc xõa vai, nét mặt thanh tú, đôi mắt đen láy, miệng có duyên lạ kỳ, nhưng da mặt trắng xanh như người mới đau trở dậy, hay ở trong nhà từ lâu không ra nắng.

Nàng mặc áo dài, tà áo bay lượn thướt tha. Đã lâu lắm, Sinh mới thấy một thiếu nữ mặc áo dài. Người đàn bà Việt Nam trời sinh ra để mặc áo dài. Và chiếc áo dài, trời sinh ra để làm đẹp cái thân hình mảnh mai, uyển chuyển của người đàn bà Việt Nam. Nhưng ở đây, Sinh không hiểu tại sao, bà nào cũng ăn mặc như Tây, cứng nhắc, đi đứng huỳnh huỵch như phu gạo.

Thiếu nữ đang cho chim ăn. Hàng trăm con bồ câu, chim sẻ ở đâu kéo đến. Hàng trăm cái đầu chim gật gù, những đôi cánh đập vù vù, những cái mỏ mổ lia lịa cơn mưa gạo trắng nàng rải dưới chân.

"Anh để ý, thấy một con chim sẻ què chân, chỉ cho em..."

Sinh quay lại sau lưng, thấy không có ai, mới tin là nàng nói với mình. Nàng nói tiếng Việt, ríu ro như một điệu nhạc. Nhiều người Tây phương nhận xét là đàn bà Việt Nam nói như hát, lên bổng xuống trầm. Bây giờ Sinh mới thấy nhận xét ấy là đúng.

Đã lâu lắm, Sinh an phận, sống lủi thủi một mình, không nghĩ là một người đẹp như mộng lại bắt chuyện với mình, xưng là em ngọt như mía lùi.

Sinh đỏ bừng hai tai, không biết nói gì, đưa mắt tìm con chim què cẳng trong cái đám hàng trăm con chim đang chen lấn nhau túi bụi.

"Từ ba hôm nay, không thấy nó đến. Ngày nào em cũng dành phần ăn cho nó. Nó tàn tật, không tranh nổi với mấy con khác. Tội nghiệp,

hay là có chuyện gì."

Nàng nói về con chim, như nói về một người bạn vắng mặt. Sinh ngạc nhiên. Như vậy, ngày nào nàng cũng đến đây cho chim ăn. Sinh lai vãng cái công viên này từ nhiều năm, chưa bao giờ thấy bóng dáng nàng. Một thiếu nữ yêu kiều như thế, Sinh có thể nhận ra từ ba cây số rưỡi.

Nàng nói, như để trả lời cho cái thắc mắc không nói ra của Sinh:

"Em thường đến trễ lắm, khi anh đã đi rồi."

Sinh lại càng phân vân. Thì ra nàng biết Sinh từ lâu, biết cả thói quen đi về của y, đã quan sát y mỗi ngày. Nàng đến khi Sinh đã ra về. Cái này mới lại càng lạ: Sinh thường ngồi đến giờ chót, khi cái bà coi vườn đến để nhắc cho y biết là đến giờ đóng cửa. Làm sao nàng vào được khi công viên đã đóng cửa.

Thiếu nữ tủm tỉm cười, nhận ra cái lúng túng của gã đàn ông. Khi cái bà đầm coi vườn, mập ú như một con hải mã, người muốn nứt ra trong bộ đồng phục xanh, ì ạch đi lại, gào lên: *"On va fermer dans cinq minutes!" (1),* Sinh đứng dậy, xếp tờ báo, vẫn không biết phải phản ứng ra sao.

Người con gái nói, tay vẫn rải gạo cho đàn chim:

"Hôm nay là Trung Thu, nếu anh không mắc bận, em mời anh lại uống trà. Nhà em ở gần đây."

Cố nhiên là Sinh nhận lời. Cố nhiên là Sinh không bận gì. Sinh không biết hôm ấy là Trung Thu. Hồi xưa, mỗi dịp Trung Thu, Vũ Sinh bận tíu tít chẻ tre, dán giấy, làm đèn kéo quân cho con. Bây giờ...

Sinh sống vật vưỡng qua ngày, không để ý đến thời gian đi qua. Trừ ngày Tết: Tết nào anh ta cũng đi xem đêm văn nghệ do một nhóm Việt Kiều tổ chức. Y cũng chẳng chờ Tết đến. Biết là Tết vì năm nào đài truyền hình Tây cũng chiếu một cái phóng sự nói về cái không khí đón xuân của người Á Đông ở khu 13. Sinh đi dự đêm văn nghệ mỗi năm để có dịp thấy người đồng hương, nghe người ta nói tiếng mẹ đẻ, chứ y cũng chẳng quen ai, tính lại nhút nhát, cho ăn kẹo cũng không dám bắt chuyện với người lạ. Cũng chẳng vì văn nghệ, văn gừng gì. Năm nào cũng vài bài hát quen thuộc và cái màn múa nón. Múa nón. Từ nhỏ, ở quê nhà, hồi còn đi học, y đã coi không biết bao nhiêu lần cái màn múa nón, coi mấy cô cầm cái nón đưa lên, đưa xuống, đi ra đi vào. Y vẫn tự hỏi tại sao Việt Nam không có nghệ thuật múa. Nước nào cũng có một vài điệu vũ, trừ cái xứ bốn ngàn năm văn hiến. Có người cho là lỗi ông Khổng Tử, coi khinh những kẻ xướng ca vô loài, và không muốn thấy đàn bà uốn éo, múa may. Làm như chỉ ở Việt Nam mới có ông Khổng Tử hoành hành. Vũ Sinh nghĩ: nếu một ngày đẹp trời nào đó nắm được chính quyền, cái sắc lệnh khẩn cấp đầu tiên y ban hành sẽ là cái lệnh cấm múa nón trên toàn lãnh thổ. Đồng ý phải thiết lập dân chủ. Dân chủ nghĩa là dân có quyền làm bất cứ cái gì mình muốn, trừ múa nón. Trừ cái quyền đưa lên, đưa xuống mấy cái nón rồi gọi đó là một điệu vũ.

Sinh theo người con gái. Đi được vài bước, nàng reo lên:

"A, Tiểu Kiều!"

Tiểu Kiều? Sinh nhìn chung quanh, không thấy ai, ngoài hai người và cái bà đầm coi vườn. Tiểu Kiều, cái bà mập ì ạch như con hải mã? Nàng nói:

"Con chim sẻ què. Tên nó là Tiểu Kiều. Nó vừa đến."

Họ quay trở lại bờ hồ và nhận ra con chim sẻ có một chân, nhẩy khập khiễng, lông sù, lôi thôi lếch thếch như một mụ đàn bà nạ giòng nhà quê, đầu tắt mặt tối. Nàng cầm con chim trong tay, vuốt ve, rồi đặt nó dưới chân, rắc những hạt gạo còn lại và canh chừng không cho những con bồ câu sấn lại ăn cướp.

Người đàn bà coi vườn chống nạnh đứng nhìn, mỉm cười độ lượng. Bình thường mụ ta hối người ta như hối giặc, để đóng cửa vườn cho sớm. Cái duyên dáng của người con gái đã làm mềm lòng một con hải mã.

Vũ Sinh lại thêm một phân vân nữa. Khi hai người đã quay lưng đi, làm sao nàng biết là con chim què đã đến?

Ra khỏi công viên khoảng ba trăm thước, nàng dẫn y vào một con hẻm dài. Cuối hẻm là một ngôi nhà xinh xắn. Trước cửa nhà, một mảnh vườn nhỏ, trồng hoa muôn màu. Vũ Sinh không ngờ có một cái cảnh dễ thương như thế, cách đường xá ồn ào bụi bậm có vài trăm thước. Y thấy như lạc vào một thế giới khác, không có tiếng xe cộ, không có người đi lại quần quật. Chỉ có cái yên lặng và tiếng chim hót. Nàng chỉ vườn hoa:

"Toàn là hoa lan. Em thích hoa lan. Tên em là Bạch Ngọc, một thứ lan trắng."

Bấy giờ Vũ Sinh mới để ý thấy nàng mặc toàn đồ trắng: áo dài trắng, dầy vải trắng, quanh cổ quấn một cái khăn lụa trắng.

Căn phòng nàng ở thơm ngát mùi lan. Ngoài một cái giường và một chiếc bàn trang điểm, trong phòng không có đồ đạc gì, Chỉ toàn hoa lan. Những chậu hoa lan đủ màu, đủ hình dạng trên bàn, dưới đất, chân tường, trên cửa sổ.

sặc sỡ như những cánh bướm. Có bông như khuôn mặt thiếu nữ với đôi mắt đen. Có bông như một người đàn bà mỉm cười chào khách. Bạch Ngọc dẫn khách đi khắp phòng, giới thiệu từng bông hoa như giới thiệu những người bạn thân thiết. Những Dạ Hương, Hoàng Điệp... Vũ Sinh có cảm tưởng như hàng trăm con mắt đang nhìn y tò mò.

Bạch Ngọc ngồi trên một tấm thảm trắng pha trà, dáng điệu long trọng như cử hành một nghi lễ, và bưng ly trà trong hai bàn tay thanh tú mời khách. Vũ Sinh nhấm nháp, sảng khoái. Mùi trà thơm dịu, bát ngát như ướp mùi hoa lan, mùi hoa sen, mùi hoa ngâu, hoa lài. Lạ một cái là chiếc ly nhỏ, nằm gọn trong lòng bàn tay mà uống mãi không hết.

Hết tuần trà, Bạch Ngọc nói:

"Chắc anh đói bụng..."

Vũ Sinh mới hay đã quá giờ ăn tối và cái bụng y đang cồn cào đòi ăn. Thiếu nữ bày trước mặt khách một đĩa trái cây lạ. Những lúc rảnh rỗi, y thường la cà trong những tiệm bán thực phẩm của người Tàu, người Phi Châu và Á Rập, y đã thấy đủ thứ hoa quả từ khắp nơi mang tới, nhưng chưa bao giờ thấy những trái cây lạ như vậy. Y cầm một trái như trái đào, ăn, thấy miệng thơm ngát. Y ăn một trái đào đã thấy no bụng. Bình thường y ăn nhiều. Những người đồng nghiệp vẫn hỏi tại sao anh chàng nhỏ con, gầy gò ấy lại có thể ngốn thức ăn một cách vũ bão như thế. Nhiều buổi tối, ngồi trước máy truyền hình, buồn buồn, y làm hết một con gà quay và một ổ bánh mì.

Vũ Sinh đưa mắt quan sát, thấy trong nhà không có bếp, không nồi niêu xoong chảo, không có tủ lạnh.

Một cây bạch lạp leo lét trên cái bàn trang điểm. Qua cửa sổ, trăng rằm sáng vằng vặc. Những bông hoa lan ngoài vườn run rẩy không hiểu vì gió thu hay vì trăng lạnh.

Bạch Ngọc kéo Sinh lại bên giường. Nàng cởi xiêm áo. Thân hình nàng đẹp như tiện, da nàng trắng, mịn như lụa. Suối tóc đen chảy dài, che một phần bộ ngực mới nhú như trái đào, đầu vú hồng trinh nữ. Sinh mê mẩn ôm nàng vào lòng, rạo rực. Hai người ân ái suốt đêm, da thịt quyện lại thành một.

Từ ngày sống ly hương, Sinh không có dịp gần đàn bà. Bao nhiêu cái đòi hỏi của xác thịt dồn ép, bừng bừng chỗi dậy. Bao nhiêu tinh dục trữ lại, bung ra, tuôn như suối.

Họ lăn lộn trên nhau, quên cả ánh trăng đang lẻn vào nhà, quên cả ngọn bạch lạp đã tắt, quên cả hàng trăm con mắt lan đang nhìn, hàng trăm đôi má lan đang đỏ au e thẹn.

Gần sáng, y mệt nhoài, ngủ thiếp đi trên bụng nàng. Gà gáy, nàng đánh thức y dậy. Y lại ôm nàng, mây mưa vần vũ. Y định nghỉ việc, ở lại với nàng. Nhưng Bạch Ngọc khuyên y cứ đi làm như thường lệ, tối đến sẽ gặp lại.

Nàng ngắt một đóa lan trắng trên vách, đưa cho y:

"Anh mang theo, nếu nhớ em thì mang hoa ra ngắm."

Sinh ngồi xe điện ngầm, bông hoa trắng trên môi.

Tới sở, y đút đóa bạch ngọc vào túi quần, rồi mệt quá, gục đầu trên bàn ngủ mê mệt cho tới giờ tan sở.

Vũ Sinh đi vội vàng về nhà nàng, quên cả ghé qua tiệm hoa mua một bông lan tặng nàng như đã dự trù. Tới cuối hẻm, y dụi mắt, kinh ngạc. Căn nhà xinh xắn tối hôm qua chỉ là một căn nhà gỗ ọp ẹp, sơn đã cũ, bung ra từng mảnh hoen ố. Trước cửa, thay vì vườn lan muôn sắc là mấy cái vỏ xe cũ, mấy cái thùng rác và xác một chiếc tủ lạnh.

Vũ Sinh gõ cửa. Một bà cụ già người Pháp, già đến không thể già hơn nữa, thều thào qua khe cửa: *"Oui?"* (2). Sinh hỏi xin gặp Bạch Ngọc, Một thiếu nữ người Á Đông. Bà già mở to đôi mắt không còn sinh khí, nói ở đây không có thiếu nữ nào. Bà cụ nói tôi sống một mình ở đây từ năm năm nay, không thấy có thiếu nữ Á Đông nào.

Sinh lí nhí xin lỗi, ngẩn ngơ quay gót ra đường. Y ghé vào một quán nước, uống một lúc ba ly cà phê cho tỉnh. Y béo hai má đau điếng xem mình mơ hay tỉnh. Y lo ngại thấy đầu óc mình dần dần trở thành bất bình thường.

Sinh nghĩ mình đọc Bồ Tùng Linh nhiều quá, hóa ra mê muội. Cách đây khá lâu, y mua được một cuốn truyện dịch Liêu Trai Chí Dị trong một tiệm sách Việt Nam ở khu 13. Những đêm trằn trọc không ngủ, y đọc đi đọc lại gần như thuộc lòng. Nhiều đêm mê mệt với những cuộc tình trong sách, Sinh thiếp đi và xuất tinh trong giấc ngủ.

*

Uống hết ba ly cà phê, Vũ Sinh móc túi kiếm tiền. Bàn tay đụng phải cái gì mềm mại, man mát, Sinh lôi ra khỏi túi và nhận ra bông Bạch Ngọc. Bông lan đã nhầu nát nhưng vẫn còn mùi thơm thoang thoảng.

Sinh ném tờ giấy bạc trên quầy, không kịp lấy tiền thối, chạy trở lại căn nhà cuối hẻm. Y gõ cửa thùm thụp. Tiếng bà già như tiếng người sắp chết: *"Oui?"* (2). Bà già mở hé cửa, dụi mắt: *"Ah, encore vous!"* (3).

Sinh ấp úng xin lỗi và hỏi bà già có chắc chắn là không có người con gái Á Đông nào ở đây, một thiếu nữ mặc đồ trắng, tha thướt. Bà già lắc đầu, nhìn Sinh như nhìn một người từ hành tinh xuống. Sinh hỏi:

"Tối hôm qua, cụ có ở đây không?"

"Không. Tôi nằm nhà thương một tuần, mới về trưa nay."

Bà già kể lể về bệnh tật của mình, về những thứ thuốc người ta bắt bà uống mỗi ngày, về những cuộc khám nghiệm, thử máu, chiếu điện trong nhà thương với đủ chi tiết rềnh ràng.

Vũ Sinh chào bà già, đi ra. Bà già còn tiếc rẻ chưa có dịp nói hết câu chuyện liên hệ đến hàng chục thứ bệnh trong người bà, như một nhà thám hiểm say sưa kể lể những kỳ công của mình.

Khi Sinh ra tới đầu hẻm, bà già mở cửa, gào lên:

"Monsieur! Monsieur!" (4)

Sinh quay lại. Bà ta ra dấu gọi Sinh trở lại.

"Bây giờ tôi nhớ ra rồi. Trước khi tôi đến, ở đây có một thiếu nữ Á Đông— bà ta dùng chữ *'une chinoise'* (5). Tôi còn giữ được cả cái biên lai tiền điện EGF mang tên cô ấy."

Bà ta mời Sinh vào nhà. Một căn nhà hẹp, lù mù, bàn ghế lỉnh kỉnh, cũ kỹ, già nua như bà chủ. Một cái tủ đứng, một cái tủ kiếng bên trong ngổn ngang những hình ảnh, những kỷ niệm, một bộ sa-lông cũ sờn rách, vàng ố, một chiếc máy truyền hình mệt mỏi đang chiếu một cuốn phim Pháp đen trắng.

Bà già lục trong ngăn kéo, lôi ra một cọc giấy đủ màu, đặt lên bàn, đưa từng tờ áp vào mắt. Cái nghi lễ ấy kéo dài 20 phút, bà tìm ra cái biên lai EDF. *"Voilà."* Bà già đưa tờ biên lai cho Vũ Sinh. Y đọc cái tên trên tờ giấy: Mademoiselle Pham Thi Bach-Ngoc.

Sinh hỏi:

"Cụ có biết bây giờ cô ấy ở đâu không?"

Bà già mở to mắt, hỏi:

"Ông không hay à?"

Y lắc đầu. Bà già:

"Ông là người nhà cô ấy?"

"Dạ, một người bạn."

Bà già lập đi lập lại: *"Je suis désolée. Je suis désolée"*, (6) và tiếp:

"Cô ấy chết trước khi tôi đến đây. Tôi cũng không rõ lắm, chỉ nghe người ta kể lại. Người ta nói cô ấy đẹp lắm, dễ thương lắm, nhưng sống lủi thủi một mình, không có bè bạn, thân thích gì. Nghe nói cô ấy tự tử."

Sinh lặng người, không nghe bà già nói gì, chỉ thấy cái miệng lắp bắp. Khi bà già mệt hết hơi, ngưng lại để thở, Sinh đứng dậy, chào bà ta, thẫn thờ đi ra.

Bà cụ già nói: "Sống một mình ở xứ này khổ lắm, ông ạ."

Bà già nói tiếng Pháp giọng người vùng Midi, qua một hàm răng đã rụng gần hết, thều thào. *"La solilude, vous savez, la solitude est insupportable."* (7) Và thêm, khi Vũ Sinh đã ra đến giữa sân, tay vò nát bông Bạch Ngọc: *"Surtout quand on est une étrangère, comme elle."* *(8)*

Chú thích

(1) Năm phút nữa sẽ đóng cửa
(2) Dạ?
(3) À, lại ông nữa!
(4) Ông ơi! Ông ơi!
(5) Một cô Tàu
(6) Tôi chia buồn, tôi rất tiếc.
(7) Nỗi cô đơn, ông ạ, cô đơn thì không chịu nổi.
(8) Nhất là khi lại là người ngoại quốc, như cô ấy.

* "Chết vì một ý tưởng," điều ấy nghe vẫn rất kêu, nhưng tại sao không để chính ý tưởng ấy chết mà bạn lại phải chết?
— Wyndham Lewis

* Ai cũng có thể nhận thấy rằng nếu đàn ông hay đàn bà lấy những người họ không yêu, thì họ phải yêu những người họ không lấy.
— Harriet Martineau

ĐÔNG TÂY BẤT HỢP

TÔN THẤT PHU

Tựa đề "Đông Tây bất hợp" được dựa vào cái vòng luẩn quẩn tiên thiên bát quái của Phục Hy. Theo phương vị của tiên thiên bát quái thì khảm tượng thủy thuộc phương Tây, ly tượng hỏa là phương Đông; theo luật sinh khắc của ngũ hành thì thủy-hỏa tương khắc mà Đông Tây bất hợp, nhưng không bất nhập. Do sự du nhập giữ Đông-Tây hay Thủy-Hỏa mà thành hai quẻ hay hai trạng lý: (1) Hỏa trạch khuê bởi ly thượng, trạch hạ mà chia lìa đôi cõi, đây là trường hợp của bế quan tỏa cảng đấy; hay (2) Trạch hỏa cách do ly hạ, trạch thượng mà giao nhau để học hỏi, để cải cách, để tìm lối dung hòa giữa hai thể Đông-Tây. Tuy là du nhập, nhưng tốt hay xấu còn tùy vào tính cách du nhập nữa. Trên chỉ nói đến Đông Tây còn Bắc Nam thì sao? Càn tại Nam, khôn tại Bắc với nghĩa đầu trời đặt tại phương Nam còn chân trời dạo tại phương Bắc. Do đó Nam Bắc phân chia và định vị tại tiên thiên bát quái. Bởi vì thế, cũng chẳng phải vô cớ mà Lý Thường Kiệt ở nước Nam, ngắm trời Nam đứng tại đất Nam, tay chỉ lên trời mà ca rằng:

Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư
Tuyệt nhiên định phận tại Thiên Thư...

Tôi thắc mắc "thiên thư" đây có phải là tiên thiên bát quái hay không?

Xin hai vị Phạm Ngọc Khôi (PNK) và Nguyễn Hùng Vũ (NYV) tha lỗi cho cái lối nhập đề dài dòng 'vô tích sự' của tôi. Cũng mong hai vị thông cảm, số là tôi chỉ là thợ đập đá, ít học nên vốn Anh văn chẳng là bao nhiêu, do đó không thể viết Anh ngữ mà hầu chuyện cùng hai vị. Tuy nhiên tôi có theo dõi cuộc đàm luận về khoa học của hai vị: Ông PNK đã khai mào cuộc chiến với bài "Stephen Hawking and his disbelief in God" (Stephen Hawking và lòng bất khả tin về thượng đế, TK 21 #90); sau đó ông NHV đã điều chế lại trong thuyết vật lý với bài "On quantum physics and other notions" (Về vật lý lượng tử và những vấn đề tương quan, TK 21 #91); thì lại bẵng đi vài tháng cứ tưởng chuyện vui đã dứt, thì tháng Ba năm 1997, Ông PNK sau thời gian tra cứu đã nặn ra thêm bài "On quantum mechanics, biochemistry, and the law of creation" (Về cơ học lượng tử, sinh hóa học và quy luật về sự tái tạo, TK 21 #95); và sau cùng ông NHV đã phản kháng lại với bài "When East meets West" (Khi mà Đông gặp Tây, TK 21 #97). Nay tôi chỉ vạch ra vài định kiến nhỏ nhoi của tôi về cuộc đàm luận này; nếu đúng thì tại người đã chỉ dạy tôi đúng chứ chẳng tại tôi, còn nếu như sai thì tại tôi ngu dốt, kém cỏi chứ không liên quan gì đến người đã dạy tôi. Trong khi lạm bàn, tôi xin nêu rõ từng điểm để quý vị tiện dịp bàn thêm cho vui chuyện.

(1) Ông PNK khởi sự từ quyển Brief History of Time của Stephen Hawking, ông Khôi đã đưa ra những nhận định sai lạc về vật lý lượng tử (quantum physics), entropy (là một trong những nền tảng của Thernal Physics, Thermo Dynamics hay statistical physics); ông Khôi lại còn bàn cãi về lãnh vực mà ít ai dám xông vào một cách khơi khơi, đó là lãnh vực về triết học và văn hóa; trong phạm trù triết học, đúng sai còn tùy vào trường phái mà mình theo; trong lãnh vực văn hóa, hay dở còn tùy vào nền văn hóa mà ta lãnh hội được. Loài người cứ như là các anh mù rờ voi vậy!

(2) Ông NHV đã sửa sai vài quan điểm vật lý của ông PNK ở TK 21 #91. Tuy nhiên dựa vào những dẫn chứng nhầm lẫn của ông PNK mà ông NHV đã mang cả bộ dịch học của Đông phương mà ném vào sọt rác, buồn! Tuy là bộ Dịch học của Đông phương không thể đưa ra những luận chứng hay con số để giải thích những vấn đề của khoa học hiện đại. Ấy là vì khoa học là môn duy lý còn bộ dịch học là môn duy nhân. Do duy lý mà Tây phương đã đẻ ra hai biện chứng đối đầu nhau: duy tâm hay duy vật. Mặc dù duy tâm hay duy vật chưa giải quyết được hạnh phúc cho nhân sinh (duy "gì" đi nữa thì chỉ để 'cứu rỗi' con người thôi, quý vị ạ!), có lẽ quá mệt với duy lý, tây phương lại đẻ ra duy sinh rất gần với duy nhân của Đông phương. Nhưng cũng không vì thế mà cho rằng Đông phương đã đi trước Tây phương thì thật

CAO THỊ NGUYỆT LÃNG

TRĂNG - NGÔI NHÀ CŨ

Chiều nay tôi về thăm ngôi nhà cũ
Vạt nắng trôi ngang trời bỗng vào thu
Cỏ rối bên thềm thơm hương tóc ướt
Mà phân vân như khách lỡ độ đường

Bước nhẹ đi thôi bước vào ngày qua
Phấn son trang điểm tà áo hồng hoa
Bao say đắm trong niềm đau xót
Đọng lại chút nầy - lớp lớp bụi sa

Bước nhẹ vào xưa và đừng xao động
Đừng đánh thức nàng ngon giấc mùa đông
Gió vẫn mơn man bên triền xanh lá
Khúc thương ca còn bay lượn hoài mong

Đường tới gọi mời vòng quanh xa tắp
Lối bỏ sau lưng mờ mịt âm thầm
Khép cửa lại ngăn đêm dài đến
Chừng như bóng chiều lấp ló ngoài hiên

Và tôi trở về bước trăng sóng sánh
Ngôi nhà xưa - ngõ lặng - bên khúc quanh
Ánh nước lênh đênh hồ im bờ sóng
Nghe đâu nốt nhạc tan trôi theo dòng...

là hàm hồ và không đúng đâu ông Khôi ạ!

(3) Hãy nói qua về vật lý lượng tử một tí. Như chúng ta biết vật lý lượng tử dựa vào những định đề hiển nhiên (axioms), không thể chứng minh được, người học vật lý lượng tử buộc phải chấp nhận chúng trước khi đào sâu hơn. Những định đề này từ đâu ra? (God given?) Đấy là chỉ nói về vật lý lượng tử chứ chưa nói đến trường-lượng-tử (quantum field). Nếu Thượng đế đã cho Tây phương duy lý những "phép lạ trong vật lý lượng tử," thì trời cũng đã cho Đông phương duy nhân ta bộ Dịch học đấy ông Hùng Vũ ạ! Và tất cả cái "mu rùa" gì gì đều là biểu tượng (symbol) cả đấy!

(4) Trong Thế Kỷ 21 số 95, ông PNK càng bàn về lý hóa lại càng sai nhầm. Một sai nhầm căn bản là ông Khôi đã đưa ra ví dụ về cái ly bể để minh chứng sự hủy-thể (the destruction); thực ra:

(a) Hủy thể hay tái tạo (creation) là những thể trọng của những quá trình (process) mà thời gian chi phối khá quan trọng trong những quá trình; tùy theo cái mốc thời gian mà ta thấy vật chất biến dạng (transform) từ thể trạng này sang thể trạng khác. [... sau khi cái lý đã vỡ, *theo lý thuyết*, ta có thể hỏi: nếu để cho thời gian chạy ngược lại (time reversal) thì probability để hình thành cái ly như cũ từ những mảnh vụn là bao nhiêu? giả sử những mảnh vụn ấy không còn "nhớ" vị trí của mình trên cái ly trước khi và sau khi đã vỡ (totally lost memory after broken)].

(b) Với quan niệm hủy thể kiểu "có mày thì chẳng có tao" như ông PNK thì không đúng lý với Dịch học của Đông phương đâu ông Khôi ạ! Dịch là biến dịch đấy, chứ không phải hủy diệt đâu. Không có sự hủy thể trong dịch học. Ông Khôi đã chịu ảnh hưởng của nền duy lý của Tây phương quá nặng nề rồi đó! Nếu theo Đông phương thì "có người mà cũng có ta."

(6) Luận cứ khoa học dựa vào Dịch Học của PNK làm tôi nhớ đến luận cứ khá hàm hồ của Thiệu Vĩ Hoa: "Nhà số học Đức đã căn cứ vào bát quái của Trung Quốc mà phát minh ra máy tính làm chấn động giới khoa học cả thế giới, cho nên được gọi là 'mẹ' đẻ ra máy tính" (trong sách "Chu Dịch và Khoa học dự đoán" của Thiện vĩ Hoa trang 76). Thật là láo quá! Đây là lối suy diễn phóng đại của Trung Hoa mà người Việt ta bị ảnh hưởng không ít cái lối học linh tinh ấy. Chúng ta du nhập để tìm mối tương quan của hai nền văn hóa, chứ không nên 'cưỡng hiếp' văn hóa như thế, rồi mong sẽ 'đẻ' ra đứa con rơi giống như mình vậy; thể của Đông mà hồn của Tây là mất gốc; thể của Tây mà hồn của Đông là lai căng chứ không phải của riêng mình nữa.

(7) Tổng quan về các bài của ông PNK và NHV thì hai vị càng ngày đi càng xa vấn đề mà vẫn chưa giải quyết được gì. Vì vẫn chưa một phép lạ nào giúp cho 'các người mù' thấy rõ 'con voi' để khỏi phải rờ mò lung tung để rồi suy diễn, quy nạp và rồi phóng đại. Càng ngày hai vị dù vận dụng cái "kiến thức tổng quát" đồ sộ ít ai có để dành lẽ phải cho mình chứ không phải để giải quyết vấn đề. Đây có phải là cái bệnh (defects) của "Kiến thức tổng quát" hay không nhỉ?

Cuối cùng xin cám ơn hai vị đã cho tôi một cơ hội lý thú để theo dõi cuộc bàn luận của quý vị.

CUỘC KHAI QUẬT Ở MÃ VƯƠNG ĐÔI

NGUYỄN ĐẠI BẰNG

Vào năm 1972 các nhà khảo cổ Trung Quốc đã quyết định khai quật hai ngọn đồi con ở Mã vương đôi (đôi nghĩa là gò, mả được dựng lên làm mộ phần cho những nhà vương giả, quí tộc). Những ngọn đồi này được xem là nơi an táng cuả gia đình Mã vương, ông hoàng nước Sở thời Ngũ Đại Thập Quốc (907-960). Tuy nhiên một số sách vở cũ cho biết đến sự hiện diện xa xưa hơn của những ngọn đồi này nay thuộc tỉnh Hồ Nam.

Cuộc khai quật đã mang ra ánh sáng, một ngôi mộ rất xưa, được xây vào đầu thế kỷ thứ II trước công nguyên. Và sau đó trong mùa Đông-Xuân 1973-1974 người ta tiếp tục đào xới và khám phá ra được hai cổ mộ khác. Nếu ngôi mộ thứ hai đã bị xâm nhập và bị đánh cắp từ lâu, các ngôi thứ nhất và thứ ba đã để lại một kho tàng quí giá. Người ta đã tìm được trong các tẩm thất hơn một ngàn đồ vật cổ.

- đồ sơn mài: chén, ly, dĩa, muỗng, hộp, khay, bình, bình ba chân v.v...
- đồ chơi, đồ dùng lau tắm
- nhạc cụ: tiêu, sáo, tỳ bà v.v...
- đồ vật hình người, để thay thế cho những người hầu và những nhạc công, vũ công (tục chôn sống không còn nữa)
- triện và dấu đóng
- dĩa ngọc bích (hình tròn tượng trưng cho trời)
- cuộn lụa, áo lụa, đồ thêu, tranh vẽ
- đồ ăn, vẫn còn giữ được, gồm các loại ngũ cốc, rau, trái, thịt...
- cây thuốc, sừng tê, ngà voi
- tiền giấy (tiền âm phủ)
- sách bằng lụa và thẻ tre. Người ta đã đếm được hơn 50 quyển sách thuộc loại kinh điển: Lão tử (hai bản), Chu Dịch và Dịch truyện, Xuân Thu; các loại về y học, về thiên văn (và thiên văn để chiêm bói), về địa lý.

Rất nhiều đồ vật vừa kể có mang dấu ấn và chữ viết giúp cho ta biết rằng chúng thuộc sở hữu cuả gia đình hầu tước Đại (1). Ngày nay người ta đoán rằng ngôi mộ thứ nhất là của phu nhân Tân Truy, chết lúc độ 50 tuổi, ngôi thứ hai là của Đại hầu Lý Thương, quan thừa tướng của Trường sa vương, và ngôi thứ ba là của người con trai của hai người đầu, chết vào lúc khoảng 30 tuổi. Chính trong cổ mộ thứ ba này người ta đã tìm ra một thẻ tre cho biết người này đã chết vào năm thứ 12 đời Hán văn đế tức năm 168 trước công nguyên.

Trường Sa lúc ấy đã là thủ đô của vùng Hồ Nam, xưa là một quốc gia phụ dung của nước Sở thời Chiến Quốc, một nước được xem là nửa Man nửa Hoa với những tập quán và văn hóa cá biệt (xem Sở Từ của Khuất Nguyên và Tống Ngọc). Lúc ấy thành Trường Sa đã được biết tới như một nơi có tiếng về đồ đúc (đồng, sắt), đồ sơn mài và đồ lụa. Còn ấp Đại, đất phong của Lý Thương, cũng được ghi nhận trong Sử Ký của Tư Mã Thiên, đã được lập ra vào năm (-193). Lúc ấy Trường Sa còn được Hán cho làm chư hầu, chưa bị Hán Vũ Đế thôn tính.

*

Trong những đồ vật đã được khai quật các học giả và các nhà khảo cổ đã chú ý nhất đến các quyển sách và một tấm luạ vẽ, rất dài (205 cm) hình T, được dùng làm cái phướn.

Lúc xâm nhập vào được tẩm thất của Đại hầu phu nhân (dài 672cm x rộng 488cm x cao 280cm) người ta đã thấy được đại đa số những đồ vật dùng để liệm tẩm. Đặc biệt có hai bộ quan tài (một dùng ngay, một để cho lúc cải táng), mỗi bộ gồm ba quan tài chứa đựng nhau, và người ta đã tìm thấy xác chết của một người đàn bà khoảng 50 tuổi trong lớp quan tài cuối cùng cuả bộ quan tài đặt giữa tẩm thất. Cái xác còn nguyên ven, da vẫn còn mềm mại, các tạng phủ vẫn còn, người ta đã mổ bao tử và đã biết được những gì người chết đã ăn trong bữa ăn

cuối cùng.

Người đàn bà quí tộc này chết đi đã được tẩm liệm bằng một phương pháp bảo vệ thân xác mà ngày nay không còn biết — thời ấy người ta tin vào thuyết trường sinh như các vị vua Ai Cập. Bà ta cũng được bảo vệ bởi những áo quan kiên cố bằng gỗ quí và được sơn mài để chống ẩm thấp. Nhưng đó mới chỉ là phần dành cho Phách (tạm hiểu là khí điều khiển thể xác), phần Hồn (phần tinh thần: thần minh) thì được sự giúp đỡ của những tranh vẽ thần thánh, thú vật, mây khói như những kẻ đưa đường dẫn lối cho kẻ đã chết trở về trời. Đạc biệt hơn cả là tấm lụa hình T được trải lên tấm cửa của áo quan trong cùng, mảnh ngang ở trên của nó được gắn một đĩa ngọc bích tượng trưng cho Trời. Có lẽ đó là tấm phướn biểu tượng cho người quá cố khi rước hồn về mộ phần.

Tấm phướn Mã vương đôi được làm bằng ba tấm lụa khâu vào với nhau. Chiều dài tổng cộng là 205 cm, chiều rộng là 92 cm ở phần trên (ngang) và 47 cm ở phần dưới; phần trên dài bằng 1/3 của toàn thể (68cm). Hình vẽ được chia ra làm ba tầng: tầng trên vẽ Thiên đàng là nơi hồn sẽ đến sau khi chết. Tầng giữa là tầng của đời sống với trời, đất mà ta biết; ở đây ta thấy các hồn của người quá cố và bà ta đang đi đến cửa Trời. Tầng dưới cùng là Hoàng Tuyền (suối vàng) nơi các phách trở về để tan biến. Quan niệm Trời Đất ba tầng (và hai thế giới: dương gian và âm gian) có thể là quan niệm chung của các dân tộc thuộc văn minh Đông Nam Á, trong đó có cả miền Hoa Nam (2).

Tấm lụa vẽ này cũng đẩy lùi lịch sử hội họa Trung Hoa xa hơn trong quá khứ. Nếu trước kia người ta đã biết đến ở đời Tây Hán một số hình vẽ trên gạch trên ngói, người ta vẫn nghĩ rằng hội họa chỉ được thật sự phát triển từ đời nhà Đường (thế kỷ thứ V). Ngày nay, trước tấm lụa vẽ này, ít ra ở phương Nam, con người thời ấy đã tỏ ra nắm vững mọi sắc thái của một nên hội họa đã phát triển. Nhưng đặc sắc hơn cả nếu ta chịu đọc lại các quyển sách cổ mà truyền thống Nho giáo đã gạt qua bên như *Sơn Hải Kinh, Sở Từ, Trang Tử, Hoài Nam Tử* thì ta sẽ thấy rằng những câu truyện truyền kỳ, quái dị với một màu sắc tôn giáo lạ lùng của giới thầy vu, thầy phương còn đậm hay đã nhạt với tấm tranh lụa này đã có cùng nguồn gốc—nguồn gốc phương Nam của cả một nền văn minh "Nam Man" đã bị xã hội văn hóa Nho giáo phương bắc vừa đàn áp, vừa vay mượn và đẩy lui vào bóng tối của lãng quên.

Chữ viết ở đời Chiến Quốc chưa có một qui củ nhất định vì tình hình chính trị chưa gồm thâu về một mối, cho đến khi nhà Tần lập nên đế quốc thì Tần Thủy Hoàng mới ra lệnh thống nhất chữ viết, dùng chữ tiểu triện làm lối chữ chính thức. Rồi đến nhà Tây Hán thì người ta

Một trang sách kinh Dịch viết trên lụa tìm thấy ở Mã Vương Đôi
(Tài liệu trích từ *Les Signes et Les Mutations* - Wang Dongliang - ed. L'Asiathèque, Paris 1995)

Hình Tấm Phướn Bằng Lụa Ở Mã Vương Đôi

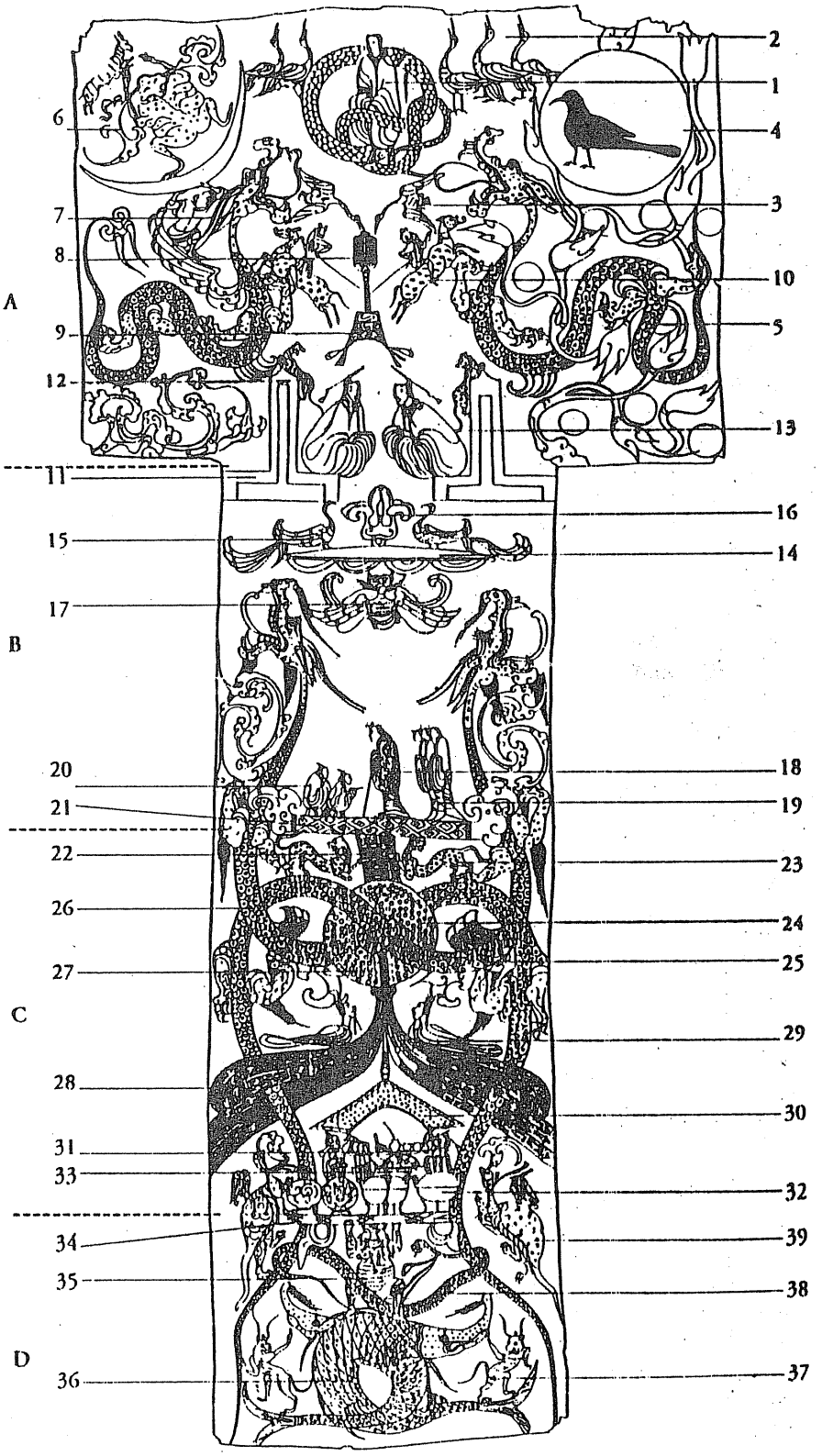

A.
1. Thần trên người dưới rắn
2. Năm con chim đậu
3. Hai con chim bay dừng
4. Mặt trời (biểu trưng bởi con quạ)
5. Rồng
6. Mặt trăng lưỡi liềm (với biểu trưng thỏ và ếnh ương)
7. Rồng với một người đàn bà
8. Bàn (?) đặt trên một khúc trượng
9. Chuông
10. Hai thần mặt thú cười thú đốm.
11. Cửa trời
12. Hai con báo
13. Hai ông thần giữ cửa

B.
14. Tàn có trang trí
15. Hai chim day mặt vào nhau khác loài ở trên Trời
16. Kiểu hình bông huệ (?)
17. Quỉ có cánh
18. Người chết
19. Ba hồn người chết (?)
20. Hai người hầu dâng khay
21. Các nhân vật đứng quì trên một cái cột

C.
22. Hình vuông chia thành 16 hình vuông nhỏ hơn
23. Hai bên là hai con báo
24. Một vật hình dĩa, ở giữa như có một vòng tròn hổng
25. Hai con rồng, một đỏ, 26. một xanh trắng. Hai con rồng xoay mặt ngược nhau, cao gần bằng con quỉ có cánh. Con rồng đỏ từ trái cuộn sang phải, con kia từ phải cuộn sang trái.
27. Từ chỗ hổng có một cái màu xanh, dưới một
28. cái nút thì chia làm hai
29. Có hai con chim đầu người đậu trên cái màn này
30. Treo từ cái màn có một cái bình phong lớn
31. Dưới nó có bảy nhân vật, ngồi chung quanh những cái đỉnh
32. hương, ly, bình đặt trên một cái bàn thờ. Giữa họ
33. có một cái bộ đôn
34. Tất cả được đặt trên một cái nền
35. Cái nền được chống bởi một lực sĩ (hay cột hình người)
36. Kẻ đó đứng trên hai con cá cuốn vào nhau
37. Trên đuôi chúng có hai con quỉ hai chân
38. Đuôi hai con rồng nằm trong nước (suối vàng). Chúng được cột lại bởi một con rắn.
39. Hai còn rùa và hai con chim cú.

lại bắt đầu viết khác đi, tuy rằng chữ lệ được xem là thông dụng nhất. Các sách tìm thấy ở gò Mã vương dùng lẫn lộn chữ tiểu triện, chữ lệ và một số lối không được lưu truyền nhưng là trung gian giữa tiểu triện và lệ. Ngoài ra người ta còn thấy rất nhiều chữ mượn âm hoặc giản dị hóa gây rắc rối không ít trong việc đọc hiểu chúng.

Người ta đã tìm ra hai bản *Lão Tử (Đạo đức kinh),* gần giống nhau với một ít khác biệt với những bản hiện lưu hành. Tuy nhiên phần II (Đức kinh) được đặt trên phần I (Đạo kinh) và ngày nay người ta còn tranh cãi để biết rằng đó chỉ do người cất khi xếp vào hộp đã để quyển đầu (I) trước xuống dưới và quyển hai (II) sau và nằm trên nên khi mở ra thì thấy phần Đức ở trên phần Đạo hay đó là ý ban đầu của kẻ viết sách (3). Sau bản A còn có bốn quyển sách khác, không có tựa mà ngày nay đã mất tích; trước bản B cũng có bốn tác phẩm không lưu truyền khác. Những sách này có nhiều ý niệm thuộc phái Pháp gia (4), như quan niệm pháp trị, hình pháp dùng phạt và thưởng, phát triển nông nghiệp bằng cách đánh thuế thấp và để nông dân được tự do không phải phục dịch trong suốt mùa nông.

Chiến quốc sách, một tuyển tập các câu chuyện kể hành động và chiến lược, chiến thuật, chính trị ngoại giao của các quân sư, thuyết khách thời Chiến Quốc. Bản sách trên lụa này gồm có 27 truyện trong đó có 17 truyện đã bị thất truyền, còn những truyện còn lại cũng có khá nhiều khác biệt so với bản lưu hành: hoặc các bản đời sau thiếu hẳn một đoạn hoặc lẫn lộn đoạn này ở truyện này sang đoạn khác ở truyện kia hay lấy lời chú thích làm câu trong truyện. Bản MVĐ này cũng giải thích cho ta hiểu một số sai biệt giữa bản được lưu truyền và *Sử Ký,* rất tiếc là nó quá ngắn so với tổng số truyện được lưu truyền.

Người ta cũng tìm được một bản gần đầy đủ của Kinh *Dịch:* phần Kinh đầy đủ và phần truyện chỉ có Hệ từ truyện nhưng lại có một số chú giảng khác không được biết tới. Ở phần Kinh, hai điểm khác biệt chính là thứ tự các quẻ và tên của chúng (quẻ 39 có một tên khác) nhưng các học giả đánh giá rằng sự khác biệt này đại đa số là do việc sử dụng ở đời đó các chữ đồng âm và sự thiếu qui định cách viết các chữ.

Thiên văn học cũng có mặt trong các sách lụa MVĐ; người ta đã tìm được quyển *Ngũ Tinh Chiêm,* quyển sách về khoa thiên văn xưa nhất tìm được (ở Trung Hoa?). Dựa trên sự quan sát, sách này cho biết vị trí của các hành tinh Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ trong vòng 70 năm trời từ thời Tấn cho đến đầu đời Tây Hán cùng quĩ đạo và chu kỳ của chúng. Người ta cũng tìm được quyển *Tướng Mã Kinh* (5200 chữ) cho ta biết khả năng và phép nuôi ngựa thuở xưa.

Về y học người ta tìm được bản *Đạo Dẫn Đồ* — bị thiếu sót — gồm những hình ảnh đàn ông, đàn bà đang tập thể dục và một số ghi chú về các bệnh tật. Một quyển sách khác — bị hư hỏng nhiều — có khoảng 10,000 chữ ghi chép lại các toa thuốc để chữa bệnh cũng đã tìm được trong mộ tẩm.

Và đặc biệt hơn nữa các nhà khai quật đã tìm thấy những bản đồ địa lý rất chính xác, tỉ mỉ và tân tiến. Người ta đã biết dùng lối vẽ những tuyến đường cong chồng lên nhau (thị hình tuyến) để hình dung độ cao của từng khu núi đồi. Bản đồ Trường Sa bao gồm một phần của các tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay được xem là bản đồ Trung Hoa xưa nhất hiện có.

Ngoài ra người ta còn tìm được —nhưng bị hư hỏng khá nhiều — một bản đồ ghi những đồn quân và một bản đồ vẽ một thành phố với đường xá và nhà cửa.

*

Có thể nói sự khai quật này và kết quả thu hoạch đã gây xúc động mạnh trong giới Trung Hoa học (xưa ta gọi là Hán học) vì nó làm đảo lộn một số định kiến và mang ra ánh sáng khá nhiều hiểu biết mới. Trong giới học giả Việt Nam chúng tôi chỉ mới biết được ông Huỳnh Kim Quang đã sử dụng đến các dị bản của Mã vương đôi để dịch lại Lão tử. Riêng phần chúng tôi thì có ý định soạn một cuốn sách nói về những cách đọc Chu Dịch mới dựa theo các công trình tân thời của giới Trung Hoa học nhất là từ 20 năm gần đây và giới thiệu sơ qua dị bản Mã vương đôi cùng in lại nó để cho các bậc thức giả có thể nghiên cứu.

Chú thích:

(1) Trong quyển sách Nouvelles Archéologies II, chữ này được phiên âm Tai và phải đọc là Thai, nhưng trong sách sử của F. Blachon và sách của C. Larre và E. Rochat de la Vallée thì chữ viết gồm có bộ xa bên trái và chữ đại bên phải, phiên âm Dai, mà chúng tôi tra không ra chữ gì, nên tạm đọc là Đại. Chúng tôi theo các sách sau vì chúng mới hơn, có lẽ lúc đầu có sai lầm trong sự nhận diện chữ và đã được sửa lại sau đó.

(2) Ý kiến này là của chúng tôi do đọc sách *Trong Cõi* của học giả Trần Quốc Vượng.

(3) Xin xem *Đạo Đức Kinh* của Huỳnh Kim Quang - Viện Triết Lý VN và Triết học Thế giới, 1994.

(4) Thời Tây Hán tư tưởng chủ đạo Hoàng Lão là một kết hợp giữa tư tưởng Pháp gia và tư tưởng Đạo gia.

LÊ TAM CA

QUẬN CAM

Ra mắt sách "Ưu Quốc Thi Tập" của Hoàng Phùng Miên

Hơn 100 thân hữu đã có mặt vào hồi 2 giờ 30 chiều thứ Bảy 24 tháng Năm 1997, tại Phòng Sinh Hoạt Nhật báo Người Việt, số 14901 đường Moran, thị xã Westminster, để dự buổi ra mắt "Ưu Quốc Thi Tập" của Hoàng Phùng Miên.

Hoàng Phùng Miên là cựu giáo sư trường Trung học Nguyễn Trãi, Saigon.

Buổi ra mắt sách của ông được Hội Ái Hữu Cựu Giáo chức Việt Nam Hải Ngoại tổ chức, và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, cùng một số cơ quan truyền thông và Hội đoàn ở miền Nam California, bảo trợ.

QUẬN CAM

Ra mắt sách và băng đọc truyện

Vào hồi 2 giờ chiều thứ Bảy 24 tháng Năm 1997, tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, số 1538 North Century, Santa Ana, California, hai tác giả đến từ phương xa, cùng ra mắt sách và băng. Phương Khánh, từ Dallas, Texas, ra mắt tập truyện thứ ba có tựa là 'Thẻ Bài Buồn Khi Người Nằm Xuống," và Ngọc Thủy, từ San Jose, California, ra mắt hai băng đọc truyện thiếu nhi có tựa là "Nhớ Ơn Cha Mẹ," và "Con Xin Dâng Bố Mẹ Một Nụ Hồng."

Phần giới thiệu tác giả và tác phẩm do các nhà văn và nghệ sĩ Nguyễn Hiền, Trần Văn Ân và Du Tử Lê phụ trách. Phần văn nghệ do các ca nhạc sĩ Đặng Nho, Trần Duy Đức, Ngô Tín, Nguyễn Đức Đạt, Bích Thuận, Mỹ Thúy, Linh Trần và Ngọc Thủy trình diễn.

FLORIDA

Đêm Du Tử Lê

Vào lúc 6 giờ 30 chiều thứ Bảy 31 tháng Năm 1997, tại Wah Lee Restaurant, thành phố Orlando, Florida, nhà thơ Du Tử Lê nói chuyện và ra mắt ba tác phẩm 'Tiếng Kêu Nào Bên Kia Thời Tiết," "Thơ Tình," và "Chỉ Như Mặt Khác Tấm Gương Soi."

Buổi sinh hoạt còn có ăn tối, văn nghệ và dạ vũ.

QUẬN CAM

Đêm Hòa Nhạc Thính Phòng Mùa Xuân

Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ tổ chức buổi trình diễn Nhạc Mùa Xuân với dàn nhạc thính phòng, cùng với tứ tấu, độc tấu, qua các tác phẩm của Bach, Vivaldi, Schumann, vân vân... vào hồi 8 giờ tối thứ Bảy 31 tháng Năm 1997, tại Salmon Recital Hall, Chapman University, số 333 North Glassell, thị xã Orange, California.

QUẬN CAM

Nguyễn Đình Phùng ra mắt sách và tuyển tập nhạc

Nhà văn - nhạc sĩ - bác sĩ Nguyễn Đình Phùng ký lưu niệm trên sách và đĩa nhạc. (Ảnh A.Thành)

Vào hồi 7 giờ 30 tối Chủ Nhật mùng 1 tháng Sáu 1997, tại vũ trường Ritz, thành phố Anaheim, Bác sĩ Nguyễn Đình Phùng đến từ Texas, ra mắt truyện dài "Tiếng Gọi Vực Sâu," và tuyển tập nhạc "Tình Khúc và Dạ Khúc" của ông. Buổi ra mắt được một nhóm văn nghệ thân hữu bảo trợ.

"Tiếng Gọi Vực Sâu" là tác phẩm thứ bảy, nhưng cũng là truyện dài đầu tiên trong đời viết văn của Nguyễn Đình Phùng. Truyện được dựng trên bối cảnh người Việt sống trên đất Mỹ, có nhiều chất trinh thám, cao bồi viễn tây, với những "pha" đuổi bắt, đấu súng và đấu trí nghẹt thở.

Nhiều diễn giả, phần lớn trong giới y khoa, như bác sĩ Trần Ngọc Ninh, bác sĩ Trần Việt Cường, đã lên sân khấu nói về tác giả và tác phẩm. Phần văn nghệ phong phú với nhiều giọng ca của các ca sĩ tên tuổi. Nhiều ca khúc do nhà văn bác sĩ Nguyễn Đình Phùng sáng tác cũng đã được trình bày trong dịp này.

PHILADELPHIA

Nhạc sĩ Trần Quang Hải nói về cách hát đồng song thanh

Từ mùng 1 đến mùng 7 tháng Sáu 1997, nhạc sĩ Trần Quang Hải từ Pháp sang, đọc tham luận và biểu diễn hát đồng song thanh, tại Voice Foundation Symposium, thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania.

Điều đặc biệt của chương trình này là nhạc sĩ trình bày và biểu diễn trước sự theo dõi và thẩm định của hơn 400 bác sĩ chuyên về tai mũi họng, cùng với các nhà nghiên cứu về giọng nói và giọng hát, đến từ 50 quốc gia trên thế giới.

LOS ANGELES

Hoàng Vũ triển lãm mỹ thuật

Từ mùng 7 tháng Sáu, họa sĩ Hoàng Vũ triển lãm các tác phẩm mới của anh tại Sherry Frumkin Gallery, ở Santa Monica.

Cuộc triển lãm có tên là "Chiều Thứ Tư" (*The Fourth Dimension*), khai mạc lúc 5 giờ chiều thứ Bảy mùng 7 tháng Sáu, và bế mạc ngày mùng 5 tháng Bảy.

Các tác phẩm mới của Hoàng Vũ không phải là những bức tranh sơn dầu hay mầu nước, mà là những vật thể làm bằng dây kẽm, uốn thành những cái rọ, hay những hình tượng đến từ trí tưởng phong phú và độc đáo của người nghệ sĩ.

QUẬN CAM

Họa sĩ Suzie Vương mở phòng tranh riêng

Nữ họa sĩ Suzie Vương vừa khánh thành phòng tranh của cô tại Santora Art Complex, số 207 N Broadway #3, Santa Ana.

Trong cố gắng vẽ tranh và triển lãm tranh từ ngày bỏ nước ra đi, Suzie Vương đã được sự ủng hộ tinh thần và vật chất của gia đình và bạn bè, giúp cho tác phẩm của cô được trưng bày ở nhiều phòng triển lãm và viện bảo tàng của nhiều quốc gia trên thế giới.

Loạt tranh mới của cô mang dấu ấn của trường phái "bán trừu tượng" đầy màu sắc bằng sơn dầu và acrylic trên bố. Phòng tranh của cô mở ra cũng là mở đầu cho nhưng sinh hoạt nghệ thuật tạo hình của khu Santora Art này.

Nhà báo và cũng là họa sĩ Long Ân, viết về tranh Suzie Vương như sau: "Khi Suzie Vương quyết định chọn con đường đi chính thức cho riêng mình trong hội họa, hiện tại hình như vẫn còn là một tìm kiếm, hình như vẫn còn những do dự, [nhưng] Suzie Vương vẽ đẹp, nét chắc chắn, vững chãi, màu sắc tươi sáng và minh bạch.

QUẬN CAM

Bế giảng lớp Việt ngữ của Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam

Vào hồi 10 giờ sáng Chủ Nhật mùng 8 tháng Sáu, tại Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam trong khuôn viên trường Santiago Highschool, thị xã Garden Grove, lớp Việt ngữ của Trung Tâm này làm lễ bế giảng niên khóa 1996-97.

Đây là một lớp Việt ngữ mới thành lập vài năm gần đây, nhưng đã mạnh dạn đưa ra phương thức quản trị và điều hành mới, cụ thể là thâu học phí của học sinh, và được các phụ huynh học sinh tán đồng, nên kết quả rất khích lệ.

Nhân nói về lớp Việt ngữ, tưởng cũng cần nhắc lại, hiện nay ở miền Nam California có 53 Trung tâm Việt ngữ, với tổng số 700 thấy cô giáo và hơn 7,000 học sinh học Việt ngữ mỗi cuối tuần. Những số liệu này do Ban Tổ chức Giải Khuyến Học về Lịch Sử và Văn Học Việt Nam cung cấp.

Suzie nhận bó hoa của An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên trong ngày khai mạc phòng tranh.

Giải Khuyến Học kỳ 9 năm 1997, do anh chị em sinh viên Việt Nam tại đại học Cal State Long Beach tổ chức với sự hỗ trợ của nhiều tổ chức khác trong cộng đồng, như Hội Ái Hữu Cựu Giáo Chức Việt Nam Hải Ngoại, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, các Trung Tâm Việt Ngữ Miền Nam Cali, vân vân... Vào hồi 1 giờ chiều ngày mùng 6 tháng Tư vừa qua, tại trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, ban Tổ chức Giải Khuyến Học kỳ thứ 9 đã được thành lập, với cô Nguyễn Thị Kim Ngân làm trưởng ban.

QUẬN CAM

Đài phát thanh VNCR mừng sinh nhật 2 tuổi

Vào hồi 7 giờ tối Chủ Nhật mùng 8 tháng Sáu 1997, tại vũ trường Majestic, thành phố

Những người trách nhiệm điều hành và sản xuất chương trình phát thanh VNCR: (từ trái qua) Y Sa, Hồng Nga, Phan Mỹ Sương, Lê Đình Điểu, Ngô Mạnh Thu, Vũ Huy Thục và Hoàng Trọng Thụy. (Ảnh Mai Năng Quân)

Huntington Beach, Đài phát thanh Viet Nam California Radio VNCR tổ chức dạ tiệc văn nghệ mừng ngày thành lập đài tròn hai năm. Chương trình có ăn tối, văn nghệ trình diễn với rất nhiều ca nhạc sĩ tên tuổi, thân hữu của đài, xổ số lấy tặng phẩm có nhiều món quà giá trị như vé máy bay, máy truyền hình, máy thu thanh, vân vân, và kết thúc bằng một dạ vũ.

QUẬN CAM

Tưởng niệm giáo sư Kim Định

Sáng Chủ Nhật mùng 8 tháng Sáu, tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, trên đường Century, Santa Ana, buổi lễ tưởng niệm linh mục triết gia Kim Định, được tổ chức với thánh lễ cầu hồn lúc 10 giờ, và thuyết trình hội thảo vào lúc 11 giờ.

Linh mục Kim Định là giáo sư nhiều trường đại học ở Saigon trước đây, và là tác giả nhiều bộ sách về triết học và văn học giá trị. Linh mục mất ngày 23 tháng Ba năm 1997, tại tiểu bang Missouri.

Nhân dịp này, ban Tổ chức cũng phát hành tác phẩm cuối cùng của Linh mục Kim Định, cuốn "Thái Bình Minh Triết."

Nhiều diễn giả đã phát biểu trong dịp này, như các ông Đỗ Ngọc Yến, Trần Ngọc Vân, các linh mục Trần Công Nghị, Vũ Đình Trác...

QUẬN CAM

Phan Nhật Nam ra mắt sách

Nhà văn Phan Nhật Nam, đã từng nổi tếng với các tác phẩm viết trong cuộc chiến Việt Nam, từ hồi sang Mỹ vẫn sáng tác rất mạnh.

Vào hồi 1 giờ chiều thứ Bảy 14 tháng Sáu 1997, tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, Phan Nhật Nam ra mắt hai tác phẩm mới. Đó là "Mùa Đông Giữ Lửa," và ""Đêm Tận Thất Thanh."

Trong thư mời, ban Tổ chức viết rằng buổi sinh hoạt ra mắt sách này được tổ chức vào dịp Ngày Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, để tưởng nhớ và ghi ơn những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa. Số tiền bán sách, sau khi trừ một số chi phí, sẽ được chuyển cho chiến hữu Vũ Trọng Mục để gửi về giúp đỡ những chiến hữu bất hạnh từ nhiều năm qua tại quê nhà.

Nhà văn Phan Nhật Nam ký lưu niệm trên sách. (Ảnh A.Thành)

QUẬN CAM

Ra mắt thơ tiếng Pháp

Nhà thơ Nguyễn Sỹ Tế trong buổi ra mắt sách *Chants d'Ya* tại Hội trường Thị xã Westminster. (Ảnh LTC)

Vào hồi 1 giờ 30 chiều thứ Bảy 14 tháng Sáu 1997, tại phòng East West, thị xã Westminster, số 8200 Westminster Blvd., giáo sư Nguyễn Sỹ Tế ra mắt tập thơ bằng tiếng Pháp làm trong tù của ông, có tên là *Chants d'Ya — tiếng hát của dòng sông, thơ hoài niệm của một tên tội đồ*. Buổi ra mắt tập thơ tiếng Pháp được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Việt, tuy nhiên cũng có một số phát biểu và đọc thơ bằng tiếng Pháp, và có

thêm phần trình diễn ca nhạc của ban nhạc Sỹ Đan và thân hữu.

Hai giáo sư Trần Ngọc Ninh và Nguyễn Khắc Hoạch lần lượt trình bày những cảm tưởng của mình khi đọc thơ Nguyễn Sỹ Tế. Một thân hữu của nhà thơ đã gợi ý nên gửi tập thơ *Chants d'Ya* cho bà Bộ trưởng Bộ Văn Hóa và Pháp Thoại của chính phủ Pháp, bà Catherine Trautman, để đem tập thơ vào chương trình sinh hoạt của Hội nghị Thượng đỉnh Pháp Thoại sẽ được tổ chức vào tháng Mười Một tới đây tại Hà Nội.

Buổi ra mắt sách do Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam tại California tổ chức, và một số hội đoàn trong vùng bảo trợ.

QUẬN CAM

Đêm Văn Nghệ "Có Một Dòng Sông"

Vào tối thứ Sáu 20 tháng Sáu, một nhóm thân hữu của họa sĩ Khánh Trường tổ chức một buổi sinh hoạt có ca hát, khiêu vũ, bàn đấu giá tranh và ký lưu niệm sách của Khánh Trường, tại vũ trường Ritz. Buổi sinh hoạt quy tụ đông đảo văn nghệ sĩ trong vùng, và rất nhiều người từ xa về, như Thụy Khuê từ Pháp, Bùi Bảo Trúc, Nguyễn Thị Hoàng Bắc từ miền Đông, Lê Thị Thấm Vân, Phạm Việt Cường, Nguyễn Hữu Liêm, từ San Jose...

QUẬN CAM

Ra mắt sách của Trần Hoài Thư

Nhà văn Trần Hoài Thư từ miền Đông Hoa Kỳ đã sang miền Tây ra mắt cuốn sách mới của ông: *Ban Mê Thuột - ngày đầu - ngày cuối.*

Buổi ra mắt sách được tổ chức tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam Orange County, ngày thứ Bảy 21 tháng Sáu 1997. Trong buổi ra mắt sách, ngoài số thân hữu đông đảo, còn có sự tham dự của nhiều cựu tướng lãnh, sĩ qusn cao cấp thuộc Sư đoàn 22 Bộ Binh VNCH.

QUẬN CAM

Lớp vẽ Thiếu Nhi

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ VAALA tổ chức lớp Vẽ Thiếu Nhi do họa sĩ Hồ Thành Đức phụ trách từ thứ Bảy mùng 7 tháng Sáu đến thứ Bảy 30 tháng Tám 1997, mỗi thứ Bảy học từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa tại trụ sở Hội, số 11022 Acacia Parkway, Suite A, Garden Grove, California. Các phụ huynh đã đem con em đến ghi tên và học đông đảo, và lớp hiện có 16 em theo học. Họa sĩ Hồ Thành Đức cho biết mục đích của lớp dạy vẽ 'không phải là luyện cho các em vẽ cho giống, mà là tập cho các em làm quen với cái đẹp của nghệ thuật tạo hình."

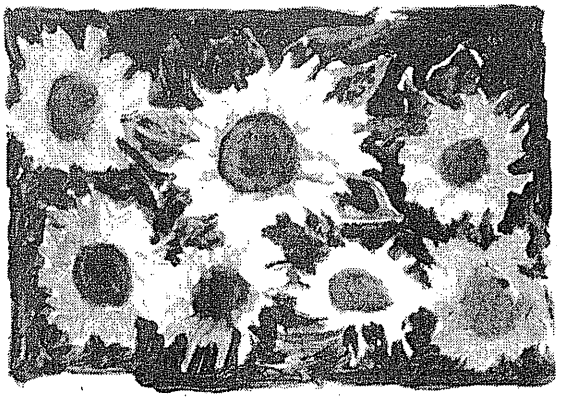

Tranh của em Lincoln Nguyễn

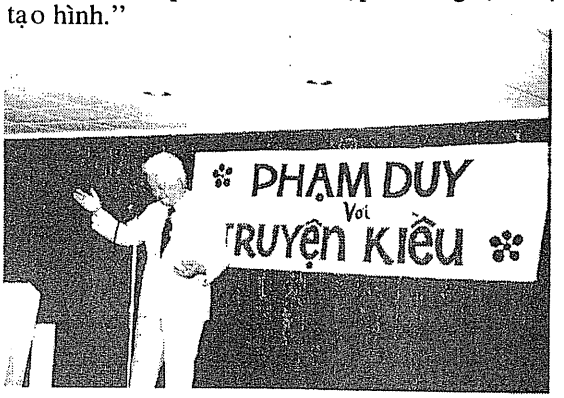

Phạm Duy tại Thiền Đường Los Angeles, ngày 1

QUẬN CAM

Phạm Duy và Truyện Kiều

Nhạc sĩ Phạm Duy đã khởi sự một vòng lưu diễn mới vào cuối tháng Sáu, bắt đầu từ miền Nam California sang Utah, rồi đến Vancouver (Canada), London, Paris và Lyon (Âu Châu), để giới thiệu tác phẩm mới của ông: *Minh Họa Truyện Kiều.*

Phạm Duy nói: "Tôi không đủ tài sức để phổ nhạc trên 3,000 câu thơ tuyệt vời của thi hào Nguyễn Du đâu! Tôi chỉ đưa ra bốn bức minh họa (*illustration*) có nghĩa là chỉ muốn làm tăng thêm vẻ đẹp sẵn có của thi phẩm, làm cho thơ có thêm, màu sắc. (...) Chúng tôi [Phạm Duy và Duy Cường] dùng giai điệu và hòa điệu để mô tả cái cánh đồng cỏ non của ngày Xuân..., hay tả nỗi buồn của nàng Kiều trước lầu Ngưng Bích..."

Duy Cường đã về Việt Nam lấy mẫu âm thanh của hầu hết các nhạc cụ dân tộc rồi áp dụng vào nhạc phẩm *Minh Họa Truyện Kiều* này.

Phần Một của *Minh Họa Truyện Kiều* do những giọng hát Ái Vân, Thái Hiền, Thái Thảo, Duy Quang và Tuấn Ngọc, và giọng ngâm Thanh Ngoan (Hà Nội) diễn tả.•

PHẠM XUÂN ĐÀI

Đêm Giữa Ban Ngày

hồi ký của **Vũ Thư Hiên**, Văn Nghệ xuất bản, 767 trang, giá US$28.00, ngoài nước Mỹ $32.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 93683. Tel: (714) 527-5761.

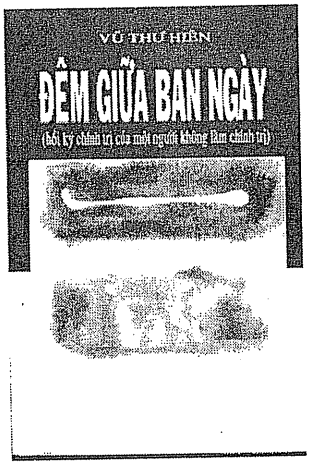

Vũ Thư Hiên là một nhà văn của miền Bắc, đã có nhiều tác phẩm được xuất bản ở trong nước trước và sau thời gian chín năm ông bị bắt (1967-1976), kể cả bản dịch từ Nga văn tác phẩm của Paoustovsky. Hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày* là quyển sách đầu tiên của ông được ấn hành ở hải ngoại, và cũng là cuốn đầu tiên nói về chuyện mình bị bắt bớ giam cầm bởi nhà cầm quyền Hà Nội.

Ông là nạn nhân của vụ án 'xét lại" do phe nhóm của Lê Đức Thọ dựng lên trong những năm 60 để tiêu diệt những người bị nghi là thân Liên Xô. Gọi là nạn nhân vì ông là người không hoạt động chính trị, bị dính vào một vụ án tưởng tượng ấy chỉ vì ông là con của ông Vũ Đình Huỳnh, một trong những đối tượng chính của Lê Đức Thọ trong vụ này. Chỉ có thế mà ông bị tù chín năm, và cũng chính vì những khổ ải lao lý vô cớ như vậy mà ông quyết định viết cuốn hồi ký này, quyết định ngay từ những ngày đầu tiên ở trong tù.

Ông đã ghi ngay bìa sách rằng đây là *hồi ký chính trị của một người không làm chính trị*, có lẽ chính vì thế ông đã đóng vai trò nhân chứng một cách khách quan, không bị các thiên kiến chính trị làm lệch lạc tác phẩm. Tính chất nhân chứng khách quan ấy là điều vô cùng quan trọng của tác phẩm này, nó làm nên giá trị, nó tạo chỗ đứng cho cuốn sách với các đóng góp về lịch sử của nó. Nhờ vị trí của mình trong xã hội miền Bắc trước đây, tác giả đã có nhiều cơ hội quan sát kề cận những khuôn mặt chính trị quan trọng nhất của chế độ, lề lối hoạt động của chế độ, những chuyện thuộc loại thâm cung bí sử... Nhờ vụ bắt bớ oan ức và đày đọa chín năm, tác giả lại được tiếp cận với hệ thống nhà tù cộng sản với tất cả tính chất vô nhân của nó... Với con mắt quan sát và nhận định của một nhà văn, ông đã thu vào tâm trí mình những nét đặc thù, những góc cạnh đặc biệt mà một người tù thường không nhận thấy... Và cũng nhờ là một nhà văn có tài, ông đã khéo đo lường dung lượng văn học cho một tập hồi ký, biến các sự kiện đã trở thành vô hồn của quá khứ thành sống động, hấp dẫn cho người đọc không kém tiểu thuyết, trong khi vẫn giữ được tính chất trung thực như là nền tảng chung cho cả cuốn sách.

Đêm Giữa Ban Ngày là cuốn hồi ký quan trọng nhất từ trước tới nay viết về thế giới chính trị miền Bắc, và có lẽ nó sẽ giữ nguyên vị trí ấy ít nhất cho đến đầu thế kỷ sau. Những sự thật mà nó mang trong nội dung không những cần cho tất cả mọi người Việt Nam trong và ngoài nước, mà còn cần cho thế giới. Vì thế những bản dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp và nhiều thứ tiếng khác sẽ là điều rất cần thiết.

Rong Biển

tập truyện của **Trần Thị Diệu Tâm**, An Hiên xuất bản, bìa do Phạm Tăng, 261 trang, giá 80 quan Pháp (US$16.00). Liên lạc: Bà Trần Thị Diệu Tâm - An Hiên, 158 Boulevard Masséna 75013 Paris, France.

Một người đàn bà có học vấn, ở lứa tuổi đã trưởng thành tại Việt Nam trước năm 1975, đã trải qua biến cố năm đó và những năm tiếp theo trong nước, rồi đi ra nước ngoài, sinh sống lập nghiệp, nhìn lại, và viết. Ba đoạn đời, ba thế giới riêng biệt, khác hẳn nhau, nhưng được sống, cảm nhận và kể lại bởi một người. Một khi đã trải qua những cuộc đổi đời, hình như ai có chút duyên với chữ nghĩa đều cảm thấy có nhu cầu — và có thể, bổn phận nữa — nghi nhận lại, bằng một cách

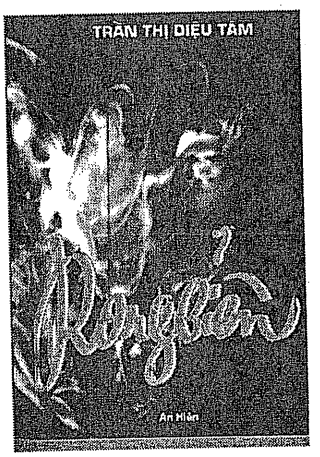

nào đó, để tái hiện các hoàn cảnh hiếm hoi mà mình đã trải qua.

Rong Biển là một truyện vừa, 118 trang, bên cạnh một số truyện ngắn khác trong tập, đi từ thuở ấu thơ của nhân vật chính, từ một cô bé học tiểu học ở vùng quê thời còn chiến tranh với Pháp, đến một nữ sinh viên Văn Khoa thời Việt Nam Cộng Hòa, rồi ở vào cảnh một thiếu phụ góa chồng tị nạn tại đất Pháp... Mọi biến cố được nhìn qua con mắt của một nhân vật nữ, chính tính chất nữ ấy là cái đặc sắc của truyện, chứ không phải là tấm bích họa rộng lớn của thời đại mà có lẽ tác giả cũng không có ý định và có sức vẽ lại hết các dáng vẻ của nó. Người đàn bà trung tâm câu truyện bộc lộ tính chất cố hữu của nữ tính qua các biến cố, tuy không phải với lời than dài mấy trăm câu thơ như Chinh Phụ Ngâm, nhưng nỗi niềm thì không khác. Trần Thị Diệu Tâm biết đâu là cái quan trọng nhất đối với người đàn bà. Bà diễn đạt rất giỏi cái điều rắc rối nhất mà thật ra rất đơn giản, vì căn bản nhất, là tình yêu nơi người nữ. Trong trường hợp Rong Biển, là tình yêu qua cơn ba đào của các loại thời cuộc.

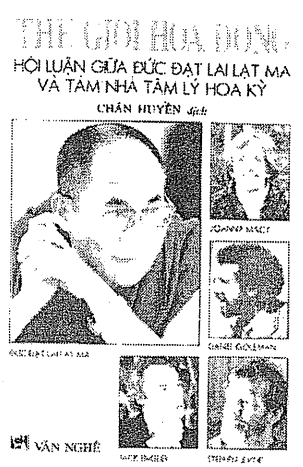

Tâm hồn con gái là vùng cấm địa, chỉ có một kẻ dám đặt chân vào, đó là bước chân của tình yêu. Tình yêu là kẻ trộm tài ba, có khả năng đột nhập vào cấm địa tâm hồn mà không cần xin phép, để lấy cắp tất cả những gì quý giá nhất và trao tặng một người xa lạ, có tên gọi là "người yêu."

...Hai người yêu nhau, họ đã xây dựng một quốc gia riêng với một thứ luật lệ mà người thứ ba chưa hề hiểu nổi. Nó ở trên mặt đất nhưng không thuộc về đất. Nó ở trong thân xác mà không thuộc về thân xác. Nhưng nó nhờ thân xác để diễn tả được nó.

Nhân vật chính ấy được tác giả ví như nhánh rong biển, chập chờn theo con sóng, và bao giờ cũng bị nước nhấn chìm không thảnh thơi thở được không khí dưới ánh mặt trời. Cho đến một ngày kia, bỗng nhánh rong được trôi giạt vào nằm trên một bãi cát. Đó là đoạn kết có hậu một cách muộn màng. Nhưng nếu còn tình yêu, mọi sự rồi cũng chẳng bao giờ muộn...

Thế Giới Hòa Đồng

Hội luận giữa Đức **Đạt Lai Lạt Ma** và tám nhà tâm lý Hoa Kỳ, **Chân Huyền dịch**, Văn Nghệ xuất bản, 155 trang, giá US$8.00, ngoài Hoa Kỳ $10.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel: (714) 527-5761.

Một cuộc hội luận đã diễn ra trong ba ngày giữa đức Đạt Lai Lạt Ma cùng tám bác sĩ tâm thần và học giả Hoa Kỳ về ngành tâm lý, vào tháng Mười 1989 tại Newport Beach, California. Cuộc hội luận nhằm mục đích tạo một khung cảnh thích hợp để trao đổi những hiểu biết về đạo Phật, về tâm lý học và về sự liên hệ giữa lương tâm từng cá nhân với các vấn đề chung trên thế giới. Ngoài Đức Đạt Lai Lạt Ma, tám học giả tham dự hội luận là:

Jean Shinoda Bolen, bác sĩ chữa tâm bệnh, giáo sư Tâm lý học tại Đại học Y khoa; Margaret Brenman-Gibson, tiến sĩ Tâm lý, giáo sư Đại học Harvard; Daniel Brown, tiến sĩ Tâm lý, Giảng sư tại Đại học Harvard; Jack Engler, Tiến sĩ Tâm lý, sáng lập Trung tâm Phật học tại Barre, Massachusettes; Daniel Goleman: Tiến sĩ Tâm lý, nhà báo; Joanna Macy: Tiến sĩ Tâm lý, học giả về Phật học; Stephen Levine: Thi sĩ, nổi tiếng về dạy thiền; Joel Edelman J.D.: Luật sư.

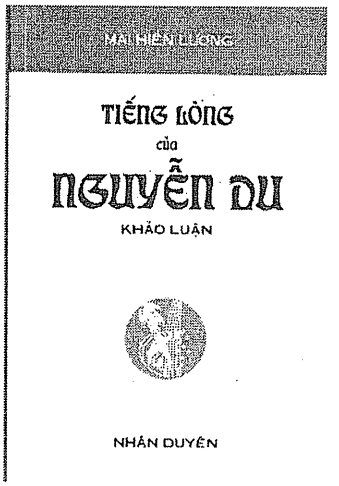

Cuốn sách này là bản ghi lại nội dung cuộc hội luận, gồm lời phát biểu và trao đổi giữa chín người, Đức Đạt Lai Lạt Ma và tám học giả, xoay quanh những chủ đề như nuôi dưỡng lòng vị tha, bản chất của cái khổ, đối trị với cái giận v.v... Những đóng góp rất thực tế và cụ thể, rút từ kinh nghiệm sống từ việc hành trì đến công tác nghiên cứu và chữa bệnh tâm lý sẽ đem lại cho người đọc những bài học gần gũi, thiết thân, nhiều khi là một lời giải cho những thắc mắc được ý thức hay chưa được ý thức một cách rõ rệt nơi chúng ta.

Tiếng Lòng Của Nguyễn Du

khảo luận của **Mai Hiền Lương**, Nhân Duyên xuất bản, 295 trang, giá US$16.00. Liên lạc: Mai Hiền Lương, 100 City Centre Drive, Mississauga, Ontario, L5B 3C6 Canada. Tel:

(905) 568-8564. Hoặc Tổng phát hành Văn Nghệ (địa chỉ như cuốn trên).

Đây có lẽ là cuốn khảo luận đầu tiên về Truyện Kiều theo một cung cách khác hẳn từ trước đến nay, khảo luận hoàn toàn dựa trên ánh sáng của đạo Phật. Tác giả nhận thấy rằng "một kho tàng của Phật Pháp nằm ngay bên sau áng văn tuyệt vời," và đề nghị chúng ta nên tạm thời gác bỏ những thiên kiến có từ trước về truyện Kiều để đi vào tác phẩm bằng một con đường khác, với cái nhìn khác, nói chung là tạo ra một thế giới mới không một chút nào giống với truyện Kiều truyền thống. Đó là thế giới trong đó mỗi nhân vật của truyện Kiều là tượng trưng cho một ý niệm của đạo, giống như lối hiểu truyện Tây Du, mỗi nhân vật Tam Tạng, Tôn Hành Giả, Trư Bát Giới... là tượng trưng cho một tính chất, một tánh ý của con người. Thúy Kiều không còn là một cô gái trời bắt khổ mà chính thị là 'ý niệm" của một hành giả tu thiền, mỗi lần rơi vào cạm bẫy là một lần ý niệm của hành giả lại được trui rèn trong Phật Pháp.

Chuyển toàn bộ tác phẩm đồ sộ của Nguyễn Du qua một thế giới khác như thế không phải là chuyện dễ. Điều kiện đầu tiên là tác giả phải rất uyên thâm Phật học. Điều này lộ rất rõ trong tác phẩm. Tác giả lại có tài trình bày những vấn đề rất khó của Phật giáo bằng một lối viết mới, giản dị, trong sáng, đầy hình tượng. Chưa nói đến truyện Kiều, chỉ ở phương diện tìm hiểu về đạo Phật thì đây đã là một tập văn có giá trị.

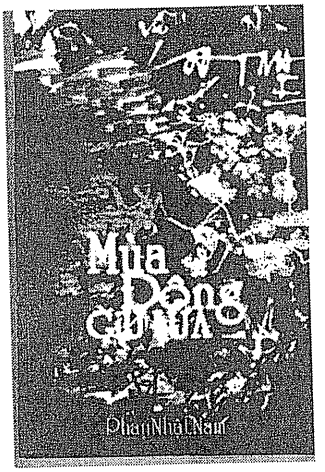

Lâu nay Truyện Kiều đã quen được mọi người thưởng thức và tìm hiểu như một tiểu thuyết bằng thơ, với các diễn biến của các nhân vật và xã hội, dĩ nhiên trong đó có chứa đựng một số tư tưởng của các nền đạo học Đông phương. Nay thật không dễ cho người đọc đột ngột dứt bỏ các ý niệm cũ của tác phẩm để nhìn theo một lối hoàn toàn mới. Nhưng đây cũng chính là một điều thích thú, giống như được thám hiểm vào một vùng đất mới lạ với những hương sắc đặc biệt mà hồi nào tới giờ chưa từng được biết.

Mùa Đông Giữ Lửa

bút ký của **Phan Nhật Nam**, tác giả xuất bản, 440 trang, giá US$18.00. Liên lạc: Phan Nhật Nam, 423 Spencer's Glend, Sugarland, TX 77479, USA.

Ít có người nào trung thành với chính mình như Phan Nhật Nam. Sách của ông viết cách đây gần ba mươi năm với sách viết bây giờ cùng có một tiếng kêu gào giống nhau về cái thống khổ của Việt Nam và của những con người chiến đấu cho nước Việt Nam tự do. Trước đây là những cái đau đớn, tang thương lẫn hào hùng của cuộc chiến, bây giờ là cái nhục nhã, khổ nạn của cả một miền Nam thua trận. Ông là người nhạy cảm với cái bức xúc đau thương, và có nhu cầu và tài năng nói lên tất cả cho mọi người biết, như đó là một đòi hỏi của lương tâm nòi giống, hay rộng hơn, của lương tâm con người.

Có lẽ ông cho rằng người Việt quốc gia đang ở trong một mùa đông băng giá, và nêu lên nhan đề sách này, giữ lửa giữa mùa đông, như một kêu gọi giữ vững niềm tin. Không những đã đau khổ vì chiến tranh, nghèo cực, cái chính nghĩa tranh đấu của người Việt Miền Nam bị thế giới ngoảnh mặt đi để mặc cho khổ nạn Cộng sản ngự trị, khi ra đến nước ngoài người Việt còn bị cái nạn đố kỵ chưởi bới nhau mà chính tác giả cũng là nạn nhân... Toàn là những điều tiêu cực, không vui, già nửa đầu cuốn sách xoay quanh những điều như thế. Nhưng may là tác giả còn bạn bè, bạn văn, bạn lính, bạn tù... những người hiện nay tản mát khắp thế giới, hiểu và chia sẻ cùng ông tất cả cái nỗi niềm chân chính. Và còn thế hệ trẻ nữa. Phan Nhật Nam đã nói với họ những điều tích cực, nhấn mạnh đến sự bảo vệ nhân tính và sức mạnh của yêu thương, con người ấy vẫn tích cực lắm đối với tương lai. Đặc biệt buổi nói chuyện được ghi lại giữa nhà văn nữ Lệ Hằng với tác giả là một chương hay. Họ là bạn học cùng trường thuở nhỏ, lớn lên cùng viết văn, và cũng bị đời tặng cho những nỗi đau to lớn, đối thoại của họ dễ dàng không ranh giới của kiểu cách đời thường, và đi thẳng vào những vấn đề chí cốt một cách dung dị. Sau đây là một mẩu của câu chuyện:

LỆ HẰNG: *Khổ đau là ngọn lửa luyện kim, chẳng lẽ lại không xóa được biên giới tạm bợ, không thực giữa* phe ta, phe nó *hở nhà văn? Anh đã từng* dựa lưng nỗi chết, *chênh vênh trên bờ vực, thách thức cả với đao phủ thủ của anh, chẳng lẽ anh lại không* dám nhảy một cái quyết định *để đưa anh thành* nhà văn lớn *thuần thành và đúng nghĩa — người không bị quẩn chân, vướng cẳng với những chuyện thời sự tẹp nhẹp, bình thường, đáng sợ của mỗi ngày chung quanh?!*

PHAN NHẬT NAM: *Cô nói cũng phải, thù hận, thống khổ cũng phải được tôi luyện và hóa giải đi, nếu không, nó trở nên thành* cái nghiệt cho chính cá nhân mình hoặc rộng lớn hơn, cho cả dân tộc.

Các ý tưởng trên có lẽ cũng là nỗi mong chờ của bạn đọc đối với tác giả Mùa Đông Giữ Lửa.

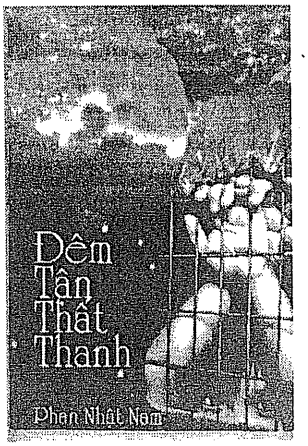

Đêm Tận Thất Thanh

thơ của **Phan Nhật Nam**, tác giả xuất bản, 340 trang, giá US$16.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Trước năm 1975 Phan Nhật Nam không làm thơ. Nhưng ở tù, nhất là nằm trong phòng tối kiên giam hết năm này qua năm khác, nhà văn đã bắt đầu làm thơ, có lẽ vì tìm thấy ở thơ lối diễn đạt hữu hiệu nhất những gì chất chứa trong lòng. Người đã đọc văn Phan Nhật Nam thì có thể hiểu vì sao ông làm thơ được, và thơ hay. Văn ông với lối viết sôi nổi đầy cảm hứng lắm khi phảng phất như thơ. Cảnh khổ đã chuyển ông một bước sang thể loại khác một cách dễ dàng.

Tôi là kẻ chỉ quen viết văn
Giấy bút bị người lấy mất
Đêm đen thăm thẳm lạnh căm
Viết thơ trên đầu ngón tay tính nhẩm

Thơ như thế không thể là thơ vui. Toàn là khổ nạn, đau thương. Nhưng cũng không phải chỉ có thế. Khi nỗi khổ đã kết tinh thì người ta sẽ thôi nói về nó, mà nói về cái tinh túy của nó, tức trạng thái tinh thần sau đó. Có khi gần với tôn giáo, có khi là triết lý. Thơ Phan Nhật Nam sau này có khuynh hướng như thế.●

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* GIẢI PHẪU
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI: (Endoscopic plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* TIA LASER:
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* HÚT MỠ:
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* Cấy tóc.
* Chích Mỡ
* Chữa trị các hình thức Silicone.
* Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

CHUYÊN MÔN:

* *Facial*
* *Dưỡng Da*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*
* *Lột da mặt*
* *Xâm Thẩm Mỹ*
* *Dầu thơm Pháp*
* *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
永西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

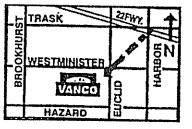

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

GIỚI THIỆU 2 MÁY MỚI NHẤT Hoàn Mỹ EV-97

TỪ ĐIỂN ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-ANH

Lớn nhất bao gồm
Từ điển thông dụng
+ Từ điển kỹ thuật tổng hợp

Ngoài ra, còn riêng một bộ từ điển Bách Khoa với 8 ngành đặc biệt thích ứng nhu cầu học đường và nghề nghiệp chuyên môn chưa một từ điển nào có được. Tổng thiết lập riêng cho bộ bách khoa này.
Y Khoa, Toán Học, Thương Mại, Kinh Tế, Điện Tử, Điện Toán, Cơ Khí và đặc biệt ngành Thẩm Mỹ với từ chuyên môn cùng các câu hỏi trắc nghiệm mẫu

Gộp chung trong bộ từ điển Anh-Việt để tiện việc tra cứu.
Do Whizmate, phân bộ của Golden Mate thực hiện

Anh-Việt Việt-Anh Anh-Anh

Giá $ 279 + Tax
(Cho những người đặt mua trước.
Giới hạn trong thời gian khai trương)
Giá chính thức $319+Tax

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO
BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN
KỸ THUẬT BERKELEY-USA ĐÀI LOAN SẢN XUẤT

BẠN ĐANG SỐNG TRONG THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYÊN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Đừng Bỏ Lỡ
Cơ Hội !!!
Một máy bằng 3 máy cộng lại mà chỉ tốn nửa số tiền.

Hãy nhớ đến
ĐẠI TỪ ĐIỂN TỬ PHÁT ÂM
GOLDEN

NHẬN SỬA CHỮA TẤT CẢ CÁC LOẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ

Thế Kỷ VEC- 888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM

ENGLISH DICTIONARY

+

ENGLISH-VIETNAMESE VIETNAMESE-ENGLISH EV-555

+

ENGLISH-CHINESE CHINESE-ENGLISH EC-9001C

=

ĐẠI TỪ ĐIỂN VEC-888

CẦN THÊM NHIỀU ĐẠI LÝ TẠI CÁC NƯỚC ÂU CHÂU

MONTEREY PARK Xin liên lạc: Tel. (818) 371-6598

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:
GOLDEN MATE INC.
2545 DUPREE AVE. EL MONTE, CA 91732
HỎI TIẾNG VIỆT: 1-800-248-3868 1-818-279-9011
Tel: (818) 279-9898 . Fax: (818) 279-9899

LITTLE SAIGON
Tel: (714) 867-9303

PACIFIC GIFTS & SHOES
Tel: (408) 223-2363

PHONG LE CO.

PHƯƠNG MY LASER & VIDEO

SOUND CITY

VIET NAM BOOK STORES CANADA